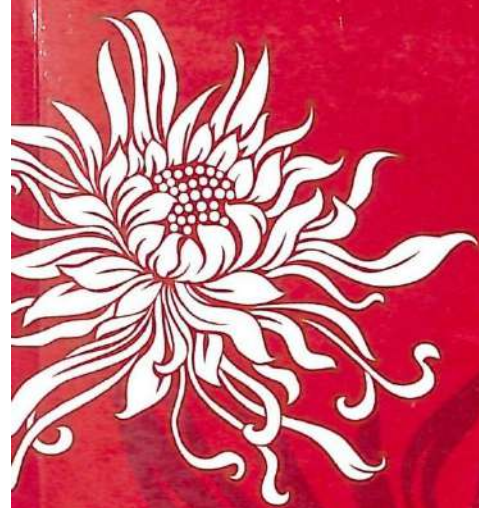


THÍCH NHẤT HẠNH



*bàn tay
cũng là* **hoa**



NXB Phương Đông

THÍCH NHẤT HẠNH

*Bàn tay
cũng là hoa*



NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Lời nhà xuất bản

Trong đời sống xã hội, làm thơ và tổ chức bình thơ là tập quán và thú vui bổ ích đối với những người yêu thích thơ văn, đặc biệt là thơ, nhất là vào các dịp lễ trọng của nhân dân ta. Thích Nhất Hạnh - vị thiền sư ở hải ngoại lâu năm là người say sưa với công việc rất tao nhã này.

Tác phẩm “Bàn tay cũng là hoa” giới thiệu và bình giảng các bài thơ của những nhà thơ tên tuổi nước nhà: Nguyễn Bính, Thế Lữ, Tản Đà, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Vũ Hoàn Chương và của chính tác giả, vào các đêm giao thừa Tết nguyên đán của dân tộc.

Tác giả chủ yếu vận dụng quan điểm Phật giáo vào bình giảng các bài thơ, đồng thời có đề cập đến các vấn đề chính trị và chiến tranh... Có thể do ở ngoài ngàn dặm thời gian dài, chưa nắm bắt căn cứ tình hình trong nước và cách nhìn nhận của bản thân nên tác giả có sự nhận định và một số luận điểm không xác đáng, không phù hợp với thực tế, nhất là giữa những người xuất gia và người đi

làm cách mạng, cũng như một vài vấn đề khác. Nhưng nhìn chung cả tác phẩm, tác giả cũng góp phần nhất định, theo quan điểm Phật giáo, trong việc nghiên cứu văn học nói chung và thơ ca nói riêng của nước nhà.

Nhà xuất bản xin giới thiệu đến với quý độc giả tác phẩm “Bàn tay cũng là hoa” - coi đây như là tư liệu cần nghiên cứu và cũng để hiểu thêm một phần về tác giả Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Lời ngỏ

Thơ là lời nói trung thực

Thơ không bao giờ nói dối

Thơ có sứ mạng đưa ta trở về

*Trở về để đừng bao giờ phụ bạc những người
ta đã nguyện thương yêu.*

THÍCH NHẤT HẠNH

Còn thơ là còn sự sống. Còn thơ thì cuộc đời còn nhẹ nhàng thanh cao. Chính vì vậy mà cứ vào mỗi dịp cuối năm, chuẩn bị đón giao thừa là thầy trò chúng tôi lại quây quần bên nhau trong bầu không khí ấm cúng tươi vui của tình gia đình, có trà, có nếp, có sáo, có đàn để đọc thơ, ngâm thơ và nghe Thầy bình thơ. Buổi bình thơ bắt đầu vào lúc 3 giờ chiều ở Pháp, tức là 9 giờ tối ở Việt Nam. Đến 5 giờ chiều, tức là 11 giờ đêm ở Việt Nam, tất cả mọi người đều vân tập tại thiền đường lớn để ngồi thiền. Và đúng 6 giờ chiều - giờ giao thừa ở Việt Nam - thì nổi chuông trống Bát Nhã, dâng hương và tụng kinh đầu năm.

Ai cũng trông đợi cái giây phút thiêng liêng, gần gũi và đầy đạo vị ấy. Không phải bận rộn lo lắng, hay hối hả vội vàng cho những giờ phút cuối năm. Ngồi nghe Thầy bình thơ mà cứ như là nghe suối reo, nghe chim hót hay nhìn hoa nở. Tự nhiên, dễ dàng và thanh thản. Có lẽ thơ đã trở thành sự sống của Thầy. Mỗi bước chân, mỗi hơi thở, mỗi nụ cười của Thầy đều mang theo dấu ấn của thi ca.

Bàn tay cũng là hoa là tuyển tập những bài bình thơ của Thầy vào những dịp cuối năm ấy. Thơ Thầy bình có đủ loại, thơ đạo cũng có mà thơ đời cũng có, thơ xưa cũng có mà thơ mới cũng có. Nhưng nhiều nhất là thơ mới: thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Vũ Hoàng Chương v.v... Dù là thơ đời hay thơ đạo, khi được Thầy bình đều trở thành có đạo vị. *"Phật pháp được làm bằng thế gian pháp."*

Bàn tay cũng là hoa sẽ đến với quý độc giả gần xa như những làn gió mát làm dịu đi cơn nóng bức của mùa Hè, hay như những cơn mưa Xuân làm cho không khí thêm Xuân, hay như những làn hương tỏa ra từ khu vườn im mát hay từ rừng sâu yên tĩnh, mang lại cho bạn cảm giác lắng dịu, thư giãn. Bạn sẽ cảm thấy cuộc đời này cũng rất nhẹ nhàng và nên thơ.

Hoa Với Rượu

- NGUYỄN BÌNH

*Thấy rét, u tôi bọc lại mền
Cô hàng cất rượu ủ thêm men
Mẹ cha mắt sớm còn em nhỏ
Say cả tứ mùa cho khách quen*

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi
Suốt ngày hai đứa nhẩn nha chơi
Chị Nhi bán rượu đôi chiều chợ
Vẫn nhớ mua quà cho cả đôi*

*Hai đứa thường nhân buổi vắng nhà
Người ta bắt chước chị người ta!
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đầy nồi cất nước hoa*

*Nước hoa tuy chẳng thơm là mấy
Hai đứa bôi đầy cả tóc nhau*

Hí hừng bảo nhau: “Thơm đấy chứ
Nước hoa ngoài tỉnh thấm vào đầu.”

Một tối nhà Nhi có giỗ thầy
Chị Nhi cho uống rượu cay cay
Chưng dâu chén nhỏ làm hai đứa
Mặt đỏ lên rồi chệnh choáng say

Hai đứa ôm nhau đánh giấc dài
Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai
Chị Nhi cứ chề làm sao ấy
Hai đứa nhìn nhau ngớ ngẩn cười

Chị Nhi thường bảo với u tôi:
“Hai đứa, thua bà, đến đẹp đôi!”
U tôi cười đáp ngay như thật:
“Tôi có nàng dâu giúp đỡ rồi!”

Thuở ấy làm sao thật thái bình
Trai hiền bạn với gái đồng trinh
Đời say men rượu thơm hoa rụng
Trần những thơ ngây ngập cảm tình...

Ấy thế mà rồi cách biệt nhau
Nhà Nhi không biết dọn đi đâu
Mình tôi gười bắt làm thi sĩ
Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu

Bỏ lại vườn cam, bỏ mái gianh
Tôi đi đan diu với kinh thành
Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới
Chuốc mãi men cay rượu ái tình

Rượu ái tình kia thành thuốc độc
Vườn trần theo bướm phấn hương bay
Đời tôi sa mạc, ôi sa mạc
Hoa hết thơm rồi, rượu hết cay

Trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu
Ba bốn năm rồi năm sáu năm
Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gạo nếp nước hoa cam

Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bè bàng lấm lấm nữa Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi

Chắc ở nơi nào dưới mái gianh
Chị em Nhi vẫn sông yên lành
Chị Nhi cất rượu cho Nhi bán
Hồn vẫn trong và mộng vẫn xinh

Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp
Huống nữa giờ Nhi đã đến thì

Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say mê

Xóm chị em Nhi ở mấy nhà?
Bên đồ đông vắng? Chợ gần xa?
Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có trồng cam có nở hoa?

Mơ tưởng vu vơ lòng dối lòng
Thực ra có phải thế này không?
Chị Nhi đã lấy chồng năm trước
Nhi đến năm sau lại lấy chồng.

Ước gì trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào gặp gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình tôi thấy tiếng Nhi thưa

Ngồi trên lò rượu đêm hôm đó
Nhi rót đưa tôi nước rượu đầu
Nhắc chuyện ngày xưa mà thẹn lại
E dè hai đứa uống chung nhau

Tôi kể: "U tôi đã mất rồi,
Cửa nhà còn có một mình tôi..."
Ngâm ngùi Nhi bảo: "Không anh ạ
Anh chẳng lo gì thiếu lứa đôi..."

“Chị em mới lấy chồng năm trước,
Chồng chị trồng cam ở mé sông.
Em ở mình đây nhà trồng trái,
Trắng vàng đầy ngõ gió mênh mông...”

Như truyện Tương Như và Trác Thị
Đua nhau trở lại đất Lâm Cùng
Vườn xuân trắng sáng hoa cam rụng
Tôi với em Nhi kết vợ chồng

Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo
Say người thiên hạ lại say nhau
Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu

Chao ôi! Là mộng hay là thực?
Là thực hay là mộng bấy lâu?
Hai đứa sống bằng hoa với rượu
Sống vào trời đất, sống vào nhau

Nhưng mộng mà thôi, mộng mắt thôi
Hoa thừa rượu ế, đầy tình tôi
Chiều nay tôi chấp tay tôi lạy
Đừng gặp người xưa nữa, lạy trời.

NGUYỄN BÌNH (1941)

Còn ba giờ đồng hồ nữa, chùa Tổ - chùa Từ Hiếu - Việt Nam sẽ nổi chuông trống Bát Nhã đón mừng năm mới. Chúng ta vừa được thưởng thức ca khúc do sư cô Quy Nghiêm sáng tác cách đây mười năm. Trong bài hát này có câu rất đáng chú ý: *Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ, nên hôm nay ta vẫn sống nhẹ nhàng.*

An trú trong giây phút hiện tại là sự thực tập của Làng Mai. Vì an trú trong giây phút hiện tại, chúng ta tiếp xúc được với những màu nhiệm của sự sống trong mình và chung quanh mình. Hiện tại được làm bằng bởi quá khứ và cũng được làm bằng tương lai. Hiện tại không có một cái ngã riêng biệt nên hiện tại được làm bằng những yếu tố không phải là hiện tại. Do vậy, quá khứ đóng một vai trò khá quan trọng trong sự góp mặt tạo nên hiện tại. Nếu chúng ta chưa có một quá khứ thì chúng ta cần xây dựng quá khứ. Bởi bất kì người nào, gia đình nào cũng cần dựa trên một quá khứ; dân tộc hay đất nước nào cũng phải có

một quá khứ để làm chỗ dựa. Chúng ta có thể xây dựng một quá khứ vững chắc làm chỗ dựa cho chính bản thân bằng cách sống của chúng ta trong hiện tại.

Người ta thường nói xây dựng tương lai chứ không ai nói xây dựng quá khứ vì, quá khứ là những gì đã đi qua, nhưng kỳ thực quá khứ có thể xây dựng được và quá khứ là cái rất cần thiết để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Trong chúng ta có những người có quá khứ rất đẹp, có một tuổi thơ hạnh phúc với những kỷ niệm êm đềm cùng gia đình, bè bạn. Đó là những người rất may mắn. Nhờ có quá khứ đẹp mà chúng ta có được niềm vui trong hiện tại và niềm tin trong tương lai. Nhưng cũng có những người trong chúng ta kém may mắn hơn, không có được một quá khứ đẹp. Có thể chúng ta đã phải chứng kiến cảnh ba mẹ, anh chị em trong gia đình làm khổ nhau. Có khi phải chứng kiến cảnh gia đình tan nát, chia rẽ; bạn bè thì thù oán hoặc chơi xấu nhau. Chúng ta đã mang theo trong mình những nỗi đau đó và những vết thương của quá khứ cứ ám ảnh chúng ta như một bóng ma, làm cho chúng ta không có khả năng an trú trong giây phút hiện tại, và không cho ta xây dựng tương lai một cách dễ dàng. Trong bài hát của Tịnh Thủy có câu: *“Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ, nên hôm nay ta vẫn sống nhẹ nhàng.”* Câu hát đó có nghĩa là ngày mai rất có triển vọng nhưng ngày hôm qua của mình

cũng đẹp lắm và mình muốn giữ lấy ngày hôm qua để nuôi dưỡng hôm nay và ngày mai.

Nếu ta không có một quá khứ đủ đẹp, đủ hạnh phúc thì ta phải biết sử dụng hiện tại để xây dựng cho mình một quá khứ đẹp. Nhưng xây dựng quá khứ như thế nào khi quá khứ đã đi qua? Ngày hôm nay, nếu mình sống với nhau hài hòa, an lạc, hạnh phúc, thì ngày hôm nay sẽ trở thành quá khứ của ngày mai. Do vậy, xây dựng quá khứ là điều ta có thể làm được, và làm được ngay trong hiện tại.

Khi gặp khó khăn ở hiện tại, nhiều người thường nghĩ về quá khứ để được an ủi: Ngày xưa, thân của mình được như vậy, cảm thọ của mình được như vậy, tâm hành của mình được như vậy, nhận thức của mình được như vậy. Nhưng than ôi, ngày hôm nay, thân xác của mình lại như vậy, cảm thọ mình lại như vậy... Rồi trách móc, than khóc cho số phận của mình. Trong bài hát *Les Feuilles d'Automne* cũng đề cập đến tiếc nuối về những gì đã qua. Cái gì ngày xưa cũng đẹp, còn hôm nay cái gì cũng thật chán nản.

Có rất nhiều người chỉ sống bám vào quá khứ. Họ không có khả năng sống trong hiện tại. Họ không lo xây dựng tương lai. Họ cũng không lo xây dựng một quá khứ mới mà cứ khư khư ôm lấy cái quá khứ gọi là vàng son của mình. Có thể chúng ta từng có một quá khứ thật hào hùng mà bây giờ không còn nữa, nhưng chúng ta không cần phải

tiếc nuối cái quá khứ ấy vì chúng ta có thể xây dựng một quá khứ khác còn đẹp đẽ hơn cái quá khứ ngày xưa. Nếu có chánh niệm, chánh định, chúng ta có thể tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống, chúng ta vẫn có được hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại và hạnh phúc hiện tại này chính là quá khứ của ngày mai. Ta thường nói: “ngày ấy bên nhau”. Nhưng “ngày ấy” là ngày nào? Ngày ấy là ngày hôm nay, và nếu mình biết sống bên nhau hạnh phúc thì ngày hôm nay sẽ trở thành một quá khứ thật đẹp.

Hôm nay chúng ta sẽ thưởng thức vài bài thơ với nội dung xoay quanh vấn đề vừa đề cập.

Bài *Xuân tha hương* được Nguyễn Bính cách đây 60 năm, khi ông còn ở Huế. Ngày xưa Nguyễn Bính sống với mẹ ở quê nhà, khi mẹ mất, ông bỏ quê lên tỉnh thành - Hà Nội tìm kiếm chút danh lợi. Đuổi theo những đối tượng của sự ham muốn không lâu, Nguyễn Bính đã nếm đủ mùi đau khổ. Trong những lúc khổ đau ấy, ông nhớ tới quá khứ, và nghĩ rằng chỉ có quá khứ mới đáng để cho mình sống thôi. Trong *Xuân tha hương*, Nguyễn Bính viết:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông*

Lúc này Nguyễn Bính cùng với một người bạn rời bỏ Hà Nội, đi vào Nam. Sau nhiều tháng sống lăn lóc rã rời ở miền Nam, họ trở về Huế. Khi đó Huế đang là mùa mưa, mưa dầm dề, mưa thối đất thối cát, mưa từ ngày này sang ngày khác.

Trời mưa ở Huế sao buồn thế!

Cứ kéo dài ra tới mấy ngày

Mưa ở Huế không phải chỉ vài ngày mà mưa suốt cả mười mấy ngày luôn, ai đã từng ở Huế thì biết. Với tâm trạng buồn chán, thất vọng, chẳng biết làm gì, đôi bạn dùng rượu để làm vơi bớt nỗi khổ đau.

Hôm qua còn sót hơn đồng bạc

Hai đứa bàn nhau uống rượu say

Nón lá áo tôi ra quán rượu

Chờ vợ trên bến nước sông đầy

Sầu nghiêng mái quán mưa tong tã

Chén ứa men lạnh lạnh ngón tay

Không hiểu vì sao hai đứa lại

Chung lưng làm một chuyến đi đây?

Đây là những kỉ niệm với Huế, năm 1941 và năm 1942, Nguyễn Bính viết bài *Xuân tha hương* để ôn lại những kỉ niệm đó.

Nguyễn Bính đã cùng một người bạn đi từ Bắc vào Nam, rồi từ Nam trở ra Huế. Huế với Hà Nội cách nhau bảy con sông: sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Quảng Trị, sông Bến Hải rồi tới sông Hương.

*Em đi dang dờ đời mưa gió
Chị ở vuông tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời, đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận suốt mùa đông
Chiều qua ngòi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lùng...*

Chúng ta thường thức tiếp đoạn ba:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tâm lòng
Chao ơi, Tết đến em không được
Trông thấy quê hương thật náo nùng!
Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Suốt đời mang lấy số long đong!
Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông*

Trong khi mọi người đang lao vào tìm kiếm bằng cấp, đang cố sức làm giàu thì mình lại từ bỏ tất cả để đi tu, đó có phải là đang mơ chuyện viễn vông không? Hãy thử hỏi

chính mình, có phải mình cũng giống Nguyễn Bính: toàn
mơ chuyện viễn vông, Niết bàn, Tịnh độ xa vời?

*Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng quá gỡ sao xong?*

Chúng ta xuất gia vì một lý tưởng cao đẹp. Chúng
ta biết con đường cần đi. Mỗi ngày chúng ta biết mình
cần làm gì. Mỗi giờ chúng ta biết mình cần làm gì. Còn
Nguyễn Bính rời quê hương với mục đích kiếm tìm một
chút công danh, một tình yêu nào đó. Và ta biết rõ công
danh và sắc dục chỉ khiến người ta thất điên bát đảo mà
thôi. Chỉ cần đọc vài câu chúng ta có thể hiểu được tâm
hồn của Nguyễn Bính lúc đó thế nào.

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ô thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu hồng
Rượu cay nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng
Cô nhân chẳng biết làm sao ấy
Rất những tin đồn chuyện bướm ong*

Qua những câu thơ trên, ta nhận biết được những khổ đau, những giận hờn trong chuyện tình yêu của Nguyễn Bính.

*Thôi em chẳng dám đa mang nữa
Chẳng buộc chân vào sợi chỉ hồng
Nàng bèo bọt quá, em lẫn lóc
Chấp nối nhau hoài cũng uổng công!*

Và với giọng rất chua chát:

*Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung!*

Lúc này Nguyễn Bính không còn có thể tin tưởng được vào bất kỳ người con gái nào nữa, bởi họ đã cho chàng leo cây, khiến chàng chật vật lên xuống thất thường.

*Người ấy xuân già chê gồi lẻ
Nên người nông nả chuyên sang sông*

Sang sông là đi lấy chồng. Đây là cách dùng hình tượng.

*Đò ngang bên dọc tha hồ đấy
Quý hóa gì đâu một chữ “đồng”!*

Đò ngang bên dọc, tức nếu không lấy được người này thì lấy người khác. Hơi có vẻ mỉa mai, cay cú, xen lẫn với

nổi giận hờn những người con gái đã đi qua và để lại những vết thương trong lòng Nguyễn Bính.

Vâng, em trẻ dại, em đâu dám...
Thôi, để người ta được kén chồng
Thiếu nữ hoài xuân mơ cát sỏi
Chịu làm sao được những đêm đông...
(Khốn nạn, tưởng yêu là khó chứ
Không yêu thì thực dễ như không)

Đây là tâm trạng của Nguyễn Bính khi tình duyên và công danh sự nghiệp đều thất bại.

Chị ơi, Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến nảo lòng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông!

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Sương muối gió may rêu rĩ lắm
Còn vài hôm nữa hết mùa đông

Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công

Dù thất bại ê chề nhưng Nguyễn Bính vẫn cố bám víu và hy vọng ở tương lai.

*Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công
Em không khóc nữa, không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng*

Nguyễn Bính nói rằng đây là bài thơ than khóc cuối cùng, nhưng sau bài thơ này ông còn tới hàng trăm bài thơ than khóc khác nữa.

*Không than chắc hẳn hồn tươi lại
Không khóc tha hồ đôi mắt trong*

Bây giờ chúng ta đi qua bài *Hoa với rượu*.

Bài *Hoa với rượu* viết vào tháng Chạp năm Nhâm Ngọ, tức 1942, khi Huế đang chuẩn bị đón Tết. Bài *Hoa với rượu* cho ta thấy rõ hơn về thói thường của con người khi gặp khó khăn ở hiện tại, đó là tìm về quá khứ để được ủi an. Quá khứ của Nguyễn Bính là mối tình con nít hồi còn sáu, bảy tuổi. Ngày ấy, Nguyễn Bính sống với mẹ, và gọi mẹ bằng u. Hàng xóm của Nguyễn Bính là hai chị em cô hàng rượu. Cô bán rượu có một người em gái nhỏ xíu cũng chừng sáu, bảy tuổi. Nguyễn Bính thường sang chơi với cô bạn nhỏ này.

*Thấy rét, u tôi bọc lại mền
Cô hàng cất rượu ủ thêm men*

Loại rượu cô hàng bán là rượu nếp, giống như rượu Sake của Nhật. Khi trời lạnh, muốn cho nếp thành rượu dễ dàng hơn thì cần phải bỏ thêm men.

*Mẹ cha mất sớm, còn em nhỏ
Say cả tứ mùa cho khách quen*

Cô gái cất rượu để đem bán vào các phiên chợ. Rượu của cô khiến người ta say sưa và đặc biệt làm cho khách quen say cả bốn mùa: say mùa xuân, say mùa hạ, say mùa thu và say luôn mùa đông.

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi
Suốt ngày hai đứa nhẩn nha chơi*

Cô bé Nhi, bạn của Nguyễn Bính, trạc tuổi hoặc nhỏ hơn Nguyễn Bính một chút, hai người thường chơi chung với nhau.

*Chị Nhi bán rượu đôi chiều chợ
Vẫn nhớ mua quà cho cả đôi*

Mỗi khi đi chợ về, chị của bé Nhi đều mua bánh ú, bánh giò cho cả hai đứa nhỏ. Lẽ ra chị chỉ mua cho Nhi thôi nhưng có thằng nhỏ hàng xóm hay sang chơi nên chị phải mua cho cả hai.

*Hai đứa thường nhân buổi vắng nhà
Người ta bắt chước chị người ta
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đầy nồi cất nước hoa*

Trong vườn của hai chị em cô hàng xóm có nhiều hoa cam đang nở, và khi hoa rụng, chị Nhi hay nhặt lấy hoa cam bỏ vào nồi nấu làm nước hoa. Con nít thấy người lớn làm vậy thì cũng bắt chước làm theo, cũng nhặt hoa cam để nấu nước hoa. Giọng của con nít rất hay, rất ngộ nghĩnh:
“Người ta bắt chước chị người ta”

*Nước hoa tuy chẳng thơm là mấy
Hai đứa bôi đầy cả tóc nhau*

Chúng đùa giỡn với nhau rất ngây thơ và dễ thương.

*Hí hửng bảo nhau: “Thơm đấy chứ
Nước hoa ngoài tỉnh thấm vào đâu.”*

Chất giọng Bắc rất hay: “Thơm đấy chứ”, “thấm vào đâu”...

*Một tối nhà Nhi có giỗ thầy
Chị Nhi cho uống rượu cay cay*

Cúng bố xong, chị Nhi cho hai đứa ăn, và còn cho uống rượu nữa.

*Chung đôi chén nhỏ làm hai đứa
Mặt đỏ lên rồi chệnh choáng say*

Chị rót cho hai đứa một chén nhỏ xú, chỉ nhỏ bằng ngón chân, nhưng cả hai vẫn say chệnh choáng vì tụi nó đâu biết uống rượu.

*Hai đứa ôm nhau đánh giấc dài
Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai*

Hai đứa ôm nhau mà ngủ, rất ngây thơ. *Đánh một giấc dài* là ngủ luôn một giấc thật dài. “Đánh” ở đây có nghĩa là liên tục không bị gián đoạn.

*Chị Nhi cứ chế làm sao ấy
Hai đứa nhìn nhau ngớ ngẩn cười*

Nghe người lớn chế nhạo, hai đứa trẻ không hiểu gì hết, chúng nhìn nhau cười rất ngớ ngẩn.

*Chị Nhi thường nói với u tôi:
“Hai đứa, thưa bà, đến đẹp đôi!”
U tôi cười đáp ngay như thật:
“Tôi có nàng dâu giúp đỡ rồi!”*

Đó là những gì Nguyễn Bính nhớ lại được, là những gì ông bám vào đó để sống. Nguyễn Bính cần một chỗ để nương tựa, bởi vì ông gặp quá nhiều khổ đau trong chuyện tình duyên.

*Thuở ấy làm sao thật thái bình
Trai hiền bạn với gái đồng trinh
Đời say men rượu thơm hoa rặng
Tràn những thơ ngây ngập cảm tình...*

Rượu và hoa là hai thứ mà Nguyễn Bính nhớ nhất. Giấc mơ trở về quá khứ cũng là để gặp hoa và rượu ở ngày xuân.

*Ấy thế mà rồi cách biệt nhau,
Nhà Nhi không biết dọn đi đâu?*

Cuộc đời thật vô thường, hai đứa nhỏ thân với nhau đến thế, hạnh phúc đến thế mà phải lìa xa nhau.

*Mình tôi gởi bắt làm thi sĩ
Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu

Bỏ lại vườn cam, bỏ mái gianh
Tôi đi dan dẫu với kinh thành
Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới
Chúc mãi men say rượu ái tình*

Chàng có số làm thi sĩ, nên muốn tới chốn kinh kỳ để kiếm chút công danh sự nghiệp. Hơn nữa mẹ mất rồi, ở quê cũng chẳng còn gì, và thi sĩ nghĩ mình sẽ tìm thấy hạnh phúc nơi kinh thành hoa lệ, nơi ấy sẽ có đủ những điều kiện mà một người con trai mới lớn cần tới. Nhưng

chỉ sau một thời gian ngắn, Nguyễn Bính hiểu ra rằng điều đó không dễ dàng như mình tưởng tượng.

*Rượu ái tình kia thành thuốc độc
Vườn trần theo bướm phân hương bay
Đời tôi sa mạc, ôi sa mạc
Hoa hết thơm rồi, rượu hết cay*

Hoa với rượu là hai biểu tượng hạnh phúc của Nguyễn Bính. Nhưng hoa ngày xưa không còn thơm nữa, rượu ngày xưa cũng không còn cay nữa, nhạt nhẽo vô cùng, thất vọng náo nề.

*Trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu
Ba bốn năm rồi năm sáu năm
Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gao nếp nước hoa cam*

Những thất bại, những khổ đau được diễn tả bằng câu: *Trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu*. Còn ai chịu chung với mình đâu? Nhi bây giờ lớn rồi, có thể đã lấy chồng rồi, nàng đâu biết mình đang trải qua cơn khổ đau quằn quại như vậy. Mẹ cũng mất rồi. Vì vậy cảm giác cô độc, lẻ loi càng lớn hơn. Những nỗi khổ đau của mình cũng chỉ mình mình biết, chỉ mình mình chịu thôi.

Nguyễn Bính dùng chữ rất hay, rất đơn giản, “*trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu, ba bốn năm rồi năm sáu năm*”.

Nguyễn Bính làm thơ như mình nói chuyện bình thường vậy.

*Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gạo nếp nước hoa cam*

Khi nhớ lại thời thơ ấu thanh bình hạnh phúc thì lại tiếc nuối, đôi khi khóc thầm, khóc vụng. Cũng may Nguyễn Bính còn có một quá khứ thời thơ ấu để nhớ về. Nếu không có quá khứ ấy, chắc Nguyễn Bính sống không nổi.

*Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bè bàng lấm lấm nữa, Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi*

Đó là hình ảnh đẹp duy nhất của quá khứ. Nhưng nếu muốn trở về để tìm lại người cũ, thì cơ hội được gặp lại rất mong manh, chắc gì đã gặp được. Lâu quá rồi còn gì, trong thời gian ấy biết bao nhiêu biến cố đã xảy ra, không biết bây giờ người ấy ra sao rồi. Muộn lắm rồi, xa lắm rồi. Mình đã bỏ lại miền quê của mình, lỡ bỏ thiên đường của mình để đi tìm danh vọng, đi tìm tình duyên ở kinh đô ánh sáng, và mình đã làm cho hình ảnh hạnh phúc của ngày xưa tan biến.

*Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bè bàng lấm lấm nữa Nhi ơi!*

*Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi*

Thi sĩ đang tưởng tượng. Nghề của các chàng là tưởng tượng, các chàng không thể sống trong hiện thực màu nhiệm. Thi sĩ và nhạc sĩ là như vậy. Cũng như Văn Cao, tác giả bài *Bên xuân*, tưởng tượng rằng *nhà tôi bên chiếc cầu ven suối, em đến tìm tôi một buổi chiều...* Nhưng anh nào có một căn nhà bên suối để cô nàng tìm tới suối với anh. Nguyễn Bính tưởng tượng:

*Chắc ở nơi nào dưới mái gianh
Chị em Nhi vẫn sống yên lành
Chị Nhi cất rượu cho Nhi bán
Hồn vẫn trong và mộng vẫn xinh*

Nguyễn Bính tưởng tượng Nhi lớn rồi, có thể bán rượu được rồi, nhưng nàng vẫn còn trong sáng và ngây thơ như ngày xưa. Điều này liệu có xảy ra được không? Hồn của em còn trong sáng không? Mộng của em còn đẹp không? Còn hồn tôi đã tan vỡ, xấu xí, đục ngầu. Tôi đã đi lên tỉnh thành, tôi đã lăn lóc và thất bại, mệt nhoài; tôi đã như muốn chết. Do vậy tôi vẫn mong rằng em đừng bị như tôi. Tôi muốn em cứ đẹp hoài như ngày xưa, nếu cả tôi và em đều bị cuộc đời làm cho vẫn đục thì chẳng còn gì để tôi bám víu vào mà sống nữa, lúc ấy chắc chỉ có chết mà thôi. Tôi ước rằng em còn giữ gìn những gì mộc mạc của

thôn quê, không bị những bụi bặm, những chất độc của
kinh thành quấy rối, làm hư hỏng. Tôi hy vọng hồn em
vẫn trong và mộng của em vẫn xinh.

*Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp
Huông nữa giờ Nhi đã đến thì
Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say mê*

Cô bán rượu rất đẹp và còn rất trẻ. Mỗi khi có chợ
phiên, đem rượu ra bán, ai trông thấy cô hàng xinh đẹp và
tươi mát cũng tới mua rượu. Đây là những câu hỏi tới tập
đặt ra cho cô hàng xinh đẹp:

*Xóm chị em Nhi ở mấy nhà?
Bến đò đông vắng? Chợ gần xa?*

Xóm em ở có bao nhiêu nhà? Có gần bến đò không?
Cách bến đò, cách chợ bao xa?

*Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có trồng cam, có nở hoa?*

Nguyễn Bính mơ ước người xưa vẫn còn sống trong
một khung cảnh yên bình: có xóm nhà tranh, có chợ phiên,
có bến đò gần đó và vườn nhà của người xưa vẫn còn có hoa
cam mỗi độ xuân về.

Mơ tưởng vu vơ lòng dỗi lòng

Nguyễn Bính mơ mộng và biết rằng mình mơ mộng.

*Thở vào, tôi biết rằng tôi đang mơ mộng. Thở ra, tôi biết
là tôi không thực tế.*

Không hẳn thi sĩ không thấy, nhưng sự thật có thể rất
phũ phàng.

*Mơ tưởng vu vơ lòng dối lòng
Thực ra có phải thế này không?
Chị Nhi đã lấy chồng năm trước
Nhi đến năm sau lại lấy chồng.*

Hết rồi, còn gì nữa mà mong. Biết vậy nhưng vẫn tiếp
tục mơ tưởng như thường, bởi nếu không mơ tưởng sẽ
chết. Những câu tiếp theo, tác giả vẫn tiếp tục mơ mộng.

*Ước gì trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào gặp gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình, tôi thấy tiếng Nhi thưa*

Tưởng tượng rằng mình đơn độc đi trong mưa gió
lạnh lẽo, ở miền quê xa lắc xa lơ, tối rồi mà vẫn chưa có chỗ
ngủ trọ, đành đánh liều tới đại nhà nào đó gõ cửa. Tác giả
giật mình khi nghe tiếng người xưa đáp: Ai đó? Ai đó? Tác
giả sung sướng quá.

*Ngồi bên lò rượu đêm hôm đó
Nhi rót đưa tôi nước rượu đầu*

Nước rượu đầu ngon hơn nước rượu thứ hai, thứ ba.
Nguyễn Bính được người xưa cho uống nước rượu đầu sau
bao năm xa cách.

*Nhắc chuyện ngày xưa mà thẹn lại
E dè hai đứa uống chung nhau*

Nhắc lại chuyện xưa, hai đứa cảm thấy thẹn. Chuyện
ngày xưa, hai đứa được chị cho một chung rượu rất nhỏ,
thế là châu đầu uống với nhau. Hai người nhắc lại chuyện
cũ, rồi bắt chước chuyện ngày xưa, rót một chén cùng uống
với nhau.

*Tôi kể: “U tôi đã mất rồi,
Cửa nhà còn có một mình tôi...”*

Mẹ mất, Nguyễn Bính không ở quê, bỏ lên tỉnh, lang
bạt ở tỉnh mười mấy năm, bị gió bụi thị thành làm tan nát
cả tâm hồn lẫn thể xác. Nhưng Nguyễn Bính nói dối rằng,
tuy mẹ mất nhưng mình vẫn một mình nơi quê nhà. Nói
dối để được cô nàng thương xót.

*Ngâm ngùi Nhi bảo: “Không anh ạ
Anh chẳng lo gì thiếu lúa đôi...”*

Nhi nói với tác giả thế này:

*“Chị em mới lấy chồng năm trước
Chồng chị trồng cam ở mé sông
Em ở mình đây nhà trồng trái
Trăng vàng đầy ngõ gió mênh mông...”*

Em ở đây có mỗi một mình, buồn lắm, nếu anh ở lại được thì rất quý. Chị em vừa lấy chồng, bây giờ nhà chỉ còn mình em chăm sóc. Nhà rộng quá, mỗi khi gió lùa vào rất lạnh: trăng đầy ngõ, gió mênh mông... Tất cả những điều kiện đều rất thuận lợi để mình và người xưa trở thành đôi.

*Như truyện Tương Như và Trác Thị
Đưa nhau trở lại đất Lâm Cùng
Vườn xuân trăng sáng hoa cam rụng
Tôi với em Nhi kết vợ chồng*

Ngày xưa có Trác Văn Quân là một người có nhan sắc, rất giỏi văn chương, thơ phú, lại thích nghe đàn. Nàng còn trẻ, nhưng sớm góa chồng nên về sống với cha ở đất Lâm Cùng. Một hôm có chàng nhạc sĩ tên Tư Mã Tương Như qua thăm, và đã gảy lên khúc Tư Mã Phụng Cầu (Phụng Cầu Hoàng). Trác Văn Quân nghe được tiếng đàn thì không thể cưỡng lại được nổi say mê nên lén bỏ nhà đi theo Tư Mã Tương Như lên tận thành đô, tỉnh Tứ Xuyên. Sau một thời gian, hai người trở về đất Lâm Cùng, mở một quán ăn.

*Rượu cất kỳ ngon, men ủ khéo
Say người thiên hạ lại say nhau*

Rượu của Nhi bán làm say thiên hạ và làm say cả hai
đứa - Nguyễn Bính và Nhi.

*Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu*

Thi sĩ đã tự họa cho mình một bức tranh rất đẹp. Dù biết rằng đó không thật nhưng vẫn cứ mơ ước, vì ngoài mơ ước ra đâu còn gì bám vào mà sống. Nhiều nghệ sĩ đã sáng tác, trình diễn vì họ muốn cống hiến cho mình những ước mơ. Mình cần những ước mơ đó, vì mình có quá nhiều khổ đau, khó khăn và tuyệt vọng.

Nhưng những bài thơ, những bản nhạc, những cuốn sách, những tác phẩm nghệ thuật đó chỉ có thể giúp mình quên đi trong chốc lát tình cảnh khó khăn, khổ đau trong cuộc sống hiện thực này. Những thi phẩm của Nguyễn Bính cũng không ngoài tác dụng “giảm đau tạm thời”. Rõ ràng, những điều này đi ngược với sự thực tập theo tinh thần của đạo Bụt. Sự thực tập của đạo Bụt là lia bỏ những giấc mơ để đi vào hiện thực. Nếu có niệm và định, chúng ta có thể tiếp xúc với những mâu nhiệm của sự sống để thấy rằng những điều ta cần tìm không nằm ở quá khứ hay tương lai xa xôi mà nằm ở ngay trong hiện tại.

Nếu chúng ta tu học nghiêm chỉnh, có sự tu chứng, có kinh nghiệm, có sự hiểu biết về giáo pháp, về sự hành trì thì khi đọc những bài thơ như thế này, chúng ta thấy được rất rõ con đường mình đi. Dầu là đọc thơ tình hay truyện kiếm hiệp của Kim Dung cũng vậy, mình không bị những cái đó kéo đi. Cho nên trong đạo Bụt có nói: Bất cứ điều gì cũng có thể trở thành Phật pháp, có khả năng tưới tẩm hạt giống chánh pháp nơi mình và củng cố ý chí tu học của mình. Thấy rõ tâm người để so với tâm mình; biết con đường người ta đi để thấy rõ con đường mình đi. Chúng ta đang đi trên con đường rất đẹp, rất sáng và rất lành.

Nếu chưa có một quá khứ đẹp, ta có thể xây dựng cho mình quá khứ đẹp. Khi xây dựng quá khứ đồng thời mình đang xây dựng tương lai. Nếu biết chăm sóc hiện tại, sống một đời sống thiện lành thì chắc chắn mình sẽ có một tương lai tươi sáng, vững chãi. Vì tương lai được làm bằng chất liệu của hiện tại, điều này không ai có thể phủ nhận được. Ngày hôm nay chúng ta sống có hạnh phúc thì ngày hôm nay sẽ trở thành quá khứ đẹp của ngày mai. Do vậy, chăm sóc hiện tại tức là đang xây dựng cho mình một tương lai, đồng thời cũng là đang xây dựng cho mình một quá khứ.

Mình có đủ phương pháp để làm việc đó. Khi đi, đứng, nằm, ngồi mà biết trở về với giây phút hiện tại, thì

mình tiếp xúc được với những màu nhiệm của cuộc sống tạo được niềm tin, tình thương, xây dựng tình bằng hữu, đó là ta đang chăm sóc hiện tại để làm chỗ nương tựa cho quá khứ và tương lai. Đó là ý nghĩa của câu hát:

Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ.

Khi đau khổ, nhiều người không có một quá khứ để tìm về nên họ tìm một nơi nương tựa ở tương lai, họ bám vào một vài hứa hẹn để có vượt qua những khó khăn trong hiện tại. Hiện tại đối với họ vốn là những chuỗi ngày đau khổ, khó khăn, nặng nhọc. Chúng ta có thể tin vào một Thiên đường nào đó, một Tịnh độ nào đó trong tương lai để có khả năng chịu đựng được hiện tại. Ta ráng chịu đựng để ngày mai được rời bỏ cõi đau khổ, đầy bạo động, uế trược này và ta sẽ bước vào cõi thanh tịnh an vui, gọi là Thiên đường hay Cực lạc.

Theo Làng Mai, mơ ước này có thể là một ảo tưởng, vì ta biết rõ ngày mai chỉ có thể được làm bằng chất liệu của hiện tại. Hiện tại như thế nào thì tương lai sẽ như thế đó. Vậy nên muốn có một tương lai tươi sáng thì ta phải chăm sóc hiện tại. Hiện tại có bình an, có vững chãi, có tình nghĩa, có nụ cười, có hạnh phúc thì chắc chắn tương lai cũng sẽ có vững chãi, sẽ có tình thương, sẽ có niềm vui. Nhìn vào hiện tại, đánh giá hiện tại, ta có thể biết mình có tương lai hay không. Do vậy, ta phải biết quản lý hiện tại

thật thông minh, để có thể xây dựng cho mình một quá khứ, và cũng xây dựng cho mình một tương lai. Ngoài ra không còn con đường nào khác.

*Rượu cất kỳ ngon, men ủ khéo,
Say người thiên hạ lại say nhau
Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu*

Thi sĩ là nhà ảo thuật đã tạo ra một khung cảnh lý tưởng, một khung cảnh hạnh phúc mà họ chưa tự tìm được trong giây phút hiện tại. Rồi họ đem bán cho mình. Mình tiêu thụ nó, cũng vì mình muốn quên đi trong chót lát những đau khổ da diết của hiện tại. Đây là điểm yếu của nhiều người, và có thể cũng là điểm yếu của chính mình. Những nghệ sĩ biết rất rõ điểm yếu này nên họ đã ru ngủ mình, và ru ngủ chính họ bằng những tác phẩm nghệ thuật.

Say người thiên hạ lại say nhau

Đa số trong chúng ta chỉ có khả năng dẹt mộng hoặc trở về bám vào quá khứ. Tưởng tượng ra một tương lai trong đó mình thật hạnh phúc, đó chính là dẹt mộng. Bám vào quá khứ để sống cũng là dẹt mộng.

“Chao ôi! là mộng hay là thực”

Tắc giả biết rõ là mộng nhưng vẫn tiếp tục dẹt, bởi nếu không dẹt thì sẽ không sống nổi. Dẹt mộng để giúp chính

mình đỡ khổ, và cũng có thể giúp người khác quên đi một vài giây phút khổ đau thống thiết của họ.

Chao ôi! Là mộng hay là thực?

Là thực hay là mộng bấy lâu?

Hai đứa sống bằng hoa với rượu

Sống vào trời đất, sống vào nhau

Trong giây phút hiện tại, mình có thể sống với những màu nhiệm của vũ trụ hay không? Mình có thể sống với nhau một cách an lành, người này dựa vào người khác hay không? Mình có thể tạo tình huynh đệ hay không? Đó là vấn đề. Và tác giả đã kết thúc bài thơ một cách rất tội nghiệp.

Nhưng mộng mà thôi, mộng mắt thôi

Hoa thừa rượu ế, đầy tình tôi

Sự thật hoa đã thừa, rượu đã ế. Hoa đã tàn, rượu đã chua. Đó là tình trạng của tôi. Tôi biết rõ tình trạng của chính mình. Tôi không muốn gặp lại người xưa, vì gặp tôi sẽ thất vọng, mộng tôi sẽ tan và tôi không còn chỗ nào để bám víu.

Chiều nay tôi chấp tay tôi lay

Đường gặp người xưa nữa, lay trời

Thực tế quá phũ phàng. Đó là tình trạng của chúng ta và của rất nhiều người. Nhưng nhiều người lại nói rằng, các

vị đi tu là các vị mơ mộng, các vị sống với ảo tưởng Tịnh độ hay Niết bàn, các vị bỏ lạc thú trong hiện tại để tìm cái lạc thú phi thời.

Trong kinh Tuổi trẻ và Hạnh phúc, có vị khát sĩ trẻ tên là Samiddhi khi gặp cô Thiên nữ, cô nói: *“Tại sao còn rất trẻ mà thầy lại bỏ đi tu? Cuộc đời có những vui thú, có những mục đích thiết thực sao thầy không chịu hưởng thụ, mà lại đi mơ tưởng những điều xa xôi như Niết bàn, Tịnh độ, giải thoát?”*

Trong đời sống hàng ngày, cũng có những cô Thiên nữ tới nói với chúng ta như vậy, nhưng chúng ta đã biết cách trả lời, giống như thầy Samiddhi vậy: *“Thiên nữ ơi, tôi đang sống rất thực tế đấy chứ. Tôi biết rõ, chạy theo năm đôi tượng của dục vọng sẽ làm người ta tan nát cả thân thể lẫn tâm hồn. Do vậy, tôi đã khước từ chúng. Tôi không trốn chạy, chính tôi đang thực tập để có thể có những giây phút sống hạnh phúc đích thực của hiện tại, không mơ tưởng về những điều trong tương lai.”*

Pháp *Hiện Pháp Lạc Trú* của đức Thế Tôn dạy: Biết sống sâu sắc trong giây phút hiện tại để tiếp xúc với tất cả màu nhiệm của cuộc sống. Nếu có ai hỏi như cô Thiên nữ nọ, chúng ta trả lời: “Chúng tôi không mơ tưởng Niết bàn, chúng tôi không mơ tưởng Tịnh độ trong tương lai. Sự thực tập pháp *Hiện Pháp Lạc Trú* giúp chúng tôi sống trong cõi Cực lạc ngay trong giây phút hiện tại.”

Sự thực tập của chúng tôi là thiết lập được Tinh Độ trong giây phút hiện tại. Khi thực tập, chúng tôi xây dựng tình huynh đệ, xây dựng hạnh phúc, xây dựng tình thương và xây dựng sự hiểu biết. Chúng tôi có một con đường, nếu các bạn muốn thì chúng tôi xin chia sẻ sự thực tập đó để các bạn cũng có khả năng tiếp xúc với những mâu nhiệm của đời sống hiện tại, để các bạn có cơ hội xây dựng cho mình một quá khứ và cũng là xây dựng một tương lai tươi đẹp.

Xuân tha hương

- NGUYỄN BÌNH

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tâm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông.
Em đi dang dở đời mưa gió
Chị ở vương tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời, đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận một mùa đông
Chiều nay ngồi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lùng...*

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng

Vườn ai thấp thoáng hoa đào nở
Chị vẫn môi son vẫn má hồng?
Áo rét ai đen mà ngóng đợi
Còn vài hôm nữa hết mùa đông!

Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông

Thiên hạ đua nhau mà sắm Tết
Một mình em vẫn cứ tay không
Vườn nhà Tết đến hoa còn nở
Chị gửi cho em một cánh hồng

Tha hương chẳng gặp người tri kỷ
Một cánh hoa tươi đủ ấm lòng
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng...

Chao ôi, Tết đến em không được
Trông thấy quê hương thật náo nùng
Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Suốt đời mang lấy số long đong

Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ hoài chuyên viên công
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng quá gỡ sao xong?

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ô thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu nồng

Rượu cay nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng
Cố nhân chẳng biết làm sao ấy
Rất những tin đồn chuyện bướm ong

Thôi, em chẳng dám đa mang nữa
Chẳng buộc vào chân sợi chỉ hồng
Nàng bèo bọt quá, em lặn lội
Chấp nối nhau hoài cũng uống công!

(Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung!)
Người ấy xuân già ché gỏi lè
Nên người nông nả chuyện sang sông

Đò ngang bên dọc tha hồ đây
Quý hóa gì đâu một chữ đồng!
Vâng, em trẻ dại, em đâu dám
Thôi, để người ta được kén chồng

Thiếu nữ hoài xuân mơ cát sỏi
Chịu làm sao được những đêm đông
(Khôn nạn, tưởng yêu thì khó chứ
Không yêu thì thực dễ như không!)

Chị ơi, Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não lòng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông

Thiên hạ "chi nghinh Nam Bắc diều"
Tình đời "Diệp tông lãng lai phong"
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng

Sương muối gió may rầu rĩ lắm
Còn vài hôm nữa hết mùa đông
Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công

Em không khóc nữa, không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng
Không than chắc hẳn hồn tươi lại
Không khóc tha hồ đôi mắt trong

Chị ơi, em cười mùa Xuân nhé?
Đốt pháo cho thơm với rượu hồng

Xa nhà xa chị tuy buồn thật
Cũng cố vui ngang gái được chồng

Em sẽ uống say hơn mọi bạn
Cho hồn về tận xứ Hà Đông

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng

Với lá thư này là tất cả
Những lời tâm sự một đêm đông
Thôn gà eo óc ngoài xa vắng
Trời đất tàn canh tối mịt mù

Đêm nay em thức thi cùng nền
Ai biết tình em với núi sông
Mấy sông mấy núi mà xa được
Lòng chị em ta vẫn một lòng

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc chị bện xanh, má chị hồng

Trong mùa nắng mới sầu không đến
Giữa hội hoa tươi ấm lại lòng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhở
Xa nhà, rượu uống có say không?

Trường Ca Avril

- NHẤT HẠNH

Avril về

trong rừng cây trang nghiêm

tình thương đã từ nơi ngàn xanh,

nơi suối trong thể hiện

Bàn tay Mẹ nhiệm màu

sửa soạn cho chúng ta ra đời

trong hào quang của mùa Xuân tình thương ấm áp

Đưa tôi ra đời hôm mồng bốn

khắp nơi chim lạ bay về hát ca

ngơ ngác như một con nai con nhìn trời xanh, nhìn

suối trong, nhìn lộc non trên cành cây

tôi về khi vũ trụ đang chuyển mình

trong mùa tuôn dảy.

Rừng cây đang thay áo mới
con nai con khờ đại soi mình trên dòng nước
lặng tai nghe tiếng thì thầm gió lạ
mạch sống dâng
lời hát ca trong từng nụ nhiệm màu.

Quê hương tôi là rừng sâu
có những thân cây vươn mình thẳng tắp
mỗi khi nắng Xuân về xối chảy trên ngon cây,
hương rừng bay
mây trắng che trên trời xanh biêng biếc
Rừng cây
bãi cỏ xanh non
và một dòng nước thấm lòng đất mát.

Trời đất vừa sinh ra tôi
chim chóc ca ngày thứ nhất
đất trời dâng hương ngát ngây
Tôi lớn lên. Dòng suối ca ngày thứ hai
và con nai con tìm tôi, ngậy thơ,
bên bờ xanh mượt cỏ
nghe ngóng
nhựa dâng đầu cành giục giã những nụ hoa
thẹn thùng chưa muốn hé
cho vừa nở kịp ngày thứ ba.

Nắng ấm reo vui trên cánh biếc nõn nà
Ngày thứ tư vừa lại. Hoa anh đào khai hội
có gì mới lạ trong tiếng ca mùa mới đang lên?
Ngày thứ năm. Bình minh về bất chợt
rừng thức giấc trong mùi thơm ngậy ngát
của ban mai kết đọng hương ngàn hoa
và cũng bất thần Em về. Trong rừng sâu hiển hiện
Em rón rén bước từng bước nhẹ,
trên màu xanh thâm lúa,
con nai con vượn giương mắt nhìn em ngơ ngác
Trong giây phút thiêng liêng huyền hoặc
em biến thành một bông hoa nhỏ
bám vào lòng đất mẹ
thương yêu.

Nắng lên, một giọt sương long lanh còn vương
trên cánh hoa sao bé nhỏ
nhưng rừng cây không hay
hiện hữu em ca bài ca bất diệt
tiếng ca em quen thuộc như đã có từ ngàn xưa
trong rừng sâu lặng lẽ nghiêm trang.

Con nai con vượn giương mắt nhìn quanh
không có gì thêm
không có gì mới lạ

không nghĩ rằng em trong rừng sâu vừa lạc
bởi vì tiếng ca em hòa màu nhiệm trong khúc ca
mùa Tuôn Dậy màu xanh
Bông hoa kia như đã từng có mặt một lần
với đất mẹ buổi ban đầu.
Một con chim nghiêng nghiêng mắt nhỏ nhìn em
và tung ra một tràng ngọc âm thanh trong suốt
Chim, hoa, cây, suối
không ngừng ca
cả rừng cây hợp tấu
không ngừng lại để hỏi em có mặt từ bao giờ.
Bông hoa bé nhỏ rừng cây
một phần của hiện hữu vô thi vô chung
Em không phải Tạo Sinh mà chỉ là Biểu Hiện.
Rừng cây đã thay xong áo mới
Ngày mùng mười có hai đứa trẻ con nhà ai,
nắm tay nhau chạy tung tăng trên bãi cỏ xanh non,
tiếng cười trong veo
như tiếng hót chim hoàng oanh buổi sáng
chúng băng qua đồng cỏ và dừng lại bên cửa rừng.
Nắng phơi phơi reo
Avril đã về trong rừng cây,
đứa bé thì thào bên tai đứa lớn

như khám phá ra điều gì tối ư quan trọng
chúng nắm chặt tay nhau và cùng lắng tai nghe...
phải rồi khúc hát bất diệt mùa xuân
Hai đứa nhìn nhau. Avril đã về trong rừng cây
phen này đứa lớn thì thào bên tai đứa bé.

Nắng ấm tràn lan cây cỏ
blossom con nai con xuất hiện ở cửa rừng sườn nắng
blossom gót chân mang theo hương thơm
những bông hoa vàng, tím trong rừng
có đàn bướm lạ tung tăng đột cây, bờ suối
bay đến gần nai.

Nắng ấm vẫn reo
dòng nước vẫn đi vào lòng đồng cỏ xanh êm ái
nhưng con nai con và hai đứa bé
đã cùng lạc vào rừng sâu
tìm theo tiếng hát nhiệm màu.

Bỗng nhiên có tiếng nổ dồn dập kinh hoàng
một đàn chim sắt ào ào bay đến
tóc tung lửa đồng, khắc trên đồng xanh, mặt suối
rào rào xé mây tung gió
tự nhiên rừng cây bật tiếng hát ca.
Hoa khép không dâng hương
suối trong không soi dáng mây trời

chim chóc lặng im như
khi đêm về nằm im trong tổ kín.
Nhưng rồi cuối cùng đàn chim sắt bay đi
rừng xanh trở về bình an,
Thanh tịnh.
Rừng cây mỉm cười
Tiếng hát ca mùa xuân dậy
vẫn như chưa từng bao giờ dứt đoạn.
Cành lá chuyển nhau tin vui
tiếng thì thầm êm ái
con nai con đã cùng hai đứa bé
tìm ra bông hoa tím nhỏ
(Bông hoa vẫn không ngưng lời hát ca)
Đứa nhỏ ôm lấy đầu nai
đứa lớn vuốt ve mình nai
tất cả hát theo bài hát ngàn đời
của nhiệm màu hiện hữu.
Ngoài kia nắng ấm vẫn reo
Avril trong rừng cây nguyên vẹn
dòng suối đi sâu êm êm vào lòng đất
và muôn vạn bông hoa vàng tím đã nở, tự bao giờ,
lắm lắm trên cánh đồng cỏ xanh non.

NHẤT HẠNH

Mỗi buổi sáng tôi đều dâng hương, tôi đọc tên ngày ấy, ví dụ: đây là ngày thứ 240 và ý thức rất rõ ràng đây là một ngày mới tinh khôi. Tuần trước tôi có chia sẻ trong đại chúng: Đây là mùa Xuân cuối cùng của thế kỷ 20, và chúng ta đang ở giữa mùa Xuân ấy. Tôi muốn tất cả chúng ta đều ý thức được mùa Xuân đang biểu hiện, chúng ta có thể sống sâu sắc và hạnh phúc trong mùa Xuân này, từng ngày, từng giờ, từng phút. Nếu chúng ta không sống hạnh phúc được trong giây phút hiện tại thì rất khó để có được hạnh phúc trong tương lai.

Mùa Xuân được gọi là mùa biểu hiện, mùa tuôn dậy. Chúng ta thấy hoa, thấy bướm, thấy cây, thấy cỏ tất cả đều biểu hiện một cách rất nhiệm màu. Sự biểu hiện của mùa Xuân là một thăng điểm, là một tiếng chuông chánh niệm. Chúng ta nói *biểu hiện* mà không nói *phát sinh* là vì nhìn cho kỹ, chúng ta sẽ thấy mùa Xuân đã có mặt tiềm tàng

trong mùa Đông rồi. Trong khi mùa Đông đang tiếp diễn, nếu tình mắt, chúng ta có thể thấy được mùa Xuân trong ấy. Vì vậy, không phải mùa Xuân bắt đầu từ tháng 3 hay tháng 4 mà nó đã có mặt khắp nơi và lúc nào cũng có. Nếu chúng ta tiếp xúc được với mùa Xuân trong khi nó biểu hiện thì ta cũng có thể tiếp xúc với mùa Xuân trong khi nó chưa biểu hiện. Đó gọi là mùa Xuân vĩnh cửu.

Trúc Lâm Đại sĩ, tức vua Trần Nhân Tông, gọi là “bất thắng xuân” - nghĩa là mùa Xuân không có gì cao hơn nữa, không có gì đẹp hơn nữa. Nếu không tiếp xúc được với mùa Xuân khi nó biểu hiện thì làm sao chúng ta tiếp xúc được với mùa Xuân khi nó chưa biểu hiện, tức là tiếp xúc với sự sống bất diệt? Cho nên, chúng ta phải có ý thức rằng mình đang sống trong mùa Xuân và mình thấy được sự biểu hiện nhiệm màu của mùa Xuân.

Sau này chúng ta có thể nói với con cháu mình là ngày xưa ta đã sống trong mùa Xuân ấy, mùa Xuân năm 1999, mùa Xuân cuối cùng của thế kỷ thứ 20. Thầy mình đã thính lên tiếng chuông chánh niệm để mình có thể sống vững chãi, hạnh phúc và thanh thoi trong mùa Xuân đó; như vậy mùa Xuân sẽ không đi qua một cách uổng phí. Mình đã gặp được mùa Xuân.

Ngày xưa khi còn là sa di, tôi thường được nghe những bài kệ, những bài thơ về pháp thân màu nhiệm. Trong kinh

Pháp Hoa có hai câu: “Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng”. Rồi có một vị thiền sư thêm vào hai câu: “Xuân đảo bách hoa khai, hoàng oanh đề liễu thượng”. Tôi rất cảm kích khi nghe hai câu thơ đó. Tuy chỉ là hai câu thơ nhưng đã giúp tôi hiểu được hai câu kinh một cách khá sâu sắc.

Chư pháp tùng bản lai

Thường tự tịch diệt tướng.

“Chư pháp” tức là các hiện tượng như núi, sông, mây, nước, hoa, cỏ... tất cả đều gọi là pháp. “Tùng bản lai” tức là từ ngày xưa cho đến bây giờ. “Bản” nghĩa là cái gốc. Từ xưa đến bây giờ các pháp thường trụ tịch diệt tướng. Tự các pháp an trú trong tướng tịch diệt của chúng. “Tướng tịch diệt” nghĩa là tướng Niết bàn. Núi, sông, cây, cỏ và con người, tất cả đều an trú trong tự tánh Niết bàn; nghĩa là tự tánh không sinh, không diệt. Niết bàn tức là không sinh, không diệt, không có, không không, không còn, không mất. Trong đời sống hàng ngày ta thường nhìn bằng con mắt của sinh - diệt, có - không, còn - mất, tới - đi, và ta nói các pháp có sinh, có diệt; có có, có không; có còn, có mất, có đi, có tới. Hai câu kinh này cho ta thấy tự tánh của các pháp là không sinh, không diệt, không có, không không; không còn, không mất, không tới, không đi. Tự tánh của các pháp là Niết bàn. Và vị thiền sư kia thêm vào hai câu:

*Xuân đảo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng*

Khi mùa Xuân tới sẽ có hàng trăm loại hoa đua nở, con chim hoàng oanh xuất hiện ca hát trên cành liễu. Tôi dịch:

*Các pháp từ xưa nay
Vốn là không sinh diệt
Xuân đến trăm hoa mừng
Oanh vàng ca liễu biếc.*

Khi mùa Xuân đến, ngắm các loài hoa nở và nghe các loài chim hót, ta tiếp xúc được với sự biểu hiện của mùa Xuân. Đừng nhìn và nghe một cách hời hợt. Đừng tưởng mùa Xuân chỉ đến lúc đó mới có mặt. Nếu tiếp xúc sâu sắc với mùa Xuân, ta sẽ thấy được tự tính Niết bàn của nó, nghĩa là tính không sinh không diệt. Chỉ có sự biểu hiện hay sự ẩn tàng mà thôi. Năm ấy tôi mới mười bảy tuổi nhưng bài kệ này đã gây ấn tượng rất sâu sắc trong trái tim tôi. Tôi còn được nghe những câu thơ khác, như:

*Tử trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn thân*

“Tử trúc hoàng hoa” là tre tím và hoa vàng. “Phi ngoại cảnh” là không phải cảnh tượng bên ngoài, chúng chỉ là đối tượng của tâm. “Bạch vân minh nguyệt hiện toàn thân”: mây trắng và trăng sáng là biểu hiện của chân lý nhiệm mầu.

Cây tre tím và bông hoa vàng không phải là một cái gì xa lạ. Chúng là những biểu hiện của pháp thân, của Niết bàn. Và đám mây trắng cũng như vàng trắng sáng chính là sự biểu hiện toàn chân của thực tại màu nhiệm mà mình gọi là pháp thân hay Niết bàn.

Những câu thơ đó đã đi vào trong tôi một cách dễ dàng, rất màu nhiệm. Trong cuộc sống hàng ngày có thể vì bị lo lắng, ưu phiền và giận hờn che lấp nên mình không tiếp xúc được với tre tím, hoa vàng, trắng sáng và mây bạc. Vì không tiếp xúc được với những màu nhiệm đó nên tâm hồn mình không được nuôi dưỡng, mình không có hạnh phúc và không có cơ hội đi sâu hơn để thấy được bản chất không sinh, không diệt của tất cả các pháp; cho nên trong đạo Bụt Đại thừa đi đâu ta cũng gặp thơ, đi đâu ta cũng gặp nhạc, vì thơ và nhạc cũng chính là những biểu hiện của pháp thân, của Niết bàn màu nhiệm.

Pháp thân cũng như Niết bàn màu nhiệm đó ta có thể tiếp xúc trong từng giây phút của đời sống hàng ngày, chứ không cần phải thực tập năm năm, mười năm hay đến khi viên tịch rồi mới tiếp xúc được. Các vị thiền sư chứng ngộ sống như vậy nên họ hạnh phúc lắm. Họ có khả năng thấy được cái đẹp, cái màu nhiệm, cái bất sinh diệt của tất cả các hiện tượng xung quanh. Thơ của các vị ấy rất có thiền vị,

không bao giờ mang tính chất sầu đau. Nếu các vị thiền sư có sáng tác bài hát thì những tác phẩm của họ cũng không bao giờ mang chất sầu đau và than khóc. Năm 1949, hồi đó tôi còn trẻ lắm, tôi có gặp một thi sĩ trẻ ở Sài Gòn tên là Quách Thoại ở chùa Giác Nguyên, tại Khánh Hội. Hồi đó Hòa thượng Hành Trụ đang làm trụ trì chùa này. Hòa thượng Hành Trụ cũng còn trẻ lắm. Thi sĩ Quách Thoại không có nhà nên ở nhờ trong chùa. Tôi nhớ Quách Thoại được ở chung với Trụ Vũ. Hai anh em được các thầy cho ở trong một cái cốc nhỏ, phía trước cốc có một hồ sen. Lá sen thật lớn. Vào khoảng năm 1953 hay 1954, tôi nghe tin Quách Thoại chết vì bệnh lao trong nhà thương Bình Dân, chỉ có những người rất nghèo mới vào đó. Các bạn anh sau khi soạn lục các bản thảo của Quách Thoại có tìm được một bài thơ chưa bao giờ in, đó là bài *Hoa thược được*. Bài *Hoa thược được* tôi đã nhiều lần đọc cho quý vị nghe:

Đứng yên ngoài hàng giậu

Em mím nụ nhiệm màu

Lặng nhìn em kinh ngạc:

Vừa thoáng nghe em hát

Lời ca em thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu.

Đọc bài thơ này tôi rất cảm kích. Tôi thấy nó không thua kém gì những bài thơ của các thiền sư đạt đạo. Quách

Thoại đã tiếp xúc sâu sắc được với bông thược được nên
thấy được tính bất sinh, bất diệt của nó.

Đứng yên ngoài hàng giậu

Em mỉm nụ cười huyền diệu

Bông hoa đang mỉm cười nụ cười huyền diệu. Ta không biết bông hoa đã bắt đầu mỉm cười từ lúc nào, vì lâu nay ta bận rộn quá chừng. Ta lo chuyện cơm áo, nhà cửa. Ta lo hờn giận, buồn sầu, cho nên tuy bông hoa luôn luôn có mặt đó, mỉm nụ cười huyền diệu của nó nhưng ta lại chưa bao giờ nhìn thấy và nhận diện được. Nụ cười đó không phải mới phát sinh mà đã có mặt từ vô thủy. *Lặng nhìn em kinh ngạc.* Đây là giây phút giác ngộ. Những điều hiển nhiên như vậy mà bây giờ ta mới thấy. Lặng nhìn em kinh ngạc là gì nếu không phải là giây phút bừng tỉnh, giác ngộ?

Lặng nhìn em kinh ngạc:

Vừa thoáng nghe em hát

Lời ca em thiên thâu

Vừa mới thấy được nụ cười, nghe được tiếng hát của bông hoa thược được, tiếng hát rất im lặng nhưng lại cao vút và hùng hồn. Đó là tiếng hát bất diệt. Lời ca đó không phải là lời ca của năm phút hay mười phút mà là lời ca cho ngàn đời.

Vừa thoáng nghe em hát

Lời ca em thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu

Thái độ của thi sĩ rất sùng kính. Quỳ xuống, chấp tay trước pháp thân màu nhiệm, trước Niết bàn diệu tâm. Năm chữ cuối cùng chứng tỏ trong con người thi sĩ đã có thái độ sùng kính ấy. “*Ta sụp lạy cúi đầu.*” Cúi đầu trước bông hoa thực được, cúi đầu trước sự biểu hiện màu nhiệm của pháp thân, của bản thể, của toàn chân.

Bài thơ *Hoa thực được* đã ảnh hưởng rất sâu đậm trong tôi, cũng giống như những bài thơ khác của các vị thiền sư, có câu “*Xuân đảo bách hoa khai, hoàng oanh đề liễu thượng*” hay “*Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân*”.

Chúng ta sẽ không thể hiểu được bài *Trường ca Avril* hay bài *Bướm bay vườn cải hoa vàng* nếu không thấy được điều đó. Nụ hoa vàng trong bài thơ “*Tử trúc hoàng hoa*” và “*Hoàng oanh đề liễu thượng*” đã được đầu thai, biểu hiện trở lại trong bài *Bướm bay vườn cải hoa vàng*; và nó cũng được tiếp nối trong bài *Trường ca Avril*.

Trong bài *Trường ca Avril* có một bông hoa. Bông hoa đó cũng hát lên bài hát ngàn đời của hiện hữu nhiệm màu. Trong bài *Trường ca Avril* và *Bướm bay vườn cải hoa vàng*, chúng ta cũng thấy được pháp thân màu nhiệm cùng Niết

bàn điệu tâm biểu hiện trong một bông hoa, trong một bài hát. Ta thấy được, rằng nếu ta sống sâu sắc và tiếp xúc với Tích môn trong khi mọi loài biểu hiện thì ta cũng có thể tiếp xúc với Bản môn trong chiều sâu các pháp. Ta hãy nhận diện điều đó trong khi đọc bài *Trường ca Avril*. Avril tức là tháng tư. Tháng tư là tháng cho mùa Xuân biểu hiện.

*Avril về trong rừng cây trang nghiêm
tình thương đã từ nơi ngàn xanh,
nơi suối trong thể hiện
bàn tay Mẹ nhiệm màu
sửa soạn cho chúng ta ra đời
trong hào quang của mùa Xuân tình thương âm áp*

Mẹ ở đây không phải chỉ là thiên nhiên. Mẹ ở đây là toàn thể. Toàn thể của pháp thân, của chân như. Có những lúc đi vào trong rừng một mình hoặc leo lên đồi Dương Xuân, hoặc ngồi ở rừng thông Đà Lạt, gặp những thân cây vươn mình đứng thẳng, tôi đều có cảm giác mình đang đứng trong một thánh đường rất trang nghiêm. Những thân cây đứng thẳng giống như những chiếc cột trụ của ngôi thánh đường cao vút. Chưa bao giờ mình được thấy một thánh đường đẹp như vậy. Đẹp hơn cả những thánh đường do con người tạo dựng. Và chỗ hay nhất để hành lễ, để thuyết pháp là những khu rừng như thế. Rất trang nghiêm, rất đẹp đẽ, rất màu nhiệm. “Trang nghiêm” một

danh từ Phật giáo, dịch từ tiếng Phạn *vyūha*. Trang nghiêm có nghĩa là đẹp, làm cho đẹp và cũng có nghĩa thâm nghiêm, tức là không ồn ào náo nhiệt, nơi mọi người muốn giữ sự im lặng, vì trong tim mọi người đang có thái độ kính cẩn. Khi đi vào trong một khu rừng mà gặp cảnh tượng đó, thấy những thân cây vươn mình thẳng tắp như vậy thì mình có cảm tưởng như đi vào một cung điện nghiêm trang, mình không dám nói lớn, không dám thở mạnh.

*Avril về
trong rừng cây trang nghiêm
tình thương đã từ nơi ngàn xanh,
nơi suối trong thể hiện*

Trong đời sống hàng ngày ta có thể nghĩ rằng không có tình thương trong ta và xung quanh ta. Nhưng khi thoát ra khỏi tâm trạng cô đơn và tiêu cực ta mới thấy được rằng tình thương luôn luôn có mặt. Ở trong rừng ta cũng có cơ hội tiếp xúc với sự thật đó. Tình thương ở đây được thể hiện nơi rừng xanh và suối trong. Ngàn xanh tức là rừng. Ở Việt Nam có bà chúa Thượng Ngàn, tức là bà chúa ở trong rừng. Rừng miền Thượng gọi là Thượng Ngàn.

Tình thương đã từ nơi ngàn xanh, nơi suối trong thể hiện. Chỉ cần nhìn dòng suối, nhìn rừng cây là có thể thấy tình thương đó. Bàn tay mẹ nhiệm màu sửa soạn cho chúng

ta ra đời trong hào quang của mùa Xuân yêu thương ấm áp. Đây là khung cảnh ấm áp của tình thương, có rất nhiều ánh sáng mà mẹ đã chuẩn bị cho mình ra đời. “Ra đời” ở đây có nghĩa là biểu hiện. Chứ không phải từ không mà mình biến thành có.

Đưa tôi ra đời hôm mùng bốn

Khắp nơi chim lạ bay về hát ca

Trong bài thơ *Trường ca Avril* có năm ngày màu nhiệm. Năm ngày của biểu hiện chứ không phải bảy ngày của tạo dựng. Ngày đầu tiên là ngày mùng bốn và ngày thứ năm tức là ngày mùng tám. Ngày mùng tám tức là ngày sau khi hoa anh đào nở rộ. Ngày mùng tám tức là ngày chúa Xuân xuất hiện. Ngày xưa Bụt giáng sinh cũng vào tháng 4, ngày mùng tám. *Khắp nơi chim lạ bay về hát ca. Đưa tôi ra đời hôm mùng bốn.* “Tôi” ở đây tức là ý thức. Nếu không có ý thức, sẽ không có gì có mặt, cho dù bông hoa thực được kia vốn có mặt ngàn đời nhưng nếu không có ý thức thì nó cũng coi như không có. Nếu ý thức không có mặt thì tiếng ca thiên thâu của bông hoa thực được cũng không bao giờ được nghe. Vì vậy cho nên ngày đầu là ngày biểu hiện của ý thức, là ngày *tôi* ra đời.

Các nhà khảo cổ học cho biết: rằng khoảng ba triệu năm về trước, khối óc của con người nhỏ chỉ bằng năm

chục phần trăm khối óc của con người bây giờ. Ba triệu năm về trước con người đã biết dùng những dụng cụ bằng đá và bằng cây, con người bắt đầu có sự khéo léo. Gọi là con người *homo sapiens*. Con người đã biết sử dụng những cục đá, những thân cây, rồi từ từ biết mài hoặc đập bể những cục đá để lấy mảnh nhọn và dùng những mảnh nhọn đó làm những mũi tên cắm vào thân cây để đi săn thú.

Khi con người bắt đầu sử dụng những dụng cụ bằng cả hai tay thì ý thức và sự khôn khéo của con người cũng từ từ phát triển theo. Cùng với sinh hoạt đó, khối óc con người lớn lên dần cho đến ngày hôm nay: lớn gấp ba lần khối óc của con người cách đây ba triệu năm.

Con người có khả năng ý thức thì gọi là con người *homo conscious*. Sự phát triển của cơ thể sinh lý con người cũng tùy thuộc vào sự phát triển của văn hóa. Khi con người bắt đầu có văn hóa, con người bắt đầu biết sử dụng những dụng cụ. Con người bắt đầu biết tư duy. Khi biết tư duy, con người biết sử dụng tư tưởng và trở thành con người có ý thức, lúc đó con người không còn là một con thú nữa mà đã trở thành con người thật sự có văn hóa. Nếu nhìn vào cơ thể của ta thì ta vẫn thấy động vật tính vẫn còn trong mình. Động vật tính có những đòi hỏi giống hệt như những đòi hỏi khác. Đòi hỏi những thứ bản năng như ăn, ngủ, tính dục. Con người tuy có văn hóa và biết mình là một vị Bụt

tương lai nhưng vẫn còn phần nào bản năng của thú vật. Khi có văn hóa - nghĩa là bắt đầu có ý thức - chúng ta mới nhận diện ra trong ta có tính người, tức nhân tính. Khi có ý thức rồi thì hạnh phúc của ta có thể lớn hơn nhiều lắm.

Một con vật khi thấy bông hoa, có thể nó chẳng thấy đẹp, chẳng có rung cảm. Nó chỉ muốn biết cái hoa này có ăn được hay không thôi. Thấy trái cây, con vật cũng chỉ nghĩ xem thứ này có ăn được không, ăn vào có bị ngất ngư hay không, chứ nó không thấy được hình dáng của thứ quả ấy đẹp hay xấu. Khi con đực thấy con cái, nó chỉ nghĩ đến có thể giao hợp với con cái này hay không, chứ không biết làm thơ ca tụng: em đẹp như thế này, em đẹp như thế kia. Nhưng khi ý thức phát sinh thì ta có văn hóa. Và vì có văn hóa cho nên mới có những hình ảnh như: Mắt em trong như nước hồ thu, hay đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc. Con người bắt đầu thấy được cái đẹp, thấy được sự giả dối và sự chân thật. Và con người cũng bắt đầu thấy được rằng con người đang bị áp bức bởi sự sống và cái chết. Con thú chưa có tư duy, nên không có sự lo lắng, không có sự bất an về cái chết trong tương lai. Nhưng con người thì rất bất an, rất ưu tư về cái chết trong tương lai; chính vì thế sinh tử trở thành vấn đề to lớn đối với họ.

Ta là ai? Tại sao ta sinh ra ở đời này? Sau khi chết ta sẽ đi về đâu? Đó là những câu hỏi của con người. Đó là

văn hóa. Tại sao nhân loại lại đau khổ như thế? Văn hóa đưa con người tới những ưu tư và sợ hãi. Ý thức cho con người tiếp xúc với cái đẹp, cái lành, cái thiện nhưng ý thức cũng cho con người tiếp xúc với thân phận của mình. Cái thân phận bị chèn ép bởi sinh diệt, có không, còn mất và những câu hỏi về hiện hữu. Và hiện hữu lại mang theo một nỗi bất an, một nỗi ưu tư và lo sợ. Đó là cái giá rất đắt mà con người phải trả cho văn hóa, phải trả khi trở thành con người ý thức.

Trước kia con người chỉ là một loài vật. Bây giờ con người vừa là vật, vừa là người. Vì vậy nên sinh ra một giống người gọi là *homo sapiens*. Khi cái ưu tư đã lên đến mức khó chịu đựng thì con người phải tạo dựng cho mình một tôn giáo tín ngưỡng, phải tin rằng có một đấng Thượng đế tạo lập ra thế giới và nhân loại, sau khi chết con người sẽ trở về với Thượng đế. Tất cả những niềm tin ấy có thể xoa dịu nỗi niềm ưu tư, lo lắng của con người. Nhưng đồng thời ý thức đó cũng cho ta đi sâu vào sự quán chiếu để khám phá ra bản tính không sinh không diệt của vạn hữu, của vũ trụ. Nhờ vậy mà con người khám phá được rằng mình cũng là một vị Phật tương lai, thấy được bản chất của mình là bất sinh, bất diệt và có cơ hội vượt thoát.

Đạo Phật là một nẻo thoát. Con người đi tìm một tôn giáo, một nẻo thoát cho nỗi ưu tư của mình. Nhưng con

người được gọi là con người có chánh niệm, tỉnh thức (homo conscious) - đại diện rất xứng đáng là Bụt Thích Ca - là con người khám phá được rằng sinh, diệt chỉ là sự biểu hiện thôi, chứ bản chất của mình chính là bất sinh, bất diệt. Trong con người có động vật tính, có nhân tính nhưng đồng thời cũng có Phật tính. Chúng ta phải làm sao để cho ba bản tính này có thể sống hài hòa và an lạc chung với nhau, đừng xảy ra xung đột.

Đưa tôi ra đời hôm mồng bốn. Như vậy chúng ta có thể hiểu *tôi* ở đây chính là ý thức. Con người ý thức. *Khắp nơi chim lạ bay về hát ca.* Từ khi ý thức biểu hiện thì tất cả các loài chim lạ từ bốn phương đều bay về hát ca. Hình ảnh này quý vị có thể tìm lại trong truyện Tố: mỗi khi Thạch Lang cất tiếng hát thì chim bốn phương bay về quy tụ thành vòng trên đầu Thạch Lang. Ngơ ngác như một con nai con, nhìn trời xanh, nhìn suối trong, nhìn lộc non trên cành cây, *tôi* về khi vũ trụ đang chuyển mình trong khi mùa xuân dấy. Ý thức vừa mới sinh ra thì ngơ ngác vì có biết bao nhiêu điều màu nhiệm đang được biểu hiện với tư cách là đối tượng của ý thức.

Mùa Xuân tới, cái chân tâm, Niết bàn đã biểu hiện: trời xanh, suối trong, lộc non và muôn vạn chim chóc trở về ca hát. Cũng như em bé Nhật Tâm rất ngạc nhiên trong lần đầu tiên thấy bầu trời xanh. Chưa bao giờ bé thấy một

cái gì lớn như vậy. Bé được sinh ra trong mùa Đông và suốt năm suốt tháng cứ phải ở trong một căn phòng nhỏ. Mùa xuân đến, trời quang, mây tạnh, mẹ mới cho bé ra ngoài lần đầu. Có nắng. Và lần đầu tiên bé được tiếp xúc với bầu trời rộng thênh thang. Hai mắt bé biểu hiện một sự ngạc nhiên rất lớn. Ý thức ở đây cũng vậy. Ngơ ngác như một con nai con, nhìn trời xanh, nhìn suối trong, nhìn lộc non trên cành cây, *tôi* về khi vũ trụ đang chuyển mình trong mùa tuôn dậy. “Mùa tuôn dậy” là dịch từ chữ “spring” trong tiếng Anh. *Spring* nghĩa là nhảy vọt lên, tuôn trào ra. Mới ngủ dậy, ta đã thấy đợt hoa lên cao cả mấy phân. Rừng cây đang thay áo mới, bởi mùa Xuân là mùa thay áo. Trút xuống những chiếc áo màu xám và trắng, vũ trụ đang khoác một chiếc áo khác, kỳ này là một chiếc áo màu xanh, màu xanh tươi non. Nai con khờ dại soi mình bên dòng nước. Nai con có thể không biết rằng cái hình bóng dưới nước cũng chính là hình bóng của nó, mà có thể nghĩ rằng cái bóng đó là một con nai khác.

Lắng tai nghe tiếng thì thầm gió lạ.

Mạch sông dâng.

Lời hát ca trong từng nụ nhiệm màu.

Tiếng hát đã có mặt trong từng nụ cây, trong dòng suối. Tiếng hát của mùa Xuân đã bắt đầu, hoặc đã bắt đầu biểu hiện trong ý thức con người.

*Quê hương tôi là rừng sâu
có những thân cây vươn mình thẳng tắp
mỗi khi nắng Xuân về xối chảy trên ngọn cây,
hương rừng bay
mây trắng che trên trời xanh biêng biếc
Rừng cây
bãi cỏ xanh non
và một dòng nước thấm lòng đất mát.*

Có ba hình ảnh. Thứ nhất là hình ảnh một khu rừng với những thân cây vươn mình thẳng tắp mà mỗi khi đi ngang qua là mình có cảm giác như đang đi vào một thế giới nghiêm trang, một thánh đường thiêng liêng. Thứ hai là bãi cỏ xanh non. Bãi cỏ xanh non trong đó xuất hiện những bông hoa vàng, tím; lấm tấm hàng ngàn, hàng vạn, hàng chục ngàn, hàng chục vạn bông hoa. Đó là những gì quý vị có thể chứng nghiệm và trông thấy được nếu quý vị có ý thức. Hình ảnh thứ ba là một dòng suối. Dòng suối tưới mát cho cánh đồng, cho khu rừng để cho sự tươi mát được tồn tại lâu dài. Rừng cây, bãi cỏ xanh non cùng một dòng nước thấm lòng đất mát. Trời đất vừa sinh ra tôi. Ý thức vừa mới được biểu hiện.

*Chim chóc ca ngày thứ nhất
đất trời dâng hương ngát ngây
tôi lớn lên.*

*Dòng suối ca ngày thứ hai
và con nai con tìm tới, ngây thơ,
bên bờ xanh mượt cỏ
nghiêng đầu nghe ngóng
nhựa dâng đầu cành giục già
những nụ hoa thẹn thùng chưa muốn hé
cho vừa nở kịp ngày thứ ba.*

Ngày thứ hai hoa bắt đầu nở, nhưng vẫn còn những nụ chưa kịp nở: chúng đang còn thẹn thùng chưa muốn biểu hiện, và nhựa trong thân cây trào lên giục già. Sinh lực vũ trụ nói: nở đi con, nở đi con. Đến mùa Xuân rồi, nở đi các con. Nai con cũng là một biểu hiện của ý thức. Trước đây nai con ngơ ngác nhìn trời xanh, nhìn suối trong, nhìn lộc non trên cành cây. Ở đây nai con ngây thơ tìm tới trên bờ xanh mượt cỏ, nghiêng đầu nghe ngóng. Ý thức đang lớn từ từ để nhận diện tất cả những gì đang biểu hiện.

Chúng ta là một phần của mùa Xuân, một phần của sự biểu hiện. Mỗi chúng ta là một thân cây của cuộc sống. Mỗi chúng ta là một dòng suối trong. Mỗi chúng ta là một đồng cỏ xanh tươi lấp lánh hàng vạn bông hoa. Mỗi chúng ta là một nụ hoa đang thẹn thùng chưa muốn nở, nhưng nhựa sống của mùa Xuân lại đang thúc giục: nở đi con, nở đi con, mùa Xuân tới rồi. Chúng ta sống giữa các anh, các chị và các em của mình. Chúng ta phải nhận diện được

rằng mỗi người anh, người chị và em đều là một bông hoa. Bông hoa có thể chưa nở nhưng chắc chắn sẽ nở, và chúng ta phải tự hiển mình cho tăng thân như một bông hoa. Vì chúng ta là một phần của hiện hữu nhiệm màu, là một phần của mùa Xuân. Chúng ta hãy hành xử như một bông hoa, như một thân cây hay một dòng suối trong bản hợp tấu vĩ đại của mùa Xuân. Đó là nhiệm vụ của chúng ta. Nhiệm vụ chúng ta là ca hát, là nở ra như một bông hoa. Chúng ta không có nhiệm vụ nào khác. Ý này ta thấy rất rõ trong bài *Bướm bay vườn cải hoa vàng*: “Em hãy là đóa hoa đứng yên bên hàng giậu. Là nụ cười, là một phần của hiện hữu nhiệm màu.”

*Nắng ấm reo vui trên cành biếc nõn nà
Ngày thứ tư vừa lại. Hoa Anh Đào khai hội
Có gì mới lạ trong tiếng ca mùa mới đang lên?*

Hoa anh đào đã nở rộ. Đó là dấu hiệu trong không khí báo trước một sự xuất hiện mới.

*Ngày thứ năm. Bình minh về bất chợt
rùng thức giấc trong mùi thơm ngậy ngát
của ban mai kết đọng hương ngàn hoa
và cũng bất thần Em về.*

“Em” ở đây là sự biểu hiện đầy đủ của bản hợp tấu vĩ đại mùa Xuân. “Em” ở đây chính là chúa Xuân và chính

tiếng hát của chúa Xuân sẽ giúp chúng ta tìm về với bản chất cùng cội nguồn của mỗi người.

*Trong rừng sâu hiển hiện
em rón rén bước từng bước nhẹ,
trên màu xanh thăm lúa*

Chúng ta hãy tưởng tượng trong rừng sâu rất trang nghiêm, rất huyền diệu, rất thần bí bỗng xuất hiện chúa Xuân. Chúa Xuân xuất hiện trong hình thức *homo sapiens*: con người có ý thức. Pháp thân Bụt cũng xuất hiện dưới hình thức một con người. Thượng đế cũng đã xuất hiện dưới hình thức một con người. Mùa Xuân Bất Diệt cũng thế. Chúa Xuân xuất hiện dưới hình thức điểm lệ của một nàng Xuân Nữ với xiêm y lộng lẫy thướt tha. Nàng đang rón rén bước từng bước rất nhẹ nhàng vì sợ gây tiếng động trong khung cảnh trang nghiêm ấy.

*Con nai con vẫn giương mắt nhìn em ngơ ngác
trong giây phút thiêng liêng huyền hoặc
em biến thành một bông hoa nhỏ bám vào lòng đất
mẹ thương yêu.*

Ở đây chúng ta nhận ra bông hoa của thi sĩ Quách Thoại. Bông hoa rất nhỏ. Bông hoa bám vào lòng đất. Đó là điều nai con thấy được. Nai con chính là ý thức mới sinh ra, vẫn còn bỡ ngỡ, ngơ ngác, nhưng dưới sự quán sát của

nó thì chúa Xuân vừa mới hiển hiện. Chúa Xuân đã biến thành bông hoa nhỏ bám vào lòng đất.

Khi đi có ý thức thì trong mỗi bước chân ta đều có thể nhận diện được bông hoa này. Bông hoa không phải chỉ biểu hiện ở một nơi chốn nhất định, mà bất cứ một cảnh trúc tím hay một bông hoa vàng nào cũng có thể là biểu hiện của chúa Xuân. Với thi sĩ Quách Thoại thì nó biểu hiện dưới hình thức của một *Bông thuộc được* nằm bên hàng giậu. Chỉ cần ý thức có mặt là ta nhận diện được tất cả những biểu hiện màu nhiệm của Pháp thân.

*Nắng lên, một giọt sương long lanh
còn vương trên cánh hoa sao bé nhỏ
nhưng rừng cây không hay
hiện hữu em ca bài ca bất diệt
tiếng ca em quen thuộc như đã có từ ngàn xưa
trong rừng sâu lặng lẽ nghiêm trang.*

Giờ phút mình trông thấy bông hoa cũng là giờ phút mình nghe tiếng hát của nó. Tiếng hát đó không phải mới bắt đầu mà đã có từ vô thủy. “*Hiện hữu em ca bài ca bất diệt.*” Tiếng ca em quen thuộc. Tại sao trong khi nghe mình lại có cảm tưởng như bài ca này mình đã nghe rồi, đã từng được nghe trong những kiếp trước. Bởi lẽ đó là bài ca đã có mặt từ vô thủy. Mình đã từng được nghe nó từ muôn triệu kiếp

nên hôm nay mình có cảm tưởng như đang được nghe một cái gì rất quen thuộc. Bản chất của mình cũng là vô sinh, bất diệt. *Tiếng ca em quen thuộc như đã có từ ngàn xưa trong rừng cây lặng lẽ nghiêm trang.* Không có gì khó hiểu trong những lời thơ này.

*Con nai con vẫn giương mắt nhìn quanh
không có gì thêm
không có gì mới lạ
không nghĩ rằng em trong rừng sâu vừa lạc
bởi vì tiếng ca em hòa màu nhiệm
trong khúc ca mùa xuân đầy màu xanh
bông hoa kia như đã từng có mặt một lần
với đất mẹ buổi ban đầu.*

Những câu thơ này cũng nói về một điều mà mình đã nghe. Có gì thêm đâu? Có gì mới đâu? Bất tăng, bất giảm. Vô khứ, vô lai. Bông hoa kia tuy mới được biểu hiện nhưng kỳ thực nó đã có mặt từ buổi ban đầu. Ban đầu hay không có ban đầu? Vô thì tức là không có ban đầu. Bông hoa kia như đã từng có mặt cùng với đất Mẹ điểm buổi ban đầu. Ban đầu con nai có thể nảy sinh cảm tưởng là có một vị chúa Xuân xuất hiện. Đi vài bước rón rén, chúa Xuân chợt biến thành một bông hoa nhỏ. Nhìn lại, nai con bỗng thấy bông hoa đó đã có mặt với đất Mẹ từ lúc ban đầu chứ không phải một sự biểu hiện mới, hay một sự tạo sinh.

*Một con chim nghiêng nghiêng mắt nhỏ nhìn em và tung
ra một tràng ngọc âm thanh trong suốt.*

Trên cành cao có một con chim. Con chim cũng nhìn
thấy bông hoa và nó cũng ý thức được sự có mặt của bông
hoa. Nó tung ra một chuỗi ngọc âm thanh trong suốt để ca
ngợi sự có mặt của bông hoa.

*Chim, hoa, cây, suối
không ngừng ca
cả rừng cây hợp tấu
không ngừng lại để hỏi em có mặt từ bao giờ.*

Khúc hát không bao giờ ngừng lại. Tất cả các thành
viên của ban hợp xướng đều hết mình bận rộn, không ai
ngừng lại để đặt câu hỏi. Và cũng không cần đặt câu hỏi.
Mình mới tới không có nghĩa là mình mới tới, bởi mình đã
có mặt từ lúc ban đầu.

*Bông hoa bé nhỏ rừng cây
một phần của hiện hữu vô thi vô chung
Em không phải tạo sinh mà chỉ là biểu hiện.*

Này bông hoa bé nhỏ, em chưa bao giờ sinh ra. Tôi
biết bản chất của em là vô sinh bất diệt. Em chỉ biểu hiện
ra cho chúng tôi thấy thôi. Nếu tiếp xúc được với em một
cách sâu sắc là chúng tôi tiếp xúc được với tự tính bất sinh

bất diệt của em, đồng thời chúng tôi cũng có thể tiếp xúc với tự tính vô sinh bất diệt của chính mình. Có người tin vào lý thuyết Tạo Hóa. Họ tin rằng thuở sơ khai có một đấng tạo ra hiện hữu, tạo ra vũ trụ này. Vũ trụ từ *không* đột nhiên trở thành *có*. Còn chúng ta, chúng ta chỉ tin vào sự biểu hiện. Người không phải tạo sinh, người chỉ là biểu hiện. Đó là bản chất của giáo lý Duy biểu. Em không bị lệ thuộc vào sinh diệt, có không, tới đi, còn mất. Bản chất của em là không sinh, không diệt, không thêm, không bớt. Để đối trị với cái ưu tư (angoisse), đạo Phật hiến tặng cho chúng ta tuệ giác Niết bàn, đó là tuệ giác về tính chất bất sinh bất diệt. Ta có thể vượt thoát khỏi cái ưu tư của con người bằng cách tu tập, sống sâu sắc và thoải mái vượt thoát ý niệm tử sinh.

*Rừng cây đã thay xong áo mới
Ngày mùng mười có hai đứa trẻ con nhà ai,
nhắm tay nhau chạy tung tăng trên bãi cỏ xanh non,
tiếng cười trong veo
như tiếng hót chim hoàng oanh buổi sáng
Chúng băng qua đồng cỏ và dừng lại bên cửa rừng
Nắng phơi phơi reo*

Hai đứa trẻ con nhà ai? Đó là chúng ta. Chúng ta tìm về cội nguồn với tư cách một tăng thân.

*Chúng băng qua đồng cỏ và dừng lại bên cửa rừng
Nắng phơi phơi reo
Avril đã về trong rừng cây,
đứa bé thì thào bên tai đứa lớn*

Hai đứa trẻ con có thể là hai anh em, hay hai chị em. Ý thức kia đã bùng lên trong tâm tư những đứa bé. Chúng thấy được rằng Avril đã biểu hiện. Đây là một lời tuyên bố: *mùa Xuân đang có mặt*. Như khám phá ra điều gì tối quan trọng. Ta có thể nghĩ: Chuyện mùa Xuân đang có mặt thì có gì là ghê gớm, hay lạ kỳ lắm đâu. Nhưng đối với sự phát sinh của ý thức thì đây là chuyện cực kỳ quan trọng, là một khám phá lớn. Cũng vậy, quý vị đang sống trong mùa Xuân cuối cùng của thế kỷ thứ 20 mà quý vị đâu có biết. Tự nhiên có một tiếng chuông chánh niệm gióng lên, quý vị bỗng thức tỉnh và biết rằng mình đang sống trong mùa Xuân cuối cùng của thế kỷ thứ 20. Đó là một khám phá màu nhiệm. Có thể là khám phá lớn nhất trong cuộc đời quý vị, như khám phá ra một điều tối quan trọng.

Chúng nắm chặt tay nhau và cùng lắng tai nghe. Mùa Xuân là một bản hòa tấu và hai đứa bé đã bắt đầu nghe thấy khúc nhạc bắt diết của mùa Xuân. Quý vị đã bắt đầu nghe chưa? Phải rồi, khúc hát bắt diết của mùa Xuân. Hai đứa nhìn nhau. Ta hãy nhìn sự anh của ta, ta hãy nhìn sự em của ta. Ta thấy rằng cuộc đời màu nhiệm quá. Trong giây

phút hiện tại nếu ta chìm trong quên lãng, hoặc trong giận hờn thì đó là một sự uổng phí rất lớn. Avril đã về trong rừng cây, phen này đứa lớn thì thắm bên tai đứa bé. Cả hai đứa đều nói một lời. Dị khẩu đồng âm. Đó là biểu lộ của sự tỉnh thức. Tôi đã thấy, tôi đã nghe và tôi đang sống.

*Nắng ấm tràn lan cây cỏ
bống con nai con xuất hiện ở cửa rừng suối nắng
bốn gót chân mang theo hương thơm
những bông hoa vàng, tím trong rừng
Có đàn bướm lạ tung tăng đột cây, bờ suối
bay đến gần nai.*

Nai con bước trên những bông hoa vì vậy bốn gót chân của nó cũng trở thành hương hoa. Khi nai tới gần bờ suối những con bướm làm tưởng bốn gót chân của nó là hoa cho nên đều tìm tới gần nai.

*Nắng ấm vẫn reo
dòng nước vẫn đi vào lòng đồng cỏ xanh êm ái
nhưng con nai con và hai đứa bé
đã cùng lạc vào rừng sâu
tìm theo tiếng hát nhiệm màu.*

Cả con nai và cả hai đứa bé đều đang đi tìm bông hoa, nơi phát xuất của khúc hát mùa Xuân. Chúng ta cũng vậy, chúng ta đang đi tìm cội nguồn của bản hợp tấu. Chỉ khi

nào tìm được thì chúng ta mới chấm dứt công cuộc kiếm tìm của mình.

*Bỗng nhiên có tiếng nổ dòn dập kinh hoàng
một đàn chim sắt ào ào bay đến
tóc tung lửa đồng, khắc trên đồng xanh, mặt suối
rào rào xé mây tung gió
tự nhiên rừng cây bật tiếng hát ca.*

Đây là sự can thiệp của chiến tranh, là sự có mặt của vô minh, của những phiến não tham, sân, si; là bạo động đi vào khung cảnh của biểu hiện. Trong lúc bạo động và căm thù biểu hiện thì cố nhiên sự biểu hiện của Pháp thân ngưng lại và tự nhiên rừng cây bật tiếng hát ca. Bật tiếng hát ca tức là không còn nghe tiếng hát ca nữa, chứ không phải tiếng hát ca không còn.

*Hoa khép không dâng hương,
suối trong không soi dáng mây trời,
chim chóc lặng im
như khi đêm về nằm im trong tổ kín.
Nhưng rồi cuối cùng đàn chim sắt bay đi
rừng xanh trở về bình an,
thanh tịnh
Rừng cây mỉm cười
Tiếng hát ca mùa tuôn dảy
vẫn như chưa từng bao giờ đứt đoạn.*

Ta có thể thấy rằng khi những chiếc máy bay tới đội bom và đốt phá thì tiếng hát bị đứt đoạn; nhưng khi đàn chim sắt bay đi, ta lại nghe khúc hát bất diệt muôn đời của mùa Xuân, như chưa từng bị đứt đoạn. Đó là cái thấy của con nai và hai đứa bé. Cành lá chuyền nhau tin vui. Chiếc lá này vẫy gọi chiếc lá kia: máy bay đi rồi, máy bay đã đi rồi. Bản tin hòa bình trong rừng đã được thiết lập và chuyền đi rất nhanh.

*Cành lá chuyền nhau tin vui
tiếng thì thầm êm ái
con nai con đã cùng hai đứa bé
tìm ra bông hoa tím nhỏ
(Bông hoa vẫn không ngưng lời hát ca).*

Đây là một thành tựu rất lớn và rất đẹp. Đứa bé chính là chúng ta. Chúng ta đã tìm được bông hoa màu nhiệm, đã tiếp xúc được với tự tính bất sinh bất diệt của hiện hữu. Khi con nai và hai đứa bé tìm ra bông hoa tím nhỏ thì chúng cũng khám phá rằng bông hoa vẫn không ngưng lời hát ca. Bông hoa chưa bao giờ ngưng lời hát, dầu máy bay đang dội bom và đốt phá thì nó vẫn cứ hát ca; nó hát ca trong Bản môn của chính mình. Câu “*Bông hoa vẫn không ngưng lời hát ca*” nằm ở trong ngoặc đơn để cho mọi người chú ý tới điều đó, vậy thôi.

*Đứa nhỏ ôm lấy đầu nai
đứa lớn vuốt ve mình nai*

*tất cả hát theo bài hát ngàn đời
của nhiệm màu hiện hữu.*

Nai là biểu tượng của cái tôi, tức là của ý thức. Hai đứa bé bây giờ đã xúm lại chơi với nó. Đứa bé ôm lấy đầu nai, đứa lớn vuốt ve mình nai. Cả ba bắt đầu tham dự vào cuộc hòa tấu bản nhạc Trùng trùng Duyên khởi. Cả ba đều hát theo chim, hoa, cây, suối. Chúng nghĩ rằng mình chỉ mới bắt đầu hát theo, nhưng kỳ thực chúng cũng đã từng hát tự muôn ngàn kiếp trong bản môn của mình.

*Ngoài kia nắng ấm vẫn reo
Avril về trong rừng cây nguyên vẹn*

Nguyên vẹn có nghĩa là những gì xảy ra trong Tích môn không chạm được vào Bản môn. Chưa bao giờ có sự mất mát. Không có gì thêm, không có gì bớt. Không có bắt đầu, không có kết thúc.

Dòng suối đi sâu êm êm vào lòng đất

Dòng suối tượng trưng cho tình thương, cho sự sống; cũng như đồng cỏ tượng trưng cho sự tự do và rừng cây tượng trưng cho sự vững chãi. Rừng cây, bãi cỏ xanh non và một dòng nước thấm vào lòng đất.

*Dòng suối đi sâu êm êm vào lòng đất
và muôn vạn bông hoa vàng tím đã nở tự bao giờ,
lắm tấm trên cánh đồng cỏ xanh non.*

Đó là những hình ảnh mà quý vị thấy hàng ngày khi đi thiền hành lên đồi. Đây là sự xuất hiện của hàng vạn bông thủy tiên nơi Pháp Thân Tạng của Xóm Thượng, đây là sự xuất hiện của hàng triệu vị Bồ Tát Tùng Địa Dững Xuất. Các vị này đều là đệ tử và là cộng sự của Bụt Thích Ca. Họ nói: Chúng tôi là những đứa con của trái đất. Chúng tôi đủ sức chăm sóc và cứu độ tất cả mọi loài chúng sinh trên trái đất. Xin các vị Bồ Tát tới từ các hành tinh khác đừng lo. Đây cũng là sự xuất hiện của hằng hà sa số chư Bụt. Sự có mặt của một bông hoa chứng minh sự có mặt của hằng hà sa số bông hoa khác.

Mỗi khi đi thiền hành lên đồi với ý thức chánh niệm, tất cả chúng ta đều có cơ hội gặp gỡ và tiếp xúc với mùa Xuân bất diệt, với bông hoa đang hát ca, với bài hát của hiện hữu nhiệm màu, với Bụt Thích Ca, với hằng sa Bồ Tát Tùng Địa Dững Xuất. Cảnh giới mô tả trong *Trường ca Avril*, cũng như cảnh giới Bất Khả Tư Nghì của Pháp thân Hoa Tạng, là cảnh giới hàng ngày trong sự sống của chúng ta. Lát nữa đây đi thiền hành lên đồi, mỗi chúng ta hãy nhớ nhận diện cho bằng được sự biểu hiện của các vị Bồ Tát Tùng Địa Dững Xuất.

Giây phút chạnh lòng

- THẾ LỮ

Tặng tác giả “Đoạn tuyệt”

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi
Đã quyết không mong xum họp mãi
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?*

*Non nước đang chờ gót lãng du
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.*

*Anh đi vui cảnh lạ, đường xa
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?*

Rồi có khi nào ngấm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dùng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây.

Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giam hãm thân trong cảnh nặng nề
Vẫn để hồn theo người lặn đạn
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi.

Lấy câu khẳng khái tiến đưa nhau
Em muốn cho ta chẳng thấm sâu
Nhưng chính lòng em còn thốn thức
Buồn kia em giấu được ta đâu?

Em đứng nương mình dưới gốc mai
Vìn ngành sương đọng, lệ hoa rơi
Cười nâng tà áo đưa lên gió
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lẳng lẳng
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.

Năm năm theo tiếng gọi lên đường
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương

Mấy lúc thân thờ trông trở lại
Để hồn mơ tới bạn quê hương.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ chẳng đường trông
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vẫn chạnh lòng.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan
Trong lúc gần xa pháo nổ ran
Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Lòng ta tha thiết được tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đầm trông miên cách biệt,
Phút giây chùng mõi gót phiêu lưu...

Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân?

Bài thơ *Giây phút chạnh lòng* của Thế Lữ được viết năm 1936 để tặng Nhất Linh - tác giả tiểu thuyết *Đoạn tuyệt*. Tôi nhớ bài thơ này được in ở trang đầu quyển *Đoạn tuyệt*.

Trong cuộc sống hàng ngày đôi khi tâm mình hơi chùng xuống một chút, yếu đi một chút, mất đi một ít năng lượng, giây phút ấy gọi là giây phút chạnh lòng.

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi
Đã quyết không mong sum họp mãi
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?*

Đó là lời của một người con gái nói với một người con trai trong giờ phút người con trai từ giã cô để lên đường thực hiện lý tưởng của mình. Chuyện xảy ra đã nhiều năm trước và hôm nay người con trai ngồi hồi tưởng lại.

Đất nước ngày đó còn nằm dưới sự đô hộ của người Pháp. Những thanh niên Việt Nam lớn lên bắt đầu ý thức

được rằng đất nước mình không phải là một đất nước độc lập cho nên tâm tư họ nảy sinh những xao xuyến, thao thức làm thế nào để giành lại độc lập cho đất nước mình, để tự mình làm chủ lấy mình?

Trong khi đó guồng máy công an, cảnh sát dưới sự cai trị của người Pháp rất hùng hậu, vững mạnh. Họ tìm mọi cách để người Việt không có cơ hội đứng dậy giành lại chủ quyền dân tộc. Thế nhưng, thanh niên tân học nhận thấy rõ ràng rằng người dân của một nước mà không làm chủ được đất nước của mình là một chuyện rất nhục nhã, chẳng những đối với quốc dân trong giờ phút hiện tại mà đối với tổ tiên cũng thế, bởi vì tổ tiên mình đã từng tranh đấu để quốc gia có chủ quyền, độc lập. Trung Quốc từng đô hộ nước Việt Nam cả một ngàn năm. Việt Nam trở thành lãnh thổ, một tỉnh của Trung Quốc. Việt Nam trong thời kỳ ấy hoàn toàn bị mất chủ quyền về tay người Trung Quốc.

Khi Thế Lữ viết bài này thì Việt Nam đã bị Pháp đô hộ gần một trăm năm. Thế Lữ cũng như một số bạn bè từng có cơ hội sang Pháp du học, đậu bằng cử nhân khoa học, nên họ biết thế nào là một quốc gia có chủ quyền. Vì vậy khi trở về nước họ thao thức, muốn kết hợp bạn bè tìm mọi cách để có cơ hội giành lại độc lập cho tổ quốc.

Người Pháp không cho phép xuất bản những tờ báo, hoặc in những cuốn sách, hoặc thành lập những tổ chức với

mục đích khơi dậy ý thức cho quốc dân nhằm khôi phục lại nền độc lập. Nhưng các thanh niên đó đã tìm đủ mọi cách khéo léo để cho ra những tờ báo, lập những nhà xuất bản nhằm gián tiếp truyền bá những tư tưởng đó cho quốc dân. Chỉ cần một tờ báo thôi, một nhà xuất bản thôi, vậy mà trong vòng sáu năm, bảy năm họ đã khơi dậy ý thức trong quốc dân và có ảnh hưởng rất lớn đối với quốc dân. Nhất Linh là một trong số những người đã từng bí mật tổ chức những đảng chính trị để hoạt động, đã từng bị người Pháp bắt giam, từng trốn qua Trung Quốc để lánh nạn. Chính vì thế, những điều Nhất Linh nói, hay Thế Lữ nói đều là những điều phát xuất từ kinh nghiệm của hai người.

Anh đi đường anh, tôi đường tôi

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi

Đã quyết không mong sum họp mãi

Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?

Người con gái nói với người con trai: Anh đi cứu nước đi, em sẽ ở nhà. Người con gái tên Loan và người con trai tên Dũng. Loan sinh trưởng trong một gia đình phong kiến với những lễ thói không còn phù hợp với nếp sống mới nữa, nhất là tình trạng mẹ chồng nàng dâu đã làm Loan khổ sở rất nhiều. Loan từng được học trường Tây và đã học hết bằng trung học Pháp. Cô chịu ảnh hưởng của

tư tưởng phương Tây về tình yêu tự do và không muốn bị ràng buộc vào nếp sống phong kiến đại gia đình. Nhưng vì hoàn cảnh, Loan bắt buộc phải lấy Thân mà không được lấy người cô yêu là Dũng, vì Dũng có những tư tưởng cách mạng nguy hiểm nên cha mẹ Loan cấm cô không được yêu Dũng, lấy Dũng mà bắt phải lấy Thân - một người con trai rất tầm thường.

Hai vợ chồng Loan có một đứa con nhưng chẳng may đứa bé chết. Mẹ chồng Loan nghĩ rằng vì Loan không thể sinh đẻ được nữa nên đã bắt ép cô phải đồng ý cho Thân cưới vợ lẽ. Loan vốn được học trường Tây, cô mang trong mình tư tưởng tự do cá nhân của phương Tây mà giờ đây phải sống trong môi trường gia đình phong kiến cổ hủ với những lễ thói ép buộc vô lý như vậy thì rất đau khổ, cho nên cô thường nhớ tới người yêu xưa là Dũng. Còn Dũng vì thấy mình không còn cơ duyên nào cưới Loan nên quyết tâm đi kháng chiến, làm cách mạng.

Có một nguyên do thâm kín nữa là mẹ của Loan có mắc nợ mẹ Thân nên phải hứa gả Loan cho Thân. Điều này Loan chỉ biết sau khi sự việc bị đổ vỡ. Trong một cuộc xung đột, khi Thân xông tới đánh Loan thì tai nạn xảy ra. Thân vấp té vào lưỡi dao Loan đang cầm để rọc giấy, lưỡi dao đó đâm vào bụng Thân và Thân chết. Lúc ấy báo chí Hà Nội đăng tin: “Cô Loan giết chồng! Cô Loan giết chồng!” Rốt

cuộc, nhờ một đôi vợ chồng người bạn vận động các luật sư giỏi để cãi cho Loan, cuối cùng cô được tha bổng vì đây là trường hợp tai nạn chứ không phải tội cố ý giết chồng. Lúc đó Dũng đang hoạt động cách mạng, bí mật đi công tác về thành phố và đã nghe tin có buổi xử án như vậy.

Đó là đêm giao thừa. Người con trai không có gia đình đã bôn ba nhiều năm, sống rất vất vả, khó khăn. Trong khi về công tác ở thành phố và được nghỉ ngơi một vài ngày trước khi tiếp tục lên đường thì nghe tin tòa xử trắng án cho Loan. Dũng nhớ lại ngày xưa khi hai người yêu nhau, và có ý rằng bây giờ Loan được tự do rồi, mình sẽ tìm cách liên lạc với cô để nối lại tình xưa. Thế là Dũng nhờ vợ chồng cô giáo Thảo liên lạc để dò xem ý Loan thế nào? Những ý tưởng này tới với Dũng khi anh một mình nằm trên căn gác lạnh lẽo trong buổi chiều cuối năm và nhớ lại những điều ngày xưa Loan đã nói với anh lúc hai người chia tay:

Anh đi đường anh, tôi đường tôi

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.

Lúc ấy giọng điệu Loan rất cứng cỏi, mạnh mẽ nhằm giúp Dũng phấn chấn lên đường, có thêm nghị lực mà hoàn thành công việc.

Cô còn nói: Duyên của chúng ta không thuận lợi nên em đành đi lấy chồng, anh đi làm cách mạng. Tại sao phải

vương vắn nhau cho khổ? Anh cứ đi đi và em sẽ âm thầm
yểm trợ cho anh.

*Đã quyết không mong sum họp mãi
Bạn lòng chi nữa lúc chia phôi?*

Tại sao phải bịn rịn, anh cứ đi, em không sao đâu!

*Non nước đang chờ gót lãng du
Đâu đây vắng tiếng hát chinh phu
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ*

Nước non đang cần những người con trai như anh.
Anh hãy đi đi. Chinh phu là những người con trai đi đánh
trận, đi làm cách mạng đánh đuổi quân ngoại xâm.

Em có thương, có tiếc thật nhưng vì lý tưởng mà em
đành để anh đi, thúc giục cho anh đi; vì anh là con trai, anh
không nên bịn rịn.

Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

“Hải hồ” tức là sông biển, nơi người con trai có không
gian thênh thang tung hoành. Còn tình là cái vướng víu,
nếu anh có chí hướng cao cả, anh phải giựt đứt sợi dây tình
để có không gian thênh thang mà thực hiện chí hướng của
người trai trẻ.

*Anh đi vui cảnh lạ đường xa
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?*

Anh đang đi trên con đường rất đẹp, con đường của cách mạng, con đường đem lại độc lập tự do cho đất nước. Anh đã có chí bình sinh, có tình yêu đối với tổ quốc, anh sẽ không sợ nắng mưa, khó khăn. Cuộc sống của anh đã hiến tặng cho lý tưởng phụng sự đất nước, tại sao anh còn bịn rịn làm chi?

Người con gái đem chút duyên tơ, sự thông minh và thiện chí của mình để giúp người con trai ra đi, rất vững vàng. Nhưng sức người có hạn, cô chỉ nói được như thế trong mười hai câu thôi, đến câu thứ mười ba thì giọng cô chùng xuống.

*Rồi có khi nào ngắm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dừng chân trên bến sông xa vắng
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây.*

Trong bốn câu này, tâm tình của Loan bắt đầu chùng xuống và tất cả những thiện chí được diễn tả trong mười hai câu trên do đó mà tan thành mây khói. Trên con đường anh đi, có khi nào anh dừng lại ngắm một bóng mây ở

chân trời? Một buổi chiều nào đó lành lạnh gió heo may,
đứng trên bờ sông xa vắng, xin anh nhớ lại một chút rằng
ngày xưa chúng ta đã từng yêu nhau.

*Dừng chân trên bến sông xa vắng
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây*

Như vậy là chết rồi!

*Xin anh cứ tưởng, bạn anh tuy
Giảm hãm thân trong cảnh nặng nề
Vẫn để hồn theo người lận đận
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi.*

Anh nên nhớ bạn của anh tuy đang bị kẹt trong một
hoàn cảnh nặng nề, khó thở, nhưng trái tim của người đó
vẫn luôn luôn theo dõi bước chân anh, cầu nguyện cho
anh đạt thành chí nguyện. Đó là những lời cô đã nói nhiều
năm về trước và bây giờ anh đang nhớ lại. Anh cảm thấy cô
độc, cảm thấy cuộc đời của người chinh phu thật lạnh lẽo,
có những giây phút nhớ nhà, có những giây phút cần sự ấm
cúng, cần sự có mặt của một người thương. Giây phút đó là
giây phút chạnh lòng.

*Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau
Em muốn cho ta chẳng thấm sầu
Nhưng chính lòng em còn thốn thứt
Buồn kia em giấu được ta đâu?*

Chàng trai ngay từ lúc đó đã biết rằng tuy cô gái dùng những lời khẳng khái để động viên mình nhưng kỳ thực trái tim cô còn thổn thức lắm.

*Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thấm sâu.*

Là sự vuột ve, là lòng tốt của người con gái.

Nhưng chính lòng em còn thổn thức.

Anh biết rằng trái tim của em đang thổn thức, nỗi buồn của em, làm sao giấu được anh?

*Em đừng nương mình dưới gốc mai,
Vịn ngành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.*

Khi chia tay, hai người đứng dưới một gốc mai. Loan vịn cành mai, và có những cánh mai rơi rụng xuống. Hoa khóc chứ em đâu có khóc, Loan đã nói như vậy.

*Rời bỗng ngừng vui cùng lẳng lẳng
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.*

Hai người nói nói, cười cười nhưng tới giây phút biệt ly, người con trai phải đi thôi. Hai người không nói nữa, chỉ

im lặng, im lặng trong chốc lát rồi người con trai bước đi. Đó là giây phút khó khăn nhất cho cả hai người vì không có hy vọng gì để trong tương lai hai người có thể đoàn tụ với nhau được.

Anh đi đường anh tôi đường tôi

Đất nước đang lâm nguy, lại thêm ảnh hưởng nặng nề của chế độ phong kiến nên đã gây ra không biết bao nhiêu mất mát, chia ly và đau thương. Ta có thể thấy hai vấn đề lớn của đất nước vào những năm 30 của thế kỷ 20: thứ nhất là đất nước không có chủ quyền; thứ hai là xã hội đang bị chìm đắm, ràng buộc trong những lễ thói phong kiến cổ hủ.

Dân trí chưa mở mang và những tập tục phong kiến chưa thể tháo được là hai trở lực mà cả hai người phải chịu đựng. Người con trai ra đi hoạt động để thay đổi tình trạng đó, còn người con gái ở nhà có thể làm gì hay chỉ tiếp tục trở thành nạn nhân cho những tập tục phong kiến của gia đình xưa?

Nhất Linh sinh vào năm 1905, viết cuốn tiểu thuyết này năm 31 tuổi. Cuốn sách có tựa là *Đoạn tuyệt*, muốn đoạn tuyệt với tất cả những gì cổ hủ, phong kiến của xã hội, của gia đình đã trói buộc tự do của con người. Thế Lữ viết bài thơ *Giây phút chạnh lòng* này để tặng Nhất Linh cũng vào năm đó, tức năm 1936.

Hội đó họ chỉ là một nhóm nhỏ khoảng sáu, bảy người, gọi là nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Họ sinh ra vào đầu thế kỷ 20, khoảng năm 1905, 1906 và 1907. Họ có cơ duyên được đi học và chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do dân chủ của phương Tây nên quyết định phải làm một điều gì cho đất nước. Một mặt, họ muốn tổ chức những hội kín để vận động quần chúng đi tới chuyện lật đổ chính quyền Pháp; mặt khác, họ biết mật thám Pháp tiềm tàng khắp nơi - trong đó có rất nhiều người Việt theo Pháp làm tay sai - để dò thám họ, cho nên công việc của họ gặp rất nhiều khó khăn. Biết bao nhiêu người đã bị bắt, bị ở tù, bị xử tử vì muốn đứng dậy làm cách mạng đánh đuổi Pháp.

Năm 1932, có một tờ báo sắp đóng cửa tên là Phong Hóa, nhóm văn nghệ sĩ ấy xin lại giấy phép của tờ báo đó và với tài năng của mình, họ làm cho tờ Phong Hóa trở thành một tờ báo rất nổi tiếng trong quốc dân. Họ viết những truyện ngắn, truyện dài, làm thơ, viết những bài khảo luận đánh động tâm trí của giới trẻ và tít khắc có rất nhiều thanh niên trong nước trở thành độc giả của tờ Phong Hóa (Bộ mới 1932, số 13).

Nhất Linh, tên thật Nguyễn Tường Tam, có người em trai là Nguyễn Tường Long - bút hiệu Tú Ly. Tú ly là giờ xấu nhất trong ngày (người ta thường kiêng làm những việc quan trọng vào giờ này), và Tú Ly đã chứng tỏ mình

là một cây bút châm biếm tài tình. Tất cả những gì cổ hủ, lỗi thời, lỗi bịch, Tứ Ly đều dùng ngòi bút để châm biếm; ông đã làm cho chính quyền, nhất là chính quyền Pháp, rất sợ hãi; năm 1936 chính quyền Pháp bắt phải đóng cửa tờ Phong Hóa.

Sau đó mấy anh em nhóm Tự Lực Văn Đoàn tìm cách cho ra đời một tờ báo khác với tên gọi Ngày Nay. Kỳ này, Nguyễn Tường Long bỏ bút hiệu Tứ Ly, lấy bút hiệu mới là Hoàng Đạo - Hoàng đạo là giờ tốt nhất trong ngày. Với những bài khảo luận, truyện ngắn, truyện dài, họ giúp mở mang dân trí; và chỉ trong vòng bảy, tám năm, họ đã giúp thay đổi được suy nghĩ của cả một thế hệ thanh niên trong nước. Tôi lớn lên trong hoàn cảnh ấy và đã chịu ảnh hưởng tư tưởng, văn chương của Tự Lực Văn Đoàn khá nhiều.

Người con trai lớn lên trong hoàn cảnh, trong không khí ấy, rõ ràng chỉ có hai con đường: một là vâng lời cha mẹ đi cưới vợ và sống trong môi trường cũ; hai là bỏ nhà đi làm cách mạng. Một là hành động như Loan, lập gia đình, sanh vài đứa con, cho chúng đi học rồi chịu đựng tất cả những tập tục cổ hủ; hai là làm như Dũng, cương quyết bỏ nhà ra đi làm cách mạng. Nếu không có nhân duyên trở thành người xuất gia, chắc tôi cũng đã đi vào một trong hai con đường ấy; và hôm nay, tôi đã không ngồi đây.

Thời đó Tự Lực Văn Đoàn có ảnh hưởng rất lớn, thơ của Thế Lữ, Xuân Diệu và tiểu thuyết của Khái Hưng, Nhất Linh ảnh hưởng rất nhiều đến thế hệ trẻ. Nhà thơ Nguyễn Bính với những câu thơ mộc mạc cũng gây ảnh hưởng sâu sắc cho tôi.

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông*

.....

*Cột nhà hàng xóm lên cầu đôi
Em đọc tương tư giữa giấy hồng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông.*

Tôi đọc những dòng này hồi mười mấy tuổi mà tới bây giờ vẫn thuộc.

*Đêm nay em thức thi cùng nến
Ai biết tình em với núi sông*

Khi lớn lên, cứ vào đêm giao thừa tôi cũng thích ngồi một mình, đốt đèn bạch lập và đọc thơ. Năm nào cũng vậy, chỉ vì chịu ảnh hưởng vồn vẹn hai câu thơ của Nguyễn Bính. Và khi đã trở thành một thầy tu trẻ, tôi vẫn giữ thói

quen, cũng tìm ba ngọn bạch lập (đèn cầy trắng), cũng đem thơ của thi sĩ mình yêu thích ra đọc. Bây giờ, tôi đã bỏ thói quen ấy, đêm giao thừa chỉ ưa ngồi chơi với đệ tử thôi.

Ngày xưa có cái một là những người trí thức văn nghệ sĩ hễ tới giờ giao thừa là phải đốt nến, đốt trầm để đọc thơ, nhất là nến bạch lập (đèn cầy trắng) và thơ phải in trên giấy thật tốt tức là giấy bản trắng. Đọc thơ Đường in trên giấy lụa dưới ánh sáng của bạch lập là một hình ảnh đẹp. Hồi đó chưa có đèn điện, mà thắp đèn dầu mờ mờ thì đọc thơ không rõ lắm, vì vậy thắp lên một, hai hay ba ngọn bạch lập để có đủ ánh sáng đọc thơ.

Cách đây mấy hôm, tôi thấy có một vị trên Xóm Thượng đọc tiểu thuyết của Minh Đức Hoài Trinh, tôi nói thôi đừng đọc cái này. Tại vì tôi biết hơn ai hết, mình đọc cái gì thì sẽ thường chịu ảnh hưởng từ cái đó. Vì vậy phải rất cẩn thận với nội dung văn nghệ mà mình tiêu thụ. Trong Luật nói rằng, một vị sa di, sa di ni muốn đọc sách gì thì phải hỏi Y chỉ sư, điều này rất đúng. Bởi nếu rủi mình lỡ đọc những cuốn sách có chứa những điều độc hại thì sẽ gây hại mình lâu lắm.

Hồi còn học tăng tại Phật học đường Báo Quốc, tất cả các tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn chúng tôi đều không được đọc. Có mấy chú học tăng “ăn gian”, làm một thư viện bí mật, mua những cuốn tiểu thuyết của Tự Lực

Văn Đoàn, rồi đem giấu trên một cây nhãn. Nếu có chú nào muốn đọc thì chỉ cần ra vườn leo lên cây nhãn mà đọc. Ở dưới, dù các thầy có đi ngang qua cũng không biết trên đầu mình có học tăng đang đọc tiểu thuyết. Mình tưởng như vậy là mình khôn ranh lắm, qua mặt được các thầy, ai dè làm như vậy là tự đầu độc bản thân. Dầu đã là tỳ kheo, tỳ kheo ni rồi thì mình cũng phải cẩn thận lắm mới được, chỉ nên đọc và thưởng thức những cuốn sách, những tác phẩm văn nghệ nào không gây độc hại cho trái tim mình mà thôi.

Năm 1935, Hội Phật giáo Bắc Kỳ xuất bản một tạp chí Phật học tên là Đuốc Tuệ. Sự kiện tờ Đuốc Tuệ đã cứu tôi. Nếu chỉ có Tự Lực Văn Đoàn thì một là tôi làm Loan và hai là làm Dũng. Nhưng nhờ có Đuốc Tuệ mà tôi đã làm Phùng Xuân. Tuy đã là Phùng Xuân rồi, nhưng Loan và Dũng vẫn cứ bám lấy tôi, bởi vì những hạt giống mình đã gieo trước đó vẫn tiếp tục đi theo mình. Nhưng may thay, hạt giống của Đuốc Tuệ rất mạnh nên nó có thể ôm cả hai hạt giống kia mà không sao hết. Tờ Đuốc Tuệ có những bài viết về Nhân Gian Phật giáo, tức là về đề tài Phật giáo đi vào cuộc đời. Mầm mống về ước nguyện đem đạo Phật nhập thế trong tôi đã xuất hiện từ đó.

Tờ Đuốc Tuệ có nhiều bài viết nói đến các thiền sư Việt Nam trong quá khứ và hạnh nguyện của các ngài trong việc

giúp dân, giúp nước. Điều này giúp tôi nhận thấy đạo Phật có thể đóng một vai trò rất lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và cứu độ con người. Con đường phục vụ đất nước theo tinh thần Đạo Phật Nhập Thế đã mở ra cho tôi một chân trời mới thật rộng lớn.

Tại thư viện quốc gia Pháp ở Versaille, quý vị có thể tìm thấy những tờ Đuốc Tuệ ngày xưa, vì mỗi số Đuốc Tuệ được phát hành phải đem nộp lưu chiểu một bản. Và người Pháp đã đem về nước đầy đủ các ấn bản đã được phát hành từ số đầu (khoảng năm 1935) đến số cuối (khoảng năm 1945), lưu trữ tại thư viện quốc gia Pháp. Tờ Đuốc Tuệ chỉ được lưu hành khoảng mười năm. Nếu không có tờ Đuốc Tuệ và không có mười năm đó, thì đã không có tôi đang ngồi đây. Do vậy, những gì quý vị đang làm như Lá Thư Làng Mai, nhà xuất bản Parallax, nhà xuất bản Lá Bối, những khóa tu được tổ chức khắp nơi... sẽ ảnh hưởng rất lớn đối với các thế hệ hôm nay và mai sau. Có thể trong vòng 5 năm hay mười năm nữa, chúng ta sẽ tạo ra được một thế hệ mới và có thể làm nên lịch sử. Nên biết rằng, chúng ta đang nắm giữ lịch sử trong tay.

Ngày xưa nhóm Tự Lực Văn Đoàn chỉ tồn tại chưa đến mười năm, nhưng đã làm được chuyện rất lớn. Chúng ta với tư cách là một Tăng thân, nếu ý thức được con đường mình đi thì trong vòng mười năm chúng ta cũng có thể làm nên lịch sử.

*Năm năm theo tiếng gọi lên đường
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương
Mấy lúc thần thờ trông trở lại
Để hồn mơ tới bạn quê hương.*

Cuộc sống của người chiến sĩ, của người đang ở chiến khu rất cực nhọc, không được an ủi, thiếu thôn tình thương nên thỉnh thoảng trong lòng hay nhớ người yêu cũ. Đây là một điểm yếu, và người con trai biết rằng nếu muốn thành đạt chí nguyện thì mình phải cương quyết đi tới, đừng để tâm hồn chùng lại, đừng để lòng mình có những giây phút trầm lắng xuống. Nhưng đã sinh ra làm người thì sao thoát khỏi những giây phút chạnh lòng, những giây phút mà lòng mình, trái tim mình bất chợt yếu đi.

*Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng,
Gác tình duyên cũ thẳng đường trông.
Song lệ hương khói yêu đương vẫn,
Phảng phất còn vương vẫn chạnh lòng.*

Người con trai hay người con gái nào lớn lên mà không khao khát thương yêu? Dù lý tưởng của mình có vĩ đại cách mấy, dù Bồ Đề Tâm của mình có vững chãi cách mấy thì niềm khao khát ấy cũng vẫn luôn còn đó. Trên bước đường phụng sự, trên bước đường cách mạng và thực hiện lý tưởng nếu có xảy ra những giây phút *“phảng phất còn vương*

vân chạnh lòng” cũng là chuyện bình thường. Tôi đã quán chiếu và đã thấy trong trường hợp của một nhà cách mạng và trong trường hợp của một người tu có sự khác nhau.

Một bài thơ khác của Thế Lữ có thể giúp mình hiểu thêm về bài *Giây phút chạnh lòng* đó là bài *Tiếng gọi bên sông*. Tôi xin đi lạc đề một chút để đọc bài thơ này.

*Ta là một khách chinh phu,
Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ
Mũi lướt bốn bề sương nắng gôi,
Phong trần quen biết mặt âu lo.
Vất vả bao từng, chi sá kẻ?
Gian lao như lửa rèn tâm trí
Bảy lâu non nước mãi xông pha
Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.

Trong thuở bình sinh đôi mắt ta
Không hề cho đắm lệ bao giờ
Cười theo thất bại, khinh nguy hiểm
Nặng gót vang đường nhịp khúc ca.
Đang độ nam nhi vui trẻ hoài
Sầu tư bi thiết, gác bên tai
Trái tim chỉ rộn khi cảm tức
Ghét lũ vô minh, giận nổi đời.*

Vì bất bình, vì muốn có tự do dân chủ và bình đẳng xã
hội mà đi làm cách mạng, vậy thôi.

*Trong khi lật đật nẻo sông Mê
Trận gió heo may đuổi nhạn về
Bụi cuốn đường xa, chinh khách mới
Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia*

Cố nhiên trên bước đường của người chiến sĩ lâu lâu
cũng có những giờ phút mệt mỏi, nếu trong những giờ
phút ấy có một tiếng hát trong trẻo văng lên thì lòng người
chinh khách sẽ chùng xuống:

*Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền
Êm như hơi gió thoảng cung tiên
Cao như thông vút, buồn như liễu,
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.*

Một người đi đường dài từ ngày này sang ngày khác,
hai chân đã mỏi, mồ hôi đầm đìa, khát nước, cổ họng cháy
khô mà tự nhiên thấy một dòng nước trong, nghe tiếng
suối reo thì bảo không dừng lại sao được? Trong lúc mệt
mỏi mà được nghe một tiếng hát văng vẳng bên đường.

*Chinh phu trong dạ đường tề tái
Quay gót ta buồn trông trở lại*

*Đường vẫn còn xa, còn phải đi
Song le tiếng hát bên sông gọi.*

Người thiếu nữ bên sông nói rằng anh đi đâu mà vội vàng, anh hãy ngừng lại ở đây, và lời đó đánh động tới sự khao khát yêu thương của người con trai.

*Tiếng ái ân kia réo rất hoài
Mà lời mây nước giục bên tai.*

Có hai khuynh hướng chống đối nhau, một bên là tiếng hát của ái ân cứ tiếp tục réo rắt; một bên là lời mây nước giục bên tai rằng anh phải đi, phải đi vì chí nguyện buộc anh phải dứt khoát lên đường.

*Đau lòng dứt mối tơ vương vẫn
Nước mắt đầu tiên lã chã rơi.*

Người con trai vừa khóc vừa bước đi vì không thể dừng lại được nữa, vì dừng lại là phản bội chí nguyện của chính mình. Cái thế tương phản ở trong lòng khiến người con trai khóc. Và đây là lần đầu tiên anh khóc.

*Trong thuở bình sinh, đôi mắt ta
Không hề cho đắm lệ bao giờ*

Tôi chưa bao giờ khóc, tôi chỉ:

*Cười theo thất bại, khinh nguy hiểm
Nện gót vang đường nhịp khúc ca.*

Bây giờ tôi khóc vì có sự mâu thuẫn trong lòng. Mâu thuẫn giữa niềm khao khát yêu thương và chí nguyện muốn thành tựu. Là thanh niên trai tráng, mình khao khát yêu thương như bất cứ người con trai nào khác. Nhưng non sông mờ cát bụi, nếu mình vương vẩn vào chuyện tình duyên thì, làm sao có thể đạt thành chí nguyện? Cần phải dứt lòng ra đi, và đó là lần đầu tiên nước mắt rơi.

*Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ thẳng đường trông
Song le hương khói yêu đương vẩn
Phẳng phất còn vương vẩn chạnh lòng*

Không đuổi nó đi được vì nó vẫn còn nằm trong trái tim.

*Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan
Trong lúc gần xa pháo nổ ran
Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang*

Đây là đêm giao thừa, là giờ phút người con trai chùng chân mỗi gối, là giờ phút anh nhớ về người yêu cũ, cảm thấy rất cô đơn và rất khao khát yêu thương.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi

Ai cũng đang tất bật chuẩn bị đón giao thừa. Nhà nào cũng có một cành mai, một cành đào, năm bảy cái bánh

chung, một phong pháo, ta thì chẳng có gì ngoài một cái áo, một đôi giày đầy bụi đường. Khi mùa xuân về, ai nấy được đoàn tụ còn mình thì vẫn một thân một mình cô đơn trong cuộc đời người chiến sĩ, tự nhiên cảm thấy mệt mỏi và khát khao.

*Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi
Trên đường rộn rã tiếng đua cười
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.*

Ta thấy có ba chữ *xuân* trong bốn câu thơ này: *xuân nồng thấm khắp nơi, xuân đã về, bạn xuân năm ấy*. Loan và Dũng từng ngắm xuân về trên khóm mai. Ngày chia ly của đôi bạn cũng là một ngày xuân. Hôm đó, Loan mặc áo dài, tay vịn cành mai, nói những lời tiễn biệt. Loan làm rung cành mai khiến những cánh hoa rơi rụng, và cô nói: *cây mai khóc giùm em, chớ em đâu cần khóc, “em bảo hoa kia khóc hộ người.”*

*Lòng ta tha thiết được tình yêu
Như cánh trời xuân lướt nắng chiều
Mắt lệ đầm trông miền cách biệt
Phút giây chùng mõi gót phiêu lưu...*

Cuộc sống của người chiến sĩ quá kham khổ, quá khát khe, thiếu vắng những cái vỗ về và nuôi dưỡng cho nên ý

tưởng muốn bỏ con đường đó rất hấp dẫn, cứ tới ám ảnh người thanh niên hoài.

*Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân.*

Chàng chiến sĩ cho phép lòng mình chùng xuống trên căn gác trọ phong sương đó.

*Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân?*

Không biết Loan còn nhớ mình không? Loan còn thương mình không? Dững rất cần tình thương ấy. Đêm hôm đó liên lạc được với vợ chồng cô giáo Thảo, Dững biết Loan được tha bổng, bây giờ có tự do rồi. Dững có thể trở về với Loan như một cặp thanh niên tự do, không còn bị lệ lối phong kiến ràng buộc nữa. Loan có thể xin dạy học hay đi làm một nghề nào đó; Dững cũng có thể kiếm một công việc, hai người có thể kết hợp lại thành một gia đình. Trong căn gác, Dững lấy cây viết chì, một tờ giấy và viết thư cho Loan: Nếu em còn thương anh thì chúng ta hãy nghĩ tới chuyện trở về với nhau.

Nếu chuyện này xảy ra thì không biết lý tưởng của anh sẽ đi tới đâu? Nếu cưới nhau, hai người phải đi làm việc để kiếm sống thì lý tưởng của người chiến sĩ, người chính

phu đầu còn giữ được nữa? Vì vậy, coi như con đường của Dũng thất bại.

Vị nào chưa có cơ hội nghiên cứu về lịch sử đất nước, chưa biết những gì đã xảy ra cho những thế hệ con trai và con gái được sinh trong thời kỳ đầu thế kỷ 20 thì đây là sự mời gọi, quý vị phải tạo ra cơ hội để làm chuyện đó.

Nếu quán chiếu, chúng ta sẽ thấy con đường cách mạng cứu nước là một con đường rất hấp dẫn đối với thanh niên; con đường làm cách mạng xã hội để giải thoát thân phận của con người cũng là một con đường rất hay. Những thanh niên sinh ra trong thời kỳ đó đã dần thân vào một trong hai con đường này.

Nếu đem vào tình trạng một chiều hướng thứ ba, tức chiều hướng tâm linh, chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta có thể có một bức tranh khác. Tờ Đuốc Tuệ đã đem tới một chiều hướng thứ ba trong không gian của tôi, và trong lòng người con trai mười lăm tuổi hồi đó đã mở ra một hướng đi mới.

Bây giờ nhìn lại, tôi thấy rõ là đi tu cũng giống như đi làm cách mạng. Hành động cạo đầu xuất gia đích thực là một hành động cách mạng. *Hủy hình phi pháp phục*, tức là hủy cái đẹp hình thức, mặc lấy áo thầy tu là hành động can đảm. *Cát ái từ sở thân*, cắt đứt những dây lưu luyến ràng

buộc với những người thân, đó quả thực là một hành động cách mạng.

Hủy hình phi pháp phục

Cát ái, từ sở thân

Bỏ cái đẹp hình thức, mặc vào chiếc áo thầy tu, xa lìa những người thân yêu để đi theo lý tưởng cứu độ chúng sanh, đó là nội dung phần đầu bài kệ được đọc lên khi đưa mái tóc cho thầy cạo. Đó phải chăng là con đường lớn của cách mạng?

Xuất gia cũng là làm cách mạng, làm cách mạng đích thực; nhưng người xuất gia có một mái nhà gọi là gia đình tâm linh, trong đó có giới luật và có sự tu tập.

Khi làm cách mạng, mình chia sẻ với những người đồng chí lý tưởng cách mạng, tức là phục hồi độc lập quốc gia, thực hiện dân chủ. Mặc dù có chung lý tưởng nhưng phương tiện để đi đến mục tiêu lại khác nhau. Đơn cử như việc thành lập rất nhiều đảng trong hoàn cảnh ấy và những đảng này có thể không hài hòa nhau, chống đối nhau, loại trừ nhau.

Trong môi trường của người tu thì không xảy ra chuyện đó. Trong tăng thân mình đã có giới luật, mình đã có lý tưởng, mình đã có nguyên tắc Lục Hòa, đã có những phương pháp thực tập và vì vậy cho nên đầu người kia theo

Tịnh độ, hay theo Thiền, hay theo những tông phái khác thì không có lý do gì mình phải chống đối. Đạo Phật có tới tám vạn bốn ngàn pháp môn và tinh thần của đạo Phật là sự bao dung.

Khi làm cách mạng mình có thể thấy con đường đó quá dài. Có khi sống hết cuộc đời rồi mà vẫn chưa thấy được một kết quả cụ thể nào.

Trong khi đó, nếu mình tu tập nghiêm chỉnh với Tăng thân thì trong vòng vài ba tháng, mình đã thấy an lành, đã bắt đầu độ được người. Nếu các thiền sinh từ xa tới thấy các sư cô, các sư chú - dù họ chỉ thực tập được sáu tháng hay một năm - đi đứng trong chánh niệm, có oai nghi, có nụ cười, có sự tươi mát là họ có niềm tin nơi chánh pháp, họ đã đỡ khổ rất nhiều.

Ngày xưa, khi số lượng các thầy, các sư cô ở Làng còn ít, tôi hay một mình đi hướng dẫn các khóa tu. Tuy những khóa tu đó rất thành công, nhưng không thể so sánh với những khóa tu sau này. Khi tôi đem tới khóa tu ba mươi vị xuất gia hay năm mươi vị xuất gia, các thiền sinh thấy các vị xuất gia theo tôi đều biết đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm, nói cười trong chánh niệm, điều này đã mang lại cho họ niềm tin về chánh pháp. Rõ ràng, không cần phải tu năm mươi năm, hay sáu mươi năm mới có thể mang lại hạnh phúc cho người khác; chỉ cần hành trì giới luật, uy

nghi và chánh niệm có nội dung trong vòng ba tháng, năm tháng hay sáu tháng là mình đã thấy được hiệu quả của con đường xuất gia rồi.

Người đi làm cách mạng thời ấy có thể thấy con đường dài hun hút, tổn thất có thể tới hàng ngày mà ích lợi thiết thực từ con đường lý tưởng chưa thấy đâu cả.

Mình không cần phải đợi đến khi trở thành giáo thọ rồi mới bắt đầu độ đời. Ngay trong những ngày đầu tiên, nếu mình có hạnh phúc và thực sự nương tựa vào Tăng thân thì niềm hạnh phúc đó sẽ được biểu hiện trong lời nói, tiếng cười, dáng đi của mình; và như thế là mình bắt đầu đem lại hạnh phúc cho Tăng thân và cho những người đến với mình.

Người tu sẽ thấy được kết quả từ những hành động của chính mình. Bởi giáo lý đạo Phật là giáo lý vượt thoát thời gian, đến để thấy, có hiệu lực ngay trong giây phút hiện tại, nếu bắt đầu thực tập thì sẽ thấy kết quả ngay lập tức, dù kết quả còn khiêm nhường.

Những người đi làm cách mạng ít được hưởng tình huynh đệ, tình gia đình, cuộc sống của họ trải qua rất nhiều phong sương. Đối với sự thực tập mỗi ngày của người tu là hướng đến tình huynh đệ, thực tập thế nào để sư anh, sư chị, sư em trở thành những người thương thật sự của mình

nhằm xây dựng không khí đầm ấm của một gia đình tâm linh. Thực tập thế nào để mỗi ngày ta có cơ hội thương và được thương. Tu sĩ không thiếu thốn tình thương, vì mỗi ngày ta đều thực tập hiến tặng tình thương theo tinh thần Tứ vô lượng tâm (Tù, Bi, Hỷ, Xả) - một thứ tình thương không bị lụy, không vướng mắc, không đánh mất tự do của mình và của người. Chúng ta hiến tặng tình thương ấy cho những người bạn tu, cho những người đến tu học với chúng ta. Do vậy, chúng ta không bị lâm vào tình trạng của Dũng trong *Đoạn tuyệt*.

Đọc bài thơ này, ta thấy thương cho những người con đã ra đi với một đường hướng không rõ ràng để tranh đấu cho chủ quyền quốc gia, bình đẳng xã hội. Lý tưởng đó rất đẹp, lý tưởng đó không thua gì lý tưởng của Bồ Tát, nhưng tổ chức cách mạng ngày đó có thể đã không nuôi dưỡng được người cách mạng như Tăng thân nuôi dưỡng những người xuất gia.

Với đạo Phật, qua hơn 2500 năm lịch sử, chúng ta thấy rất rõ rằng chúng ta có đủ lễ lối, đủ phương thức cũng như pháp môn áp dụng để có thể đi trọn con đường tu tập của mình với tư cách là một vị Bồ Tát. Đức Thế Tôn mong muốn chúng ta trở thành những vị Bồ Tát giúp được mình và giúp được người.

Chúng ta xuất gia là phát nguyện dốc thân vào một cuộc cách mạng lớn. Chúng ta có nhiều cơ hội thành công trong cuộc cách mạng này vì chúng ta có Tăng thân và có pháp môn rất rõ ràng, rất thực tế. Vấn đề bây giờ là khả năng nắm lấy cơ hội đó nơi mỗi người. Nếu khéo léo thực tập hàng ngày để được nuôi dưỡng và nuôi dưỡng các thành viên khác của Tăng thân thì thành công là vấn đề nằm trong tầm tay của mình; và mình sẽ có rất ít những “giây phút chạnh lòng”. Giả sử, nếu có xảy ra những giây phút như vậy, mình cũng vượt qua rất nhanh, vì mình có tình thương của thầy, của anh, của chị, của em và tình thương của Phật nên mình sẽ không lâm vào tình trạng của người con trai trong bài thơ này.

Bài thơ này nói về tình yêu lứa đôi, nhưng nếu đọc thơ với con mắt của chánh pháp, chúng ta có thể sử dụng những yếu tố không phải Phật pháp để làm thành Phật pháp. “Phật pháp” tức thế gian pháp, là điều mình đã được học. Đọc thơ với sự quán chiếu sâu sắc thì tình thương trong mình sẽ trào dâng. Chúng ta thương cho Loan, thương cho Dũng, thương cho biết bao thế hệ thanh niên đã có một tấm lòng, đã có chí nguyện thương nước, thương dân và muốn cải tạo xã hội, nhưng vì chưa có điều kiện thuận lợi để thực hiện chí nguyện ấy nên không biết bao nhiêu người đã ngã gục.

Tôi đã nói với quý vị là chúng ta đang nắm lịch sử trong tay. Bởi chúng ta đã và đang có rất nhiều cơ hội góp phần vào việc tạo nên một thể hệ mới lành mạnh. Ngày xưa, nhóm Tự Lực Văn Đoàn hoạt động chưa tới mười năm, thậm chí hoạt động trong tình cảnh rất khó khăn, nhưng họ đã rất thành công trong sự nghiệp của mình.

Ngày xưa, Hoàng Đạo - em ruột của Nhất Linh - đã lấy bút hiệu là Tú Ly để viết một tác phẩm có tựa là *Mười điều tâm niệm*, kêu gọi thanh niên đi làm cách mạng. Chúng ta nên đọc và quán chiếu bằng con mắt trạch pháp, xem thử điều nào có thể chấp nhận được, điều nào hơi quá đà.

Theo giáo lý Tứ đế, chúng ta cần nhìn sâu vào khó khăn, đau khổ của tình trạng hiện tại để hiểu được nguyên nhân đưa đến những khó khăn, khổ đau đó. Nhìn vào Khổ để thấy được Tập đế. Thấy được Tập đế, chúng ta sẽ khai mở con đường Đạo để nhằm đi tới kết quả là Diệt đế.

Tất cả những gì ta làm, ta nói, ta viết đều có tác dụng mở rộng con đường cho thể hệ tương lai. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn tồn tại rất ngắn, chúng ta có thể may mắn hơn họ. Những gì chúng ta đang làm như mở những khóa tu cho người Việt, người Mỹ, người châu Âu, người Nhật, các nhà tâm lý trị liệu, giới văn nghệ sĩ, thương gia, giới bảo vệ môi trường, các thầy cô giáo... đều là những phương tiện, những cơ hội hướng dẫn cho thể hệ tương lai con đường

của chuyển hóa và trị liệu. Chúng ta đang thật sự làm một cuộc cách mạng, chúng ta phải ý thức được điều đó. Chúng ta không làm như những cá nhân mà làm với tư cách một Tăng thân.

Chúng ta phải biết trân quý thời giờ của mình. Trong mỗi giờ, mỗi phút, chúng ta phải nắm tay nhau, phải thấy được lý tưởng vĩ đại, cao đẹp của mình; chúng ta phải làm cho được, thực hiện cho được chí nguyện lớn của mình trong thế kỷ 21 này.

Đọc bài thơ này, chúng ta phải ý thức rằng mình đang có may mắn được cùng sống với nhau như một Tăng thân, chúng ta có lý tưởng, đường hướng và phương tiện để hoàn thành cuộc cách mạng của mình. Thế giới hôm nay cần cuộc cách mạng đó, vì có rất nhiều người đang chìm đắm trong đau khổ, hận thù, đam mê. Chúng ta sẽ thành công như một Tăng thân, như một dòng sông mà không phải chỉ là những giọt nước.

Trong giờ giao thừa, chúng ta sẽ tụng chung với nhau Bài Tụng Hạnh Phúc để biết rằng mình đang có nhau, đang cùng đi trên một con đường. Nếu ý thức được điều này, hạnh phúc của chúng ta sẽ tăng tiến rất mau chóng, và năng lượng đó sẽ giúp chúng ta thành công với lý tưởng mà chúng ta đã nguyện đi theo.

Hủy hình phi pháp phục

Cát ái, từ sở thân

Xuất gia hành Phật đạo

Nguyên độ nhất thiết nhân

Đó là giây phút ta nói lên lời cam kết, lời thề của tất cả những người xuất gia.



Thề non nước

- TÂN ĐÀ

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời “nguyên nước thề non”
Nước đi chưa lại, non còn đứng không?
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô giong lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, vẫn còn thề xưa.*

*Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.*



Hôm nay chúng ta sẽ thưởng thức một tác phẩm của thi sĩ Tản Đà, bài *Thề non nước*. *Thề non nước* là lời thề giữa núi và nước, là mối tình, là sự cam kết giữa núi và nước. Đồng thời qua câu chuyện giữa núi và nước, tác giả cũng muốn đề cập đến lời thề giữa hai người thương nhau. Hai người đó có thể là cha con, mẹ con, anh em, vợ chồng hay thầy trò. Người này nguyện với người kia, hứa hẹn với người kia là không bỏ người kia cho dù biển có cạn, đá có mòn. Nhưng vì biến cố nào đó mà họ đã cách xa nhau. Vì cách xa nên có sự trách móc, giận hờn.

Chữ *thề* trong *Thề non nước* là lời nguyện. Non là núi, nước là sông, là biển. Một điểm rất thú vị ở bút hiệu của tác giả: Tản Đà là từ được ghép từ hai chữ đầu của hai địa danh rất nổi tiếng ở miền Bắc - núi Tản Viên và sông Đà. Đây cũng chính là quê hương của thi sĩ. Được sinh ra, lớn lên,

được hun đúc bởi khí thiêng của sông núi nơi đây -núi Tản, sông Đà - trong tâm hồn ông đã hình thành khí phách của người thi sĩ. Hai câu đầu của bài thơ là:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.*

Lời thề rất nặng, rất sâu, mình đem cả trái tim để thề nguyện, để cam kết. Nhưng mà:

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Tôi rời quê hương năm 1966 và hứa với bạn bè sẽ trở về sau ba tháng. Vậy mà phải ở Pháp suốt bốn mươi năm. Đọc bài thơ này, tôi thấm lắm. Tuy chưa được về lại quê hương, nhưng tôi cũng tìm cách để về. Không về quê hương bằng thân xác thì tôi về bằng con đường tinh thần. Tôi gửi đệ tử xuất gia cũng như đệ tử tại gia từ nhiều nước về. Sách của tôi, đĩa của tôi đã được nhiều người trong nước biết đến. Đó là một cách tôi trở về quê hương của tôi. Mình cần nhìn mọi thứ bằng con mắt vô tướng, đừng để mắc kẹt vào hình tướng bên ngoài.

Nước non nặng một lời thề.

Thế mà nước lại cứ đi hoài.

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Trong chúng ta, nếu ai đã từng ở trong trạng huân mong chờ ấy, khi đọc bài này sẽ thấy rất thấm.

Nhớ lời nguyên nước thề non,

Nguyên nước thề non là một thành ngữ Hán Việt, thề *hải minh sơn*. Mình và nàng (mình tạm cho núi là chàng và nước là nàng) đã thề thốt sâu nặng với nhau, vậy mà nàng đi, đi hoài không chịu về.

Nước non nặng một lời thề,

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Nhớ lời nguyên nước thề non,

Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

“Non còn đứng không” tức là núi đứng chờ vợ một mình. “Nước đi chưa lại” tức là nước đi chưa về. Khứ và lai, khứ là đi, lai là trở lại. Núi đứng một mình, nói giọng trách móc.

Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

Non cao những ngóng cùng trông,

Mình chưa có hạnh phúc vì mình luôn có tâm trạng chờ đợi, ngóng trông. Mình nghĩ rằng khi nào người kia trở về thì mình mới được hạnh phúc. Sự chờ đợi, ngóng trông cản trở mình tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống đang có trong giây phút hiện tại. Có thể nói, cuộc đời mình bị đánh cắp bởi những chuỗi ngày đợi chờ. Thật

uổng phí. Nói đến sự chờ đợi ngóng trông, người ta nghĩ ngay đến tích Vọng phu. Ngày xưa, có đôi vợ chồng rất mực yêu thương nhau. Chồng ra trận, thiếu phụ bồng con, vò vò trông chồng mỗi ngày trên bãi biển. Cuối cùng, nàng và con hóa đá.

Non cao những ngóng cùng trông,

Những ngóng cùng trông tức là suốt ngày chỉ để tâm vào chuyện nhớ thương, đợi chờ, trách móc. Cuộc sống của những người như vậy sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Trong chúng ta, người nào sống trong tâm trạng chờ đợi, khổ đau, than trách nên đọc bài này và chiêm nghiệm thật kỹ, bởi bài thơ này chứa đựng tuệ giác của đạo Phật.

Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.

Tác giả dùng hình ảnh “suối khô dòng lệ” để chỉ sự héo hắt, cạn kiệt vì chờ đợi quá lâu, khổ đau quá nhiều. Mong chờ mãi mòn đến nỗi không khóc được nữa. Tác giả lại còn cường điệu thêm:

Xương mai một năm hao gầy,

Nhớ thương, chờ đợi đến nỗi trở thành mình hạc xương mai. Người ta hay nói buồn như liễu rũ. Bởi cành liễu mềm và rũ xuống như người đứng ủ rũ vậy. Buồn héo hon, gầy mòn đi trông giống như cây mai vậy. Người Việt Nam thường chơi mai vào dịp Tết. Người ta chưng mai

giữa nhà, hoặc nơi bàn thờ tổ tiên. Cái đẹp của cây mai là ở cái thể và hoa của nó. Cành, thân mảnh mai gãy guộc mới đẹp. Người nào mảnh mai, gọi là mình hạc xương mai. Hình ảnh mình hạc xương mai là hai hình ảnh đẹp. Nhưng hình ảnh “xương mai một nắm hao gầy” của núi trong bài thơ này cho thấy núi xơ xác quá, xơ xác vì quá nhớ thương.

*Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.*

Thường vào buổi tối, trên những đỉnh núi cao có mây che phủ. Chúng ta có thể nói, ban ngày mây lang thang dạo chơi cùng trời cuối đất, tối về mây lên đỉnh núi ngủ; và mây thường có màu bạc. Do vậy, khi nhìn mây bao phủ đỉnh núi, thi sĩ lại nói: Ôi, tóc bạc rồi. Nhớ thương quá nên tóc bạc rồi. Khi nhớ thương nhiều, lo lắng nhiều thì tóc mình bạc rất nhanh. Những ngày có nhau, mình hạnh phúc, tóc mình xanh mượt. Bây giờ xa nhau, tóc mình trở nên bạc trắng. Mình hạc, xương mai, tóc bạc là để nói tới sự nhớ thương của núi đối với nước.

Trời tây ngả bóng tà dương

“Triều dương” là ánh sáng ban mai, tà dương là ánh sáng buổi chiều. Khi mặt trời đã ngả bóng về phía tây, ánh sáng vàng vọt phủ lên núi càng làm cho tình trạng của núi trông xơ xác hơn.

Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phơi pha.

Người chờ đợi là núi, núi có thể là đàn ông, núi cũng có thể là đàn bà. Người chờ đợi có thể là cha, người đi là con. Người chờ đợi có thể là mẹ, người đi là con. Người chờ đợi có thể là thầy, người bỏ đi là đệ tử. Tự nhiên, con bỏ thầy ra đi, làm thầy phải thương, phải nhớ và nếu thầy không thực tập, chắc thầy cũng “xương mai một nắm hao gầy” như bất cứ ai.

Khi trời về chiều, nỗi sầu muộn, tàn tạ của người ở lại, người nhớ thương càng tăng lên. Vì chờ đợi quá lâu, khổ đau quá nhiều nên nét ngọc, nét vàng ngày xưa đã phai mờ, phơi pha. Nhớ thương quá, chờ đợi lâu quá thì đâu còn niềm vui, đâu còn hạnh phúc nữa. Trời càng về chiều, niềm đau ấy như càng trông thấy rõ hơn. Thơ như vậy mới đúng là thơ.

Trời tây ngả bóng tà dương

Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phơi pha

“Càng phơi” tức là phơi bày rõ hơn nét buồn tủi.

Non cao tuổi vẫn chưa già,

Tác giả dùng nghệ thuật chơi chữ trong câu này. Chữ “non” có nghĩa là núi, nhưng cũng có nghĩa là trẻ. Mình cũng hay nói, núi thì non, trăng thì già. Tại sao nói như vậy? Ca dao Việt Nam có câu:

*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.*

Trăng bao nhiêu tuổi thì bị gọi là già? Núi bao nhiêu tuổi còn được gọi là trẻ?

*Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.*

Non thời nhớ nước, nhưng nước cứ nhón nhơ chẳng thèm đoái hoài gì đến non.

Có khi thầy xuất hiện giữa đường con đi, nhưng mắt con vẫn nhìn thầy như nhìn một người xa lạ. Lời thề non hẹn biển ngày xưa đã bay theo gió mất rồi.

*Nước non nặng một lời thề,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.*

Ngày xưa mình nói rằng: con quỳ xuống, con cầu mong Bụt và đại chúng cho con được xuất gia, cho con được ở luôn với Tăng thân suốt đời. Cúi đầu xuống, con nhận cái y này, đòi đòi nguyện mang theo. Thế mà mới tu được mấy năm đã bỏ thầy, bỏ chúng ra đi.

Lời than trách, nổi sào muện được diễn tả qua mười hai câu thơ. Quá nhiều rồi, không thể nào thêm nữa. Chữ *mà* được dùng rất thường, nhưng trong bài này lại có ý trách móc rất đậm đà.

Giữa hai người yêu nhau, giữa cha và con, mẹ và con, giữa những người bạn, giữa hai thầy trò, giữa huynh đệ với nhau có thể mở ra một lời thề, như lời thề của non và nước: *dù núi có cạn, sông có mòn, liên hệ của mình vẫn không bao giờ suy chuyển*. Trong bài tựa kinh Lăng Nghiêm có câu:

*Thuần nhĩ đa tánh khả tiêu vong
Thước ca la tâm vô động chuyển.*

“Thuần nhĩ đa tánh” tức: tính chất của hư không có thể tiêu vong, nhưng Tâm Bồ Đề của con sẽ không bao giờ lay chuyển; con sẽ tu hành cho tới khi thành đạt mới thôi, con sẽ không bỏ Bụt, không bỏ Pháp, không bỏ Tăng. *Hư không hựu tận, ngã nguyện vô cùng* có nghĩa là: hư không kia có thể có biên giới, nhưng hạnh nguyện của con là không có biên giới.

*Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước vẫn còn thề xưa.*

Khi nào anh còn đó, em còn kia, lời thề năm xưa giữa đôi ta vẫn còn giá trị, còn hiệu lực. Nhưng tại sao em nỡ vứt bỏ lời nguyện, đập lên lời nguyện mà đi, mà phụ bạc anh?

Khi nghe những lời tâm sự đau khổ của núi, thì sĩ can thiệp ngay, đưa ngón tay lên và nói:

Non xanh đã biết hay chưa?

Thi sĩ gọi tên núi, và nói: núi xanh ơi, hãy lắng nghe ta nói, đừng ngồi đó than phiền nữa.

Nón xanh đã biết hay chưa?

Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.

Nếu quan sát kỹ, mình có thể thấy người kia sẽ trở về hoặc đã trở về rồi. Do thất niệm nên mình nghĩ người kia một đi không trở lại, rồi mình sầu, mình khổ, mình than khóc: nước đi rồi, nước đã bỏ mình, nước sẽ không bao giờ trở lại. Mình bị mắc kẹt vào hình tướng nên không thấy nước đã trở về dưới hình thức khác, có thể là đám mây hay cơn mưa.

Nhiều người nói rằng, thầy Nhất Hạnh đi bốn mươi năm chưa về. Nhưng kỳ thực tôi đã về rồi, về trong các đệ tử, về qua những cuốn sách, băng giảng. Nếu nói rằng thầy Nhất Hạnh chưa về thì còn mắc kẹt vào con mắt hữu tướng. Vậy nên cần thực tập Tam giải thoát môn: Không, Vô tướng và Vô tác, cần áp dụng bằng được những điều này vào cái nhìn đối với mọi vấn đề của cuộc sống.

Sau chuyến về Việt Nam, một số bạn hữu ở Hoa Kỳ hay Úc châu có nói rằng: Tuy hình hài Thầy không ở Việt Nam, nhưng con thấy sự có mặt của Thầy ở quê nhà rất rõ ràng - đi ra Trung cũng thấy Thầy, đi ra Bắc cũng thấy Thầy, mà vô Nam cũng thấy Thầy. Những người bạn ấy có

con mắt vô tướng. Họ có thể thấy được những cái ngoài tướng. Trong kinh Kim Cương có câu: “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, tức là nơi nào có hình tướng, nơi đó có lường gạt. Thi sĩ đã nhìn vấn đề của núi bằng con mắt vô tướng: Núi ơi, núi đừng than khóc! Nước đã trở về rồi, tại sao núi còn khóc than?

Nếu có người thân qua đời, mình thường nghĩ họ đã bỏ mình ra đi vĩnh viễn. Con ơi, sao con bỏ mẹ mà đi? Anh ơi, sao anh đành đoạn bỏ em mà đi một mình? Người ở lại thường trách móc người quá cố giống như núi trách móc nước vậy. Người ở lại đấm ngực, bứt tóc rút tai, khóc lóc vì họ còn bị kẹt vào hình tướng. Nếu biết nhìn kỹ, mình có thể nhận thấy người thân đã khuất đang ở trong mỗi tế bào của mình. Mình có thể nói: “Ba ơi, con biết là ba đang có mặt trong con nên con đang mỉm cười với ba đây.” Nếu biết nhìn với con mắt vô tướng, mình sẽ không còn cảm thấy xa cách với những người đã khuất, mình không còn cảm giác sầu khổ nữa. Do vậy, người nào mới vừa mất người thương, muốn bớt sầu khổ thì hãy theo lời khai thị này của tác giả, phải nhìn để thấy rằng không có gì đi, không có gì mất, vô khứ, vô lai và cái mình tưởng đã mất kỳ thực đang còn đó, đang còn ở trong mình.

Non xanh đã biết hay chưa?

Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.

*Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi*

“Nước non hội ngộ còn luôn” nghĩa là sự gặp mặt giữa nước và non xảy ra trong từng giây phút. Mình trách móc người kia phụ bạc, nhưng kỳ thực người kia đang ở ngay trong mình. Nếu gọi tên thầy, con tức khắc thấy thầy ngay. Nếu mình gọi mẹ, mình sẽ thấy rõ ràng là mẹ đang có mặt trong mình, đang mỉm cười với mình, và mẹ chưa bao giờ chết. Bản chất của đức Thế Tôn là vô khứ vô lai, bất sinh bất diệt thì bản chất của mẹ cũng vậy. Thấy được điều này, mình sẽ thoát khỏi sầu khổ. Điều này cần được khai thị thì chúng ta mới thấy được điều này.

*Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.*

Buồn là kết quả của vô minh. Bởi mình nghĩ giữa mình và người ra đi có sự xa cách mãi mãi, nhưng kỳ thực không có gì tới, không có gì đi. Câu này chứa đựng tuệ giác của đạo Phật.

*Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui*

Nơi sườn núi có ngàn dâu mọc lên xanh tốt. Nếu không có nước, liệu dâu có mọc tốt tươi được không? Mình tìm nước ở đâu? Nhìn dâu xanh tốt đang có mặt trên sườn núi, mình có thể thấy được nước vẫn đang còn

ở đây, đang còn ở với mình. Nếu nước không có tại đây, ngàn dâu sao có thể mọc tốt tươi được! Nước vẫn còn đây, sao núi lại trách móc?

Nước kia dù hãy còn đi

Trên phương diện hình thức nước, đã đi, vẫn còn đi mãi. Nhưng trên phương diện nội dung, nước đã về rồi. Ngày hôm qua thấy nước chảy đi, mình nghĩ nước đã đi luôn rồi không bao giờ trở lại. Nhưng thực tế nước có thể đã trở thành mây đang bay trên đầu chúng ta; nước có thể trở thành mưa rơi xuống xung quanh chúng ta; nước đang luân lưu trong ngàn cây nội cỏ tốt tươi.

Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.

Chữ “ngàn” này có nghĩa là rừng, rừng dâu. Ngàn dâu xanh tốt là một đối tượng của sự quán chiếu. Nếu nhìn những tướng không phải tướng nước mà thấy được nước trong đó thì mới thực sự thấy nước. Ví dụ, nhìn vào phô mai, mình thấy được sữa mới gọi là giỏi. Cũng như nhìn vào nước đá ta có thể thấy mây. Nếu không có mây, làm sao có mưa? Nếu không có mưa, làm sao có nước để làm nước đá? Khi nhìn tuyết rơi, mình thấy tuyết đâu phải nước, đâu phải mây, nhưng kỳ thực tuyết cũng là mây.

Con mắt của người tu là nhìn cái này mà thấy được cái khác thì mới hay. Đó là con mắt Tương tức. Ví dụ nhìn

anh trai, mình thấy ba, thấy mẹ, thấy chính mình trong anh. Đó mới là cái nhìn của tuệ giác. Khi giận anh, nếu mình nói: “Anh đi đi, tôi không dính líu gì với anh hết” thì chứng tỏ mình chưa có cái nhìn Tương tức. Có một người thanh niên giận cha, đã nói: “Ông đó không phải ba của tôi, tôi không muốn dính líu gì với ông hết!” Nói như vậy là vô minh, là không thấy được mình là ba mình, mình là sự tiếp nối của ba mình. Mình giận cha, giận mẹ cũng như chuyện nước đá giận mây vậy. Nước đá giận mây là tự giận chính mình.

Thi sĩ có rất nhiều tuệ giác. Thi sĩ mời mình nhìn vào ngàn dâu xanh tốt, nhìn vào đó để thấy nước hiện diện. Núi ơi, xin núi đừng than phiền, đừng sầu khổ nữa. Núi hãy vui lên, đừng chờ đợi nữa, không có sự xa cách đâu. Ba mình, mẹ mình, người thương luôn luôn có mặt trong giây phút hiện tại.

Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui

Và đây là câu kết luận:

Nghìn năm giao ước kết đôi,

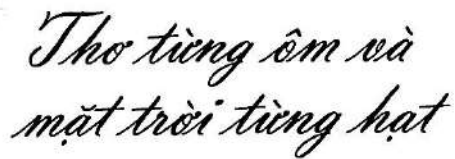
Non non nước nước không nguôi lời thề.

Non non nước nước, chỗ nào có non là chỗ đó có nước, chỗ nào có nước là chỗ đó có non, không thể chia tách ra được. Không có gì chia cách được thầy trò, cha con, huynh đệ, anh em mình khi mình có tình thương đích thực, khi

mình có mặt trong nhau. Lời thề đó rất nặng, sự cam kết đó rất sâu. Muốn giữ được sự cam kết đó, mình cần phải có tuệ giác. Có tuệ giác, có trí tuệ, mình sẽ không sầu khổ, không than trách nữa.

Bài thơ *Thề non nước* của thi sĩ Tản Đà có tổng cộng hai mươi hai câu thì có đến mười bốn câu than trách, sầu khổ và tám câu dùng để khai thị. Chỉ với tám câu khai thị, tác giả đã giúp chúng ta biết nhìn mọi vấn đề của cuộc sống bằng con mắt vô tướng, khuyên chúng ta phải biết sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại.

Chúng ta hãy đọc lại toàn bài để thấy cái hay, cái thâm thúy của bài thơ. Nếu quý vị muốn làm thơ thì xin cứ làm, làm thơ có thể nói ra được Phật pháp. Đạo Bụt Đại thừa có nói: “Tất cả các pháp đều có thể trở thành Phật pháp, *nhất thiết pháp giai thị Phật pháp.*”



Nắng trên không gian và thơ trên nắng
Thơ làm ra nắng, nắng ra thơ
Mặt trời cất chứa trong lòng trái khổ qua
Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa Đông,
trong khi bên ngoài gió hú.

(135)

Nắng lên thành màu Khói,
thơ đọng thành màu Sương
Nắng cất giữ trong từng hạt mưa Xuân
Giọt nước cúi xuống hôn Đất,
cho hạt cây nảy Mầm
Thơ đi theo mưa về trên từng đợt Lá
Nắng thành màu Xanh, thơ màu Hồng

Nắng chờ trên cánh Ong tới trút âm lên đài hoa
Thơ theo nắng về rừng xa uống Mật
Tương bình xông xáo, bướm ong về chập đất
Nắng làm nên khúc Múa, thơ làm nên lời Ca

Mồ hôi giọt xuống đất khô, thơ bay trên luồng cày
Cán cuốc trên vai, thơ vào ra theo nhịp thở
Nắng rụng bên Sông,

bóng Chiều ngập ngừng bờ ngõ
Thơ đi về chân trời,
nơi vàng Sáng đang đắp chặn mây
Mặt trời xanh rờn một rổ rau tươi
Mặt trời dẻo thơm trong bát cơm gạo Tắm
Thơ trong ánh mắt em thơ,
thơ trong màu da nắng sạm
Thơ nơi từng cái nhìn chăm chú
Thơ nơi từng bàn tay vun xới miền đồng chua nước
mặn xa xăm

Mặt trời cười tươi trên bông hướng dương
Mặt trời trầu nặg nơi trái đào tiên tháng tám
Thơ nơi từng bước chân thiền quán
Thơ nơi từng dòng chữ
Thơ nơi từng nắp hộp kín đáo nuôi tình Thương

Trong bài *Thơ tình ôm và mặt trời tình hạt* có hình ảnh một mái tranh nghèo đang đứng đợi ven sông. Đất nước Việt Nam ngày xưa nghèo lắm. Những hình ảnh như: quê hương tôi nước mặn đồng chua, mái tranh nghèo còn đứng đợi bên sông... trong thế hệ tôi, chúng là những hình ảnh rất bền bỉ. Hình ảnh người nông dân chân lấm tay bùn, tay cầm liềm, vai vác cuốc, cấy cày vất vả, mồ hôi nhỏ xuống mảnh đất khô cằn... vẫn còn mãi trong thế hệ tôi. Những hình ảnh này có thể mai này không còn nữa, thay vào đó là hình ảnh những chiếc máy cày, những nông trại rộng lớn. Nông dân bây giờ nhiều người biết dùng máy vi tính, làm ra rất nhiều tiền. Tuy nhiên, những hình ảnh trong bài thơ này là những hình ảnh thực sự chứ không phải hình ảnh trong thi ca.

*Nắng trên không gian và thơ trên nắng
Thơ làm ra nắng nắng ra thơ*

Đây phải chăng là những suy luận triết học? Hay tác giả muốn diễn bày một giáo lý nào đó? Thơ là một cái gì rất

hiện thực. Thơ đối với tôi rất đẹp, thơ không phải chỉ để tiêu khiển mà còn là chất liệu nuôi dưỡng. Thơ là không khí cho mình thở, là nắng cho hoa nở, là trái đào tiên tháng tám, là những bước chân mình đang đi. Thơ rất cụ thể và liên đới tương quan với mọi sự, mọi vật. Thơ là nỗi khổ, niềm đau; thơ là hy vọng, là niềm vui; thơ là sự giải thoát. Có thơ vào thì tất cả đều đổi thay.

Nắng trên không gian và thơ trên nắng

Nếu không có thơ trên nắng thì nắng không còn là nắng nữa và mình sẽ không thấy được mình; nhờ thơ mà mình còn thấy được nắng, cho nên có nắng là có thơ và có thơ là có nắng, nắng và thơ tương tức với nhau.

Thơ làm ra nắng, nắng ra thơ

Mặt trời cất chứa trong lòng trái khổ qua

Trái khổ qua là một món quà Tết. Nhìn vào trái khổ qua, anh thấy gì? Thấy mặt trời trong đó. Lạ không? Nếu không có mặt trời tỏa chiếu hồi tháng sáu, tháng bảy, tháng tám làm sao có trái khổ qua cất trong tủ đá của mình? Ở Làng Mai có khi trồng khổ qua ăn hoài không hết, thế là chúng được cất vào tủ đá. Đến tháng mười hai, khi trời đông lạnh, mình có thể lấy một trái ra để nấu món khổ qua hầm. Đây là chuyện đời sống hàng ngày chứ không phải thơ thần gì hết. Mùa đông ở bên Pháp mặt trời không

biết đi đâu, nhìn lên không thấy mặt trời gì hết, chỉ thấy một màu xám xịt từ ngày này qua ngày khác. Vậy mà xẽ trái khỗ qua ra ta thấy lại mặt trời trong đó. Mùa đông có canh khỗ qua do mình tự nấu. Khi nôi canh sôi, khỗ qua bốc hơi thơm phức, và trái khỗ qua đó biến thành thơ, hơi nóng của bát canh bốc lên cũng thành thơ. Trái khỗ qua đã giữ mặt trời cho mình và mình cất chứa mặt trời ở trong tủ đá. Bây giờ lấy khỗ qua ra, nó nói: “Trong tôi có mặt trời.” Mặt trời đâu phải chỉ có ở bên ngoài, mặt trời có cả ở trong trái khỗ qua nữa.

“Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa Đông, trong khi bên ngoài gió hú.” Mùa đông ở Pháp là vậy. Gió hú từng cơn. Hồi tôi làm bài thơ này, Làng Mai chưa có hệ thống sưởi chung, phòng nào may mắn lắm thì có một lò sưởi đốt củi.

Nắng trên không gian và thơ trên nắng

Thơ làm ra nắng, nắng ra thơ

Ở Làng Mai vào tháng tư sẽ thấy nắng ấm, trời xanh. Nếu đi tìm thơ, thì thơ sẽ nằm trong nắng và trong trời xanh. Thơ đó, nắng đó và trời xanh đó nuôi chúng ta sau những tháng mùa đông lạnh lẽo buốt giá. Đi thiền hành ở Xóm Thượng, Xóm Mới hoặc Xóm Hạ, tiếp xúc với nắng, với trời xanh, chúng ta sẽ được nuôi dưỡng từ những thứ

ấy. Đó chính là thơ. Nếu không có thơ trên nắng thì nắng không còn là nắng nữa và mình sẽ không thấy được mình.

Thơ đây là sự sống, là chánh niệm. Nếu có nắng mà không có thơ, nghĩa là ta không biết rằng nắng có đó, thì nắng có cũng như không. Vì vậy thơ ở đây là ý thức sáng tỏ, là những chất liệu nuôi dưỡng thân tâm. Nếu không có chánh niệm thì cũng không có gì hết. Không có nắng, không có thơ, cũng không có không gian. Thế nên, tuy trong bài này không có một danh từ chánh niệm nào cả, nhưng kỳ thực chánh niệm là gốc của mọi hạt nắng trên không gian. Nhờ đâu mình biết có nắng trên không gian? Nhờ tâm của mình, nhờ chánh niệm của mình mà mình biết có không gian, và nắng đang trải dài trên không gian ấy, "*nắng trên không gian*". Tại sao anh biết có nắng trong không gian? Bởi vì anh có cái biết.

"*Thơ trên nắng.*" Tôi không chỉ có ở đây mà còn có trên kia nữa. Ở Mỹ có một phái triết học phát sinh từ Princeton cho rằng: trong trời xanh có tâm của mình (*There is thinking in the blue sky*). Trong không gian có tâm thức của tôi ở đó. Nắng ở trên không gian, tâm tôi cũng ở trên không gian. Tâm tôi không phải chỉ có trong lồng ngực hay trong cái thân nhỏ bé này.

"*Nắng trên không gian và thơ trên nắng.*" Nắng, không gian và thơ, ba cái chuyên chở nhau. "*Thơ làm ra nắng,*

nắng ra thơ.” Nếu không có nắng, làm sao có thơ? Nếu không có thơ, làm sao có được nắng? Đó là tương tức.

Lời thề của mình năm xưa còn đó, nhìn lên trời không hổ câu vàng đá. Cũng như Siddhartha, khi ra đi, mình đã phát một lời nguyện lớn, bây giờ nhìn lên trời, mình không thấy hổ thẹn với lòng bởi vì không có giây phút nào trong đời sống hàng ngày mà mình phản lại lời thề năm xưa. Mình vẫn là mình. Anh vẫn là anh chứ? Chị vẫn là chị chứ? Em vẫn là em chứ? Mình đã phản bội bản thân chưa? Mình đã phản bội câu nói gọi là đá vàng năm ấy chưa? Ngày xưa, trăng sao đều chứng giám cho lời nguyện của mình. Làm sao để khi nhìn trăng mà ta không thấy mắc cỡ? Trong Kiều có câu:

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông

Lời thề non sông là gì? Là lời nguyện khi mình đi xuất gia. Mình đã hủ hóa chưa? Mình đã phản bội lý tưởng xuất gia của mình chưa? Mình đã để Bồ Đề Tâm của mình chết rú chưa?

Thơ theo gió đi về cơn xưa bãi cũ.

Vẫn canh cánh bên lòng. Tình trạng xã hội, tình trạng đất nước, tình trạng quê hương vẫn còn là đối tượng và chí hướng của người xuất gia, cho nên trong vùng tâm thức đó, mái tranh nghèo năm xưa bên bờ sông hiện ra: Tôi vẫn

đang chờ đợi. Mình chưa phản bội lời thề năm xưa. Trong khi ăn bát canh ở một vùng rất xa lạ, thơ của mình chọt sóng dậy, bay theo gió và gió đưa mình về ven sông để thấy được mái tranh nghèo còn đứng đợi. Mình chưa phản bội, chưa bao giờ phản bội. Lời nguyên xưa còn nguyên vẹn như trái tim ban đầu.

Thơ nơi từng giọt mưa Xuân

Thơ trong từng đốm lửa hồng

Mưa xuân có đó, lửa hồng có đó và thơ bao giờ cũng có đó. Thơ là chất liệu của lý tưởng, thơ là sự sống của từng giây, từng phút. Nếu sống có chánh niệm, mình sẽ thấy tất cả đều màu nhiệm. Một giọt mưa rơi xuống chứa đựng cả thế giới tam thiên đại thiên, chứa đựng cả quê hương.

Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm

Khói ấm đưa thơ về trên trang ngoại sử

Khúc gỗ thơm ta bỏ vào lò sưởi là nắng. Khúc gỗ chứa nắng trong lòng nó. Nhìn lên không thấy mặt trời, mặt trời không cho ta đủ hơi ấm nhưng khúc củi bây giờ là đại diện cho mặt trời, bỏ củi vào lò là có đủ hơi ấm cho căn phòng nhỏ của ta. Tôi nhớ hồi viết quyển *Đường xưa mây trắng*, trong phòng chỉ có một lò sưởi đốt củi, tay trái hơ trên lò sưởi cho ấm còn tay phải thì viết. Hạnh phúc chán! Ngồi viết được chừng ba, bốn trang thì ngưng, đi nấu một

bình trà. Ấm nước đặt trên lò sưởi đã sẵn ấm rồi, nên nấu trà rất nhanh. Mình phải thấy mặt trời trong khúc gỗ. Nếu không có mặt trời làm sao có thơ được, làm sao có *Đường xưa mây trắng*? Cái mình tưởng là không có mặt hóa ra lại đang có mặt. Mặt trời mùa Hè đang có mặt trong khúc gỗ thơm mà mình bỏ vào lò sưởi.

*Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm
Khói ấm đưa thơ về trên trang ngoại sử*

Tôi nhớ bài thơ này được làm trong thời gian tôi viết cuốn *Am mây ngủ* - một tác phẩm ngoại sử viết về cuộc đời của Trúc Lâm Đại sĩ và Công chúa Huyền Trân. Vì là ngoại sử nên những chi tiết trong truyện được nghiên cứu rất kỹ, không phải do tưởng tượng mà viết ra. Nếu bây giờ có cơ hội lấy *Am mây ngủ* ra đọc, chúng ta sẽ thấy “bát canh khổ qua”, thấy mặt trời cất chứa trong lòng gỗ thơm.

*Nắng vắng trong hư không,
nhưng nắng chắt đầy một lò sưởi đỏ
Nắng lên thành màu Khói,
thơ động thành màu Sương.*

Gọi là hơi ấm, hay nắng cũng được. Không những “*Khói*” phải viết hoa, “*Sương*” phải viết hoa, mà cái gì cũng phải viết hoa hết mới được. Sự thực là vậy. Vì tất cả đều hết sức màu nhiệm, màu nhiệm như Bụt, như đức Quan Âm.

Bụt cũng có trong đó, đức Quan Âm cũng có trong đó. Cái gì đánh động làm cho ta phải quán chiếu thì cái ấy là chánh niệm, là Bụt, là Tổ, là hạnh phúc, là sự nuôi dưỡng. Khói là gì? Sương là gì? Đã biết bao lần quý vị nấu cơm bằng củi, đã biết bao lần quý vị chất củi vào lò sưởi, quý vị có ý thức được điều đó không? Có thấy rằng những khúc củi chứa đựng mặt trời tháng tám không? Có khi nào quý vị vo gạo xong, cho nước vào nồi nấu cơm mà thấy được những gáo nước mình cho vào nồi là do những đám mây trên trời cống hiến hay không? Sự khác nhau giữa người tu với người không tu là ở chỗ đó. Khi cho nước vào nồi nấu cơm, mình phải biết rằng nước này là những đám mây. Cho đám mây vào nồi cơm và khi cơm chín, mình cũng được nuôi dưỡng bởi những đám mây, bởi sức nóng của mặt trời chiếu xuống những cánh đồng đầy áp bông lúa vàng rực. Nấu cơm như thế là chúng ta đang tu. Nấu cơm như thế là chúng ta thành thi sĩ. Nấu cơm như thế là chúng ta đang thiền. Quý vị đâu cần tới chùa mới làm được chuyện đó. Ở nhà, chúng ta cũng nấu cơm phải không? Sống cho thanh thoi, vững chãi, dừng lại trong từng giây phút để nhìn cho kỹ. Có tâm của mình trong đó, có chánh niệm trong đó thì giây phút nào cũng màu nhiệm. Sương cũng màu nhiệm, khói cũng màu nhiệm, trái khổ qua cũng màu nhiệm, những hạt gạo bỏ vào nồi cũng màu nhiệm, nước chế vào nồi để nấu cơm

cũng màu nhiệm. Hạnh phúc là ở chỗ đó. Quý vị còn đi tìm hạnh phúc ở đâu nữa? Đợi đến khi làm giám đốc hoặc làm pháp chủ rồi mới thấy hạnh phúc hay sao?

*Nắng vắng trong hư không,
nhưng nắng chất đầy một lò sưởi đỏ
Nắng lên thành màu Khói,
thơ động thành màu Sương*

Thơ cũng có màu và nắng cũng có màu. Nắng không phải chỉ có màu vàng hay đỏ. Nắng cũng có thể là màu xanh. Là người tu, mình phải có khả năng thấy nắng trong màu xanh. Vì nếu không có nắng thì làm sao có màu xanh của cây cỏ? Cho nên, thấy màu xanh của cây cỏ là phải thấy nắng, không thấy như vậy thì sẽ không thấy được Duyên sinh; mà đã không thấy được Duyên sinh thì sẽ không thấy được Bụt, dầu cho mình vào chánh điện một ngày mười lần cũng vậy thôi. Thế nên mình phải thấy nắng là màu xanh và trong những màu khác nữa; mình phải thấy thơ màu hồng và thơ có thêm nhiều màu sắc khác nữa.

*Nắng cất giữ trong từng hạt mưa Xuân
Giọt mưa cúi xuống hôn Đất,
cho hạt cây nảy Mầm*

Nếu không có nắng, sẽ không có mưa? Nếu không có mưa, sẽ không có hạt nảy mầm? Chữ *Đất* cũng viết hoa,

chữ *Mầm* cũng viết hoa. Mình phải vinh danh *Đất*, mình phải vinh danh *Mầm* hạt. Cái gì cũng quý giá vô ngần. Đó là tình yêu.

Thơ đi theo mưa về trên từng giọt lá

Mưa. Mưa xuân. Mỗi hạt mưa xuân là một bài thơ. Bài thơ này không phải là chuyện tình cảm vắn vơ mà là sự nuôi dưỡng. Không có những cơn mưa xuân thì làm sao có hoa, có trái, có gạo, có cơm?

Thơ đi theo mưa về trên từng giọt lá

Nắng thành màu xanh, thơ màu hồng

Một nắm rau mồng tơi xanh ròn hay một nắm rau tía tô tím rậm, tất cả những thứ đó đều là thơ. Khởi phải ra nhà sách mua thơ, cứ ra vườn ngắm thì nhìn đâu cũng thấy thơ cả. "*Lá tía tô gọi hạt mồng tơi*". Hạt mồng tơi là thơ, lá tía tô cũng là thơ.

Nắng chờ trên cánh Ong tới trú ẩn lên đài hoa

Thơ theo nắng về rừng xa uống Mật

Tương bừng xôn xao, bướm ong về chập đất

Nắng làm nên khúc Múa, thơ làm nên lời Ca

Một con ong có thể chờ đầy nắng trên đôi cánh. Phải để ý mới được. Trong khi đi, đừng để tâm đưa mình bay bổng lên hư không. Mình phải tiếp xúc với tất cả những màu nhiệm của sự sống.

“Năng chờ trên cánh Ong tới trút ảm lên đài hoa”. Ong chờ năng trên đôi cánh của nó và khi tới một bông hoa, nó sẽ giao hàng, trút năng vào đài hoa. Trong rừng có những tổ ong và thơ theo năng về rừng xa uống mật. Hoa với ong gần nhau lắm. Hoa, ong và mật cùng là một, cho nên thơ mà đi theo năng thì thơ thể nào cũng theo ong, hễ theo ong thì thơ thể nào cũng về rừng và trở thành mật.

*Tưng bừng xông xao, bướm ong về chập đất
Năng làm nên khúc Múa, thơ làm nên lời Ca*

Chữ “Múa” viết hoa, chữ “Ca” cũng viết hoa. Đầu phải lát nữa hay mồng một Tết mình mới diễn văn nghệ. Đi thiên hành mình cũng thấy ong, bướm, hoa đang diễn văn nghệ đấy thôi. Xin đọc lại mấy câu thơ này:

*Năng chờ trên cánh Ong tới trút ảm lên đài hoa
Thơ theo năng về rừng xa uống Mật
Tưng bừng xông xao, bướm ong về chập đất
Năng làm nên khúc Múa, thơ làm nên lời Ca
Mồ hôi giọt xuống đất khô, thơ bay trên luồng cày*

Thơ bây giờ trở thành mồ hôi của người nông dân, nhỏ từng giọt xuống đất khô. Nghèo thì nghèo thật đó, nhưng khi có thơ, có sự sống là mình còn phong lưu, còn nhàn nhã, còn thanh thoi. Đi cũng thông thả thoi, cuộc

ruộng mà! Ngày xưa ở chùa Từ Hiếu, tôi cũng đi cuốc đất trồng khoai, trồng sắn, gánh nước, chặt củi. Tôi làm việc như vậy nhưng thanh thản lắm, đầu bận rộn như các thầy bây giờ.

Cán cuốc trên vai, thơ vào ra theo nhịp thở.

Đi từng bước có chánh niệm và thực tập hơi thở. Ngày xưa Tổ Bách Trượng cũng chấp tác ngoài vườn. Cố nhiên, trong khi vác cuốc ngoài ruộng cũng thở, cũng mỉm cười và cũng đi từng bước thanh thoi như vậy.

Cán cuốc trên vai, thơ vào ra theo nhịp thở.

Nắng rụng bên sông, bóng chiều ngập ngừng bờ ngõ

Thơ đi về chân trời, nơi vàng sáng đang đắp chặn mây

Chữ “chặn” này có nghĩa là mền đắp. “Chặn mây” là cái mền làm bằng mây, đắp cho một người sắp đi ngủ và người đó chính là mặt trời. “Vàng sáng đang đắp chặn mây” tức là mặt trời đắp mền đi ngủ. Mặt trời sắp ngủ và mây trở thành cái mền đắp cho nó.

Thơ đi về chân trời, nơi vàng sáng đang đắp chặn mây

Mặt trời còn biết đi ngủ, vậy mà mình cứ làm việc mãi không ngưng nghỉ, không chịu đi ngủ. Sắn máy vì tính đó, mình cứ làm việc hoài.

Mặt trời xanh rờn một rổ rau tươi

Mặt trời dẻo thơm trong bát cơm gạo Tăm

Sư cô hay sư chú mới đi hái rau về, đặt rổ rau xuống cho tôi xem. Đây là rau cải, đây là rau mồng tơi, đây là rau tía tô. Rau xanh ròn như vậy đó, nhưng rau cũng chính là mặt trời. Mặt trời không phải chỉ có màu đỏ thôi đâu. Nếu anh nghĩ mặt trời màu đỏ là anh lầm rồi đó! Cái rổ rau này cũng là mặt trời, và ta thấy đó là một mặt trời rất xanh. Các vị có thấy nắng màu xanh không? Nhìn vào rổ rau tươi là ta thấy được mặt trời. Chưa nhìn thấy mặt trời trong rổ rau xanh là ta chưa thấy rau, cũng chưa thấy mặt trời. Người tu là người quán chiếu về tự tánh Duyên khởi, người tu nhìn vào rổ rau xanh là thấy được mặt trời, mà thấy được mặt trời thì mới thật sự thấy rổ rau xanh, còn không thấy được như vậy thì không thật sự thấy gì hết.

Việt Nam có gạo Tám thơm rất ngon, khi nhai hạt cơm thơm lừng mùi gạo Tám, ta thấy như mình đang nhai mặt trời, nếu không thấy được điều đó tức là ta đang ăn trong thất niệm, như vậy thì tội lắm! Thế nào quý vị cũng đã từng được ăn cơm gạo Tám rồi mà quý vị không biết mình đã ăn cơm gạo Tám.

Có ai nói mặt trời “dẻo” và “thơm” không? Khi nhai bát cơm gạo Tám trong chánh niệm, mình sẽ thấy cơm dẻo và thơm giống như mặt trời dẻo, mặt trời thơm vậy. Nếu không có mặt trời thì sức mấy có bát cơm này cho mình ăn. Đây là Tương tức, là Duyên sinh và mặt trời là sản phẩm mình đang tiêu thụ.

*Thơ trong ánh mắt em thơ,
thơ trong màu da nắng sạm
Thơ nơi từng cái nhìn chăm chú
Thơ nơi từng bàn tay vun xới miền đồng chua nước
mặn xa xăm.*

Nhìn mà thấy được mới gọi là nhìn, còn nhìn mà chẳng thấy gì cả thì chưa phải là nhìn. Danh từ nhà thiền gọi là “khán đáo”, tức là nhìn cho kỹ, cho rõ. Nếu là công án, là thoại đầu thì mình phải nhìn bằng tất cả Niệm và Định mới thấy được. Nhưng mình đâu cần công án, đâu cần thoại đầu mà chỉ cần nhìn nắm rau mồng tơi, nhìn vào gạo nước mình đang cho vào nồi nấu cơm thôi thì đã là khán công án rồi. Quý vị nên nhớ cái nhìn đó đem lại cho ta rất nhiều hạnh phúc. Nhìn con thấy cha, nhìn đệ tử thấy thầy, nhìn thầy thấy Bụt. Nhìn như vậy đáng để cho ta nhớ. Thương nhau là ở chỗ ta có nhìn được nhau bằng tâm của mình hay không. Tất cả đều nằm trong giây phút hiện tại.

*Mặt trời cười tươi trên bông hướng dương
Mặt trời trĩu nặng nơi trái đào tiên tháng tám*

Hồi nãy mình nói mặt trời màu xanh, mặt trời dẽo, rồi mặt trời thơm, bây giờ mình nói mặt trời trĩu nặng. Bởi vì mặt trời đang có mặt trong trái đào tiên tháng tám nên mới trĩu nặng.

Thơ nơi từng bước chân thiền quán

Nếu sư chú bước những bước chân có chánh niệm nghĩa là sư chú đang làm thơ. Nếu trong bước chân có thơ, thì sư chú là người có nhiều hạnh phúc. Nếu không có thơ trong bước chân, sư cô đâu có hạnh phúc. Thế nên phải để thơ vào đôi chân mà đi. Thời gian Siddhattha ở trong rừng tu tập thiền định là thời gian Siddhattha làm thơ và nguồn thơ đó đã tỏa chiếu, trôi về cho nhân loại trong suốt 2500 năm qua.

Thơ nơi từng dòng chữ

Dòng chữ gì? Dòng chữ của những trang sách ngoại sử.

Thơ nơi từng nắp hộp kín đáo nuôi tình Thương.

Trong cuộc đời, có những lúc chúng ta rơi vào tình trạng bế tắc, không biết phải làm gì nhưng một khi đã tìm ra vài việc giúp cho chí hướng phục vụ, chí hướng thương yêu được biểu hiện thì trong người mình bỗng cảm thấy nhẹ nhàng. Mình có thể sống vui trong hoàn cảnh đó, còn nếu như khi ấy mình bị hoàn cảnh chi phối, sống một cách bị động không tìm ra con đường nào để đi hết thì quả thật rất khó sống.

Nếu không có thơ, không có năng; nếu không có bát canh khổ qua, không có hoàng hôn, không có những bước chân thiền quán; nếu không có những dòng ngoại

sử, không có những nắp hộp để mình dần trải tình thương của mình vào đó thì làm sao mình sống được? Đó là nuôi dưỡng tình thương. Tình thương ở đâu mà nuôi dưỡng? Tình thương ở quê nhà hay là ở Pháp? Tình thương ở trong trái tim mình và mình phải nuôi dưỡng tình thương thì mới sống được. Chùng nào tình thương của mình chết đi là chùng đó mình cũng chết. Bởi vậy, người tu là người phải biết nuôi dưỡng tình thương, có khi phải nuôi thật kín đáo, đừng ồn ào. Ngoài ra cũng phải nuôi dưỡng chính mình bằng thơ, nếu không mình cũng sẽ chết.

Thơ từng ôm và Mặt trời từng hạt. Thường thường người ta nhìn mặt trời như những luồng ánh sáng, nhưng ở đây mình lại thấy từng hạt. Nếu không có mặt trời thì làm sao nước bốc thành hơi, hơi trở thành mây, đến khi mây gặp lạnh sẽ hóa thành mưa rơi xuống dưới dạng những hạt nước? Mình phải thấy trong những hạt mưa có sự hiện diện của mặt trời. Vì vậy có thể thấy được từng hạt mặt trời và có thể thấy từng ôm thơ. Ta dễ thấy một ôm hoa hay một ôm lá nhưng ta cũng thấy được một ôm mặt trời. Mình đã rất nhiều lần ôm từng ôm mặt trời đưa vào trong nhà, chất thành đống; đó là những ôm củi, vì trong những ôm củi có cất chứa mặt trời.

Bài *Thơ từng ôm và mặt trời từng hạt* dùng một hình ảnh màu nhiệm của Tương tức và Tương tục để nói lên

nếp sống lý tưởng của mình. Tuy không có mục đích để nói, nhưng tự thơ đã phản ánh sự sống hàng ngày của mình và bài thơ nào cũng có chất liệu nuôi dưỡng.

Nếu tình thương của anh chị không được nuôi dưỡng thì anh chị sẽ chết. Đừng bao giờ để cho mình bị khô cạn, bị đốt cháy; đừng để khổ đau tiêu diệt mình; đừng để tuyệt vọng xâm chiếm mình. Cuộc đời của người tu cũng không khác gì cuộc đời của một người làm cách mạng. Biết bao người đã ngã gục trên con đường lý tưởng của họ; biết bao người tu cũng đã ngã gục trên con đường lý tưởng của mình. Thế nên mọi người đều phải biết giữ gìn thân tâm, phải biết thương mình, đó là kinh nghiệm của tôi. Biết tự nuôi dưỡng thân tâm thì mới có thể đi xa được. Phải ngược lên để trông thấy trăng sao, đừng đòi về với cát bụi.

Giá trị của mình không phải ở chỗ mang nhiều khắc khoải, thao thức. Nếu anh chị không có nỗi thao thức trong lòng để đi tới thì anh chị cũng sẽ chết dần chết mòn. Nhưng nếu anh chị bồn chồn khắc khoải lắm thì cũng chết. Giá trị của mình là ở chỗ biết giữ gìn thân tâm, nuôi dưỡng tình thương để gìn giữ năng lực đừng cạn kiệt.

Bây giờ bên nhà đã sắp tới giờ Giao thừa chưa? Tôi xin thỉnh ba tiếng chuông kết thúc buổi bình thơ hôm nay để các vị ở bên Pháp Vân, Bát Nhã và Từ Hiếu chuẩn bị vì các vị còn đúng một giờ nữa để chuẩn bị đón Giao thừa. Bên

Pháp còn bảy giờ đồng hồ nữa mới tới Giao thừa. Bên này sẽ đi thiền hành trước. Lúc năm giờ rưỡi, đại chúng bên này sẽ đắp y ngồi thiền, đến sáu giờ - tức mười hai giờ khuya bên nhà - sẽ khai chuông trống Bát Nhã và lạy Tổ tiên tâm linh, huyết thống. Quý vị có tượng tượng được không, bảy giờ chiều nay - tức khoảng một giờ khuya ở quê nhà - thì bên Làng Mai ăn chiều. Vào hai giờ khuya bên nhà thì ở Làng Mai bắt đầu trình diễn văn nghệ. Làng Mai còn thức dài dài.

Kính chúc tất cả các thầy, các sư cô, các sư chú, các Phật tử ở quê nhà một năm mới nhiều hạnh phúc, nhiều vững chãi, nhiều thanh thoi và có thật nhiều cơ hội để thực tập hạnh phúc.

Nguyên cầu

- VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
Trông ra bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù như dù sạch đừng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời
Nói chi thua được với đời
Quần chi những tiếng ma cười đêm thâu
Tâm hương đốt nén linh sâu
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi

*Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian
Một khi đã nín cung đàn
Kẻ chi còn mắt hơi tàn thanh âm*

Ngày hôm qua có một số người trẻ đi tắm hồ đã chứng kiến cái chết đuối của một em trai mười chín tuổi. Cái chết có thể đến với bất cứ ai, đến với người thương của ta bất cứ lúc nào. Nếu không chuẩn bị ta sẽ không có khả năng đối phó với những biến cố lớn đó. Chúng ta quá bận rộn, không có cơ hội học cách đón nhận và có thể mỉm cười khi cái chết đến với mình. Chúng ta phải học hỏi và sống như thế nào để chấp nhận được cái chết của chính mình cũng như cái chết của những người thương.

Chúng ta nên đặt câu hỏi: khi chết đi mình để lại gì cho đời? Lúc 19 tuổi chết thì mình để lại gì? 25 tuổi chết thì để lại gì? 35 tuổi chết để lại gì? Và 60, 80 tuổi chết thì để lại gì? Câu hỏi đó rất hay. *Ai để lại? Để lại cái gì? Và để lại cho ai?* Nếu trả lời được những câu hỏi đó là chúng ta hiểu được đạo Phật, tức là chúng ta sẽ biết cách làm thế nào để sống đẹp, mà chết cũng đẹp, làm thế nào để vượt thoát được sự

sợ hãi, lo lắng về sống chết. Tuệ giác của đạo Bụt là tuệ giác Vô ngã, vì vậy chúng ta phải đi tìm câu trả lời theo hướng Vô ngã. Phần lớn người ta căn cứ trên ý niệm *ngã* để trả lời những câu hỏi này cho nên họ không tìm ra được. Chúng ta thường nghĩ mình là một thực thể bất biến và có một cái *ngã* tồn tại độc lập. Khi chết đi, cái *ngã* đó không còn nữa. Nhưng kỳ thực, chúng ta để lại sau lưng một cái gì đó, có thể xấu, có thể tốt, hoặc chẳng có nghĩa lý gì cả - không xấu cũng không tốt. Để lại cho ai? Có thể là để lại cho con cháu, mà cũng có thể để lại cho đời. Lúc còn trẻ thi sĩ Vũ Hoàng Chương ăn chơi say sưa, nhưng khi lớn tuổi ông biết trở về chăm lo tu học. Trong bài thơ *Nguyên cầu* đăng ở trang đầu tập thơ *Rừng Phong* có câu “*Ta còn để lại gì không?*” Một câu hỏi rất trực tiếp. Tập thơ xuất bản vào khoảng năm 1954 - 1956 khi đất nước đang bị chia cắt, Vũ Hoàng Chương di cư từ miền Bắc vào Nam, làm nhà giáo, nhà văn. Vũ Hoàng Chương lúc trẻ từng đi nhảy đầm, từng hút thuốc phiện và xuất bản tập thơ *Say*.

Vũ Hoàng Chương nổi tiếng bởi tập thơ *Say* đó. Nhưng trong cuộc tranh đấu Phật giáo cho nhân quyền năm 1963 thì trong Vũ Hoàng Chương có sự chuyển đổi rất lớn. Ngày trước có thời kỳ chính phủ miền Nam Việt Nam vì nôn nóng muốn phát triển Thiên chúa giáo ở Việt Nam nên đã có những chính sách đàn áp Phật giáo. Một trong những chính sách đó là không công nhận ngày Phật

Đản là ngày nghỉ của toàn dân như trước đó. Ở một nước có đa số người dân theo đạo Phật mà không cho nghỉ ngày Phật Đản thì cũng giống như ở phương Tây không được nghỉ ngày Noel vậy. Vì thế Phật tử bắt đầu phản đối. Khi Phật tử đứng dậy biểu tình phản đối thì họ dùng quân đội để đàn áp, bắt các thầy, các sư cô, và Phật tử. Chính vì lý do đó nên phong trào tranh đấu vùng dậy. Một phong trào tranh đấu dân quyền không vụ lợi. Tranh đấu không phải vì muốn tranh đoạt quyền lực hay tham gia chính quyền, mà tranh đấu để chống lại sự độc tài, vi phạm nhân quyền. Cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam năm 1963-1964 là một cuộc tranh đấu rất thẳng thắn với một trái tim trong sáng. Trước tình hình đó, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã có cảm hứng. Với tư cách là một thi sĩ, ông đã làm những bài thơ phổ biến rất rộng rãi trong quần chúng và những bài thơ đó đã nung nấu tâm chí chiến đấu của toàn dân. Thi sĩ không tranh đấu bằng súng đạn mà bằng những sáng tác của mình. Sáng tác của Vũ Hoàng Chương đem lại rất nhiều hào khí và cảm hứng cho dân chúng. Trong quá trình đóng góp vào công cuộc tranh đấu, Vũ Hoàng Chương đã học hỏi và thực tập thêm nên đã có nhiều chuyển hóa.

Bài *Lửa từ bi* được sáng tác sau khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Vào năm 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức ra ngồi ở ngã tư Phan Đình Phùng, đổ lên mình một thùng xăng, rồi châm lửa và nhập định. Ngài

ngồi rất yên. Các nhà báo vây quanh đông nghịt. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự đốt mình như vậy để báo động cho thế giới biết là ở miền Nam Việt Nam đang có một chế độ độc tài và tầng chúng đang đau khổ. Mấy giờ đồng hồ sau, tất cả các báo chí, đài truyền hình trên thế giới đều đăng tin và hình Hòa thượng Thích Quảng Đức đang ngồi yên trong lửa đỏ. Đó là một thông điệp rất hùng hồn. Hành động tự thiêu của Hòa thượng đã làm cho phong trào tranh đấu nhân quyền lên cao và quốc tế bắt đầu yểm trợ Phật tử Việt Nam. *Lửa từ bi* là bài thơ đầu tiên của Vũ Hoàng Chương đóng góp vào phong trào này, bài thơ rất hay. Trong đó Vũ Hoàng Chương không hề có ý niệm tưới tẩm hạt giống căm thù. Trái lại, bài thơ chỉ tưới tẩm hạt giống của tình huynh đệ.

*Ôi ngon lửa huyền vi
Thế giới ba ngàn
Phút giây ngơ ngác
Từ cõi nhân gian hướng về cực lạc
Vần điệu thi nhân chỉ là rơm rác
Mà cũng chỉ nguyện được làm rơm rác
Thơ cháy lên theo lời kinh tụng
Cho đất nước thanh bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.*

Bài *Nguyện cầu* được làm trước đó không lâu, nên tuy hay nhưng chưa có tuệ giác của một người giác ngộ. Có dịp

mình sẽ đọc thêm thơ của Vũ Hoàng Chương sau khi nhà thơ đã giác ngộ, đã hiểu Phật pháp. Hôm nay chúng ta chỉ đọc một bài thơ có liên hệ đến cái chết, đó là bài *Nguyện cầu*, mở đầu bằng câu: “*Ta còn để lại gì không?*” Ở Đông Phương ngày xưa, rất nhiều người, đặc biệt là những người có tài năng tin rằng mình là một vị tiên ở trên trời, vì phạm một lầm lỗi gì đó mà bị Thượng đế đẩy xuống trần gian. Sau khi trả nợ dưới trần gian rồi thì được trở về tiên giới.

“*Ta còn để lại gì không?*” là suy tư của một người chưa biết nhiều về đạo nhưng có kiến thức về văn hóa Á Đông. Nghĩ rằng mình có một cái “ta” và cái “ta” đó từ trên trời xuống. Trong thời gian sống ở hạ giới, mình làm chuyện này chuyện nọ, sau khi chết mình sẽ lên trời và để lại hạ giới một cái gì đó. *Ta là ai? Là vị trích tiên. Để lại cái gì?* Ta để lại tác phẩm thơ văn. *Để lại cho ai?* Để lại cho cuộc đời này. Để lại rồi ta không để ý tới nữa, ta lên trời trở lại. Câu trả lời rất đơn giản. Ta là một vị trích tiên, ta để lại công trình nghệ thuật cho cuộc đời, cho trần gian này, còn ta lên trời.

“Ta còn để lại gì không

Kìa non đá lở này sông cát bồi

Trong câu thứ hai, ta thấy tác giả tuy chưa học Phật sâu sắc nhưng đã thấy rõ vạn vật Vô thường. Đời sống của một vị trích tiên dưới trần gian tuy là một trăm năm, nhưng cũng vô thường, bay vèo qua như một giấc mộng. Ngày

xưa núi rất cao nhưng bây giờ đá đã bắt đầu lở. Sông thì sâu nhưng bị cát bồi nên sông cũng đã cạn, “sông cạn đá mòn”.

“*Lang thang từ độ luân hồi.*” Chữ “luân hồi” ở đây được hiểu là có cái ngã bất biến. Ngày sanh xuống trần gian, gọi là luân hồi. “*U minh nẻo trước xa xôi dặm về.*” Đây là sự thực, tuy chưa có tuệ giác của đạo Bụt nhưng những yếu tố của tuệ giác đã có sẵn. Chính những yếu tố đó sau này sẽ làm ra tuệ giác. Đi lang thang trong cuộc đời nhưng không có con đường sống, trước mặt chỉ thấy mù mịt không hướng đi. Trong văn Cảnh sách của Thiền sư Quy Sơn cũng có câu như vậy “*Tiền lộ man man bất tri hà vãng*” - tức là con đường phía trước mờ mờ ảo ảo không biết mình đang đi về đâu.

Người chưa học đạo, chưa có con đường tâm linh thì luôn thấy phía trước mình mờ mịt. Ví dụ như hôm qua có một em bé hỏi: “Con sống trong đời này để làm gì? Có ích lợi gì cho ai không? Cuộc sống có nghĩa lý gì không?” Hỏi như thế là vì em chưa thấy được con đường của mình. Không những chỉ có những thiếu niên mười chín, hai mươi tuổi chưa thấy con đường, mà người lớn bốn mươi, năm mươi tuổi vẫn chưa thấy được, vẫn không biết mình đang đi đâu, không biết trước mặt mình là con đường nào, nên cứ đi vòng quanh mãi cho tới lúc chết. Cho nên “kiến đạo” rất quan trọng, vì biết được mình đang đi đâu. Người nào

biết mình đang đi đâu thì người đó có hạnh phúc. Không còn phải sợ hãi, không còn hoang mang nữa. “*Đã có đường đi rồi, con không còn lo sợ.*” Thế nên tất cả chúng ta đều phải kiến đạo, phải thấy được con đường mình đi. Không biết mình đang đi về đâu tức mình còn đi trong bóng đêm. “*Tiền lộ man man bất tri hà vãng.*” Ở đây thi sĩ nói là “*U minh nẻo trước*”, u minh là tối tăm, mù mịt, không biết mình đang đi về đâu. Có thể mai một bước xuống hố thẳm rồi bị chôn vùi trong đó. U minh nẻo trước là không có đuốc sáng, không có đèn pha, không có đạo sư. “*Xa xôi dẫm về*”, về là về đâu? Về thiên giới, nơi mình đã rời bỏ kể từ ngày bị đẩy xuống trần gian. Biết bao giờ mới được trở về ngôi vị ngày xưa của mình? Vì Ngọc hoàng đẩy xuống dưới này, nên phải sống cuộc đời đầy đọa của kiếp con người. Phải sinh, lão, bệnh, tử, phải đi vòng quanh trong sáu nẻo hôn mê và trong ba giới. Đường phía trước mịt mờ cũng khổ mà đường về xa xôi càng khó. Cuộc đời một vị trích tiên cũng chẳng sung sướng gì. Mình không phải là tiên mà cũng cảm thấy mõi mệt như trích tiên. Đường về xa lắc xa lơ, không biết bao giờ mới trở về nguyên quán? Nếu biết được con đường thì tốt biết mấy. Mình sẽ biết còn bao lâu nữa sẽ được trở về ngôi nhà của mình.

“*Trông ra bên hoặc bờ mê.*” Nhìn ra chỉ thấy bến bờ của sự mê hoặc. “Mê” tức là vô minh, “hoặc” tức là phiền não,

“bến hoặc” tức là bến phiền não. Trông ra chỉ thấy bến bờ của phiền não, vô minh nên không thấy bến bờ giác ngộ.

Trong đạo Phật có câu *“Khổ hải man man hồi đầu thị ngạn”*, có nghĩa là biển khổ mênh mông nhưng nếu biết quay lại thì sẽ thấy bờ ngay. Đó là bờ giải thoát. Đó là kiến đạo. Biển khổ tuy mênh mông nhưng nếu biết hướng về bờ giác ngộ thì sự mênh mông đó sẽ tan biến ngay và bờ giác ngộ không còn cách xa ta nữa. Vũ Hoàng Chương thấy được tất cả điều đó.

Trông ra bến hoặc bờ mê

Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương

Hai câu thơ này đã bắt đầu có yếu tố của tuệ giác. Chỉ trong một tích tắc, một sát-na mà chứa đựng được cả thời gian vô cùng. Nghìn thu là một ngàn năm; ngàn năm đem đặt gọn vào một tích tắc gọi là nghìn thu nửa chớp. Nửa chớp chứ không phải một chớp, một chớp là còn dài. Đây là tinh thần của kinh Hoa Nghiêm. Khi xây dựng Bản môn thì một tích tắc, một sát-na cũng chứa đựng cả thời gian vô cùng. Trong giới thi văn, giới lãng mạn cũng dùng tuệ giác này nhưng không được đúng lắm. *“Tình trong giây phút mà thành thiên thu”*. Nếu anh phải lòng ai, yêu chỉ một giây phút thôi nhưng anh sẽ khổ suốt đời. Thiên thu được chứa đựng trong một giây phút, thành ra tuy trăm năm nhưng có nghĩa lý gì đâu, chỉ là một giấc mộng thôi.

Một nghìn năm cũng vậy, chỉ dài bằng nửa tia chớp. Ở đây ta thấy được giá trị của thời gian. Và không gian cũng thế, “*bốn bề một phương*”, không gian tuy mênh mông nhưng một địa phương cũng có thể chứa đựng cả bốn phương. Tuy trời đất bao la rộng lớn như thế nhưng nhìn vào hạt bụi ta lại thấy hạt bụi chứa đựng tất cả đất trời. “*Càn khôn tận thị mao đầu thượng*” nghĩa là tất cả trời đất càn khôn có thể đem đặt trên đầu một sợi lông. Đó là câu thơ của một thiền sư Việt Nam.

*Càn khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung*

Ta có thể đem mặt trời, mặt trăng đặt trong một hạt cải. Đó là cách nói của thiền sư. Còn ngôn ngữ của thi sĩ thì “Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương.”

*Ta van cát bụi bên đường
Dù nhơ dù sạch đừng vương gót này*

Tác giả ý thức mình là một vị trích tiên và không muốn vướng vào bất cứ thứ gì ở cõi trần dù là đẹp hay không đẹp, dù sạch hay nhơ nhớp. Nghĩ mình trong sạch và không muốn dính tới chuyện đời, đó là cái nhìn rất tách biệt giữa mình và đời; Đời là một chuyện, mình là một chuyện khác. Đó là vì không thấy được mình là cuộc đời, cuộc đời là mình, không có cái nhìn Tương tức của đạo Phật. Sợ bị vướng mắc dù là vướng mắc vào cái dơ hay cái sạch, đều bị

kẹt vào cú nhìn nhị nguyên, nghĩ rằng mình là một thực thể có thể tồn tại độc lập ngoài những cái dơ sạch của cuộc đời.

“Ta van cát bụi bên đường”, chữ “van” ở đây là cầu xin, van xin. Trong sự cầu xin có ẩn chứa nỗi sợ hãi. Sợ bị đẩy đoạ, bị bó buộc bởi những hệ lụy của cuộc đời. Và vì thế mình muốn tách riêng khỏi cuộc đời này.

*Ta van cát bụi bên đường
Dù như dù sạch đòng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say*

Trong thời gian làm nghệ sĩ ở cõi trần, ta chỉ muốn làm nghệ sĩ thôi. Sau đó ta sẽ đi, ta không muốn vướng mắc với các người. Kiếp say là kiếp của thi sĩ. Thi sĩ đã xuất bản một tập thơ *Say*.

Cao xanh liêu một cánh tay níu trời

Trời cao và xanh, chỗ đó là quê hương của ta. Chân ta đang dẫm lên cuộc đời ô trược, phiền não và ta không muốn dính vào đó. Ta muốn đưa tay lên cao với lấy trời xanh để làm chỗ nương tựa, để ta đừng bị hệ lụy và bó buộc vào cuộc đời này. Điều đó có nghĩa Tịnh độ là một nơi nào khác, quê hương là một nơi nào khác, còn chỗ này là chỉ là cõi tạm mà thôi. Đó là quan điểm lưỡng nguyên của những người chưa thấy đạo.

*Cao xanh liêu một cánh tay ntu trời
Kể chi thua được cuộc đời*

Đời là một cuộc tranh đấu, một ván bài. Người nào cũng muốn thắng, chẳng ai muốn thua cả. Ban đầu ta không muốn dính tới những chuyện được thua đó, nhưng rồi cuộc vắn tham dự vào cuộc tranh đấu Phật giáo cho nhân quyền. Muốn coi cuộc đời là một thứ không dính líu tới mình, mình chỉ bị bắt buộc ở đây thôi, nên không muốn dấn thân vào những cuộc tranh chấp. Mình nghĩ mình khác, đời khác.

*"Nói chi thua được với đời
Ngại chi những tiếng ma cười đêm thâu*

Rất rùng rợn! Trong đêm đen có những con ma đang cười nói với mình. Đó là linh hồn của những người trong cuộc được thua đang mang nhiều đau khổ. Ta nghe tiếng cười của các loài ma quái. Tuy nói: không muốn dính líu tới cuộc thắng thua, không muốn dính líu tới đời sống của các loài ma quái, nhưng ta bắt buộc phải sống chung với những người đang tranh đấu. Lập trường của tác giả là: tôi không muốn dính líu tới cuộc đời này, cuộc đời này không phải là quê hương của tôi. Quê hương của tôi là tiên giới.

*Ngại chi những tiếng ma cười đêm thâu
Tâm hương đốt nén linh sâu
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi*

Ta làm thơ, viết nhạc chẳng qua đó là lời cầu nguyện chứ không phải ta tham dự vào cuộc tranh giành của quý vị. Ta không mua danh bán lợi, không tham dự vào cuộc được thua của quý vị. Ta làm thơ xuất bản, ngâm thơ, phổ nhạc là để cầu nguyện thôi. Mục đích của ta là cầu nguyện với quê hương của mình. Ngày đêm ta nhớ quê hương, *"Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi"*. Đừng tưởng ta làm những bài thơ này để ca tụng cuộc đời, để mua danh bán lợi.

Có những người tu theo Tịnh độ, nhưng vì họ mới bắt đầu tu nên có quan niệm đây không phải là quê hương của mình. Ta bà là chốn mình phải phát tâm chán ghét và Tịnh độ là chốn mình phải phát tâm mong cầu. Tìm cầu cái này và chán ghét cái kia. Tâm trạng này cũng giống như thi sĩ. Ta không đầu tư vào cõi Ta bà này mà ta đang đầu tư vào cõi Tịnh độ nên mỗi ngày ta đều niệm Bụt. Thay vì làm thơ, ta niệm *"Nam mô A Di Đà Phật"*, đó cũng là sự cầu nguyện của ta. Tu Tịnh độ theo kiểu này cũng không khác gì mấy với làm thơ. Làng Mai chúng ta tu Tịnh độ một cách khác, chúng ta nói *"Tịnh độ là đây, đây là Tịnh độ"*, nghĩa là phải biến nơi này thành cõi Tịnh độ. Vì vậy không có thái độ chán ghét một cái và tìm cầu một cái khác. Chư Tổ cũng đã khẳng định với chúng ta rằng: *"Tịnh độ ở trong tâm con người"* (*Duy tâm tịnh độ*), đó là chiều sâu của đạo Bụt. Các vị thiền sư cũng đã nói muốn tìm giải thoát thì phải tìm ngay trong cõi sinh tử, chứ không phải từ bỏ sinh

nữ để có giải thoát. Muốn tìm nước thì phải tìm ngay trong những con sóng, nếu bỏ sóng đi làm sao có nước? Đó là cái thấy bất diệt mà lúc bấy giờ thi sĩ chưa có được.

*Tâm hương đốt nén linh sầu
Nhớ quê dâng đặc ta cầu đồ thôi
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian*

Ta có một ngôi vị trên thiên giới, có thể là Nam Tào hoặc Bắc Đẩu. Nếu ta trở về thì những lời cầu nguyện đâu còn ích lợi gì nữa vì “*Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.*”

Vì vậy,

*Một khi đã tắt cung đàn
Kể chi còn mắt hơi tàn thanh âm*

Chúng ta thấy thi sĩ cũng là một nhạc sĩ. Cung đàn đó là cung đàn muôn điệu. Thơ cũng là cung đàn. Khi đã làm xong phận sự nghệ sĩ rồi thì ta trở về ngôi vị của mình. Ta không để ý xem những bài thơ ta làm, những cung đàn ta đã hiến tặng cho đời có còn hay không. Câu trả lời của thi sĩ là tôi đâu cần để lại gì và đâu cần để lại cho ai. Thơ của tôi còn hay mất, người ta thích hay không, chuyện đó tôi không quan tâm. Vì tôi đã sinh ra trong cuộc đời này như một nghệ sĩ thì tôi cứ đóng vai trò người nghệ sĩ. Vậy thôi! Làm xong, tôi đi. Người ta thích hay không, thơ tôi còn

được truyền tụng hay không, tôi chẳng cần biết. Trả lời cho câu hỏi “*để lại cho ai*” là không để lại cho ai cả và tôi không để lại gì cả. Vì bị đày xuống trần gian này nên tôi phải sống cuộc đời của một nghệ sĩ, sau đó tôi sẽ trở về quê hương của mình. Đó là câu trả lời, là cái thấy của thi sĩ.

Là người tu, đã được học giáo lý, chúng ta thấy thế nào? Mình có phải là một cái ngã không? Khi sống với cuộc đời, cái ngã của mình có dính líu gì với cuộc đời không? Khi lìa đời mình có phải mang theo cái ngã đi không? Mình có để lại gì không? Đó là những thắc mắc rất thực tế. Ví dụ cô Tám, anh Tám, cô Thái, cô Bảy, anh Thiệu... khi họ đặt những câu hỏi này, mình sẽ trả lời thế nào? *Ta là ai? Ta đang làm gì ở đây? Ta muốn để lại gì không? Để lại cho ai?* Những câu hỏi đó rất cần thiết cho tất cả chúng ta. *Ta đã để lại gì? Những gì ta để lại có đẹp không, có giá trị đóng góp cho cuộc đời không? Ta để lại cho con cháu, bạn bè hay để cho muôn đời sau?*

Bây giờ chúng ta phải trở lại ba câu hỏi lúc ban đầu. *Ta là ai? Ta để lại gì? Để lại cho ai?* Trả lời được ba câu hỏi đó ta sẽ thấy khỏe nhẹ. Mỗi người phải tự hỏi chính mình như thế. Sanh ra là một sự biểu hiện. Chết đi là ẩn tàng. Có lẽ chúng ta nghĩ rằng trước khi sanh ra mình chưa có, và sau khi chết đi mình cũng không còn. Quan điểm đó gọi là “*đoạn kiến*”. Trước khi sanh, mình chưa có; sau khi

sanh, mình bắt đầu có; rồi khi chết đi, mình trở lại không có. Như vậy ta đang bị mắc kẹt vào cái thấy gọi là “*hữu vô*”, “*đoạn kiến*”. Từ “không” trở thành “có”, từ “có” trở thành “không”. Đó là quan điểm của rất nhiều người, trong đó có một số nhà khoa học. Trong tác phẩm *Bài ca dị hóa* trong tập thơ *Rừng phong*, Vũ Hoàng Chương cũng có đặt câu hỏi đó và đã bắt đầu thấy được vấn đề.

*Trải mây hoang mang tìm kiếm
Lòng sao khát mãi chưa vừa
Hai chữ có không màu nhiệm
Đêm đêm ta hỏi người xưa*

Tác giả chưa thỏa mãn được sự khao khát hiểu biết của mình nên thao thức muốn đi tìm kiếm ý nghĩa của chữ “có” và “không”.

*Hai chữ có không màu nhiệm
Đêm đêm ta hỏi người xưa*

“Người xưa” tức là người thế hệ trước đã có kinh nghiệm, đã từng sống qua, từng có nhiều tuệ giác. Tuệ giác đó được ghi chép lại trong kho tàng kinh sách của đạo Nho. Đêm đêm thắp đèn lên đọc sách của người xưa, xem kinh nghiệm của họ để giải quyết vấn đề “có - không”. Đó là bốn câu đầu của *Bài ca dị hóa*. Chúng ta cũng nên tìm đọc bài thơ đó cho vui. Trong bài đó cũng có mấy câu rất hay.

*Biển đông mờ mịt không mà có
Hay có mà không dị biểu ơi!*

Có một câu mà mình phải nhớ là: “Đâu lẽ có chiều qua mà không có sáng nay?” Thấy một em mười chín tuổi chết đuối vì đi bơi hồ, ta tưởng ngày hôm qua em có mà hôm nay tự nhiên không có. Đâu thể từ có mà trở thành không một cách dễ dàng như vậy được. Thế nên đặt câu hỏi: Từ cái “không” có thể trở thành cái “có” được hay không? Hoặc từ cái “có” có thể trở thành cái “không” được hay không? Đó là câu hỏi rất thông minh. Nếu quan sát kỹ ta sẽ thấy được rằng không bao giờ từ “không” mà trở thành “có” và cũng không bao giờ từ “có” mà trở thành “không”. Ví dụ đám mây bay trên trời có phải từ không trở thành có? Đứng về phương diện khoa học mà xét, đám mây không phải từ không mà trở thành có, vì trước khi là đám mây thì nó đã là những thứ khác rồi. Nó là hơi nóng, là nước hồ, nước sông... Vì vậy ta không thể nói rằng đám mây từ “không” mà trở thành “có”. Đám mây chẳng qua là sự tiếp tục thôi. Thế nên ý niệm về “không” và “có” cần phải xét lại. Ngày hôm qua có mưa dông, nhìn lên trời ta không thấy đám mây nữa, như vậy đám mây có thể từ “có” trở thành “không” được không? Không thể nào được, đám mây đâu thể chết, cũng đâu thể nào trở thành không. Đám mây chỉ có thể trở thành mưa, thành sông ngòi, ao hồ chứ không thể trở thành “không”. Thi sĩ đã đặt một câu hỏi

rất thông minh: “*Đâu lẽ có chiều qua mà không sáng nay?*” Chính nhờ câu hỏi đó mà sau này tác giả có thể thức tỉnh lại, thấy được đạo lý vô sinh bất diệt.

Chúng ta là những người có cơ hội tiếp xúc với giáo lý mầu nhiệm của đạo Phật. Chúng ta có cơ hội ngồi thiền, đi thiền, tại sao chúng ta không dùng thời gian đó để quán chiếu sâu sắc mà cứ tiếp tục làm nạn nhân của nỗi sợ hãi, làm nạn nhân cho sự sai lầm về ý niệm “có” và “không”. Hôm qua có em bé hỏi: Sau khi chết, điều gì sẽ xảy ra? Ta có thể trả lời cho bé hay không? Vì khi mười hai tuổi, có thể mình đã bắt đầu có những thắc mắc như vậy. Khi em bé thấy một con chim chết, không còn bay, không còn hót nữa, bé liên tưởng đến bản thân và đặt câu hỏi về điều gì sẽ xảy ra sau khi mình chết. Có phải mình từ “có” trở thành “không” hay không? Ta phải đặt câu hỏi đó để quán chiếu. Tại sao em bé mười hai tuổi có nhu yếu đó mà ta là người lớn lại không có? Tại sao ta cứ để cho mình bận rộn suốt ngày từ chuyện này sang chuyện khác mà không có thời gian để quán chiếu? Chúng ta để cho những buồn vui nhỏ nhỏ lôi kéo làm mất hết ngày, hết tháng, hết cả cuộc đời. “*Đâu lẽ có chiều qua mà không sáng nay?*” Một câu hỏi như vậy thôi cũng đủ cho chúng ta thấy được bản chất vô sinh bất diệt của mình để vượt thoát sợ hãi. Chúng ta biết hôm nay mình phải làm gì để hiến tặng điều đẹp nhất cho đời. Đức Thế Tôn đã chỉ cho ta một con đường, một phương

pháp quán chiếu để đừng bị mắc kẹt vào ý niệm sinh - tử, có - không, ngã và phi ngã. Khi đó thi sĩ Vũ Hoàng Chương nghĩ rằng anh có một cái ngã. Cái ngã đó có thể không dính líu đến cuộc đời. Nhưng khi quán chiếu sâu sắc, ta thấy cái gì cũng liên quan mật thiết với tất cả những cái khác mà không có một cái ngã tồn tại biệt lập. Chúng ta thường có ý nghĩ mình để lại cho đời một đứa con. Ví dụ như chú Thư và chị Hạnh Hương để lại Bảo Tích; và rồi mình hỏi anh chị để lại cho ai? Để lại cho Sư ông. Để lại cái gì? Để lại Bảo Tích. Nhưng sự thực là mình để lại chính mình. Con của mình chính là sự tiếp nối của chính mình. Quý vị không cần phải làm đám cưới mới có con. Chúng ta có con trong từng giây từng phút - mỗi giây phút ta đều suy nghĩ, tư duy. Tư tưởng của chúng ta có thể là hận thù, độc hại, oán hờn, đen tối... và như thế trong mỗi giây phút hằng ngày ta đều để lại những thứ đó. Tuy nhiên ta cũng có thể để lại những tư tưởng đẹp đẽ như những ý tưởng tràn đầy lòng yêu thương và sự hiểu biết đó gọi là chánh tư duy, là tặng phẩm ta hiến tặng cho đời. Nói là hiến tặng cho đời nhưng sự thực là hiến tặng cho ta. Những tư tưởng ta phát ra trong từng giây phút của đời sống hằng ngày là ý nghiệp của ta, là sự tiếp nối, là con của ta. Đó chính là chúng ta. Những câu nói mà ta phát ra cũng là những hiến tặng của chúng ta trong giây phút hiện tại. Nó là con của chúng ta và nó sẽ tiếp nối ta đi về tương lai. Những hành động trong

đời sống hằng ngày của mình cũng vậy, nếu là sát, đạo, dâm thì hành động đó là sự tiếp nối xấu xa của chúng ta. Đó cũng là quà tặng của ta cho chính ta và cho cuộc đời. Vì vậy trong mỗi giây phút của đời sống hằng ngày, ta đều hiến tặng những hành động của thân, khẩu, ý. Đó là con, là gia tài của ta, ta không thể tránh thoát được.

Trong kinh cũng có dạy là khi chết chúng ta đem theo tất cả những nghiệp thân, khẩu, ý của mình. Đó là sự tiếp nối của mình. Những nghiệp đó nếu đẹp thì ta đem theo cái đẹp, nếu xấu thì ta đem theo cái xấu. Những điều ta suy tư, nói năng và hành động không mất đi đâu cả, chúng tiếp nối ta dài dài. Sau khi chết, ta không đem theo gia sản, danh vọng, quyền hành hay địa vị mà đem theo tất cả nghiệp của mình. Khi chết, tôi sẽ không đem theo được gì hết ngoài những nghiệp của tôi. Nghiệp đó có thể là tốt hoặc xấu. Vì vậy những gì mình đang suy tư, nói năng, hành động chính là gia tài sau này mình sẽ đem theo. Đó là mình. Bảo Tích chẳng qua chỉ là một trong những thứ mình hiến tặng thôi, trong đời sống hằng ngày mình còn hiến tặng những thứ khác nữa, vì ngày nào mình cũng tư duy, nói năng, hành động, đó là tác phẩm của mình, con của mình, là chính mình. Khi tôi dạy cho một sư cô hay một sư chú, tôi trao truyền cho sư cô, sư chú đó những gì tôi nghĩ là đẹp nhất, hay nhất của tôi. Tức là tôi hiến tặng chính mình, tôi để lại chính mình cho cuộc đời. Tôi không

nói như thi sĩ là không muốn dính líu gì tới cuộc đời, vì cuộc đời là chính mình. Tất cả những gì mình nói, làm, suy nghĩ đều là để đầu tư cho tương lai. Mình thấy được sự cô, sự chú là sự tiếp nối của mình, nên trong giây phút hiện tại mình phải làm thế nào để những gì mình để lại đều là những thứ đẹp, thật và lành. Mình không muốn để lại những điều xấu xa, hận thù, nhỏ mọn, đen tối. Nếu lỡ trong quá khứ mình đã để lại những điều tiêu cực xấu xa, đen tối, hận thù và chúng đã lên đường rồi thì làm sao ta chạy theo kịp để sửa chúng, để kéo chúng quay về? Lời nói một khi đã phát ra thì xe bốn ngựa cũng không chạy theo kịp để thu về lại, “tứ mã nan truy” là vậy. Thế nên ta phải cẩn thận. Tư tưởng nào đó một khi đã phóng đi thì dù máy bay trực thăng cũng không thể đuổi kịp để kéo lại. Vì vậy ta phải cẩn thận trong từng giây, từng phút đối với tư duy, ngôn ngữ, hành động của mình.

Làm thế nào ta có thể cải biến nghiệp xưa? Chúng ta có một nẻo thoát. Cũng giống như ta fax cho người bạn một tờ fax, trong bản fax đó - vì tư duy sai lầm - nên mình đã lên án, la mắng, trách móc người bạn và mình biết rằng tờ fax này sẽ gây ra những đổ vỡ trong lòng mình và bạn. Thế là mình viết một tờ fax thứ hai để xin lỗi, để trung hòa tờ fax ban đầu. Mình nói rằng trong giây phút hấp tấp, giận dữ, mình đã phát ra những tư tưởng, lời nói không hay, mình rất xấu hổ, mình xin bạn tha thứ. Tờ fax thứ hai sẽ

trung hòa được trình trạng trong quá khứ. Mình có thể chuyển đổi nghiệp bằng cách đó. Trong chúng ta ai không có những lầm lỗi trong quá khứ? Ta đã nghĩ, nói và làm những điều không có giá trị, những điều không có chất liệu của hiểu biết và thương yêu. Tuy nhiên, chúng ta vẫn đang còn đây, chúng ta có cơ hội và có khả năng làm mới trở lại. Khi làm mới chúng ta có thể chuyển đổi tất cả. Hay như vậy đó! Đạo Bụt mở ra cho chúng ta những hướng đi rất màu nhiệm. Chúng ta có thể ôm được quá khứ, có thể thay đổi quá khứ bằng cách hành xử trong giây phút hiện tại. Bắt đầu quán chiếu là ta đã thấy được vấn đề “*Ta là ai?*” “*Ta để lại gì?*” Có thể nói ta là cuộc đời, ta được tạo nên từ những yếu tố không phải là ta; ta được tạo thành từ tổ tiên, cha mẹ, ông bà, đất nước, giáo dục, kinh tế, xã hội. Ta là như vậy. Rất khoa học. Ở đây không mang tính chất siêu hình. Khi nhìn vào bản thân với con mắt quán chiếu, ta thấy được mình chính là sự tiếp nối của cha mẹ, tổ tiên, ông bà, nền văn hóa dân tộc, văn hóa thế giới, hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội... Ta có thể thay đổi chính mình để có thể cống hiến cho tương lai những cái đẹp hơn mà ta đã tiếp nhận. Ta có thể làm hay hơn cha mẹ, tổ tiên. Đó là nhờ Pháp của Bụt. Cha mẹ, tổ tiên trong ta sẽ rất hài lòng về ta. Điều đó trả lời cho câu hỏi đầu “*Ta là ai?*” Chẳng phải siêu hình gì cả, rất rõ ràng và khoa học. Ta là cha mẹ, tổ tiên, ông bà, xã hội. Ta có thể chuyển hóa chính mình để

làm cho ông bà, cha mẹ và tổ tiên ta đẹp hơn. Câu hỏi thứ hai “*Ta để lại gì?*” Câu trả lời là không nên kẹt vào lưỡng nguyên: có người để lại và vật để lại. Người để lại và vật để lại cũng là một, ta để lại chính ta trong cuộc đời. Cũng như chúng ta nói cha mẹ trao truyền hình hài này cho mình. Cha mẹ là người trao truyền, hình hài này là vật trao truyền và mình chính là người tiếp nhận. Trong sự trao truyền có ba yếu tố: người trao truyền, vật trao truyền và người tiếp nhận sự trao truyền. Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ ràng là ba yếu tố đó không có thực thể riêng biệt. Khi nhìn sâu vào vật trao truyền, ta sẽ thấy người trao truyền là cha mẹ. Cha mẹ trao truyền chính con người cha mẹ cho ta, vì trong mỗi tế bào cơ thể, ta thấy được sự có mặt của cha mẹ với tất cả khổ đau và hạnh phúc của các ngài.

“*Ta còn để lại gì không?*” Có. Ta để lại chính mình một cách toàn vẹn với tất cả thân, khẩu, ý của mình. Ta trao lại cho Bảo Tích nhưng ta cũng trao lại cho cuộc đời. Bảo Tích cũng là ta, cuộc đời cũng là ta. Thành ra người trao truyền và vật trao truyền không phải là hai thực thể cách biệt. Người tiếp nhận trao truyền cũng đồng thời là vật trao truyền và người trao truyền. Bảo Tích là chú Thư, là chị Hạnh Hương, là ông nội, ông ngoại... là sự tiếp nối. Trao truyền cũng cần phải có nghệ thuật. Làm thế nào để ta chỉ trao truyền những cái đẹp chứ không phải những cái xấu. Như thế chúng ta sẽ có một tương lai tươi sáng.

Vì vậy, khi thấy được giáo lý *Tam luân không tịch* này là ta bắt đầu trả lời đúng câu hỏi đã nêu lúc đầu: “Ta là ai? Ta trao truyền gì? Ai là người tiếp nhận sự trao truyền?” Ta thấy ba điều đó không phải là ba điều tách biệt nhau. Thấy được như vậy ta sẽ vượt thoát ý niệm ta từ “không” mà trở thành “có” và từ “có” trở thành “không”. Ta thấy bài này là một lời mời mọc. Nếu giảng hết bài này thì không đủ thời gian đi thiền hành, đi pic-nic nên mình phải dừng tại đây. Đây là sự mời mọc để quý vị đặt lại ba câu hỏi. Nếu đặt được ba câu hỏi này rồi thì con đường trước mặt mình rất sáng lạn. Quý vị biết mình phải làm gì ngày hôm nay và không còn cảm giác con đường phía trước mờ ảo, mình không biết đi về đâu. Con mắt mình được mở ra và mình biết sống thế nào có nghệ thuật, có hạnh phúc để mỗi giây phút của đời sống hằng ngày đều có thể hiến tặng được cho bản thân, cho tổ tiên, cho con cháu những gì đẹp nhất mà mình có thể hiến tặng dưới ba dạng tư duy (*chánh tư duy*), lời nói (*chánh ngữ*) và hành động (*chánh nghiệp*). Đó là ba then chốt của con đường Bát chánh đạo. Sau khi Vũ Hoàng Chương đi học tập cải tạo về, sức khỏe ông rất yếu. Từ Pháp, chúng tôi gửi thuốc, quà cho bà Vũ Hoàng Chương để có thể chăm sóc ông. Tất cả chúng ta - những Phật tử từng tham dự cuộc tranh đấu chống lại chế độ độc tài để khơi mở, bồi dưỡng tình huynh đệ - đều thấy rằng Vũ Hoàng Chương, với tư cách một thi sĩ, đã đóng góp rất

nhiều cho cuộc tranh đấu đó. Những lời thơ ông nói ra thấm nhuần Phật pháp mà không mang chất liệu của hận thù. Nếu có cơ hội chúng ta sẽ đọc thêm vài bài nữa của ông. Và đây là bài thơ tôi làm tặng Vũ Hoàng Chương khi nghe tin ông mất.

*Đêm này dù đã về ngôi
Hồn thơ vẫn cứ luân hồi thế gian
Bút hoa ngàn kiếp không tàn
Đuốc thơ còn cháy trên trang sử người
Có không mùi mật biển khơi
Nẻo về đã rạn chân trời thênh thang
Tỉnh say vẫn một cung đàn
Lửa anh hào đốt cháy tan đêm sầu
Thơ lên bay vút bờ câu
Triều âm chấn động phương nào cũng nghe
Giấc mơ hồ điệp đi về
Biển đông sóng vỗ kinh nghê vẫn còn.*

Tôi đã dùng những danh từ trong thơ của Vũ Hoàng Chương để ca ngợi ông giờ phút cuối đời đã thấy được đạo, biết được con đường trở về. Vũ Hoàng Chương đã để lại cho đời rất nhiều cái đẹp, biết ngắt một cành hoa làm bút yêu thương viết lên những bài thơ tràn đầy lòng thương yêu.

Lẽ nào anh chết

— LƯU TRỌNG LƯU

*Anh không ngồi đếm bao thu còn lại
Bao tuần lá đổ vàng rơi
Khi cánh song anh khép kín cõi đời
Anh vẫn không tin: mình chết*

*Khi chia tay không cắt lời vĩnh biệt
Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây
Trong gian nan ta gọi thép sáng ngời
Giữa đối thoại ngày mai ta không vắng mặt.*

*Bão gió ba mươi năm đầu cành vẫn trong tiếng hát
Ôi mẹ! Với mây xanh, sao biếc, nắng vàng
Tơ rút ruột, kén thời gian tằm lột ố
Cho trời, cho đất một tình thương.*

Đâu phải anh vào nơi bắt diệt
Vì trăm năm sau
Cô bé nào bên cầu ao
Chợt ngâm đùa mấy câu thơ anh, vơ vẩn.

Anh biết rồi mắt anh sẽ tan thành bụi phấn
Nhưng em có hay: hạt bụi mắt anh
Là con thương của giọt nắng rơi tự trên cành
Và của hạt sương tự đất đen tụ lại?

Còn say, còn mơ, còn đời luân hồi mãi mãi
Bụi phấn vẫn bay đi cướp lửa những sao trời
Để sười nồng mảnh mảnh trắng rơi
Và chút chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh.

Nếu chút thương còn vương trên mẫu bánh
Chút đau còn vương áo chưa lành
Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh
Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới.

Xin cảm tạ ngọn sóng lòng vừa tới
Giữa dòng thơ trên tờ giấy trắng tinh
Và băng quơ tiếng gió trên cành
Xua chút lạnh trên bờ cây còn sót lại
Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người
Cũng bấy nhiêu tiếng khóc tiếng cười
Mà vàng ngọc thế gian không sánh nổi

Ta chẳng bao giờ tiếc nuôi
Những giọt nước mắt đổ ra
Vì một ý đẹp, một cảnh hoa
Hay vì một nỗi đau bên đường đựng phải

Có những hoàng hôn toan xóa mờ chân sỏi
Giữa nơi đây ta chong sáng ngon đèn
Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi
Dấu mơ kia chưa trọn nở trước thềm

Có hạnh phúc nào như hạnh phúc niềm tin
Vẫn như thừa nào tóc để lời chiếc lược
Cho mắt anh lại được gặp mắt em
Cho hai tia lửa nhỏ hồng thêm.

Khi gà, mai mỗi ngày còn đập cánh
Ai tắt được lửa bình minh?
Khi tim anh còn chan chứa ân tình
Lẽ nào em tin rằng: Anh chết?

Hà Nội - Nha Trang - Phan Thiết

LƯU TRỌNG LƯU (1981)

Truyền thống của Làng Mai là mỗi đêm giao thừa sẽ được nghe đọc thơ và bình thơ. Chúng ta đã đọc thơ của Tân Đà, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Thế Lữ và nhiều thi sĩ khác rồi. Ngày hôm nay chúng ta đọc thơ Lưu Trọng Lư, một sáng tác được viết vào năm thi sĩ bảy mươi tuổi mà ít người biết đến. Tác phẩm này có những suy tư khá sâu sắc về sự sống chết.

Chúng ta sẽ đọc một bài thơ nữa mà thi sĩ đã viết trước khi qua đời chỉ mấy tiếng đồng hồ. Tác phẩm ấy có giá trị tương đương với một bài kệ của một thiền sư sắp viên tịch. Có nhiều vị thiền sư khi sắp tịch, bảo đệ tử đưa giấy mực, viết một bài hay ba câu, bốn câu gì đó, viết xong quăng bút rồi tịch. Lưu Trọng Lư cũng có một bài như vậy. Hôm nay chúng ta sẽ có cơ hội đọc bài thơ đó.

Vào một buổi trưa tháng 7 năm 1991, lúc Lưu Trọng Lư đang nằm trong bệnh viện Việt-Xô ở Hà Nội, các y tá chuyên đàm và cho ông thở oxy, một y tá nói: “Bác ơi, khi

nào bác khỏe, bác làm cho chúng cháu một bài thơ nhé.” Trong nhà thương ai cũng biết Lưu Trọng Lư là một thi sĩ nổi tiếng. Lúc ấy, đang truyền nước biển, thở oxy, Lưu Trọng Lư vung tay ra viết ngay một bài thơ, trong lúc cánh tay còn đầy dây nhợ. Tác phẩm chỉ có bảy, tám câu thôi nhưng rất thật, có thể nói là một bài thơ thật nhất trong cuộc đời thi sĩ. Lúc đó thi sĩ không còn sợ hãi, không phải đối phó với ai nữa. Không cần đối phó với kẻ thù, cũng không cần đối phó với hoàn cảnh nào nữa.

Lưu Trọng Lư là người Huế, mẹ của ông có nụ cười đen nhánh vì thời đó người dân có “mốt” nhuộm răng đen. Quan niệm ngày xưa về cái đẹp rất khác bây giờ, ai để răng trắng thì người ta bảo người đó trông giống hệt con ma, cho nên phải nhuộm răng đen. Mẹ và chị Cầm của tôi ngày xưa cũng vậy, cũng nhuộm răng đen. Nhưng về sau phong trào răng trắng xuất hiện, nên chị tôi phải cạo cho răng trắng lại, cũng lại do cái mốt mới mà ra.

Lưu Trọng Lư có một bài nói về nụ cười đen nhánh của mẹ, là bài *Nắng mới*.

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song
Xao xác gà trưa gáy náo nùng
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng
Chập chờn sống lại những ngày không*

*Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống, tôi lên mười
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội
Áo đỏ người đưa trước dậu phơi
Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn muông tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

Thế hệ của tôi đã được ru bằng thơ của Lưu Trọng Lư, cái lãng mạn trong thơ ông nhẹ nhàng thôi. Thơ của Lưu Trọng Lư là thơ tình, thơ mộng và thơ sầu, bất cứ người nào sống trong thời đại đó đều được ru bởi những tác phẩm đó, vì trong chúng ta ai cũng có hạt giống của tình, mộng và của sầu.

Ở chùa thường không đọc và hát những bài thơ, những bài nhạc có tính cách trữ tình, sầu mộng, nhưng hôm nay là Tết nên thầy cho phép các sư cô, sư chú được nghe loại thơ nhạc này. Tôi chọn được hai bài điển hình cho tính sầu mộng trong thơ Lưu Trọng Lư.

Sầu Rung

*Vàng trắng từ độ lên ngôi
Năm năm bên cũ em ngồi quay tơ*

Để tóc vương vẩn thơ sầu rụng
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo
Năm năm tiếng lụa se đều
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng
Thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh.

Tiếng Thu

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rùng rùng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

Các vị đã từng nghe các bài thơ này rồi, hôm nay cho phép tưới tắm hạt giống đó trở lại. Những người trẻ, nhất

là các cô, các chú chưa bao giờ được nghe nay cũng được phép thưởng thức những bài thơ này, đó là thứ thơ và nhạc lãng mạn ngày xưa tôi đã nghe. Sau đó tôi sẽ nói chuyện thêm về Lưu Trọng Lư thời trẻ, thời tham gia kháng chiến chống Pháp và cuối cùng là thời tham gia cuộc chiến có người Mỹ tham dự.

Trong đời sống hàng ngày nếu bận rộn quá, chúng ta sẽ không có cơ hội để nhìn sâu vào sự sống, nhất là sự sống của chính mình. Mình cứ để thời gian đi qua một cách oan uổng, cứ lo những chuyện gọi là “thực tế” nên không có cơ hội nhìn sâu để thấy mình là ai? Mình từ đâu tới và sẽ đi về đâu?

Lưu Trọng Lư hồi còn trẻ từng mơ mộng, yêu đương, sầu khổ. Khi lớn lên ông đã đi vào thực tế, tham gia kháng chiến, trải qua hai cuộc chiến tranh và đến tuổi bảy mươi thì ấn tượng về hai cuộc chiến đó đã ghi dấu sâu nặng trong lòng ông. Nhưng Lưu Trọng Lư đã có cơ hội nhìn lại cuộc đời mình, suy tư và có quán chiếu về vấn đề sống chết.

Chúng ta từng thấy có những vị xuất gia lên đến tuổi bảy mươi mà chưa chắc có được cái thấy bằng cái thấy của Lưu Trọng Lư. Nhiều vị xuất gia chỉ lo làm chùa, lo hoạt động, lo hoằng pháp mà không có thì giờ để tu tập, quán chiếu. Cái thấy của Lưu Trọng Lư là cái thấy của người

xông pha trong tên đạn, tham dự vào cuộc chiến và đã đi qua bao khó khăn, tủi nhục. Lưu Trọng Lư có một người con trai tên là Nông hy sinh ở miền Nam trong khi tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp.

Anh không ngồi đếm bao thu còn lại

Bao tuần lá đổ vàng rơi

Khi cánh song anh khép kín cõi đời

Anh vẫn không tin mình chết

Đến khi hình hài tan rã rồi, anh vẫn không tin mình sẽ chết. Như vậy có nghĩa là Lưu Trọng Lư đã thấy được tính bất sinh bất diệt của mình. Thi sĩ không tin mình có thể chết. Trong cuộc sống, thi sĩ đã có cơ hội để nhìn lại cuộc đời mình, nhìn kỹ chuyện sinh tử và thấy được tính không sinh, không diệt ở chiều sâu. Tôi rất mừng khi thấy Lưu Trọng Lư còn có thể sáng tác bài này khi đã ở tuổi bảy mươi và càng mừng hơn khi đọc bài thơ cuối cùng được sáng tác trước khi thi sĩ qua đời, chứng tỏ thi sĩ đã có sự giải thoát.

Chúng ta thường nói năm cũ sẽ đi qua để nhường chỗ cho năm mới. Năm cũ sẽ chết để cho năm mới sinh ra, nhưng kỳ thực năm cũ không chết, năm cũ được tiếp tục, trong năm mới và nếu nhìn vào năm mới cho sâu sắc, ta sẽ thấy năm cũ vẫn còn nguyên vẹn trong năm mới. Những gì ta làm trong năm cũ còn y hệt trong năm mới. Như vậy năm cũ không đi đâu hết mà vẫn ở lại với ta.

Ngay bốn câu đầu mình đã thấy con người Lưu Trọng
Lư quả có bản lĩnh:

*Anh không ngồi đếm bao thu còn lại
Bao tuần lá đổ vàng rơi
Khi cánh song anh khép kín cõi đời
Anh vẫn không tin mình chết*

*Khi chia tay không cất lời vĩnh biệt
Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây
Trong gian nan ta gọi thép sáng ngời
Giữa đôi thoại ngày mai ta sẽ không vắng mặt*

Vào giây phút phải chia tay, tôi sẽ không nói vĩnh biệt,
mà chỉ nói: hẹn gặp lại. Vĩnh biệt có nghĩa là không bao giờ
gặp lại nhau nữa nhưng đây không phải vĩnh biệt. Mình sẽ
gặp lại nhau nơi suối nguồn, sẽ gặp lại nhau khắp nơi trên
mọi nẻo đường.

*Hãy cười cùng tôi, hãy nắm tay tôi,
Hãy vẫy tay chào để rồi tức thì gặp lại.*

NHẤT HẠNH

Vì vậy, khi chia tay mà ta không cất lời vĩnh biệt là bởi
không có sự biệt ly. Tôi với anh, tôi với em sẽ mãi mãi ở bên
nhau, trong em có tôi và trong tôi có em, không có sự chia
ly, xa cách nào cả.

Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây

Có một thời khắc gọi là giao thời giữa năm mới và năm cũ, nhưng không có sự đứt đoạn, tại vì năm cũ tiếp tục trong năm mới cho nên chữ vĩnh biệt không còn ý nghĩa. Giờ phút ấy mình gọi là chuyển tiếp chứ không phải giờ phút biệt ly.

Trong gian nan ta gọi thép sáng ngời

Giữa đối thoại ngày mai ta sẽ không vắng mặt

Khi lâm vào thế gian nan, một thế cờ cần phải tranh đấu thì mình cần có một lưới gươm - lưới gươm của trí tuệ, lưới gươm của ý chí. Tôi sẽ có mặt và hình hài mà anh thấy đây tuy sẽ tan rã nhưng tôi sẽ còn có mặt trong ngày mai. Cuộc đối thoại vẫn còn tiếp tục giữa con người với con người. Và Lưu Trọng Lư hiện đang có mặt trong giờ phút này với chúng ta.

Bão gió ba mươi đầu cành vẫn trong tiếng hát

Ôi mẹ! Với mây xanh, sao biếc, nắng vàng

Tơ rút ruột, kén thời gian tầm lót ổ

Cho trời, cho đất một tình thương

Ba mươi năm chiến tranh, ba mươi năm bão tố, giờ đây đầu cành vẫn vang lên tiếng con chim nhỏ đang líu lo, bông hoa vẫn chưa ngưng lời hát ca.

*Đứng yên ngoài hàng giậu
Em mím nụ nhiệm màu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời ca em thiên thâu
Ta sực lấy cúi đầu.*

QUÁCH THOẠI

Bông hoa nhỏ bé mà ta thấy ngoài hàng giậu ấy đang tiếp tục hát bài thiên thu. Con chim nhỏ đậu đầu cành kia đầu có trải qua ba mươi năm bom đạn vẫn còn vang tiếng hót.

*Bão gió ba mươi đầu cành vẫn trong tiếng hót
Ôi mẹ! Với mây xanh, sao biếc, nắng vàng
Tơ rút ruột, kén thời gian tằm lót ổ
Cho trời, cho đất một tình thương*

Mẹ ơi! Con vẫn còn làm thơ.

Tơ rút ruột, có nghĩa là tôi vẫn còn làm thơ, làm thơ trong bão tố, trong chiến tranh, trong hy vọng và trong tuyệt vọng. Giống như con tằm luôn luôn rút ruột ra để cho sợi tơ óng ánh kết thành tổ kén. Thơ của tôi với sợi tơ vàng óng ánh cùng với mây xanh, sao biếc, nắng vàng là để hiến tặng cho trời đất một tình thương. Nhiệm vụ của tôi là chế tác tình thương, hiến tặng tình thương cho cuộc đời.

Đây đích thực là một thi sĩ, một chiến sĩ và cũng là một đạo sĩ. Nếu cần phải tranh đấu thì ta là người chiến sĩ, nếu cần ca hát thì ta là người nghệ sĩ và nếu cần tình thương thì ta là nhà đạo sĩ chế tạo tình thương. Nhà đạo sĩ là người hiến tặng tình thương là thứ mà con người đang cần.

Đâu phải anh vào nơi bất diệt

Vì trăm năm sau

Cô bé nào bên cầu ao

Chợt ngâm đùa mấy câu thơ anh, vợ vẫn

Nói như vậy không có nghĩa là tôi sẽ đi vào một nơi gọi là Niết bàn, gọi là bất diệt, tách rời sự sống. Niết bàn, bất sinh bất diệt nằm ngay trong sự sống này. Ta bà là Tịnh độ, Sinh tử tức Niết bàn.

Tôi không mơ ước một cõi Niết bàn, một cõi vô sinh bất diệt tách rời khỏi sự sống, bởi vì tôi biết rằng sự sống có sinh có diệt, nó chứa đựng Niết bàn và không có sự phân biệt giữa Niết bàn bất diệt với sự sống có sinh diệt. Ta phải tìm Niết bàn ngay trong sinh tử.

Trăm năm sau, khi hình hài tôi tan rã, có những cô bé quê ở bên bờ ao sẽ ngâm nga một vài câu:

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thốn thớt.

Đó là sự tiếp nối của tôi, cô bé đó là tôi. Thơ tôi và người đọc thơ tôi vẫn còn mãi mãi. Lưu Trọng Lư thấy được sự tiếp nối của mình ngay khi hình hài ông chưa tan rã. Chúng ta là người đã được nghe pháp thoại nhiều lần về đề tài sinh tử, là người đã được hướng dẫn ngồi thiền, nhưng chúng ta có được cái thấy như Lưu Trọng Lư hay chưa? Hay vì quá bận rộn trong đời sống hàng ngày nên chúng ta không có cơ hội để nhìn, để thấy?

*Anh biết rồi mắt anh sẽ tan thành bụi phấn
Nhưng em có hay hạt bụi mắt anh
Là con thương của giọt nắng rơi tự trên cành
Và của hạt sương tự đất đen tụ lại?*

Có thứ gì mà không trở thành cát bụi? Nhưng cát bụi đó lại trở thành quý giá. Sau này hình hài anh tan rã, mắt anh trở thành bụi phấn nhưng những hạt phấn ấy cũng là đứa con thương mến của giọt nắng rơi trên cành. Tất cả đều Tương tức. Những bụi phấn rơi từ con mắt cũng là đứa con thương yêu của những hạt sương từ đất đen tụ lại.

Mắt là tứ đại: đất, nước, lửa và gió. Tai cũng là tứ đại, nhưng trong văn học đạo Phật, mắt đại diện cho sáu căn vì mắt luôn luôn đi trước (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Mắt của anh khi rơi xuống cũng sẽ trở thành bụi vàng và tai khi rơi xuống cũng sẽ thành bụi vàng. Bụi vàng đó cũng là

đứa con thương yêu của ánh sáng mặt trời từ trên cao rơi xuống, cũng là con thương của những hạt sương từ đất nâu kết tụ. Mắt của anh sẽ không bao giờ mất đi.

Giờ chúng ta ngồi đây trong giây phút chờ đợi giao thừa và đọc thơ của Lưu Trọng Lư - đọc với tính cách quán chiếu, đọc ngay trong lòng, trong cơ thể mình.

*Còn say, còn mơ, còn luân hồi mãi mãi
Bụi phấn vẫn bay đi cướp lửa những sao trời
Để sưởi nồng mảnh mảnh trăng rơi
Và chút chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh*

“Luân hồi” nghĩa là sự tiếp nối, không có sự đứt đoạn, không có sự chấm dứt. Bụi phấn kia rơi từ mắt anh, đi luân hồi với tính cách của thơ, của mộng, của tình thương, tác hợp với ánh lửa sao trời để sưởi nồng mảnh trăng rơi và chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh. Có những con người không may mắn, những em bé đói khổ, những người già không ai chăm sóc, những người đang bị tù tội, những em bé mất cha, mất mẹ... những người bất hạnh đó rất cần tình thương, cho nên bụi vàng trong mắt anh sẽ tiếp tục làm công việc đó với thơ, với mộng, với tình thương.

*Nếu chút thương còn vương trên mẫu bánh
Chút đau còn vương áo chưa lành*

Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh

Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới

“Mẩu bánh” đây tức là bát cơm nguội, miếng bánh mì khô mà em bé đói khổ đang mơ ước. Em bé cầm cái bát sứ mẻ trong tay, chờ đợi từ giờ này sang giờ khác mà không được gì dù chỉ là một muống cơm, một miếng bánh. Em bé đứng giữa trời lạnh căm căm mà trên người không một manh áo che thân. Chút đau đó, chút thương đó làm động trái tim mình và thơ trong lòng mình được xúc tác tạo ra trong lòng chút yêu thương, chút từ bi.

Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh

Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới

Khi bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh này thì thơ của anh vẫn tiếp tục làm công việc xúc tác chất tình thương, chất hiểu biết trong con người. Bụi vàng rơi từ mắt anh khi thân xác tan rã cùng với tâm hồn anh sẽ bủa lưới khắp trời, bủa lưới tình thương để chăm sóc và bảo hộ cho hành tinh này, để lo lắng cho những người bất hạnh.

Sau khi hình hài tôi tan rã thì thơ tôi, tình thương của tôi, những hạt bụi rơi xuống từ cơ thể tôi sẽ cộng tác với tất cả tâm hồn tôi để bủa thành tấm lưới che chở, ngăn ngừa không cho cái ác, bất công và bạo động hoành hành trên hành tinh này.

*Xin cảm tạ ngọn sóng lòng vừa tới
Giữa dòng thơ trên tờ giấy trắng tinh*

Khi mình có một ít cảm thọ, một ít xúc động, ngọn sóng lòng đưa tới sẽ biểu hiện thành một câu thơ trên tờ giấy trắng.

*Và băng quơ tiếng gió trên cành
Xua chút lạnh bên bờ cây còn sót lại*

Có tiếng gió trên cành băng quơ và tiếng gió ấy sẽ giúp hình hài tôi trở thành hơi ấm để có thể xua bớt cái lạnh còn sót lại bên bờ cây.

*Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người*

Khi giữa những con người với nhau có sự đối thoại, có truyền thông, có nhạc, có thơ, có tìm hiểu nhau thì không có khúc nhạc nào hay bằng khúc nhạc của sự đối thoại, sự truyền thông đó. Con người phải tiếp tục truyền thông, trao đổi, cười nói và chia sẻ với nhau. Đó là khúc nhạc hay nhất trong tất cả các bản nhạc. Trong nhạc khúc đó, thơ là phương tiện lớn thiết lập sự truyền thông; thơ lấy đi những hiểu lầm; thơ lấy đi những hận thù; thơ thiết lập sự thương nhau và hiểu nhau.

*Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người*

*Cũng bấy nhiêu tiếng khóc tiếng cười
Mà vàng ngọc trên thế gian không sánh nổi*

Chỉ cần tiếng khóc, tiếng cười, chỉ cần phương tiện truyền thông mà không có vàng ngọc nào trên thế gian có thể sánh nổi. Không gì quý bằng sự truyền thông giữa con người với con người mà ngày mai sẽ phải tiếp tục và tôi sẽ có mặt với các vị.

*Ta chẳng bao giờ tiếc nuôi
Những giọt nước mắt đổ ra
Vì một ý đẹp, một cảnh hoa
Hay vì một nỗi đau bên đường đung phải*

Trong thơ, ta đã cười, ta đã mơ nhưng ta cũng đã khóc, và ta không tiếc rằng ta đã khóc bởi vì tiếng khóc đó cũng là một phương tiện để truyền thông.

Có một ý đẹp, ta có thể khóc, khóc vì nó quá đẹp. Đó là những giọt nước mắt của sự cảm động. Có phải mình chỉ khóc khi mình khổ đau? Mình cũng khóc khi thấy đất trời quá đẹp, khi thấy tình người quá đẹp; những giọt nước mắt đó có khả năng trị liệu, làm lành thương tích nơi mình và nơi người.

Thấy một cảnh hoa đẹp, mình cũng có thể khóc. Thầy Giác Thanh, đệ nhất trụ trì của tu viện Lộc Uyển kể rằng:

có một hôm đi vào núi, thầy thấy rất nhiều loài hoa nở vào mùa Xuân, thầy quỳ xuống, chấp tay lại và khóc. Tại sao khóc? Tại sao phải quỳ? Tại vì thầy thấy được đất trời hết sức màu nhiệm.

Vì một ý đẹp, một cảnh hoa

Hay vì một nỗi đau bên đường đung phai

Anh hùng gặp chuyện bất bình không thể nào bỏ qua được. Khi trông thấy những bất bình, bất công, hay những điều thương đau, mình sẽ luôn luôn lấy thơ ra để đáp ứng. Thơ của mình là tình thương, là sự hiểu biết.

Có những hoàng hôn kia tan xóa mờ chân sỏi

Giữa nơi đây ta chong sáng ngọn đèn

Bóng tối không cho chúng ta nhận diện được loài lang sỏi đang có mặt. Ta giữ ngọn đèn của mình cho thật sáng, đừng để bóng tối tràn ngập, đừng để những loài ma quái xâm chiếm cuộc đời ta. Giữ cho ngọn đèn của mình sáng chói để thấy, để biết những gì đang xảy ra. Khi nào những con chó sói sắp ủa vào, tức là những mê mờ, thù hận bắt đầu biểu hiện trong tâm ta thì lúc ấy ta thắp lên một ngọn đèn chánh niệm, đó là việc rất cần thiết.

Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi

Dầu mơ kia chưa trọn nở trước thềm

Bốn phận của chúng ta là luôn nuôi dưỡng hồn thương, nuôi dưỡng Bồ Đề Tâm. Những mơ ước của mình phải được giữ gìn đừng để cho chúng chết đi. Mơ ước gì? Mơ ước một ngày kia nhân loại biết thương nhau, biết nắm tay nhau và tha thứ cho nhau. Thà rằng tôi bị lừa gạt còn hơn tôi bị mất niềm tin nơi con người. Dầu tôi ngây thơ, bị lừa gạt, tôi vẫn muốn chấp nhận điều đó hơn là nghi ngờ con người. Thành công của Lưu Trọng Lư là ở chỗ vẫn còn niềm tin nơi con người. Chừng nào bạn hết niềm tin nơi con người thì chừng đó bạn sẽ chết. Mình phải tin rằng trong mỗi con người đều có Phật tính, mà Phật tính đó không bao giờ tiêu diệt được. Dầu người nào có độc ác, có nham hiểm đến đâu thì mình vẫn tin rằng một ngày nào đó con người ấy sẽ vươn lên.

Tình thương và mộng ước - mộng ước này trong đạo Bụt gọi là đại nguyện. Nếu không có đại nguyện thì không có sức sống; nếu không có đại bi thì sẽ không có hạnh phúc. Đại bi và đại nguyện là hai thứ mình phải nuôi dưỡng trong đời sống hàng ngày.

Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi.

“Đỏ mãi” tức là còn cháy mãi như một ngọn lửa.

Dầu mơ kia chưa trọn nở trước thềm.

Có hạnh phúc nào như hạnh phúc niềm tin

Dầu mơ ước của mình mới thực hiện được một phần, một phần rất nhỏ, nhưng mình vẫn giữ được niềm tin và tình thương đó.

Chừng nào niềm tin không còn là mình sẽ chết. Ngày nào mình còn giữ được niềm tin, ngày đó mình vẫn còn năng lượng để sống: “*Đã có đường đi rồi, con không còn lo sợ.*” Niềm tin là năng lượng giúp ta đi tới.

*Vẫn như thuở nào tóc để rơi chiếc lược
Cho mắt anh lại được gặp mắt em
Cho hai tia lửa nhỏ hồng thêm*

Ngày xưa còn trẻ, anh hai mươi tuổi, em mười chín tuổi, chúng ta còn rất ngây thơ, tuy ngây thơ như vậy nhưng chúng ta đã có niềm tin nơi nhau và muốn làm sao để cho niềm tin đó còn mãi cho dù mình ba mươi, năm mươi, bảy mươi hay chín mươi tuổi.

*Gà ban mai mỗi ngày còn đập cánh
Thì ai tắt được lửa bình minh*

Gà là con vật thức dậy sớm nhất, con gà trống sáng nào cũng đập cánh gáy ò ó o o... Thời kháng chiến, nhất là ở miền quê, làm gì có đồng hồ nên sáng tinh sương nào mà còn nghe được tiếng gà gáy thì đó là một tin mừng:

*Gà ban mai vẫn còn đập cánh,
Thì ai tắt được lửa bình minh?*

Không một ai có thể tắt được lửa bình minh.

Khi tim anh còn chan chứa ân tình

Lẽ nào em tin rằng: Anh sẽ chết?

Trái tim của anh còn đầy rẫy ân tình thì làm sao anh chết được. Thành ra cái chết là cái mình có thể vượt thắng. Cái chết không có, chỉ có sự tiếp nối thôi, cho nên tới tuổi bảy mươi, tám mươi mình vẫn giữ được niềm tin và tình thương trọn vẹn. Làm sao nói là mình chết được? Lưu Trọng Lư - bằng cách sống của mình - đã tìm thấy chân lý vô sinh bất diệt, thấy rằng không có cái chết và nhờ đó thi sĩ đánh bại cái chết. Đó là đỉnh cao của Lưu Trọng Lư. Từ Lưu Trọng Lư của *"Em không nghe mùa thu, Dưới trăng mờ thốn thức"* đã đi tới Lưu Trọng Lư của tuệ giác, của sự vượt thoát sống chết.

Và tiếp theo đây tôi xin đọc bài thơ cuối cùng của ông. Khi y tá chưa kịp lấy cây kim ra, sợi dây truyền đạm vẫn còn đó nhưng thi sĩ nhất định kêu y tá đưa cho ông cây bút để viết bài thơ cuối cùng.

Trời đã về chiều.

Chiều này không phải là chiều ở bên ngoài, đó là chiều ở trong lòng; thi sĩ biết thân hình mình sắp tan rã.

Buồn tà, vơ vẩn tà.

“Ta” tức là buổi chiều nghiêng nghiêng, có cái buồn, có cái vơ vẩn và ta đi tìm ai bây giờ? Cố nhiên cuộc sống là một cuộc đi tìm, một cuộc tìm kiếm không ngưng nghỉ. Chúng ta ai cũng là người đi tìm và cuộc tìm kiếm đó không bao giờ chấm dứt. Cho đến giờ phút cuối vẫn thấy mình phải đi tìm, nhưng mà tìm ai?

Ta đi tìm ai bây giờ?

Và ai tìm ta nữa?

Rất lạ, mình cũng đang đi tìm mà mình không biết có tìm được hay không. Có thể có người đang đi tìm mình và không biết người đó có thể tìm được mình hay không. Đọc đến đây, mình thấy được giáo lý về Bất khả đắc (không nắm bắt được).

Có một lần khi thầy A Nậu La Độ đi khát thực thì bị một số thầy ngoại đạo chặn lại, nói: “Huynh phải trả lời cho chúng tôi vài câu hỏi về giáo lý. Sau khi đức Thế Tôn nhập diệt rồi thì Ngài còn hay Ngài không còn? Hay Ngài vừa còn vừa không còn? Hay Ngài vừa không còn cũng vừa không không còn? Huynh phải trả lời cho chúng tôi nghe trong phạm vi bốn mệnh đề đó. Đó gọi là tứ cú. Huynh không thể nào thoát ra khỏi bốn phạm trù đó được. Huynh phải trả lời là sau khi chết Bụt nằm vào trong cái hộp nào của bốn khái niệm đó.” Thầy A Nậu La Độ nói: “Theo

như tôi hiểu thì đức Thế Tôn không bao giờ nói đến sự có mặt của Ngài trong bốn phạm trù này.”

Trong khi đi về, thầy A Nậu La Độ nghĩ rằng có thể là mình sẽ tiếp tục gặp những người du sĩ ngoại đạo như thế, và họ sẽ hỏi mình câu đó nhiều lần nữa và mình làm sao để trả lời được cho đúng ý của đức Thế Tôn. Cho nên thầy mới tới thăm Bụt, kể lại chuyện mình đã gặp những du sĩ ngoại đạo như thế nào và nhờ đức Thế Tôn cho mình một câu trả lời.

Đức Thế Tôn nhìn thầy A Nậu La Độ cười, và nói rằng: “Thầy có thể tìm Như Lai trong hình sắc hay không?”

Thầy A Nậu La Độ: “Đâu được, đâu thể nhận diện đức Như Lai qua hình sắc, tại đức Như Lai vượt thắng hình sắc, không kẹt vào trong hình sắc.”

Đức Thế Tôn: “Như vậy có thể nhận diện được Như Lai qua cảm thọ, qua tri giác, qua tâm hành, qua nhận thức không?”

Thầy A Nậu La Độ: “Không được, cũng không thể nhận diện được Như Lai qua cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức.”

Rồi đức Thế Tôn nói: “Như vậy có thể nhận diện Như Lai ngoài hình sắc không?”

Thầy A Nậu La Độ: “Không được, không thể nhận diện Như Lai ngoài hình sắc.”

Đức Thế Tôn cười: “Như Lai đang ngồi sò sò đây mà thầy tìm Như Lai còn không được, huống hồ là sau khi sắc thân Như Lai tan rã!”

Như Lai không phải là một đối tượng có thể nắm bắt bằng trí năng của mình.

Ta đi tìm ai?

Ai tìm ta nổi?

Có thể ta có người yêu và người đó đang muốn nắm bắt ta.

Biết ta là ai nhưng ai tìm ta nổi?

Tự thân Lưu Trọng Lư bao giờ cũng màu nhiệm như tự thân của đức Như Lai, như tự thân của một chiếc lá hay một đám mây. Chúng ta không thể nắm bắt được một chiếc lá hay một đám mây bằng trí năng của mình. Cái đó gọi là Bất khả đắc.

Làm sao Lưu Trọng Lư đạt tới được cái thấy này? Lưu Trọng Lư học được cái này ở đâu? Cố nhiên là do ông từng đi chùa, có thể là đã được nói chuyện với các thầy. Thi sĩ đã có cơ hội chiêm nghiệm để nhìn sâu vào bản chất của sự sống.

Bài thơ này là bài thơ thật nhất trong tất cả các bài thơ, bởi vì lúc đó thi sĩ đã gần qua đời rồi. Bài thơ này không phải làm ra để tặng các cô y tá. Các cô y tá lúc đó sức mảy mà hiểu được! Bài thơ này là để cho chúng ta, ngày hôm nay ngồi ở Lộc Uyển.

Ta đi tìm ai?

Bây giờ

Ai tìm ta nổi?

Mà ai tìm ta nổi và người đi tìm ta cũng không nắm bắt được. Tuy nhiên, ước muốn đi tìm vẫn còn đó. Có một thao thức muốn đi tìm, nhưng tìm bằng cái nào? Tìm bằng trí năng của mình hay tìm bằng trái tim mình?

Ngày xưa đức Thế Tôn nói rằng: Với trí năng của mình và bốn mệnh đề: có, không, có và không, không có cũng không không ta không thể nắm bắt được gì hết. Ai tìm ra mình được và mình có thể tìm ra được ai?

Ai tìm cho nổi?

Có thể người yêu ta đang đi tìm ta nhưng người ấy cũng không tìm ra ta được. Cảnh sát có muốn tìm ta cũng không tìm ra được. Họ chỉ có thể tìm được bóng dáng, một khái niệm về ta rằng ta là người ngay hoặc kẻ gian, nhưng không thể tìm ra chân tướng, chân như của ta. Với trí năng đó, không một ai có thể tìm ra ta được, tìm Bụt không

được mà tìm Lưu Trọng Lư cũng không được, tìm một chiếc lá hay một đám mây cũng không được.

Ta đi tìm ai?

Bây giờ

Ai tìm ta nổi?

Trăm khóa không giữ lấy ta

“Trăm khóa” tức là một trăm cái xiềng, một trăm cái xích. Một trăm cái khóa cũng không giữ được ta, dù đó là kẻ thù hay là người thương cũng không thể khóa được ta. Ta đã trở thành con người tự do rồi, không có gì có thể xích ta lại. Và nếu các người đi tìm ta bằng khái niệm của các người, bằng những nhãn hiệu, những cái mũ chụp lên ta thì sẽ không bao giờ tìm thấy được ta. Trăm khóa không giữ nổi ta, bởi vì ta đạt tới tự do rồi.

Ta như con chim giữa trời

Vô ích, vô ích, vô ích

Trong bài thơ này có đến sáu chữ vô ích. Chữ vô ích đó mình có thể hiểu theo nhiều cách. Tất cả những cái mình chạy chọt tìm kiếm, những cái mình đang tranh đấu, lung bắt, theo đuổi đều vô ích cả. Đây là cơ hội để chúng ta nhìn lại. Chúng ta đã và đang chạy theo cái gì? Chúng ta đã và đang mơ ước điều gì? Chúng ta thấy cái gì quan trọng nhất trong cuộc đời mình? Tất cả những cái đó, thi sĩ Lưu Trọng

Lư nói đều là vô ích hết. Đây là những tiếng hét, những tiếng hét rất lớn không kém gì tiếng hét của thiền sư Lâm Tế. Đó là lời tuyên án.

Vô ích, vô ích, vô ích.

Tất cả những gì các người theo đuổi, tất cả những gì ta theo đuổi trong thời trai trẻ đều là vô ích. Chúng ta đã để cho những cái đó làm mất cuộc đời mình. Chữ vô ích được lặp lại sáu lần trong một bài thơ ngắn.

Vô ích, vô ích, vô ích

Đó là tiếng của một con chim đã bay trên hư không và phán xuống rằng: tất cả những gì các người đang làm đều là chuyện vô ích. Quý vị nên quán chiếu lại những điều làm ta thất vọng, khổ đau, rên xiết, làm ta suyt chút nữa tự tử, những điều đó có thật sự ích lợi cho cuộc đời ta hay không? Hay đó toàn là những chuyện không đáng, toàn những chuyện vô ích?

Tôi rất mừng và rất biết ơn các cô y tá, đã tỏ vẻ như thế nào mà mời được người thi sĩ già gom hết sức lực của mình để viết ra bài thơ này. Bài thơ tương đương với một bài kệ của bậc thiền sư trước khi nhập diệt.

Không ai giữ nổi ta hết

Ta đi tìm người ta yêu

Mục đích của sự sống là đi tìm người yêu của mình.
Nếu quý vị để thì giờ làm chuyện khác là quý vị sai lầm.

*Đói lòng ăn nửa trái sim
Uống lưng bát nước đi tìm người thương.
Ca dao*

Đó là việc đáng làm nhất.

*Ta đi tìm người ta yêu
Cứu nhân của đời ta*

“Cứu nhân” chính là người yêu của ta đã mở mắt cho ta, đã cho ta cái thấy, đã đưa ta thoát khỏi thân phận tù đầy của con người, đã chỉ cho ta thấy được con đường để ta đi tìm người yêu của mình.

*Con đã đi tìm Thế Tôn
từ hồi còn ấu thơ
Con đã nghe tiếng gọi của Thế Tôn
từ khi mới bắt đầu biết thờ
Con đã ruối rong vụn nẻo đời hiểm trở
Đã từng đau khác khoải
với trăm thương ngàn nhớ
trên bước đường hành hương.*

Trích Tìm nhau, NHẤT HẠNH

Mình phải đi tìm người yêu của mình.

Ta đi tìm người ta yêu

Cứu nhân của đời ta

Muôn lần...

Chỉ có người, người ta yêu

Chữ “người” ở đây được hiểu là chỉ có con người, chỉ có người ta yêu mới đáng để ta đi tìm.

Ai bắt ta nổi?

Ta đã tự do rồi, không ai có thể cấm cản chuyện ta đi tìm người yêu ta, dầu đó là một guồng máy, một sự dọa nạt, một hứa hẹn hay gông cùm. Không khóa nào giữ được ta, không một lực lượng nào ngăn cản được ta trên con đường đi tìm người ta yêu.

Ai bắt ta nổi?

Vô ích, vô ích, vô ích

Ta đi tìm người ta yêu

Thông điệp rất rõ ràng và thông điệp đó đã được gởi đi cho tất cả những người đã yêu mến thi sĩ.

Bài thơ cuối cùng

Trời đã chiều

Buồn tà, vơ vẩn tà

Ta đi tìm ai?

Bây giờ
Ai tìm ta nổi?
Trăm khóa không giữ nổi ta
Ta như con chim giữa trời

Vô ích! Vô ích! Vô ích!
Không ai giữ nổi ta hết

Ta đi tìm người ta yêu
Cứu nhân của đời ta
Muôn lần...
Chỉ có người, người ta yêu

Ai bắt ta nổi?
Vô ích! Vô ích! Vô ích
Ta đi tìm người ta yêu.



Lệnh truyền

- XUÂN DIỆU

và Thoát hình

- VŨ HOÀNG CHUONG

Năm nay, tiết Tiểu hàn bắt đầu từ ngày 06 tháng Giêng, năm 2007. Tiểu hàn tức là cái lạnh nhỏ và tiết Đại hàn bắt đầu từ ngày 20 tháng Giêng năm 2007. Ngày Lập xuân bắt đầu vào ngày 17 tháng chạp (tức ngày 04 tháng 02 Dương lịch), hôm nay đã là ngày 30 tháng chạp và chúng ta đang ở tiết Lập xuân. Lập xuân có nghĩa là bắt đầu vào mùa xuân. Mùa đông còn đó nhưng đã bắt đầu rút lui, mùa xuân chưa tới, chưa biểu hiện một cách rõ ràng nhưng mùa xuân đã bắt đầu tiến tới.

Khi chúng ta đọc bài thơ Lệnh Truyền của Xuân Diệu ở trong tác phẩm *Xuân Diệu trường ca*, ta thấy lệnh này

ban bố vào tiết Lập xuân. Ban đầu có chúa Xuân ra lệnh cho mùa đông từ từ rút lui để mùa xuân bắt đầu lớn dậy. Trong *Xuân Diệu trường ca* có một bài thơ văn xuôi tên là *Lệnh truyền* và lệnh truyền cho ai? Lệnh truyền cho tứ đại: đất, nước, lửa và gió - để bốn vị tướng tài đó bắt đầu hành động đem mùa xuân trở về. *Xuân Diệu trường ca* được sáng tác năm Xuân Diệu hai mươi tám tuổi. Chúng ta đang đón xuân nên chúng ta đọc bài *Lệnh truyền* của Xuân Diệu.

Trước khi các thầy, các sư cô đọc bài thơ bằng văn xuôi *Lệnh truyền* của Xuân Diệu, tôi muốn nói tới một bài kệ của vua Trần Thái Tông. Vua Trần Thái Tông có sáng tác 43 công án thiền. Vua đã viết niêm và tụng cho những công án đó. “Công án” tức là những đề tài của sự thiền tập mà Trần Thái Tông đã thừa hưởng từ tông phái Lâm Tế. Người đem giáo lý phái Lâm Tế truyền cho vua là quốc sư Đại Đăng. Trần Thái Tông đã biết tu học từ năm hai mươi tuổi, đã sáng tác những tác phẩm Phật học nổi tiếng, trong đó có khóa hư lục. Trong khóa hư lục chúng ta thấy 43 công án mà vua Trần Thái Tông đã sáng tác và sử dụng như những đề tài thiền quán.

Cách đây ba mươi năm, tôi đã có cơ hội phiên dịch 43 công án này từ chữ Hán ra tiếng Việt, nhưng chưa có dịp đem in. Có thể mai mốt mình đưa lên trang nhà của

Làng Mai. Đây là công án thứ mười sáu có liên hệ tới *Lệnh truyền*.

Tổ sư Lâm Tế của chúng ta có phương pháp gọi là hét. Mỗi khi thấy một vị du tăng lấp ló ngoài cửa muốn xin vào, chuyện đầu tiên ngài làm là hét. Tiếng hét của thiền sư Lâm Tế giống như tiếng gầm của sư tử lớn, giúp cho vị thiền giả chấm dứt được những suy tư, giúp cho vị thiền giả có cơ hội mở ra một mùa xuân của trí tuệ, giác ngộ.

Người ấy đang sống trong một mùa đông lạnh giá kéo dài của u mê, cố chấp, hận thù, thành kiến và tập khí. Người ấy nghĩ rằng mình có đường hướng, có phương pháp, mình đang đi trên con đường chánh đạo, nhưng tiếng hét của thiền sư Lâm Tế có nghĩa rằng: anh đang đi trong một mùa đông giá lạnh kéo dài thì anh phải để cho mùa đông chấm dứt, để mùa xuân của đạo lý, giác ngộ, chuyển hóa đi tới. Tiếng hét đó ra lệnh cho mùa đông rút lui và lệnh cho mùa xuân bắt đầu. Vua Trần Thái Tông đã diễn bày tiếng hét của thiền sư Lâm Tế là tiếng lệnh. Tiếng lệnh ra lệnh cho mùa đông phải chấm dứt từ từ và ra lệnh cho mùa xuân phải bắt đầu chớm dậy. Đây là nguyên văn bài kệ:

Nhập môn tiên hát dục hà hành

Dẫn dắt nhi tôn túy lý tinh

*Bắt thì xuân lời thanh nhất chán
Tranh giao hàm giáp tận khai manh*

Thiền sư Lâm Tế khi bắt đầu ra giảng dạy đã dùng cây gậy và tiếng hét. Hễ khi có một vị du tăng vào cửa là ngài lập tức hét lớn.

*Vừa tới cửa ngoài nghe tiếng hét
Tỉnh giấc hôn trầm lũ cháu con
Một tiếng sấm xuân vừa chấn động
Khắp nơi cây cối nảy mầm non*

Đó là cách vua Trần Thái Tông diễn tả tiếng hét của thiền sư Lâm Tế. Đó là tiếng sấm xuân, ra lệnh cho tất cả cây cối phải bắt đầu chuẩn bị đâm chồi nảy lộc. Hôm nay mình đọc bài *Lệnh truyền* trong *Xuân Diệu trường ca* là để thấy lệnh đó được ban ra như thế nào và ban cho ai?

Xin mời quý vị nghe *Xuân Diệu trường ca*. Bài thơ *Lệnh truyền* viết bằng thơ văn xuôi do Xuân Diệu sáng tác lúc mới hai mươi tám tuổi.

Lệnh truyền
- XUÂN DIỆU

*Lệnh đã truyền ra,
đất vàng trước nhất.
Suốt một đêm trường*

đất không sao ngủ được.
Cả mình sấm chuyển
cái ngực của đất phồng lên không muốn ngủ.
Mà ngủ làm chi
Đất của mình vì xôn xang trong da thịt
Lệnh đã truyền.
ngày mai đây
tháng sau đây
biết có xong công trình hay chẳng?
Thật tâm lòng của đất dạt dào
tính toán ngay từ phút đông vừa bớt lạnh
Đất mẹ đã nghe muôn con đòi nở
muốn vượt chồi lên trên đất, thở ánh sáng trời
Hàng triệu mầm hé ra khép vào
đầu hướng lên, chân mạch căng thẳng
ngửa cả mình đất
Vi trùng sáng tạo lên men dưới da
từ đáy sâu đưa lên bao sức lực để đỡ nâng
Đất mẹ sung sướng
đất mẹ lo âu
đất mẹ nằm sinh và làm việc
mẹ bao la chạy chia nghìn ngã
này núi này rừng này đồng này ruộng
lại còn linh tinh muôn vạn núi đồi nữa
làm sao đủ sữa căng lên

Lệnh đã truyền
đất lành lấy công đầu.
đất nghìn năm đất triệu năm
đậm đà chắc chắn
càng già càng dai
Máu cũ biến mới
sục sục quang tuyến
mạch chạy đầm đìa
máu đen kẻ máu đỏ,
nhựa nâu đến ngả ba cùng với nhựa xanh.
Những con đường xéo lẫn nhau
chở chất chua chất ngọt chất mát chất nồng
theo rễ muôn cây lên cho mặt trời hòa hợp
Trên mặt đất vẫn chưa lộ gì cả
nhưng dưới nhà hầm biết bao là vôi vàng
Thì giờ trễ rồi
thời gian tính từng phút một
ngón tay nghiêm nghị không bao giờ đếm nhầm
cho nên đất mẹ làm việc không nghỉ
Không lẽ năm nay lại trễ hơn mọi năm?
Ánh sáng vàng lệnh thứ hai
có cô em sức nóng đi kèm
nàng tiên quyền cao phép cả chẳng ai dám đương
khi hứng thú nồng nàn ánh sáng lần áp cả không
gian

ôm chằm vũ trụ, để bẹp bóng tôi dưới triệu móng
chân
mì của ánh sáng thật dài, tia của ánh sáng thật đượm
ánh sáng bắn tin truyền hịch đưa lệnh khắp hang
cùng núi hẻm
bảo rằng sắp sửa tin vui
Ánh sáng nhún nhảy tươi cười không chút lo lắng
tài lực của nàng nhiệm màu nhanh chóng
nàng có thể giấu mình suốt tháng vờ như không
hay gì cả
nhưng mảnh khóc tinh anh sao
nàng làm việc ngấm ngầm
chỉ một ngày một sáng mai nàng đến
là cả bầu không đã treo ngọc giăng tơ
cả mặt đất đã trải vóc gấm thêu thùa trong gió lộng
lúu qua cây.
Ánh sáng đứng một chỗ
mà ở khắp nơi con mắt điện quang thấu suốt muôn
trùng
trông nom từng nụ mầm non từng vọt sâu bọ
nàng ôm những thân cây giá lạnh,
sưởi những luồng đất ẩm hiu
Nàng lách vào những kẽ lá
cho màu xanh non biến thành màu lục đậm
cho nên những cội tùng già yếu

nàng cũng gõ mái ngoài vỏ
đền nổi một ngày kia bật ra màn xanh
và ánh sáng ngời kéo muôn triệu chỉ vàng
tiếp theo muôn triệu chỉ vàng cuộn tròn vào bánh
xe hay mắc ngang khung cửa,
giấu diêm khắp nơi để đến lúc cần dùng sợi ngày
vàng sẽ lộ ra chi chút.

Nước nhận lấy phần
nước đi theo ánh sáng
làm thành cặp uyên ương kỳ dị
rẽ nhau một lần là đồng khô cỏ cháy
Nước mát êm cho nắng tựa vào
nước cũng chảy chia nghìn ngả
chạy vào làm máu cho đất
chạy ra làm lời cho suối
độn thổ dâng vân.
Ánh sáng loảng xoảng trong mình
âm điệu róc rách giữa lòng
nước lấy ôn nhu vỗ về nuôi nắng cho muôn vật
phát sinh
mà cái liếc mắt đưa dài nghìn lý
Nàng chen vào búp hoa này lẫn vào nhánh cây kia
trái uổng nàng vào bụng,
mây giữ nàng trong mình

nụ hút nàng vào tim
cây kiếm nàng làm nhưa
ôi nước ngọt ngào mát mẻ thành thời
Không ai tranh
nên về phần gió.
phải xem dáng điệu nàng thu gọn
mới biết nàng khéo giấu sức phá hoại của mình
chỉ còn là một làn phớt qua
áo nàng tha thiết phiêu phiêu
hồn nàng phát tràn
Nàng lên tinh tú gió bay gió lượn
gió phát phơ như hơi thở ân tình
gió đưa duyên bướm
gió làm mối lái cho hoa
gió múa điệu lẳng lơ
nói lời cợt ghẹo
vạn vật nghe gió mà rộn tình.
Gió phẩy móng tay búng muôn đầu lá
gió rào rào rúng động ngàn cây
âm nhạc theo nàng mà vào không gian
nàng là những sợi dây sắt cầm lượn bay
Không khí tự xoay vang tiếng tơ đồng
miền xa lại gần gió mới tỏ tình
hương đã theo hút
gió có cần vội vã đâu

chỉ thoáng lên xe đi thúc giục các chồi các nụ
đến hôm ấy gió chỉ việc dịu dàng bay chơi
là cuốn theo muôn lòng đắm say.

Lệnh được vâng
tất cả đều làm việc
tất cả giao hòa giúp sức lẫn nhau.
tất cả cũng đều một niềm yêu thương quảng đại
tất cả cùng đồng một ý trau chuốt điểm trang.
Ngày ấy Lệnh dứt tiếng pháo đầu
muôn tiên đã núp sau màn
chim chóc cũng lên đây cổ họng
mặt trời xé màn sương mỏng
xé màn mơ mộng còn ủ ấp non sông
nhạc vang reo hương nồng tỏa.

Công chúa Xuân Nương hiện hình
sương đeo một triệu hoa tai cho nàng
nàng cười một nghìn điệu hoa
nàng mặc chín triệu lá non
má nàng điểm đôi chút sương hồng
tóc nàng gió xuân lỏa tỏa
muôn lời của vũ trụ
đồng tâm tặc khen nàng công chúa con chung.

Xuân nương! Xuân nương! hội mừng nàng
hội của nàng sẽ lâu chín mươi ngày
góp thêm chín mươi đêm vui suốt sáng

*Nàng ra đời nàng lại về
nàng không mới tái sinh
trời ơi Xuân Nương cười
trông thấy công chúa phụ hoàng đôi mắt sáng ngời
đáp lại bằng nụ cười thái dương
âm nhạc khởi lên chín mươi ngày đêm
bắt đầu bằng một buổi sớm.*

Xuân Diệu sinh năm 1917, và *Xuân Diệu* trường ca được xuất bản năm 1945.

Vũ Hoàng Chương sinh trước Xuân Diệu một năm, tức năm 1916. Năm hai mươi bốn tuổi xuất bản thơ *Say*, năm ba mươi tám tuổi sáng tác bài ca *Siêu thoát* và trước đó hai năm, tức năm 1952 sáng tác bài *Thoát hình*, mà chúng ta sẽ được nghe bình thơ. Bài *Thoát hình* cũng nói về mùa xuân nhưng sâu hơn Xuân Diệu, cho ta thấy được nghiệp sinh diệt và sự liên hệ giữa nhân và quả.

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cội trần
Vườn đây rừng đây cùng xao xuyến
Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đón cựa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.*

Trong bài *Thoát hình*, Vũ Hoàng Chương nói tới sự xuất hiện, giờ phút sinh ra của một bông hoa. Phát hiện sự sinh nở của bông hoa kèm theo những khổ đau, những lo lắng, những cái chết, những gì đưa tới cho bông hoa ấy. Trong những câu đầu mình cũng thấy là lệnh đã đưa ra và nhựa trong cây bắt đầu dồn tới để đem lại mùa xuân, làm cho đóa hoa mùa xuân nở.

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngàn

Nhựa trong cây bắt đầu rào rạt, bắt đầu chảy mạnh vì lệnh đã ban truyền.

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngàn

Đã nghe dồn cả tới đài xuân

Nếu có thì giờ, có hai lỗ tai, có chánh niệm, mình sẽ nghe được sức sống lưu chuyển trong vũ trụ, trong lòng đất, trong thân cây để đưa tới một mùa xuân, tới sự thoát hình của một bông hoa, sự có mặt của một bông hoa.

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngàn

Đã nghe dồn cả tới đài xuân

Đã nghe rào rạt từng cơn gió

Về mách tin hương với cội trần

Ở đây mình cũng thấy lại hình ảnh của tứ đại: đất, nước, gió, lửa.

*Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần*

Có nghĩa là lệnh truyền ra mình tiếp nhận được lệnh, mình truyền lại cho tất cả mọi người. Cũng như khi vị trụ trì nhận được lệnh phải có một khóa tu tháng sáu, vị trụ trì mới truyền lệnh lại cho tất cả đại chúng, để chuẩn bị cho khóa tu thành công, khóa tu tháng sáu là một đóa hoa. Muốn có khóa tu này thì nhựa phải lưu chuyển trong hình hài của tảng thân lâu ngày. Tin hương là một tin rất thơm, tin nói rằng sẽ có một bông hoa nở, bông hoa đó là mùa xuân.

Bây giờ chúng ta đọc báo chỉ nghe những tin không thơm lắm, mỗi ngày bao nhiêu người chết, bao nhiêu trái bom nổ. Đó không phải là tin thơm. Nhưng tin mùa xuân đang về lại khác, vì mùa xuân về đem đến cho chúng ta biết bao nhiêu nụ hoa kỳ diệu.

*Vườn đây rừng đây cùng xao xuyến
Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đón cựa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.*

Giây phút của sự sinh nở không phải là một giây phút tầm thường, bao gồm cả sự đau đớn. Khi sắp sinh mình, mẹ đau đớn lắm và khi trái đất sắp hạ sinh mùa xuân, trái đất cũng đau đớn khôn cùng. Có một cái gì giống như cái

chết xảy ra trong khi chuẩn bị cho sự sống thành hình. Vũ Hoàng Chương hồi đó chưa nghiên cứu Phật giáo sâu sắc, nhưng đã có một linh tính, một tuệ giác. Vũ Hoàng Chương thấy được cái sống dựa vào cái chết, nếu không có cái chết thì không có sự sống.

Khi một hạt cây nứt ra để cho mầm trở thành cây con có nghĩa là hạt cây đang chết. Trong Thánh kinh có nói: nếu hạt không chết thì làm sao mầm cây sinh ra được? Và Vũ Hoàng Chương thấy được điều đó. Vì vậy khi sinh mình, mẹ cũng chết ở trong lòng một ít; khi trái đất sinh ra mùa xuân, trái đất cũng chết trong lòng một ít; khi thầy sinh ra mình, thầy cũng chết trong lòng một ít. Cái chết đó không phải là cái chết, mà là tất cả sức sống của người mẹ trao truyền cho thai nhi, cho đứa con.

Đất mẹ truyền tất cả sức sống cho mùa xuân và khi thầy sinh ra mình, thầy cũng truyền sức sống của thầy vào trong mình. Đó cũng là một hình thái chết, nhưng cái chết này không phải là một cái chết đau buồn, mà là một cái chết rất đẹp. Chúng ta phải học chết như thế để sự sống càng ngày càng đẹp hơn.

Vườn đây rừng đây cùng xao xuyến

Cả rừng, cả vườn nhận được lệnh thì đều xao xuyến vì máu chảy trong huyết quản, nhựa chảy trong lòng cây.

Vườn đây, rừng đây cùng xao xuyến

Là tại vì sao?

Này phút hồn hoa sắp hiện thân

Đã tới giây phút mà bông hoa của mùa xuân nở.

Nụ đã trên cành đau đón cựa

Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.

Có nỗi đau đón của sự sinh nở. Cái chết làm thành sự sống, sự sống không thể có được nếu không có cái chết. Cái chết này chính là sự tiếp nối của sự sống và sự sống này cũng chính là sự tiếp nối của cái chết. Sống và chết Tương tức nhau, không thể lấy ra khỏi nhau được.

Vườn đây rừng đây cùng xao xuyến

Này phút hồn hoa sắp hiện thân

Nụ đã trên cành đau đón cựa

Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

“Hủy thể” tức là đang chết và chết như vậy để làm cho sự sống có thể xảy ra được. Trong hình hài của mình cũng vậy, mỗi giây phút có hàng ngàn tế bào hủy thể và nếu những tế bào trong mình không hủy thể thì không thể sinh ra những tế bào mới. Khi nhìn vào lớp da ngoài của hình hài, mình biết rằng lớp da đó gồm có những tế bào khô, tế

bào chết và mỗi khi mình gãi sẽ có hàng ngàn tế bào chết rơi xuống; nếu những tế bào đó không chết thì làm sao có những tế bào mới sinh ra? Cái chết và cái sống tương tức. Nhìn cái chết dưới ánh sáng của tương tức thì mình không còn đau buồn nữa.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần

“Ý lớn” ở đây tức là nguyên lý của vũ trụ: có sinh có diệt, cái diệt làm bằng cái sinh, cái sinh làm bằng cái diệt. Ý lớn là ý trời, ý trời ở đây tức là ý của thiên nhiên, ý của sự sống và phá hủy là để thành tựu chứ không phải phá hủy chỉ để phá hủy. Chính vì phải thành tựu cho nên phải có sự hủy thể.

Phá cho thành đấy, sinh là diệt.

Thi sĩ mới ba mươi sáu tuổi mà đã thấy được tính tương tức của sinh và diệt.

Mười một năm sau, Vũ Hoàng Chương sáng tác *Lửa từ bi*, nhưng *Lửa từ bi* là một đóa hoa sinh ra trên cái xác của bài *Thoát hình*. *Thoát hình* là một bước và *Lửa từ bi* là bước tiếp theo. Nếu không có *Thoát hình* thì sẽ không có *Lửa từ bi*. Càng ngày Vũ Hoàng Chương càng trở nên một thi sĩ có tuệ giác Phật giáo.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

Đó không phải là một điều gì đau buồn, mà là chuẩn bị cho sự sinh nở, chuẩn bị cho sự sống.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể,

Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần.

Ý lớn nhịp xoay vần, đó là sự vận hành của vũ trụ.

Phá cho thành đấy, sinh là diệt

Đời quả lên từ mỗi xác nhân

Cái nhân sung sức, nhưng khi sinh ra quả tự nó sẽ biến thành cái xác, gọi là xác nhân. Khi hạt giống nứt mầm để cho ra một cây mới thì hạt giống chết. Chết nhưng không phải chết, mà chỉ là thoát hình thôi.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần

Phá cho thành đấy, sinh là diệt

Đời quả lên từ mỗi xác nhân

Cái xác này thật ra không phải là một cái xác, chẳng qua nó chỉ là một lớp da mà mình lột ra, như rần lột da vậy. Khi hạt cây biến thành mầm non, thật sự không phải hạt cây đã chết. Mình gọi là xác nhân, nhưng kỳ thực nó là mầm quả, xác nhân đã trở thành mầm quả.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân*

Mảnh da này là của thân cây, phải nứt ra một chút thì mới nảy ra được một cái mầm. Lệnh đã truyền thì thế nào nhựa cây cũng phải lưu chuyển cho mạnh và sự hoạt động đó, sức mạnh đó, năng lượng đó sẽ làm cho vỏ cây nứt ra. Hễ có sự nứt ra là có nỗi đau đớn.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết
Tiếng khóc, tiếng reo đã mấy lần?*

Người nào đã từng làm cha mẹ, làm thầy, làm sư chi, sư anh mới hiểu điều đó. Đây là lòng của người mẹ, lòng của đất mẹ đã khóc, đã cười, đã reo vui vì đứa con mà mình thai nghén, đứa con mình sắp cho ra đời. Bốn câu này nói về lòng cây, lòng cây đây tức là lòng mẹ, lòng đất đang chuẩn bị đưa ra một mùa xuân.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết*

Có ai biết cho không những niềm đau, những tiếng khóc và tiếng reo trong lòng mẹ, trong lòng cha, trong lòng trái đất?

*Lòng cây mây thuở ai người biết
Từng khóc, từng reo đã mấy lần*

Càng ngày sự giục giã càng lớn và nhựa càng lưu chuyển mạnh hơn.

*Nhựa ứ càng cao niềm giục giã
Đất trời mong mỗi nức hương lân.*

Cả trời, cả đất đang chờ đợi giây phút mâu nhiệm, đó là bông hoa hé nở, tỏa hương thơm ngát của đất trời, tức là mùa xuân.

Đất trời mong mỗi nức hương lân

“Nức” nghĩa là thơm ngát, “hương lân” là mùi thơm trong cả một vùng.

*Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thần*

Giây phút sinh nở là giây phút rất trọng đại, cần phải có sự tập trung rất lớn.

*Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thần
Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thơm rạo rức ý thanh tân.*

“Then” ở đây tức là then cửa và bây giờ then cửa bị lỏng lẻo rồi, có thể mở cửa cho mùa xuân thoát hình, một

cách rất dễ dàng. Có một sự trông mong chờ đợi. Tất cả đều đã chuẩn bị, bây giờ mình chỉ cần đưa ngón tay rút cái then, mở cửa ra là mùa xuân tới.

*Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tự mở dần*

Ngày xưa có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi thơ thẩn ở Đào Nguyên và tự nhiên cánh cửa Đào Nguyên mở ra, có những nàng tiên xuất hiện và hai anh chàng được đi vào cõi tiên. Bây giờ mình đang chờ như vậy, đất trời đã sẵn sàng và chúng ta đang tha thiết ở ngoài mây nước, để cửa động Đào Nguyên bắt đầu mở ra cho chúng ta đi vào mùa xuân.

Hồi đó chiến tranh đã bắt đầu khốc liệt ở miền Bắc và cái chết đã xảy ra. Có bạo động, có hận thù, có chiến tranh, có hư hỏng, có tuyệt vọng, nhưng thi sĩ đã tìm cách giữ cho lòng mình an tĩnh. Trong một hoàn cảnh biến động, khổ đau đầy rẫy, tham đắm, giận hờn, hận thù tràn lan, nếu mình không tu tập, nếu mình không biết giữ lấy thân thì sẽ bị cuốn vào dòng xoáy đó. Cho nên, nhà thơ cũng thấy được như người tu, là phải làm thế nào để trong đêm Ba mươi, mình tiếp xúc được với tấm lòng trong trắng nguyên vẹn của mình.

Hồi đó Vũ Hoàng Chương chưa biết danh từ Bồ Đề Tâm, chỉ cho trái tim trong sáng, cho Phật tánh của mình

và thi sĩ đã dùng danh từ trang lòng. Trang lòng này là trang lòng còn nguyên vẹn, chưa bị hoen ố bởi hận thù, bởi tuyệt vọng, bởi sự tranh chấp. Nếu sống sót được là nhờ mình còn giữ được sự nguyên vẹn đó trong trái tim. Đêm Ba mươi ngồi im lại để tìm cách tiếp xúc với cái tâm trong trắng của mình, để đừng đánh mất mình trong tuyệt vọng, trong hận thù.

Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi

Tin rằng mình vẫn có một trang lòng nguyên vẹn. Cũng như người tu, chúng ta tin rằng mình có Phật tánh, có Bồ Đề Tâm, chúng ta luôn luôn có thể trở về nương tựa nơi Phật tánh đó, nơi Bồ Đề Tâm đó để đừng bị cuốn theo những tuyệt vọng, những khổ đau của xã hội ngày hôm nay.

Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi

Chưa từng hoen ố vết tràm luân

Đó là niềm tin mà mình cần phải có, dù thế giới có tan rành thì nụ cười, bông hoa cũng không bao giờ tan biến. Mình phải tin vào Phật tánh nơi mình, vào thiên lương nơi mình, vào Tâm Bồ Đề nơi mình. Đó là chỗ mình trú ẩn, là pháo đài để mình không đánh mất mình. Thi sĩ đã nói lên được điều đó, không bằng ngôn từ Phật giáo mà bằng ngôn từ của riêng ông.

*Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trâm luân*

Đây là một lời cầu nguyện để kết thúc bài thơ.

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Một bài thơ trình nguyên như là một người cầu cơ, như một người ngồi thiền, mở trái tim ra để cho Phật tánh bùng nổ. Cũng như người cầu cơ thể cho đức Thế Tôn, cho Thượng đế, cho tinh hoa của vũ trụ giáng xuống dưới hình thức một bài thơ mới, một bài thơ có khả năng làm mới lại cuộc đời mình.

*Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Hai câu chót là một lời cầu nguyện. Cầu nguyện bằng gì? Bằng trái tim của chúng ta. Nếu trái tim của chúng ta đầy dẫy những tuyệt vọng, đau buồn và hận thù thì làm sao cầu nguyện được? Chúng ta phải có một cái gì đó mới có thể tiếp xúc với tinh hoa của vũ trụ, với Trời, với Phật. Vì vậy phải mở trang lòng nguyên vẹn ra, đây là Tâm Bò Đe của mình, đây là Thiên lương của mình.

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Phải ngồi yên, ngồi rất yên, phải trải tấm lòng thanh tịnh của mình ra. Không thù hận, không tuyệt vọng thì

may ra mới có một bài thơ trắng, một bài thơ trinh nguyên
giáng xuống. Như người cầu cơ, phải rất thanh tịnh, phải
rất chí thành thì niềm tin, sự giác ngộ, phương thuốc trị
liệu mới có thể đi vào trái tim.

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Cầu nguyện cho đời nở ái ân

Trong cuộc đời chỉ có hận thù, bạo động và tuyệt vọng.
Cuộc đời cần có sự thương yêu, cho nên lời cầu nguyện
duy nhất của thi sĩ trong đêm Ba mươi, không phải là làm
ăn phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái, đầu năm sinh
con trai cuối năm sinh con gái, mà cầu nguyện cho tình
thương giáng sinh trong trái tim mình và trong trái tim của
con người. Bài thơ này cũng là một bài thơ đạo.

Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi

Chưa từng hoen ố vết trâm luân

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Cầu nguyện cho đời nở ái ân

“Ái” đây tức là bác ái, là từ bi, là lòng thương của Phật,
của Chúa. “Ân” đây tức là ân nghĩa, ân tình của con người
đối với nhau. Chữ ái ân thực sự có nghĩa là tình thương, là
lòng từ bi. Có gì đẹp hơn khi mình cầu nguyện cho tình
thương, cho lòng từ bi giáng sinh trong trái tim mình.
Nhạc sĩ Phạm Duy cũng có đặt một bản nhạc với tựa đề

Khi tình yêu giáng sinh. Làm thế nào để tình yêu giáng sinh?
Phải có sự trầm tĩnh, phải có sự lắng đọng, phải đem trang
lòng nguyên vẹn của mình ra, mình mới cầu cho tình yêu
giáng sinh được.

*Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thorn rạo rực ý thanh tân
Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tự mở dần
Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Xin chúc quý thầy, quý sư cô, quý Phật tử một năm
mới nhiều hạnh phúc và nhất là có nhiều thì giờ để ngồi
chơi, để có thể thấy được mặt nhau, đừng bận rộn quá.

Theát hình

- VŨ HOÀNG CHUÔNG

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt tiếng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần
Vườn đây rừng đây cùng xao xuyên*

Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đớn chưa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.
Muôn vạn tế bào đang hủy thể
Vòng theo ý lớn nhịp xoay vần
Phá cho thành đất sinh là diệt
Đời quá lên từ mỗi xác nhân
Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mây thuở ai người biết
Từng khóc từng reo đã mấy lần
Nhựa ứ càng cao niềm giục giã
Đất trời mong mỗi nức hương lân.
Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thân.
Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thơm rạo rức ý thanh tân
Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tự mở dần
Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trâm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyên cho đời nở ái ân.



Hành phương Nam

- NGUYỄN BÌNH

và Tống biệt hành

- THÂM TÂM

Giao thừa năm ngoái, chúng ta đã đọc bài *Giây phút chạnh lòng*, một bài thơ có chủ đề về sự ra đi. Vì lý tưởng, vì chí hướng, vì sự nghiệp mà người con trai đành phải từ giã người yêu để lên đường. Rồi sau đó, vào một ngày cuối năm, trong khi mọi người đang chuẩn bị đón giao thừa, thì anh ngồi một mình trên căn gác trọ cảm thấy cô đơn và chạnh lòng nhớ lại người xưa, nhưng anh cũng biết mình không thể nào ở lại được; mình phải tiếp tục con đường, phải tiếp tục theo đuổi lý tưởng. Người ở nhà nếu quả thực hiểu được người mình yêu thì phải yểm trợ cho người ấy, để người ấy đi dù rằng đó là một quyết định rất khó khăn, dù trong lòng mình có xót xa, tiếc nuối.

Người con trai ấy có hoài bão, có chí hướng nhưng nếu ta giữ chặt người ấy cho riêng mình thì người ấy sẽ không có hạnh phúc. Người ấy có một năng lượng, nếu mình đem nhốt năng lượng đó lại thì chỉ làm khổ người yêu và làm khổ chính mình thôi. Một làn hương, một tia nắng mình còn không giữ được, huống hồ giữ một người con trai có chí nguyện lớn?

Ngày xưa Yasodhara cũng có tâm trạng như vậy. Yasodhara biết rằng Siddhartha không thể không ra đi. Yasodhara cũng chỉ là một người phụ nữ thường tình, nhưng cô biết là phải để chồng ra đi, bởi nếu vì mình mà người ấy không ra đi được thì người ấy đâu còn là người của mình? Tuy thân người ấy bên mình nhưng tâm đã không còn ở bên mình nữa. Có giữ cũng bằng không. Và Yasodhara cũng hiểu rằng dùng tất cả mọi cách để trói buộc người con trai đều không hiệu nghiệm.

Hồi 1940 cho tới 1945 phần lớn những người con trai Việt Nam đều muốn ra đi, tôi lớn lên trong giai đoạn đó và đã chứng kiến những cuộc ra đi ấy. Hồi đó người Pháp đang đô hộ nước ta, đất nước đang trong cảnh lầm than nô lệ, người dân đói khát, khổ đau. Có những buổi sáng thức dậy, tôi thấy ngoài đường có những chiếc xe cam - nhông chở đầy thi thể của những người chết đói. Và tôi cũng thấy

những anh, những chị chỉ khoảng hai mươi, hai hai tuổi bị bắt. Họ bị người ta trói lại, giải đi. Trông cảnh đó tôi rất xót thương. Lúc ấy tôi không biết họ đã làm gì để bị bắt như vậy. Nhưng tôi biết rằng trong trái tim họ đã ôm ấp một lý tưởng gì đó nên mới bị lâm vào vòng tù tội. Mới mười bốn tuổi, tôi đã được đọc sách báo cách mạng và cũng muốn ra đi.

Năm 1940, Thâm Tâm có viết một bài thơ rất nổi tiếng, đó là bài *Tống biệt hành*.

Đưa người ta không đưa sang sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng?

Đưa người sang sông mình mới thấy sóng và khi thấy sóng ở bên ngoài thì sóng ở trong lòng mới nổi dậy. Nhưng ở đây mình đâu đưa sang sông mà “*Sao có tiếng sóng ở trong lòng?*” Tình trạng đất nước, xã hội và những khổ đau đã thúc đẩy những người con trai, con gái lên đường. Là một người thanh niên sống trong hoàn cảnh ấy thì phải làm một điều gì đó cho đất nước. Tác giả cũng muốn đi nhưng chưa đi được, đành phải ở lại. Và khi những người bạn của mình, những người anh, người chị, người em lần lượt ra đi thì mình phải đưa tiễn. Đưa tiễn nhưng trong lòng không yên, những đợt sóng cứ chồm lên không ngớt.

*Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

Tuy là mùa hè, đất trời đang xanh tươi, cây cối chưa
vàng vọt nhưng sao nhìn vào mắt người kia mình lại thấy
có hoàng hôn, có một nỗi buồn nào đó.

*Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình, một dừng dừng.*

Gia đình có mẹ, có chị, có em, nhưng lúc từ già thì
người ra đi phải làm bộ dừng dừng, bằng không sẽ không
thể nào cất bước được.

*Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ
Chí lớn chưa về bàn tay không,*

“Ly khách” là người đi. Một khi đã ôm chí nguyện lớn
lao thì không thể nào về với hai bàn tay không được.

*Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong!*

Khi ra đi, mình đã mang một chí nguyện nào đó và
nếu không đạt được chí nguyện ấy thì mình nhất định sẽ
không quay về. Có một hình ảnh mà tất cả thanh niên Việt
Nam thời ấy đều tôn thờ là hình ảnh Kinh Kha. Kinh Kha
sống thời Chiến Quốc, cuối đời Xuân Thu vào thế kỷ thứ

V đến thế kỷ thứ XIII trước Tây lịch, khi ấy có bảy nước đang tranh chấp nhau. Có hai người anh hùng, một người tên Nhiếp Chính, một người tên Kinh Kha. Nhiếp Chính là một anh hùng ẩn thân đời Chiến Quốc đi giết tướng quốc của nước Hàn là Hiệp Lũy, rồi rạch nát mặt, tự vẫn chết để không ai tìm được tung tích. Kinh Kha là người nhận trách nhiệm đi ám sát Tần Thủy Hoàng. Ngày Kinh Kha lên đường, Thái tử Yên Đan tổ chức lễ tiễn đưa rất lớn vì biết rằng người này ra đi sẽ không bao giờ trở lại. Kinh Kha đã lãnh một sứ mạng rất lớn lao là phải giết bằng được Tần Thủy Hoàng, giết bằng được tên bạo chúa. Câu thơ ca ngợi hình ảnh thanh niên Việt Nam thời bấy giờ người nào cũng thuộc:

*Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn*

Nghĩa là gió thổi rờn rợn, nước sông Dịch lạnh lạnh và người tráng sĩ một phen đi thì không bao giờ trở lại. Bấy giờ, trong bối cảnh phải đưa tiễn người bạn ra đi cũng vậy, cũng nghĩ tới Kinh Kha.

*Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ
Chí lớn chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

Trước năm 1940, các thi sĩ sáng tác toàn thơ tình, cứ yêu qua yêu lại rồi đau khổ, sầu thương. Nhưng bắt đầu từ năm 1939-1940 đã có sự thức tỉnh trong giới thanh niên, thức tỉnh trước thực tại cay đắng, khổ đau đen tối của đất nước, của xã hội. Do đó họ không còn làm những bài thơ theo lối khóc gió thương mây nữa, *Tổng biệt hành* là một trong những bài đánh dấu giai đoạn thức tỉnh của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Pháp.

*Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ, sen nở nốt
Một chị, hai chị cùng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay..*

Buồn chứ sao lại không. Bỏ mẹ, bỏ các em ở lại để ra đi trong khi chưa biết rõ con đường phía trước thế nào, không biết mình sẽ làm gì? Chỉ biết là mình muốn đi thôi, con đường trước mặt là cả một khu rừng chưa được khai phá. Rất mờ mịt. Con đường cách mạng xã hội của một dân tộc chưa có gì rõ ràng, chưa được chuẩn bị hay sắp đặt. Người

ra đi mang tâm trạng hoang mang, nhớ nhung, luyến tiếc
nhưng phải cố giả vờ dửng dưng.

*Một già gia đình, một đường đường
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!*

Không phải chuyện chơi!

*Mẹ thì coi như chiếc lá bay,
Chị thì coi như là hạt bụi,
Em thì coi như hơi rượu say.*

Đi là phải như vậy, thương mẹ bao nhiêu cũng phải
đi, thương em bao nhiêu cũng phải đi tại vì chí hướng của
người thanh niên là phải lên đường. Sống trong thời đại đó,
mình là một chàng trai, mình là một cô gái đang đại diện
cho cả một thế hệ. Mình không đi với tư cách một cá nhân
mà đi với tư cách của cả một thế hệ. Tất cả những người đó
đều có trong mình, mình không phải đi đơn độc.

Nguyễn Bính cũng ra đi, nhưng trước khi giạt mình
tỉnh thức thì ông đã nghiện rượu, nghiện thuốc phiện.
Thời đó thanh niên Hà Nội nào cũng ăn chơi, lao vào cuộc
sống hưởng thụ.

Bài *Hành phương Nam* của Nguyễn Bính sáng tác vào
khoảng năm 1946-1947.

*Hai ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én nhận bay*

*Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Riêng ta với người buồn vậy thay!*

Hai đứa đi vào Nam. Không nhà, không cửa, đi tìm con đường, tìm chỉ hướng nhưng tìm chưa ra, cũng không biết tìm ở đâu nữa, thế nên hai đứa cứ lang thang trong cảnh cô đơn không nhà không cửa. Tội nghiệp ghê!

*Lòng đắng sả gò đôi hộp rượu
Mà không uống cạn mà không say!*

Đã nghiện rượu rồi thì đâu thể không uống, vì vậy có đồng nào là đem ra uống rượu bằng hết. Muốn ra đi lắm nhưng vốn liếng của mình nghèo nàn quá, đã vướng vào rượu, vào thuốc phiện rồi thì ý chí còn được bao nhiêu?

*Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu không ai may!*

Tư Mã Tương Như là một chàng nhạc sĩ đánh đàn cho Trác Văn Quân nghe, khúc đàn đó là Tư Mã Phụng Cầu, là khúc hát của tình yêu. Phụng Cầu Hoàng nghĩa là con chim Phụng đi tìm con chim Hoàng.

*Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu không ai may.*

Không có ai may hay đàn cho mình một chiếc áo để mình có thể đi vào chiến khu hay đi ra trận.

Người giam chí lớn vòng com áo

Ta trói thân vào nợ nước mây

Vấn đề com áo là vấn đề rất lớn. Nợ nước mây là nói về sự nghiệp của người con trai.

Ai biết thương nhau từ thuở trước

Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ tình chưa trả tròn một món

Sòng đời thua đến trắng hai tay

Tất cả những cố gắng của mình từ trước đến nay đều thất bại hết, từ sự nghiệp cho tới danh vọng.

Tình yêu không xong mà chí hướng cũng chẳng thành.

Nợ tình chưa trả tròn một món

Sòng đời thua đến trắng hai tay

Quê nhà xa lắc xa lơ đó

Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay

Quê nhà ở mãi Hà Nội, còn mình lại lưu lạc tận miền Nam.

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc

Phân tán vì cơn gió bụi này

Người ơi! Buồn lắm mà không khóc

Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết

Ngày mai ra sao rồi hãy hay

Trong lòng mình mang một sứ mệnh lớn muốn ra đi nhưng những tập khí cũ, thói quen xấu, những yếu đuối cứ trói buộc mình. Nguyễn Bính cũng nhắc tới Kinh Kha và Nhiếp Chính.

Ngày mai xán lạn màu non nước

Cốt nhất làm sao tự buổi này

Đây là một sự giác ngộ, thi sĩ thấy rằng ngày mai có tươi sáng hay không là do ngày hôm nay quyết định. Nhưng ngày hôm nay như thế nào? Hoàn cảnh của mình, tâm trạng của mình ra sao, vốn liếng đến đâu rồi?

Rẫy ruộng châu ngọc, thù son phấn

Mặt đỏ lên rồi, cứ chết ngay

Hỡi ơi! Nhiếp Chính mà bầm mặt

Giữa chợ ai người khóc nhận thầy?

Kinh Kha quán lạnh sầu nghiêng chén

Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?

Trước khi lên đường, Kinh Kha được Thái tử Yên Đan hậu đãi. Có cô thị nữ mang khay trà vào, Kinh Kha khen hai bàn tay của cô đẹp quá. Thái tử Đan nghe báo như vậy liền nói với thị nữ: cô tặng cho tráng sĩ hai bàn tay đi. Rồi

sai chặt hai bàn tay của thị nữ để trên khay và mang vào tặng Kinh Kha. Thái Tử đã hy sinh một mạng người để nung nấu chí hướng của người tráng sĩ.

Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?

Tráng sĩ thích hai bàn tay đó thì chúng tôi dâng tặng tráng sĩ hai bàn tay. Ngày Kinh Kha lên đường, lúc qua sông Dịch, ba ngàn người mặc đồ tang đến đưa tiễn.

Mơ gì ấp Tiết thiên văn tự

Hài cỏ, gươm cùn, ta đi đây

Đôi giày của mình là giày cỏ, gươm của mình là gươm cùn nhưng tráng sĩ Nguyễn Bính vẫn không biết đi về đâu.

Ta đi nhưng biết về đâu chứ?

Đã dây phong yên khắp bốn trời

Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ

Uống say mà gọi thế nhân ơi!

Muốn đi mà không biết nên đi về đâu! Thôi, nếu không đi thì ở lại uống cho say. Nguyễn Bính có tâm trạng như vậy nhưng vẫn vào chiến khu, phục vụ trong Ủy ban Việt Minh tỉnh bộ tỉnh Rạch Giá, và vào rừng U Minh phục vụ kháng chiến trong chín năm cho đến khi tập kết ra Bắc. Trong thời gian đó Nguyễn Bính cưới một người vợ miền Nam.

Quý vị có thể đặt câu hỏi tại sao tôi không đi cách mạng mà lại đi tu? Đó là câu hỏi rất hay. Chắc chắn phải có một hạt giống, một nguyên do nào đó khiến một người thay vì đi vào hoạt động chính trị thì lại đi vào con đường tu hành. Muốn tìm hiểu điều đó phải đi vào trong đời sống của dân tộc mình, tại vì mình có tổ tiên huyết thống nhưng cũng có cả tổ tiên tâm linh, và người thanh niên nào cũng có ít nhiều chí hướng cao cả.

Thái tử Siddhattha cũng có thể đi vào con đường chính trị, nhưng Ngài đã chọn con đường tâm linh. Vua Tịnh Phạn rất muốn Siddhattha đi vào con đường chính trị nên ông đã đặt hết hy vọng vào Siddhattha nhưng Siddhattha khước từ con đường đó mà kiếm tìm một con đường khác. Chúng ta là những người con trai, con gái chọn con đường đi tu mà không đi làm chính trị là vì chúng ta cũng có cái gì đó giống Siddhattha. Chúng ta thấy đây cũng là con đường phụng sự, chúng ta hợp với con đường này hơn và thấy rằng con đường này đem lại cho mình nhiều sự an tâm, nhiều năng lượng hơn.

Những năm gần đây tôi khám phá ra rằng niềm thao thức, trăn trở nơi mỗi người thanh niên phải được nuôi dưỡng. Người thanh niên không thể nào sống một cách thất niệm, không thể chôn vùi đời mình trong thú ăn chơi. Thanh niên Việt Nam hồi 1940 đã làm được điều đó.

Trước tình hình của đất nước, họ đã không thể tiếp tục sống cuộc sống quên lãng, ăn chơi mà đã thức tỉnh, hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn người đã đi vào con đường cách mạng. Có những thầy trẻ, những sư cô trẻ đi tu nhưng vẫn phục vụ cách mạng và nhiều người đã hy sinh. Tôi đã mang những người đó trong mình. Có sự dằn dằn giữa hai con đường, một là cởi áo tu đi theo cách mạng, hai là tiếp tục giữ áo tu? Câu hỏi đó day dứt trong rất nhiều tu sĩ trẻ của thời đại 1945-1950. Hồi đó tôi có viết bài *Trái Ý Thức Chín Rồi*.

Tuổi trẻ tôi

Trái mơ xanh

Vết răng của em

Gây thành thương tích nhỏ

Những chân răng rúng động

Và nhớ hoài

Nhớ hoài

Đây là tình yêu của tuổi thanh niên.

Nhưng từ thuở yêu em

Cánh cửa tôi mở rộng trước gió

Thực tại kêu gào cách mạng

Trái ý thức chín rồi

Cánh cửa

Không thể nào còn khép lại

Đó cũng là tâm trạng chung của thế hệ thanh niên Việt Nam thời 1940. Một khi đã thấy được những đau thương, những khổ nhục của đất nước mình thì không thể nào an tâm để sống một cuộc đời hưởng thụ nữa.

*Nhưng từ thuở yêu em
Cánh cửa tôi mở rộng trước gió
Thực tại kêu gào cách mạng*

Đòi hỏi cách mạng

*Trái ý thức chín rồi
Cánh cửa
Không thể nào còn khép lại*

*Lửa
Lửa cháy tràn thế kỷ
Loang lỗ núi rừng hoang
Gió thét ngang tai
Bão tuyết bên trời quăn quai
Vết thương mùa đông
Vết thương mùa đông nằm nhớ lưới thép lạnh
Bồn chồn, trăn trở,
Nhức nhối
Thâu đêm*

Những câu thơ rất ngắn chỉ có hai, ba chữ. Những hình ảnh của vết thương và đêm không ngủ, ôm lấy vết thương đó, nhớ lưới gươm đã gây ra vết thương của mình.

Mình biết tình trạng của giáo hội và của đất nước thời kỳ ấy như vậy và ký ức đó không thể phai mờ được. Mình có một nỗi niềm thao thức, trăn trở và chính trăn trở, thao thức đó đã đưa mình đi tới. Trong hàng vạn người thanh niên đi cách mạng, người nào cũng có niềm trăn trở đó nhưng họ đã đi tới đâu? Có thể có những người thành công nhưng cũng có thể có những người sau hai năm, ba năm, năm năm, mười năm, ý chí của họ bị nhụt đi. Tại vì họ thiếu chất liệu nuôi dưỡng, không đủ tình thương, không đủ tình người.

Những thao thức, trăn trở của mình có thể đưa mình tới. Nhưng nếu mình không được nuôi dưỡng bằng chất liệu rất cần thiết cho tâm linh thì mình cũng sẽ bị khô kiệt, vì sức người có hạn. Vì vậy, nếu chúng ta chỉ trăn trở và thao thức không thôi thì chưa đủ. Trên bước đường cách mạng cũng như trên bước đường tu học, chúng ta phải được nuôi dưỡng, phải có môi trường, ở đó chúng ta vừa phấn đấu lại vừa được trị lành những thương tích.

Nếu không có môi trường thích hợp, không được nuôi dưỡng thì mình không thể đi xa được. Mình sẽ bỏ cuộc giữa đường. Khi ấy chí hướng của người thanh niên không thể thành tựu. Nghĩ như vậy, chúng ta thấy cảm thông cho biết bao triệu thanh niên Việt Nam đã nằm xuống. Trong nửa đầu thế kỷ 20, những người thanh niên có dư bầu

nhật huyết, có dư năng lượng chiến đấu, nhưng lại không được nuôi dưỡng trong môi trường của họ, môi trường của tổ chức, môi trường của xã hội; trái lại, họ gặp phải rất nhiều sự giành giật, lấn áp, mà không có đủ sự nâng đỡ, nuôi dưỡng và thương yêu.

Chuyện ngoài đời là vậy mà chuyện trong đạo cũng vậy. Một tổ chức giáo hội cũng có thể phát sinh hư hỏng, tham nhũng, hủ hóa. Những người lãnh đạo trong giáo hội có thể hoạt động trên cơ sở cái ngã của danh và lợi. Ngoài đời thì họ “xôi thịt”, danh lợi, còn trong đạo thì có thể “xôi chuối”. Danh lợi trong chùa tuy “chay” hơn nhưng vẫn là danh lợi.

Người trẻ khi thấy những người lớn bị vướng vào vòng danh lợi thì họ mất niềm tin, họ không đi tới được và họ cũng “chết” như những người đi thực hiện lý tưởng. Biết bao người tu cũng đã chết theo kiểu đó. Bỏ áo tu ra đời là gì nếu không phải là cái chết của người tu? Bao nhiêu người đã chết trong môi trường tu học? Mình có dư ý chí, có dư sự thao thức, trăn trở, nhưng mình không được nuôi dưỡng, vỗ về và không có đủ tình thương.

Làm người xuất gia, tôi đã kinh qua những kinh nghiệm đau thương đó, không những ở ngoài đời mà ngay trong đạo nữa. Tôi sẽ đọc một bài thơ có thể nói lên thông điệp đó:

*Trán tôi đã từng nhăn
Và ưu tư cuộc đời đã vẽ ghi dấu chân nặng nề
Trên khoảng trời mai ấy
Như trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại
Hoa lá về trên nụ cười buông thả
Vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi*

Nếp nhăn ở trán, mình đã đi tu rồi nhưng trên trán cũng vẫn hằn lên những vết nhăn. Nếp nhăn đó vừa do hoàn cảnh xã hội bên ngoài tạo ra, vừa do hoàn cảnh giáo hội đem lại.

*Trán tôi đã từng nhăn
Và ưu tư cuộc đời đã vẽ ghi dấu chân nặng nề
Trên khoảng trời mai ấy*

Vầng trán của người thanh niên là một bình minh nhưng cuộc đời đã ghi dấu nhăn lên trên đó.

Nhưng trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại

Rồi không biết vì lý do nào đó mà hôm nay những nếp nhăn trên trán biến mất. “*Như trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại*”, có nghĩa là: Tâm hồn tôi hôm nay trở lại như tuổi thơ.

Mình cười được và vì cười được nên những nếp nhăn trên trán biến mất.

*Hoa lá về trên nụ cười buông thả
Vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi
Như mưa chiều nay xóa đi
những dấu chân trên bãi vắng - qua một chu kỳ.
Tôi đi giữa rừng chông gai
như đi giữa vườn kỳ hoa dị thảo*

Đó là một phép lạ, mặc dù đang đi giữa rừng chông gai, nhưng vẫn thấy mình như đang đi giữa vườn kỳ hoa dị thảo.

*Đầu cát cao, nụ cười ngày xưa còn đó
Những vần thơ đã nở trong tiếng gào sóng đập
Nước mắt ngày xưa khóc nắng quái chiều hôm
trên chiến trường vàng vọt
Bỗng đã trở thành mưa.
Tiếng mưa rơi êm êm trên mái lá
Quê hương tuổi thơ thầm gọi tôi về
Mưa xóa đi bao tâm tư sầu muộn*

Có những người có được một quê hương tuổi thơ rất đẹp và mỗi khi khổ đau họ phải trở về cầu cứu quê hương đó ngay trong chính lòng mình.

*Tôi vẫn còn - nụ cười chiều nay bình lặng
Trái ngọt chín trên cây rừng cay đắng
Ôm xác em thơ, tôi băng qua ruộng lúa quê hương
đêm nay*

Biết bao nhiêu người đã phải ôm xác người em, người anh của mình băng qua ruộng lúa.

*Đất mẹ sẽ gìn giữ em
Để trên bãi cỏ xanh non,
sáng mai này em sẽ luân hồi thành những bông hoa mới
Những bông hoa cười trầm lặng trong bình minh
đồng nội.*

*Giờ phút này em có còn khóc đâu
qua một đêm dài thăm thẳm sâu
Sáng nay tôi quỳ trên bãi cỏ xanh
khi trông thấy những bông hoa mang nụ cười
huyền diệu
Thông điệp của hy sinh, của hiểu biết quả đã tới
nơi rồi.*

Tôi đã thấy những người bạn tu, những người thanh niên hai mươi lăm, hai mươi, mười tám, mười sáu tuổi đã chết.

Tôi sẽ đọc bài *Xin cúi đầu đưa về*, bài này nói về những khổ đau của tôi đối với những người trong giáo hội, trong tăng thân. Đi tu tức là mình phải nhập vào một đoàn thể và phải đặt hết niềm tin vào đoàn thể đó, nhưng cũng có người phản bội mình, phản bội lại lý tưởng của chính họ.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát
Tôi đã trở về, như một kẻ đầu hàng ngoan ngoãn
Dù muôn khổ đau, lòng không oán thán,
Bởi vì dưới ngôi sao em tôi đã sinh ra,
Bởi vì vì em tôi mới sinh ra
Để vạn kiếp làm người trai khờ dại*

Người ta phụ mình nhưng mình vẫn cứ thương. Mình thương Tăng bảo, mình đặt hết niềm tin vào Tăng bảo và Tăng bảo không có đủ “bảo”, Tăng bảo có phần tử vì danh, vì lợi đã phản bội mình, phản bội lý tưởng của mình. Mình gọi là người yêu của mình, mình gọi là em.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em*

Mình bỏ đi rồi nhưng bỏ đi không được, phải trở về xây dựng tăng thân, dù tăng thân hư hỏng, dột nát thì vẫn phải trở về để xây dựng lại, không có sự lựa chọn thứ hai.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát*

Hai bàn tay đã từng bị nghiền nát và mình đã băng bó cho lành để bây giờ đem dâng lại. Mình chỉ có hai bàn tay

thôi, hai bàn tay của một người trẻ, hai bàn tay để thương yêu, để xây dựng, để đóng góp nhưng bàn tay cứ bị nghiền nát hoài; nên có khi giận, có khi buồn bỏ đi, nhưng rồi vì thương nên dù bị nghiền nát mà vẫn cứ trở về.

*Tôi đã trở về, như một kẻ đầu hàng ngoan ngoãn
Dù muôn khổ đau, lòng không oán thán
Bởi vì dưới ngôi sao em tôi đã sinh ra
Bởi vì vì em tôi mới sinh ra
Để vạn kiếp làm người trai khờ dại*

Yêu rồi bị phụ tình, phụ tình mà vẫn cứ yêu như thường mới lạ.

*Đây là hai bàn tay tôi
Là trái tim
Là khối óc
Là cuộc đời
Là tất cả những gì còn sót lại
Nhưng bàn tay không mang quyền phép lạ
Nhưng đã hơn một lần nhỏ máu trên cung bậc
thương yêu.*

Trên phím piano đó, trên cây guitar đó, những ngón tay này đã đàn những bản nhạc của thương yêu, của phụng sự; nhưng những ngón tay đó đã nhỏ máu. Thương hết

sức, thương bằng tất cả trái tim mình chứ không phải chỉ thương sơ sơ.

Trong Truyện Kiều cũng có câu: “*Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.*”

*Những bàn tay không mang quyền phép lạ
Nhưng đã hơn một lần nhỏ máu trên cung bậc
thương yêu.*

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Kẻ thương yêu, mẹ dạy, không bao giờ tính toán
Cỏ mọc úa vàng, cũng như hoa hồng đương lú
Thương yêu muôn đời vẫn hạt sương trong*

Người ta có sao đi nữa mình vẫn cứ thương như thường.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin cúi đầu đưa về
Em nhìn xem: những vết thương ngày xưa vẫn
chưa lành dấu máu
Mười ngón đơn sơ hồn em xin đậu
Như những giọt sương ngồi đầu ngọn cỏ rung rinh*

Đây là những câu đẹp nhất của bài thơ. Những ngón tay của mình dâng hiến cho lý tưởng, cho cung đàn thương

yêu, phụng sự, và đầu mình có nhỏ máu trên năm đầu ngón tay thì mình vẫn phải tiếp tục như thường.

*Đây hai bàn tay tôi
Một kiếp luân hồi chưa xóa nhòa thương tích
Nụ cười còn đây, tôi không bao giờ oán trách
Còn đây tâm hồn thơ đại ngày xưa*

*Đây hai bàn tay xưa
Băng bó vẫn chưa lành
Tôi mang về trả lại
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát
Nguyện cầu mười phương trăng sao chứng minh.*

Những bài thơ này không phải là thơ, những bài thơ này là xương thịt của sự sống hàng ngày. Nếu có thì giờ, quý vị có thể tìm đọc truyện ngắn của tôi: *Câu chuyện người con trai khờ dại*. Dù bị phụ tình hoài mà vẫn cứ trở về. Bí quyết của tôi là mình phải nuôi dưỡng chính mình, đừng để cho nguồn năng lượng trong mình bị khô cạn. Tôi viết những câu rất đơn sơ:

*Quê hương tôi là đây
Chỉ có dòng sông, hàng cau, bụi tre, vườn chuối.
Mặt trái đất dù mang đầy cát bụi
Nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm*

Tuy trên mặt đất nơi mình đang đứng có nhiều bụi bặm, nhưng mỗi khi ngước mặt lên mình vẫn tiếp xúc được với trăng sao trên bầu trời. Vừa có một thế giới của trần lụy, nhỏ mọn, ganh đua nhưng cũng có một thế giới của tâm linh lung linh đầy màu sắc nếu mình không bỏ cuộc. Mình không thua cuộc chính là nhờ tiếp xúc được với thế giới đó. Có một câu ngôn ngữ nói rằng: *"Đừng tự khinh mình"*. Phải biết rằng mình rất quý giá, vì mình được làm bằng trăng sao. Ở trong mình có trăng sao, có tinh hà.

Trong tôi có ngọn hùng phong

Vẫn vươn cao, trời mây khói

Trong tôi có một tinh hà chuyển động âm thầm

Những triệu tinh cầu sáng chói

Trong con người của mình có hai phần, một phần đất bụi và một phần trăng sao. Mình đừng mặc cảm vì là đất bụi, cũng đừng quá tự hào vì là chất liệu của trăng sao.

Mỗi khi tiếp xúc với những thứ trần tục, với những cái hèn mọn, nhỏ nhoi thì mình đừng quên rằng trăng sao vẫn còn đó. Chỉ cần ngẩng đầu lên là thấy năng lượng, niềm tin của mình không hề mất đi. Đây là chuyện rất quan trọng đối với người tu. Cho nên có một bài thơ tôi đã tự nhắc lại cho mình câu đó, giống như ngẫu nhiên mà không phải ngẫu nhiên. Đó là bài *Tươi son bền sắt*, hãy giữ cho mình được tươi như một thỏi son, bền vững như một thanh sắt:

Trăng sao vẫn đẹp đêm Rằm

Bãi dương vẫn mười, sóng từng vẫn xao

Khi tiếp xúc với những khổ đau, tuyệt vọng, mình có thể mất thăng bằng; vì vậy phải tìm cách thiết lập lại sự thăng bằng để vượt qua giai đoạn của cơn bão tố đó.

Có những bãi từng rất lớn, khi gió thổi bãi từng trông như những đợt sóng.

Lòng quê dù có khát khao

Hoa mai vẫn cứ đòi cao gọi mời

Tháng tư lá lục hoa cười

Cho trăng thêm tuổi, cho đời thêm xuân

Vườn xanh cây mướp trở bông

Trẻ thơ đùa giỡn trước sân nắng đào

Chợ Văn bán sách lâu cao

Muối dưa đắp đổi hôm nào cũng vui

Trong lúc đó phải biết nhìn lên để tiếp xúc với trăng sao. Những câu thơ này không phải để ca tụng trăng sao đẹp, ca tụng bãi dương, sóng từng, ca tụng hoa mai, ca tụng tháng tư, trường ca Avril, mà là để nhắc cho chúng ta rằng ngoài bình diện của khổ đau, của tuyệt vọng còn có bình diện nhiệm màu của trăng sao. Những hình ảnh đó không làm cho chúng ta tuyệt vọng, những hình ảnh đó nuôi dưỡng chúng ta.

Siddhattha có những đêm ngồi trong rừng, sức khỏe hao mòn gần như tuyệt vọng, ban đêm ngồi thiền dưới gốc cây, nghe một cành cây khô gãy, tưởng tượng là có con trăn đang trườn tới làm gãy. Nghe có tiếng lá khô xào xạc, tưởng tượng là có một con cọp đang từ từ tiến lại. Siddhattha xa hoàng cung đã bốn năm, năm năm mà vẫn chưa làm nên một công trạng gì cả, giờ này vẫn đang ngồi một mình trong rừng. Những người bạn đồng tu đã bỏ chàng đi hết, những lúc đó thật là khó khăn. Nếu không có tám lòng son sắt thì không thể nào tiếp tục được.

Giữ cho bền sắt tươi son

Giữ cho tâm lặng giữa cơn ba đào

Còn đây nắng gọi đời cao

Còn đây những gốc anh đào trước sân

Còn đây trăng đẹp đêm Rằm

Còn đây dương muốt sóng từng năm xưa

Bài thơ này là chứng tích của một cuộc tranh đấu nội tâm để có thể đứng vững trên con đường của chúng ta.

Hành phương Nam

Hai ta lưu lạc phương Nam này

Đã mấy mùa qua én nhận bay

Xuân đến khắp trời hoa rượu nở

Riêng ta với người buồn vậy thay!

Lòng đắng sá chi muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say!
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu chưa ai may!

Người giam chí lớn vòng còm áo
Ta trôi thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ buổi trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Người ơi! Buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hãy hay
Ngày mai xán lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tị buổi này

Rẫy ruộng châu ngọc, thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi, cứ chết ngay.

Hỡi ơi! Nhiếp Chính mà băm mắt
Giữa chợ ai người khóc nhận thây?
Kính Kha quán lạnh sâu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?
Mơ gì ắp Tiết thiêu văn tặc
Hài cò, gương cùn, ta đi đây
Ta đi nhưng biết về đâu chứ?
Đã đầy phong yên khắp bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi!
Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà ngươi cả tiếng cười
Dần chén hát cao đầu cỏ dại
Hát rằng phương Nam ta với người
Người ơi! Người ơi! Hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi!

Tống biệt hành

- THÂM TÂM

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình, một dùng dùng.
Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ
Chí lớn, bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm, mẹ già cũng dùng mong.

Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cùng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót
Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay.

Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say



Lửa từ bi

- VŨ HOÀNG CHUONG

Có một bài thơ của Vũ Hoàng Chương có lẽ ít người biết đến. Đây là một trong những bài thất ngôn tứ tuyệt (bốn câu bảy chữ, cộng lại là hai mươi tám chữ, gọi là nhị thập bát tú, là hai mươi tám ngôi sao, mỗi ngôi sao tượng trưng cho một chữ).

*“Dầu hỏi vầy quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thắm rơi
Chiều nay một dẫu than buông dút
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời.*

Người miền Nam và miền Trung có lẽ chưa biết chữ “săng” này. Săng có nghĩa là hòm, là cái quan tài. “*Dầu hỏi vầy quanh trọn kiếp người.*” Nếu là con người thì có tư duy. Ở phương Tây, người ta thường ví con người là cây sậy

biết tư duy. Cây sậy rất yếu đuối, dễ bị tai nạn, dễ bệnh, dễ chết nhưng có khả năng tư duy. Trừ khi ta quá bận rộn lo làm ăn, còn lại ta thường đặt ra những câu hỏi như “*Ta từ đâu đến?*” “*Tại sao ta đến đây?*” và “*Sau này ta sẽ đi về đâu?*” Những câu hỏi đó thường ám ảnh ta. Bao nhà triết học, bao nhà thơ cũng từng đặt ra những câu hỏi như thế, nhưng vì họ làm việc bằng trí năng nên đã không tìm ra được câu trả lời thỏa đáng. Với người có suy tư và biết nhìn sâu sẽ đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi về thân phận con người. “*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi?*” Rất nhiều câu hỏi như vậy vây quanh chúng ta. Đi cũng bị chúng vây bủa, đứng cũng bị chúng vây bủa, nằm ngủ cũng bị chúng bủa vây, vì con người là cây sậy biết tư duy. Những câu hỏi đó là những dấu hỏi bám vào óc ta như những con sên. Vì theo thi sĩ, hình ảnh dấu hỏi là hình ảnh của những con sên.

“*Sên bò nát óc*”. Trong não bộ của mình có những con sên hình dấu hỏi đang bò đi tìm hiểu. Đó là hình ảnh của thi ca. Khi làm thơ, chúng ta phải mượn hình ảnh chứ không được tuyên bố bằng những danh từ trừu tượng. Ví dụ khi buồn, ta nói *mây xám giăng trong hồn tôi* chứ không nói *tôi buồn*, vì nói *tôi buồn* thì không phải là thơ.

*Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thắm rơi*

Mẫu người tư duy thường đưa ra những câu hỏi rất dễ sợ, trong bộ não ta có những con sên đang bò suốt ngày đêm để tìm kiếm. “Sên bò nát óc máu thâm rơi” nghĩa là không tìm được câu trả lời. Đó là vấn đề sống chết của con người. Ở đây không phải nước mắt mà là máu, tức là chúng ta đã làm việc quá nhiều. Thấy được nỗi khổ niềm đau của con người, chúng ta muốn biết sự thật, muốn tìm ra câu trả lời cho kiếp người, nhưng không tìm ra được, và điều đó đã trở thành nỗi khổ niềm đau. Nỗi khổ niềm đau không phải chỉ của các nhà triết học, mà của tất cả chúng ta. Và cứ như vậy ta sống hết ngày này qua ngày khác nhưng vẫn không tìm ra đáp án cho câu hỏi “nát óc” đó. Cho đến một ngày kia:

Chiều nay một dấu than buông dứt

Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời

Chết rồi, nằm trong quan tài rồi nhưng vẫn chưa có đáp án. Và dấu than đối lại với dấu hỏi. Dấu than không phải là hình con sên mà là hình của cây đinh đóng vào quan tài. “Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời”, xác của mình đã nằm trong quan tài và người ta đã đóng lại. Tiếng “bình, bình” là tiếng trả lời. Nói tóm lại là không có tiếng trả lời cho những câu hỏi như thế. “*Tại sao ta có mặt ở đây? Ta từ đâu tới? Ta sẽ đi về đâu? Tại sao ta phải hứng chịu tất cả những hệ lụy của kiếp người? Tại sao có quá nhiều đau khổ trong một*

kiếp người?” Và phương tiện đi tìm đáp án cho những câu hỏi đó chỉ là não bộ, là trí năng của mình. Siddhattha ngày xưa cũng từng đi tìm và ban đầu Ngài tìm bằng trí năng. Nhưng sau đó Ngài biết rằng không thể đi tới và tìm đáp án bằng trí năng được nên Ngài phải dùng cả con người mình. Khi tu Thiền, chúng ta phải biết rằng ý thức không đủ để giải quyết vấn đề mà phải dùng cả tàng thức, cả thân và tâm của mình, cho nên đi tìm đáp án bằng con đường của trí năng thì không thể đạt tới được, cuối cùng chỉ có những cây đinh đóng vào săng thôi. Có một bài thơ trong thi phẩm *Rừng Phong* của Vũ Hoàng Chương là *Bài ca siêu thoát*, nhưng không được siêu thoát lắm vì ông chưa tìm được đáp án mà cứ hy vọng mình sẽ tìm ra và đã tìm ra.

*Trải mấy hoang mang tìm kiếm
Lòng sao khát mãi chưa vơi
Đôi lẽ có không màu nhiệm,
Đêm đêm ta hỏi người xưa”.*

Tức là ta tư duy về vấn đề hữu thể và vô thể. Đây là đề tài để suy nghĩ, ta thực sự có mặt đây hay ta đang không có mặt. Hầu hết nhà triết học nào cũng bắt đầu bằng câu hỏi này.

Người xưa là những người đã suy tư về vấn đề có và không. Họ đã công hiến kết quả suy tư của mình trên

những trang giấy trắng hoặc chữ Hán, hoặc chữ Hy Lạp, La tinh và mỗi đêm ta chong đèn đọc sách triết học, sách người xưa với hy vọng tìm ra được đáp án.

*Đôi lẽ có không màu nhiệm,
Đêm đêm ta hỏi người xưa*

Ban ngày ta bận rộn, ban đêm đành chong đèn lên để tìm kiếm.

*Đuốc kim cổ, dây lòng ta thành kính
Hội trầm luân cùng ý thức huyền vi
Mà sáu nẻo hôn mê còn chưa định
Ta về đâu, kìa người đến làm chi.*

“Đuốc kim cổ” là bó đuốc ngày xưa và bây giờ dùng để soi sáng cho mình, ta sử dụng với tất cả sự thành kính của mình. Cùng thuyền, cùng hội trầm luân với nhau, và cùng có ý thức đi tìm lẽ huyền vi của cuộc đời.

*Mà sáu nẻo hôn mê còn chưa định
Ta về đâu, kìa người đến làm chi”*

“Sáu nẻo hôn mê” ở đây là tác giả muốn nói đến sáu đường: thiên, nhân, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Sáu nẻo đều hôn mê hết nên chưa tìm thấy con đường. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh không thấy đã đành mà con người cũng không thấy được con đường. Không những A-tu-la mà chư thiên ở trong tam giới cũng chưa thấy được con

đường. Ta chưa tìm ra đáp án “ta sẽ đi về đâu” thì người đến làm chi? Người sinh ra làm chi cho khổ? Sinh ra làm chi để phải đặt câu hỏi: “Tại sao ta phải sinh ra? Ta sinh ra để làm gì? Ta sẽ đi về đâu?”

Ta về đâu, kìa người đến làm chi.

Tức là có đến và đi. Sau khi có vấn đề “hữu và vô” thì có vấn đề “khứ và lai”, đó là những đề tài của triết học.

Mà sáu nẻo hôn mê còn chứa định

“Chứa” tức là chưa. “*Ta về đâu, kìa người đến làm chi*” là câu hỏi đặt ra rất rõ ràng. Anh từ đâu tới, còn tôi sẽ đi về đâu? Tại sao chúng ta phải có mặt ở đây?

Phải chăng muôn kiếp nặng nề

Từ hư không tới lại về không hư

Có phải mình từ hư không tới và mình sẽ trở về hư không hay không? Lần trước chúng ta cũng nghe Trịnh Công Sơn nói tương tự như vậy, mình từ hư không tới rồi mình sẽ trở về hư không. Đó là do mình chưa tiếp xúc với tuệ giác đạo Bụt. Tuệ giác của đạo Bụt thì không có cái gì từ không mà trở thành có và cũng không có cái gì từ có mà trở thành không. Như đám mây, đám mây không phải từ không mà trở thành có đám mây nó cũng không bao giờ từ có mà trở thành không. Vì vậy tuệ giác đạo Bụt vượt thoát

Hữu và Vô. Nội câu này thôi cũng đã chứng tỏ rằng trong khi viết bài thơ này tác giả chưa tiếp xúc được với nguồn tuệ giác của đạo Phật.

*Phải chăng muôn kiếp nặng nề
Từ hư không tới lại về không hư
Lẽ nào mộng cả thời u,
Người ơi giọt bể, chứa dư tang điền*

Ruộng dâu biến thành bãi biển. Rồi bãi biển trở thành đất liền. Đất liền trở thành ruộng dâu. Rồi ruộng dâu lại trở thành bãi biển. Đó là vô thường. Hôm nay thế này, ngày mai thế khác. Hôm nay có, ngày mai không. Hôm nay không, ngày mai có. Có phải là từ không trở thành có? Hôm nay ta có mặt ở đây nghĩa là ta có; ngày mai ta không có mặt ở đây nữa có phải là ta từ có trở thành không?

*“Sông ôm bóng nguyệt không mà có
Hay có mà không nhĩ gã say?
Người vừa ôm ấp trong tay
Nhạc giọng đêm nào vạn cổ
Sau trước cùng chung niềm tin mộ
Đâu lẽ có chiều qua mà không sáng nay”*

Người mình ôm trong tay để khiêu vũ theo tiếng nhạc trên sàn gỗ bây giờ không còn nữa, có phải sự thật

người đó đã từng có mà bây giờ thành không? Đó là câu hỏi được đặt ra nhưng chưa có câu trả lời. Hồi còn trẻ tôi thích đọc thơ, những bài thơ của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... đọc thuộc lòng. Bài thơ *Trước cảnh cao rộng* nói lên tâm trạng của tác giả đứng trên bãi biển nhìn không gian mênh mông, bỗng cảm thấy con người mình quá bé nhỏ và không biết tại sao mình có mặt ở đây. Sự có mặt của một sinh vật nhỏ bé như mình có ý nghĩa gì?

*"Tôi rộng trông ra bốn phía xa khơi
Cảnh mênh mông riêng có một mình tôi
Đang thơ thẩn với nỗi lòng bát ngát
Như kẻ bộ hành ngơ ngác
Lạc vào nơi đồng đất hoang vu
Ta mang theo một khối tình u
Tìm mà chẳng thấy lẽ uyên thâm trong tạo vật
Ngồi bước nản tôi trông mây, trông nước
Trông bầu xanh trong nét mặt u trầm.
Hỏi có nghe thấy tiếng ta chẳng
Nghe thấy tiếng một tâm hồn đau khổ
Ta muốn biết lẽ nhiệm màu trong vũ trụ
Nhưng than ôi, tạo vật vẫn làm thinh
Ngàn muôn năm giữ vẻ mặt vô tình
Và lãnh đạm cao siêu huyền bí".*

Trời đất rất vô tình lãnh đạm, cao siêu huyền bí. Đó là Thế Lữ. Còn Chế Lan Viên thì sao? Ghê rợn hơn, “*Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng*” - tưởng tượng tâm hồn mình là một đáy giếng rất sâu, sâu thăm thẳm và có một ngôi sao mọc lên từ đó.

*Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng
Lạnh như hồn u tối vạn yêu ma.
Hồn của ai trú ẩn ở đâu ta
Ý của ai trào lên trong đáy óc
Để bay đi theo tiếng cười nhịp khóc*

Những câu thơ rất đau khổ:

*Biết làm sao giữ mãi ta đây
Thịt cứ chui theo thú dục chua cay
Máu cứ nhảy theo nhịp cuồng kẻ khác
Mắt theo dõi tình hoa bao màu sắc
Đau đớn thay cho đến cả linh hồn
Cứ đi tìm chán nản với u buồn
Để đỉnh sọ trơ vơ trần ý thịt
Mà phải đâu đã đến ngày tiêu diệt
Ai bảo giùm ta có ta không?*

Là học trò của Siddhattha, chúng ta có cơ hội vì chúng ta biết rằng nếu đi tìm đáp án cho những vấn đề đó bằng con đường trí năng thì sẽ thất bại.

*Dầu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thâm rơi
Chiều nay một dầu than buông dứt
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời*

Vì vậy khi đến chùa là ta đã có cơ hội nên ta phải tìm cách tiếp xúc bằng được phương pháp thực tập, để có thể cung cấp cho mình những đáp án, đừng đi tìm những tiện nghi nhỏ nhặt. Khi tới chùa nếu được gặp thầy, gặp bạn thì phải nhớ mục đích mình tới chùa để làm gì. Không phải bỏ thời gian để nói chuyện này, chuyện nọ. Không khí ở chùa là không khí mà trong đó mình có thể đi tìm những đáp án. Còn nếu mình để thì giờ nói chuyện kinh tế, chính trị, công ăn việc làm, chuyện chùa này chùa khác thì uống lắm. Khi được ngồi với các thầy, các sư cô, các đạo hữu đã tu học lâu hơn mình thì phải biết lợi dụng cơ hội đó học hỏi các phương pháp quán chiếu để trả lời các câu hỏi kia. Làm sao để có Niệm, Định và Tuệ? Vì chỉ có Tuệ mới đưa đến đáp án, mới giải phóng mình khỏi vùng vô minh, tăm tối đã bao phủ con người.

Trong thi phẩm *Rừng Phong* xuất bản tại Sài Gòn năm 1954 có bài thơ *Nguyên cầu* in ở trang đầu tiên như một bản tuyên ngôn của tác giả. Tập thơ này do Đinh Hùng trình bày. Đinh Hùng cũng là một thi sĩ. Khi đọc *Nguyên*

cần, ta có thể thấy tâm trạng của Vũ Hoàng Chương hỏi năm mươi năm trước vẫn chưa thấy được đạo. “*Ta còn để lại gì không?*” Câu hỏi đặt ra là sau khi chết mình để lại gì cho cuộc đời. Các nhà tư tưởng, nhà nghệ sĩ, nhà chính trị muốn để lại sự nghiệp của mình cho đời. Vì người nào cũng có khuynh hướng, có ước muốn đi tìm sự bất tử. Tu theo đạo Lão, người ta muốn làm thế nào để trường sinh bất tử; tu theo đạo Phật, người ta cũng muốn đạt đến cái vô sanh bất diệt. Và câu hỏi “*Ta còn để lại gì không?*” cũng biểu lộ khuynh hướng và ước muốn đó.

*Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về.*

Tác giả đã dùng từ *luân hồi* của đạo Phật nhưng thực chất chưa hiểu được *luân hồi* là gì. “*U minh nẻo trước*” tức là mình không thấy rõ con đường trước mặt, và con đường trở về quê hương đích thực cũng còn rất xa. Thế nên bài *Nguyện cầu* cũng là một câu hỏi.

Lang thang từ độ luân hồi”

Có một giai đoạn mình bị đi luân hồi, trước đó mình rất an lành nhưng vì mắc phải lầm lỗi nào đó nên bị đẩy xuống trần gian. “*U minh nẻo trước xa xôi dặm về*” nghĩa là

phía trước thì u minh đen tối, phía sau con đường trở về thì
mịt mờ, không biết đi đâu. Rất tội nghiệp!

“Trông ra bên hoặc bờ mê” nghĩa là nhìn ra chỉ thấy toàn
bên bờ mê hoặc, toàn là vô minh, không có gì sáng sủa,
không có gì là sự thật. Trong danh từ Phật học, chữ “hoặc”
có nghĩa là phiền não, đây là từ của đạo Bụt.

“Trông ra bên hoặc bờ mê

Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương”

“Nghìn thu” là nghìn năm, nhưng chỉ ngắn bằng
nửa cái chớp, rất Vô thường! *“Nghìn thu nửa chớp bốn bề
một phương”* nghĩa là tuy nói bốn phương nhưng kỳ thực
không đi xa được, cũng chỉ là một phương thôi. Điều thi sĩ
thấy được là tính Vô thường của thực tại. Tuy nhiên, thi sĩ
không đi xa hơn cái thấy Vô thường đó, bởi vì trong sự tu
học nếu biết đào sâu vào Vô thường thì chúng ta mới tìm
thấy Vô ngã. Thế nhưng thi sĩ không được ai trao truyền
cho những dụng cụ để đào sâu vào sự thật Vô thường. Vì
vậy thi sĩ chưa bao giờ khám phá được sự thật Vô ngã. Có
rất nhiều người nói đến Vô thường. Heraclitus cũng nói
đến Vô thường, đức Khổng Tử cũng nói đến Vô thường.
Heraclitus nói: “không ai có thể tắm hai lần trong một
dòng sông”. Đó là Vô thường. Dòng sông phút sau không
còn là dòng sông của phút trước nữa. Người tắm trong

dòng sông cũng vậy, xuống tắm rồi lên lại là đã trở thành người khác. Vì vậy trong câu nói đó chứa đựng tuệ giác Vô thường. Còn đức Khổng Tử đứng trên bờ sông nhìn xuống thì than rằng: “Cứ chảy mãi như thế này sao, ngày đêm không ngưng nghỉ”. Tức là Khổng Tử nói đến sự Vô thường. Bụt cũng nói về Vô thường, nhưng Vô thường của Bụt khác. Vô thường của Bụt không phải là lời than thở, mà là một phép quán. Ta phải sử dụng Định Vô thường, Tam muội Vô thường như một công cụ, một cái cuốc để đào bới. Vì vậy, Vô thường không phải để thở than. Vô thường không phải là một triết thuyết, nó không mang tính chất triết học. Vô thường là một công cụ, là một phép quán; nhờ công cụ đó được mình biết đào xới thực tại và nhờ thế mới phát hiện ra viên ngọc Vô ngã. Vô ngã sẽ trở thành một công cụ khác để đào xới và làm phát khởi sự thật Tương tức, Vô sinh bất diệt. Các thi sĩ, các triết gia thường sử dụng trí năng của họ để suy tư, nhưng ở đây không phải là vấn đề suy tư mà là thực tập.

Tào Động Tông là một trong năm tông Thiền, có một thiền ngữ như thế này: “Tư lương cá bất tư lương để, bất tư lương để như hà tư lương, phi tư lương thị thiền chi yếu giả”. “Tư lương” - đọc là tư lượng - nghĩa là suy tư, tư duy. Lượng là đo, là cân. Tư lượng tức là cân nhắc, đo lường. “Tư lương cá bất tư lương để” là suy tư cái không thể suy

tư. Trong danh từ đạo Bụt có từ “Bất khả tư nghì”, nghì là bàn luận. Cái gì không suy tư không bàn luận được? Cái gì mà hễ nói ra là trật, không thể tư duy được? Cái gì mà màu nhiệm vậy? Cái mà không thể suy tư, không thể tìm tới bằng con đường suy tư, không thể diễn tả bằng lời nói thì gọi là “bất khả tư, bất khả nghì”. Cái không thể suy tư thì làm sao mình suy tư được? Cái không thể tư lượng thì làm sao tư lượng được? Đó là hiệu lệnh của thiên Tào Động. Vì vậy con đường tư duy không đưa tới kết quả. Khi học về Tổ Lâm Tế, Tổ dạy, chúng ta cần phải đoạn cảnh, cần phải cắt đứt đường rày của tư duy vì tư duy là chạy quanh.

Sên bò nát óc máu thắm rơi

Tư lượng về cái không thể tư lượng là vô nghĩa, vì cái không tư lượng thì làm sao tư lượng được. Vì vậy không tư duy là yếu chỉ của Thiền tông. Đó là trực giác, là Bát Nhã. Chỉ có cái đó mới khám phá, khơi mở, diễn bày sự thật mà thôi. Trí tuệ Bát Nhã không phải là tư duy. Ví dụ như quý vị đã từng ăn sầu riêng, bây giờ muốn giúp cho một người Tây phương chưa bao giờ biết thứ quả sầu riêng là gì, quý vị giải thích sầu riêng là như thế này, sầu riêng là như thế kia, và dù quý vị có làm cho họ tư duy cách mấy đi chăng nữa thì họ cũng không thể hiểu được trái sầu riêng. Sầu riêng là cái không thể tư duy được. Chỉ có một cách giúp họ là đứt một miếng vào miệng họ. Cái đó gọi là trực giác. Phải chấm

dứt tư duy để đi tìm trực giác. Vì vậy, ngồi thiền không phải để tư duy mà để sử dụng tuệ giác trực tiếp của mình.

*Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dẫm về
Trông ra bên hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương*

Đã thấy được tính Vô thường nhưng không biết sử dụng Vô thường như một công cụ để đào bới, để tìm kiếm. Do đó tác giả chưa bao giờ khám phá được Vô ngã mà thực ra Vô ngã nằm sát ngay sau lưng Vô thường. Thấy được Vô thường là thấy được Vô ngã. Rất nhiều nhà triết học vẫn chưa thực sự thấy được Vô thường. Vì thấy được Vô thường sâu sắc sẽ thấy được Vô ngã, vì Vô thường là mặt khác của Vô ngã. Vô thường là đứng về phương diện thời gian mà diễn bày, còn Vô ngã là đứng về phương diện không gian mà nhìn nhận. Thực sự thấy được Vô thường là thấy được Vô ngã; chưa thấy được Vô ngã là chưa thấy được Vô thường.

*Trông ra bên hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương
Tà van cát bụi trên đường
Dù như dù sạch đừng vương gót này.*

Trong sâu thẳm tâm hồn, chúng ta nghĩ rằng, ngày xưa mình ở một nơi rất nhiệm màu, rất an ổn, không tư lượng, không lo lắng, thế mà tự nhiên bây giờ sinh ra làm kiếp người, phải lo lắng quá nhiều, phải suy tư quá nhiều. Vì thế bây giờ ta mong ước trở lại chỗ ngày xưa, nơi ta hoàn toàn an ổn, không cần phải lo lắng cho tương lai hay hối hận về quá khứ. Không phải chỉ có các nhà triết học, thi sĩ mới có khuynh hướng như vậy mà tất cả chúng ta đều có cảm tưởng đó. Nghĩa là chúng ta tới từ một chỗ rất yên ổn, rất an lành và chúng ta đang khổ đau vì bị luân hồi, vì bị làm một vị trích tiên ở hạ giới. Chúng ta nghĩ rằng khi mình đền hết tội thì mình sẽ được trở về nơi khung trời an lành ngày xưa.

Lang thang từ độ luân hồi

U minh nẻo trước xa xôi dậm về

Đó là cái thấy của tác giả và cũng là cái thấy của rất nhiều người trong chúng ta. Thật ra, nếu nhìn sâu một chút, chúng ta sẽ thấy mình đã từng sống qua cảm giác yên ổn đó rồi, đó là khoảng thời gian chín tháng mười ngày chúng ta ở trong bụng mẹ, đó chính là cung điện của con (gọi là tử cung). Chúng ta ở đó yên lành không phải lo lắng gì hết, cái gì cũng có mẹ lo. Không cần phải lo ăn, lo uống, lo thở, không cần phải đối phó gì hết. Chín tháng mười ngày trong bụng mẹ hoàn toàn vô ưu. Siddhattha đã sinh

ra dưới cây Vô ưu. Nhưng dù sinh ra dưới cây Vô ưu thì Ngài cũng ưu tư rất nhiều. Ưu tư nhiều đến nỗi phải bỏ nhà, bỏ cung điện đi tu. Vì không thể trốn thoát những câu hỏi đó nên phải đi tìm và cứ nghĩ rằng mình đi luân hồi mấy kiếp để trả nợ, đền hết tội rồi mới được trở về chốn an lành đó. Tản Đà cũng có một bài thơ nói chuyện này - ngày xưa mình cũng là trích tiên trên thượng giới bị đày xuống trần gian làm thi sĩ rất cực. Một bài thơ chỉ bán được mấy chục đồng, lại có khi bán không chạy, không có tiền để tiếp tục làm thơ nên phải nghỉ bán. Đó là số kiếp của Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu. Có một đêm, Tản Đà mơ thấy chư thiên trên trời xuống mời lên đọc thơ cho Ngọc hoàng nghe. Sau khi đọc thơ, chư thiên và Ngọc hoàng rất thích. Ngọc hoàng nói rằng ngày xưa con cũng ở đây làm chư thiên, nhưng vì làm lỡ gì đấy nên bị đày xuống trần gian. Con ráng truyền bá thuyết nhân bản, mai một đền được tội thì Ngọc hoàng sẽ cho con trở về thượng giới.

*Ta van cát bụi trên đường
Dù như dù sạch đừng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời
Nói chi thua được với đời
Quán chi những tiếng ma cười đêm thâu
Tâm hương đốt nén linh sầu
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi*

Ta không thuộc về thế giới này, ta là vị tiên, cho nên ta không muốn dính vào cát bụi, ganh tị, đố kỵ, tham lam. Ta không muốn dính vào hệ lụy. Ta muốn mai một được trở về chỗ của ta trên kia. Đó là tư duy của trích tiên.

Bài thơ *Nguyên cầu* này nhớ về cõi mà mình đã ra đi và mình hoàn toàn không muốn dính líu, không muốn để lại sự nghiệp gì ở đây. “Ta còn để lại gì không?” Ta không còn thuộc về thế giới này nữa, ta thuộc về thế giới khác. Trong khi đó đạo Bụt nói, rằng Niết bàn và thế gian là một. Muốn đi tìm Niết bàn thì phải đi tìm ngay trong thế gian. Ta bà chứa đựng Tịnh độ. Và Bồ đề được tìm thấy ngay trong phiền não. Điều này tác giả chưa tiếp xúc được, chưa có kiến thức Phật học, chưa có thực chứng.

*Nói chi thua được với đời
Quản chi những tiếng ma cười đêm thâu
Tâm hương đốt nên linh sầu
Nhớ quê dang dặc ta cầu đó thôi
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.*

Ta đâu muốn có sự nghiệp gì ở cõi đời này. Ta không cần gì hết. Về trên kia ta để lại hết những cái này cho các người, muốn tranh giành bao nhiêu thì tranh giành.

*Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian*

*Một phen đã nín cung đàn
Nghĩ chi còn mắt hơi tàn thanh âm.*

Một phen mà tôi không còn làm thơ nữa thì tôi không nghĩ rằng thơ tôi có người đọc hay không. Tôi không bận tâm điều đó. Đây là tuyên cáo của Vũ Hoàng Chương. Nhưng kể từ năm 1963, Vũ Hoàng Chương đã đổi khác.

Vũ Hoàng Chương sinh năm 1916, đậu tú tài Tây, sau đó học Luật. Nhưng chán không thích Luật nên bỏ học, làm phó giám đốc cho sở Hỏa xa. Làm ở sở Hỏa xa cũng chán nên ông về học Toán. Học Toán cũng không thích, cuối cùng ông làm thơ. Năm 1945 ông tham gia kháng chiến. Năm 1951, ông di cư vào Nam. Năm 1963, khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu cho nhân quyền Việt Nam thì Vũ Hoàng Chương xúc động vô cùng và ông đã viết bài thơ *Lửa từ bi* mà nhiều Phật tử đã thuộc lòng. Hành động tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức đã làm chấn động tâm can Vũ Hoàng Chương, đã biến Vũ Hoàng Chương thành một con người khác.

*Ôi đích thực hôm nay trời có mặt
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt,
Nhìn nhau tình huynh đệ bao la.*

Chỉ khi nào có tình thương lớn người ta mới có hành động như vậy. Hành động hoàn toàn vị tha, hoàn toàn hy sinh cho sự sống, cho tình huynh đệ.

*Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi
Chỗ Người ngồi một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ bi.*

Hành động tự thiêu đó mục đích không phải để có danh, không phải là để lại cho đời một cái gì mà hoàn toàn là do từ bi, không cần người ta tạc hình thành ngọc thành đá, không nhằm ghi tên mình vào sử sách. Đó là hành động rất trong sáng. “Chỗ người ngồi một thiên thu tuyệt tác”, chỗ ngồi đó là một tác phẩm lớn, mình không thấy gì cả nhưng nhờ có con mắt tuệ mà thấy được chỗ đó là ngai của Từ bi.

*Rồi đây, rồi mai sau còn chi
Ngọc đá cũng thành tro
Lụa tre dần mục nát
Với thời gian lê vết máu qua đi.*

Tất cả ngọc đá, lụa tre sẽ qua đi, chỉ còn một thứ ở lại mãi mãi đó là Trái tim Bồ Tát.

*Còn trái tim Bồ Tát
Gợi hào quang xuống tận ngục A Tỳ
Ôi ngon lửa huyền vi
Thế giới ba ngàn phút giây ngơ ngác.*

Tất cả địa cầu chấn động vì tình thương đó.

*Từ cõi vô minh hướng về cực lạc
Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác.
Và chí nguyện được làm rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời kinh
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.*

“*Tình huynh đệ*” được dùng lại lần thứ hai. Có thể nói bài thơ này chính là ca ngợi tình huynh đệ. Hòa thượng Thích Quảng Đức là biểu tượng của tình huynh đệ. Có tình huynh đệ là đời sống của mình có ý nghĩa. Cho nên nếu một ngày nào còn sống, còn xây dựng tình huynh đệ là ngày đó đời còn ý nghĩa. Và bản chất của đạo Phật là Từ bi, Từ bi chính là tình huynh đệ. Vì chữ Maitri (Từ) bắt nguồn từ chữ Mitra mà ra, nghĩa là huynh đệ. Và chữ “Từ” dịch cho đúng là tình huynh đệ, tình anh em, tình chị em.

“*Từ cõi vô minh hướng về cõi cực lạc*”. Đó là nhờ tình huynh đệ. Vừa mới sân si đó, vừa mới kỳ thị đó nhưng khi thấy được một hành động không kỳ thị là tác giả lập tức chọc thủng được vô minh, thấy được cõi cực lạc. Tức là cõi của tình thương. “*Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác*”. Tôi muốn ca ngợi Hòa thượng Quảng Đức, nhưng vần điệu thơ văn của tôi không đủ sức làm điều đó.

*Và chỉ nguyện được làm rơm rác
Thơ cháy lên với lời kinh tụng
Cho nhân loại thanh bình
Trước sau bên vũng tình huynh đệ này.*

Từ đó trở về sau Vũ Hoàng Chương dùng thơ của mình để xây dựng tình huynh đệ.

Bài thơ này ra đời sau bài *Lửa từ bi*, tựa đề là *Nỗi lửa từ bi*. Bài này Vũ Hoàng Chương nói đến Đại hùng Đại lực của Từ bi. Từ bi có sức mạnh rất lớn, sức mạnh này sẽ thắng được lửa bom đạn. Đứng đầu của một chế độ là ông vua, ông chúa, có khi là tổng thống. Ngôi chúa tức là vương vị, là ngai vàng, là ghế của người đứng đầu. Ngôi chúa thì có quyền hành, có quân đội, nhưng cuối cùng cũng thua một ngôi khác là ngôi chùa. Ngôi chùa tượng trưng cho sức mạnh của tình thương. Tình thương, tình huynh đệ và lòng Từ bi sẽ chiến thắng tất cả.

*Lẽ thường ngôi chúa dựng trên súng,
Sẽ tiêu tan dưới đạn
Chỉ còn lại tinh thần nhân bản
Văng vặc dưới sông chót vót ngôi chùa
Cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn tử sinh
Lửa tử sinh màu nhiệm pháp vô biên.
Suối Hùng Lược mây thu chẳng cạn
Nước cảnh dương tẩy xóa mọi oan khiên.*

Chỉ có Từ bi mới đáp ứng được hận thù của sinh tử. Không phải vì tôi muốn sống mà tôi tranh đấu. Sống tôi cũng tranh đấu. Chết tôi cũng tranh đấu. Chết và sống chỉ là sự tiếp nối nhau. Chết để mà sống, sống để mà chết, nên cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn của tử sinh, sợ hãi.

Trong bài thơ này Vũ Hoàng Chương đã sử dụng ngôi chúa và ngôi chùa. Nghĩa là nếu còn có ngôi chùa là còn tình huynh đệ, còn đức Từ bi. Còn Từ bi thế nào cũng vượt thắng, cũng hóa giải được hận thù. Đó là niềm tin của Vũ Hoàng Chương.

Mình tranh đấu cho hòa bình không phải bằng súng đạn mà bằng quyết tâm của lòng Từ bi.

Đây là bài thơ thầy viết sau khi nghe tin Vũ Hoàng Chương mất.

*"Đêm này dù đã về ngôi
Hồn thơ vẫn cứ luân hồi thế gian
Bút hoa ngàn kiếp không tàn
Đuốc thơ còn cháy trên trang sử người
Có không mù mịt biển khơi
Nẻo về đã rặng chân trời thênh thang
Tỉnh say vẫn một cung đàn
Lửa anh hào đốt cháy tan đêm sâu*

*Thơ lên bay vút bờ câu
Triều âm chấn động phương nào cũng nghe
Giấc mơ hồ điệp đi về
Biển đông sóng vỗ kinh nghê vẫn còn”.*

Tuy Vũ Hoàng Chương đã mất nhưng ông vẫn còn đó với tinh thần bất khuất. Từ người say sưa, chán nản mà nhờ giọt nước cam lộ của đức Thế Tôn, Vũ Hoàng Chương đã trở thành người có Đại hùng Đại lực.

Lửa Từ bi

*Lửa! lửa cháy ngát tòa sen
Tâm chín phương nhục thể trần tâm hiện thành
thơ, quỳ cả xuống
Hai vàng sáng rưng rưng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một mặt trời mới mọc
Ánh Đạo Vàng phơi phới đang bùng lên, dâng
lên...
Ôi đích thực hôm nay trời có mặt
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau tình huynh đệ bao la
Nam mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?*

Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
Người rẽ phăng đêm tối đất dày
Bước ra, ngồi nhập định hướng về Tây
Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ Phật pháp chẳng
rời tay
Sáu ngả luân hồi đâu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên từng nhịp bánh xe quay
Không khí vẩn mình theo, khóc òa lên nổi gió
Người siêu thăng... giông bão lắng từ đây..
Bóng Người vượt chín tầng mây
Nhân gian mất rọi bóng cây Bồ đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi
Chỗ Người ngồi một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ bi
Rời đây, rồi mai sau còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian lê vết máu qua đi...
Còn mãi chút, còn trái tim Bồ Tát
Gội hào quang xuống tận ngực A Tỳ
Ôi! ngọn lửa huyền vi
Thế giới ba ngàn, phút giây ngơ ngác
Từ cõi vô minh hướng về cực lạc

Vàn điệu thi nhân chỉ còn là rơm rác
Và chí nguyện được làm rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời kinh
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này
Thốn thức nghe lòng trái đất
Mong thành quả phúc về cây
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Đồng loại chúng con nắm tay nhau trào nước mắt
Tình thương hiện tháp chín tầng xây.

VŨ HOÀNG CHUÔNG

Sài gòn 11/6/1963 - 15/7/1963



Bướm bay vườn cải hoa vàng

- NHẤT HẠNH

Mười năm vườn xưa xanh tốt
hai mươi năm nắng dọi lều tranh
Mẹ tôi gọi tôi về bên bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơm chiều khi màn đêm buông xuống.

Tôi không bao giờ khôn lớn
kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm?
Mỗi hôm qua đây tôi thấy bướm bay từng đàn rộn
rã trong khu vườn cải hoa vàng
Mẹ và em còn đó
gió chiều như hơi thở
mơ gì một mảnh tương lai xa xôi?

Gió mang tiếng ca. Ngày ra đi em dặn:
“Nếu ngày về thấy khung trời đổ nát

thì tìm tôi trong tận đáy hồn anh
Tôi đã về. Có tiếng hát ca. Bàn tay trên liếp cửa
Hỏi rằng: "Có tôi hôm nay đây, tôi giúp được gì?"
Gió thì thầm: em nên hát ca
bởi vì hiện hữu nhiệm màu
Hãy là đóa hoa, hãy là nụ cười
Hạnh phúc có bao giờ được dựng xây
bằng vôi vữa gạch?

Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau
Tôi tìm em. (Như đêm đông tổ loạn cuồng
rừng sâu đen tối
những cành cây sò soạng
đợi ánh chớp lòe ngấn ngủ
thấy cần được hiện hữu bên nhau, tìm nhau)
Em hãy là đóa hoa đứng yên bên hàng giậu
Hãy là nụ cười, là một phần
của hiện hữu nhiệm màu
Tôi đứng đây. Chúng ta không cần khởi hành
Quê hương của chúng tôi
đẹp như quê hương của tuổi thơ
Xin đừng ai xâm phạm - tôi vẫn còn hát ca
Đầu còn gối trên Thánh kinh, sáng nay tôi nghe rộn
xao trong nắng mai vũ trụ đang được những con
ong vàng siêng năng bắt đầu khởi công tạo dựng
Công trình xây dựng ngàn đời

nhưng công trình em xem,
đã được ngàn đời hoàn tất
bánh xe màu nhiệm chuyển hoài
đưa chúng ta đi tới
Năm lấy tay tôi, em sẽ thấy
chúng ta đã cùng có mặt từ ngàn xưa
trong hiện hữu nhiệm màu.

Tóc mẹ tôi còn xanh và dài chấm gót
áo em tôi phơi còn phất phơ bay trước gió
Nắng sớm mùa Thu
Tôi ở đây. Chính thực là vườn xưa
những cây ổi trái chín thơm
những lá bàng khô thắm
đẹp
rụng
còn chạy chơi la cà trên sân gạch
tiếng hát văng bên sông
những gánh rom thơm vàng óng ả
trắng lên, quây quần trước ngõ
vườn cải hoa vàng,
chính mắt tôi vừa thấy sáng qua.

Tôi không ngủ mơ đâu
ngày hôm nay đẹp lắm thật mà
Em không về chơi trò bắt tìm nơi quá khứ

Chúng mình còn đây, hôm nay, và ngày mai nữa

Đến đây

khi khát chúng ta cùng uống

ở một giếng nước thơm trong

Ai nói cho em nghe rằng

Thượng đế đã bằng lòng cho con người khổ đau

đứng đây hợp tác cùng người?

Chúng ta đã từng

nắm tay nhau từ muôn vạn kiếp,

Khổ đau vì không tự biết là lá là hoa

Em hát ca đi.

Bông cúc cười theo em bên hàng giậu,

Đừng bắt chúng tôi nhúng hai tay vào vôi cát

*Những ngôi sao trời không bao giờ xây ngục thất
cho chính mình.*

Để cho chúng tôi hát ca.

Để cho chúng tôi là những đóa hoa.

Chúng tôi đang ở trong cuộc đời

mắt chúng tôi chứng minh cho điều ấy.

Bàn tay cũng là hoa.

Đừng biến bàn tay em tôi thành dây chằng

thành khớp răng cửa

thành móc sắt.

*Hiện hữu không kêu gọi tình thương
hiện hữu không cần ai phải thương ai
nhưng em phải là em, là đóa hoa, là bình minh hát
ca không đắn đo suy tính
Xin ghi vào đây một Tân Ước nữa
của tất cả chúng ta
Và xin vẫn nghe lời tôi như nghe lời suối reo,
như nhìn trăng sáng*

*Em về, đưa Mẹ về cho tôi thăm
Cho tôi hát em nghe,
để tóc em sẽ dài xanh như tóc Mẹ.*

Hôm nay chúng ta sẽ cùng đọc với nhau bài *Bướm bay vườn cải hoa vàng*. Bài này tôi viết vào đầu tháng Chạp năm 1963, trước bài trường ca Avril khoảng năm tháng.

Bài *Bướm bay vườn cải hoa vàng* cũng là một bài thơ rất vui, đã dduwwocj nhạc sĩ Anh Việt phổ nhạc. Nhạc của Anh Việt hơi mang tính hoài niệm. Tuy vậy, tinh thần của bài thơ vốn thanh thoát, nhẹ nhàng. Trong bài thơ này chúng ta thấy các giáo lý Hiện Pháp Lạc Trú và Vô Hành biểu hiện rất rõ. *Hiện Pháp Lạc Trú* nghĩa là sống an lạc, vững chãi và thanh thoi ngay trong giờ phút hiện tại. Những câu thơ đầu có thể cho chúng ta cảm tưởng đây là hình ảnh của quá khứ, nhưng đọc tiếp chúng ta biết rằng những hình ảnh đó

cũng chính là hình ảnh của hiện tại. Nếu an trú được trong bản môn, chúng ta sẽ thấy được quá khứ nằm ngay trong hiện tại, chuyện gì xảy ra hôm qua cũng đang xảy ra ngay trong hôm nay, và ta vẫn có thể tiếp tục rong chơi trong thiên đường tuổi thơ của mình. Tất cả những gì đẹp màu nhiệm của ngày hôm qua vẫn đang hiện hữu nếu chúng ta thực sự biết tiếp xúc với giây phút hiện tại.

*Mười năm vườn xua xanh tốt
Hai mươi năm nắng dọi lều tranh
Mẹ tôi gọi tôi về bên bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơm chiều khi màn đêm buông xuống*

Mười năm đầu là mười năm của tuổi thơ, không phải lo lắng, không phải đối diện với những khó khăn của cuộc sống. Hai mươi năm kế tiếp là hai mươi năm đương đầu với những khó khăn, khắc nghiệt. Đây không phải kinh nghiệm của riêng ai mà là của tất cả chúng ta.

*Mẹ tôi gọi tôi về bên bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơm chiều khi màn đêm buông xuống*

Hầu hết trẻ em ở Việt Nam đều đã có cơ hội trải qua giây phút này. Nếu sinh ra ở Tây phương, có thể chúng ta đã không có được trải nghiệm ấy. Trẻ thơ có mặt ở đây là để chơi chứ không để làm gì hết. Ăn, chơi và ngủ, Cha mẹ

chỉ mong chúng ta làm được ba chuyện đó thôi. Trước khi đi chơi, ta luôn được dặn rằng: con nhớ về đúng giờ cơm chiều nhé. Có khi ham chơi quá, ta về trễ và mẹ phải ra gọi. Có thể ta đang chơi ở một bãi cát ngoài bờ sông hoặc ở một bên nước nào đó gần nhà. Cơm đã chín, mọi người trong gia đình đã có mặt rồi, chỉ còn thiếu mình nên mẹ phải ra gọi mình về ăn cơm. Chơi đủ thứ, chỉ đi chân trần không cần đi guốc, đi giày gì hết. Lấm lem lấm luốc, hai chân dính đầy bùn đất, vì vậy về đến nhà ta phải ra bếp nước để rửa chân ngay. Rửa chân xong, xỏ đôi guốc vào rồi mới được ăn cơm. Vì mâm cơm dọn trên bộ ván gỗ nên nếu chân còn dính bùn đất thì mình không được trèo lên. Hình ảnh đó rất là Việt Nam. Ở Việt Nam hồi đó bếp chỉ đun bằng rơm hoặc củi, mà ở thôn quê chủ yếu là đun bằng rơm. Tôi cũng có thể nấu cơm bằng rơm. Bếp rơm không những nấu cơm được mà nấu canh cũng được, rất hay. Trong khi nấu cơm mình phải dùng một thanh củi đẩy rơm vào để nuôi lửa cháy hoài, nếu mình bỏ đi chỗ khác thì rơm sẽ tắt. Nhưng mình vẫn có thể đứng dậy đi năm bảy bước lấy cái gì đó rồi trở về kịp thời để đẩy rơm vào là được. Cái bếp nước (àng nước) gần nhà bếp lấm. Nơi đó có một cái lu, ngoài Bắc gọi là cái chum, trên chum đặt một cái gáo dừa - cán bằng gỗ còn gáo làm bằng trái dừa. Nhà nào cũng có một cái gáo như vậy. Dùng cái gáo ấy múc nước trong chum ra dội lên hai chân, chân này cọ chân kia, không cần cúi xuống dùng

tay để rửa. Hoàn toàn ta rửa chân bằng chân. Chân này rửa cho chân kia và chân kia rửa cho chân này, trong khi tay trái vén ống quần còn tay phải thì mức nước dội.

*Mẹ tôi gọi tôi về bên bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơm chiều khi màn đêm buông xuống*

Có thể cơm canh chưa nấu xong nhưng mẹ đã ra gọi con về, vì trời đã tối. Gọi về rửa chân cho sạch sẽ để ăn cơm chiều. Cũng có thể cơm đã nấu xong, canh đã nấu xong, chỉ cần hâm nóng lại nồi đồ kho hay bắc nồi nước chè lên. Nước chè là một loại thức uống, là trà Huế. Trà Huế là một loại thức uống rất phổ biến ở Việt Nam. Mình ra vườn hái những lá chè tươi, rửa đi rồi vò dập, sau đó rửa lại thêm một lần nữa cho sạch, bỏ vào cái bình tích. Tiếp đó đun nước thật sôi đổ vào bình tích. Lắc lắc vài lần rồi đổ nước đó ra, vì nước đó có thể còn hăng, hơn nữa cũng để rửa chè và bình thêm lần nữa. Cuối cùng lấy một củ gừng đập dập bỏ vào bình, rót nước sôi vào và đậy nắp bình lại, lấy ít lá chuối khô cuốn tròn nhét vào vòi của bình tích cho hơi nóng đừng bay ra. Đó gọi là hâm chè. Chỉ chừng mấy phút sau, nước chè ra màu xanh vàng rất đẹp, rất thơm và ngon. Đó là cách uống chè sang, còn không thì để hết lá chè vào một cái nồi đất rồi đổ nước vào đun sôi. Nước sôi rồi thì tắt lửa. Khi nào muốn uống mình múc một gáo nhỏ đổ vào tô,

chế thêm nước mưa cho đầy tô rồi uống. Uống rất đã khát, nhất là lúc mình vừa lao động chân tay xong.

Có thể nồi cơm đã chín, nồi canh đã nêm, nồi kho đã hâm rồi và chỉ cần bắc nồi nước chè lên nữa thôi, nhưng mẹ đã ra gọi mình về rửa chân cho kịp ăn cơm với cả nhà. Bữa cơm gia đình là một thời điểm rất linh thiêng, nếu thiếu mặt một người thì hạnh phúc không được trọn vẹn. Ngày nay nhiều gia đình không có được cái hạnh phúc đó. Vì đôi khi cha mẹ về trước ăn trước, con về sau ăn sau. Hồi đó không có điện, không có nước máy nên nước trong chum được gánh từ ngoài sông hay ngoài giếng vào. Đèn thì toàn là đèn dầu hỏa. Vào mùa Hè, ngày dài hơn đêm nên thay vì ăn cơm trong nhà, ta trải chiếu dọn cơm ăn ngoài sân cho sáng. Cả nhà ăn xong, cất dọn chén bát rồi thì trăng có thể đã lên tới ngọn tre đầu ngõ. Và anh chị em cùng ra chơi với nhau trước sân cạnh bụi tre. Đó là một cảnh tượng rất đẹp, rất thường gặp ở mọi gia đình.

*Mười năm vườn xưa xanh tốt
hai mươi năm nắng dọi lều tranh
Mẹ tôi gọi tôi về bên bếp nước rửa chân
hơ tay trên bếp lửa hồng
đợi cơm chiều khi màn đêm buông xuống*

Có thể đó là một buổi chiều lạnh mùa Đông. Sau khi rửa chân tay xong, mình vào bếp hơ tay cho ấm. Sự có mặt

của mẹ bên mình cũng ấm như sự có mặt của bếp lửa vậy.
Mẹ là một thứ lửa ấm.

*Tôi không bao giờ khôn lớn
kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm?*

Sống trong cảnh đó là sống trong thiên đường, vậy tại sao ta phải lớn lên? Ta phải khôn lên để làm gì? Sao phải đưa mình đi vào cảnh “*hai mươi năm nắng rọi lên tranh?*” Trong con người của mình có một đứa bé. Đứa bé đó từ chối, không muốn khôn lớn. “*Tôi không bao giờ khôn lớn*”. Cái ý hướng đó vẫn còn trong tất cả mọi người; “*kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm?*” “Tôi mãi mãi là một đứa bé. Tôi mãi mãi là con của mẹ, là em của chị, là em của anh và tôi muốn ở hoài, ở mãi trong thiên đường này.

*Tôi không bao giờ khôn lớn
kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm
Mới hôm qua đây tôi thấy bướm bay
từng đàn rộn rã trong khu vườn cải hoa vàng.*

Đó là hình ảnh của tuổi thơ. Ở miền quê có những khu vườn trồng cải và mỗi khi hoa cải nở thì bướm không biết ở đâu đủ loại bay tới hàng trăm, hàng ngàn con trong khu vườn ấy. Ở Tây phương, trên đường lái xe, thỉnh thoảng chúng ta cũng thấy những cánh đồng trồng toàn colza. Colza là một thứ cây cho hạt, hạt đó có thể dùng làm

dầu ăn. Nếu lúc nào thấy một ngọn đồi vàng rực như vậy thì ta biết rằng đó là đồi colza. Hoa vàng của colza cũng đẹp như hoa cải vàng, vì colza cũng thuộc họ cải. Nếu chúng ta đi về các nước Á Châu như Ấn Độ, Thái Lan, chúng ta cũng sẽ thấy những khu vườn mà trong đó cải nở hoa vàng rực và ong bướm bay tới rất đông.

*Mới hôm qua đây tôi thấy bướm bay
từng đàn rộn rã trong khu vườn cải hoa vàng*

Tôi viết bài thơ này khi đang ở tiểu bang Nữu Ước. Ngồi ngay ở đô thị Nữu Ước mà cũng thấy được hình ảnh đó. Hình ảnh này trở về với tôi trong giây phút hiện tại. Đó là hình ảnh của tích môn, mà cũng là hình ảnh của bản môn.

*Mới hôm qua đây tôi thấy bướm bay
từng đàn rộn rã trong khu vườn cải hoa vàng
Mẹ và em còn đó
gió chiều nhẹ như hơi thở
mơ gì một mảnh tương lai xa xôi.*

Trong bản môn ta thấy rõ ràng mẹ còn sống, em đang ngồi bên cạnh, và gió chiều nhẹ như hơi thở. Hơi thở chánh niệm, hơi thở an trú trong giây phút hiện tại. Tại sao mình phải lo lắng, phải dăm chiêu, phải sợ hãi về tương lai? Sao mình không sống được trong giây phút hiện tại? Chính

trong giây phút này mình tiếp xúc được với tất cả những màu nhiệm của sự sống, kể cả những màu nhiệm mà mình nghĩ là chỉ xảy ra trong quá khứ thôi. Mẹ còn đó, em còn đó, gió chiều còn đó, vườn cải hoa vàng còn đó và tuổi thơ mình cũng còn đó; tất cả ở ngay trong con người mình, mình muốn tiếp xúc lúc nào cũng được.

Có chàng trai, thiếu nữ nào lớn lên mà không mơ tưởng tới tương lai? Chính vì cứ mãi mơ tưởng và lo lắng đến tương lai nên mình đánh mất đi khả năng sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại, đánh mất tuổi thơ và đặc biệt là đánh mất tuổi trẻ. Ngay trong câu thứ bảy, thứ tám, ta đã thấy tuệ giác về bản môn biểu lộ. Đây là một tiếng chuông thính lên để cho mình và những người đọc thơ của mình được tỉnh thức. Những gì ngày xưa ta trân quý mà bây giờ cứ nghĩ là không còn, thật ra vẫn còn đó nếu ta biết sống trong bản môn. Tất cả những gì đẹp, hay và màu nhiệm của tuổi thơ vẫn còn có mặt trong ta. Em thơ đang còn sống trong ta. Cô bé đang còn sống trong ta, chú bé đang còn sống trong ta. “*Tôi không bao giờ khôn lớn*”. Đây đích thực là cái giọng phụng phịu của một em bé chứ không phải là giọng của một người ba mươi mấy tuổi.

*Tôi không bao giờ khôn lớn
kể gì mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm?
mới hôm qua đây tôi thấy bướm bay từng đàn rộn*

*nã trong khu vườn cải hoa vàng
Mẹ và em còn đó
gió chiều như hơi thở
mơ gì một mảnh tương lai xa xôi?*

Mẹ còn đó, em còn đó, người thương của mình cũng
luôn còn đó dầu mình tưởng họ đã mất, đã đi xa.

*Gió mang tiếng ca
ngày ra đi em dặn
Nếu ngày về thấy khung trời đổ nát
thì tìm tôi trong tận đáy hồn anh
Tôi đã về.*

Ngày tôi rời đất nước để đi Hoa Kỳ là năm 1962. Lúc
đó chiến tranh đã đến mức tàn khốc, và không khí của chế
độ Ngô Đình Diệm đã làm cho mọi người ngạt thở. Tôi
ra đi trong bầu không khí đó. Có những người học trò,
những người em trai, em gái đưa tiễn. Họ nói: Có thể ngày
thầy về, quê hương đã đổ nát hết rồi, và có thể khi đó chúng
con không còn có mặt ở đây nữa. Nếu muốn tìm chúng
con, thầy hãy tìm trong bản môn.

*Gió mang tiếng ca
ngày ra đi em dặn
nếu ngày về thấy khung trời đổ nát
thì tìm tôi trong tận đáy hồn anh.*

Những đau khổ, thao thức và chịu đựng trong hoàn cảnh chiến tranh đã bắt đầu bao trùm lên đất nước, tàn phá tâm hồn con người.

*Tôi đã về
có tiếng hát ca
bàn tay trên liếp cửa, hỏi rằng
“Có tôi hôm nay đây, tôi giúp được gì?”*

Hãy tưởng tượng mình đang về lại ngôi làng nhỏ bé, cổ xưa, nơi mình đã sinh ra và lớn lên. Mình lắng tai nghe tiếng gió, nghe tiếng cô thôn nữ đang hát ngoài đồng, và bàn tay đặt lên trên liếp cửa chưa mở, không biết rằng khi liếp cửa mở ra thì mình sẽ gặp ai, thấy ai. Rồi mình nói: “Tôi đã về. Mình hỏi: Có tôi hôm nay đây, tôi giúp được gì? “Tình trạng đất nước như vậy, xã hội như vậy. Đổ vỡ và tan nát. Cho nên mình muốn làm một cái gì đó để có thể dựng lại những gì đã đổ vỡ và tan nát. Trong chúng ta, người nào cũng có một chiến sĩ trong lòng sẵn sàng đứng dậy hành động. Hành động để cứu đời, để giúp người, xây dựng lại những gì đã đổ nát. Tôi đã về. Bao nhiêu người con trai đã về, bao nhiêu thiếu nữ đã về dù đã tốt nghiệp hay chưa tốt nghiệp. Vì thương quê hương nên tất cả đã về tới. Thao thức muốn làm một cái gì đó, nhưng chưa biết sẽ làm được gì?

*Có tôi hôm nay đây, tôi giúp được gì?
Gió thì thầm: em nên hát ca*

bởi vì hiện hữu nhiệm màu

Hãy là đóa hoa

bầy là nụ cười

hạnh phúc có bao giờ được dựng xây

bằng vôi với gạch.

Đây là câu trả lời. Mình phải có mặt, và có mặt thật sự. Mình phải có mặt một cách tươi mát, màu nhiệm và lành mạnh. Đó là sự đóng góp căn bản nhất của mình. Phẩm chất của sự có mặt ấy rất quan trọng. Đó là sự có mặt của hiểu biết, của thương yêu, của độ lượng và bao dung. Nếu chỉ là sự có mặt của lao tác mệt nhọc thì chưa chắc đó đã là cái mà người ta cần đến. Ai cũng muốn làm một cái gì đó nhưng có thể càng làm chỉ càng khiến cho tình trạng thêm rối rắm. Có những lúc người ta cứ đối chọi và tranh chấp nhau, không chấp nhận được nhau; cho nên càng hành động chỉ càng đưa tới đổ nát và chia rẽ. Vì vậy những gì chúng ta cần là sự có mặt của bao dung, tươi mát và từ bi.

Gió thì thầm: em nên hát ca

bởi vì hiện hữu nhiệm màu

Hãy là đóa hoa

hãy là nụ cười

hạnh phúc có bao giờ được dựng xây

bằng vôi với gạch?

Hiện hữu nhiệm màu là pháp thân màu nhiệm. Pháp thân màu nhiệm được biểu hiện trong trúc tím, hoa vàng, trắng trong và gió mát. Nếu chúng ta không tiếp xúc được với những thứ đó mà chỉ hì hục tranh chấp nhau thì chúng ta không giúp được gì cho nhau cả. “*Bởi vì hiện hữu nhiệm màu*”. Đây là hình ảnh của “*Xuân đào bách hoa khai, hoàng oanh đề liễu thương*”. Khi mùa Xuân tới thì trăm hoa đua nở, chim oanh vàng hát ca trên cành liễu. Đó là câu thơ của Thiền sư nối vào hai câu kinh: “*Chư pháp từng bản lai, thường tự tịch diệt tướng*”. Hiện hữu nhiệm màu là như thế. Vậy mà mình cứ tiếp tục phá đổ cái hiện hữu nhiệm màu đó bằng những lao tác và tranh chấp của mình. Ngày xưa chưa có xi măng, người ta xây cất nhà cửa bằng vôi với gạch. “*Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau*”. Ta có thể là nguồn khổ đau cho người khác mà ta không biết. Ta tưởng mình là trang hảo hán, là người anh hùng, là chàng dũng sĩ cần cho cuộc đời. Không dè vì vụng về, độc đoán và hiếu thắng mà ta trở thành nguồn khổ đau cho người khác. Đây là một tiếng chuông chánh niệm. “*Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau*”. Tây phương có nói: Con người là chó sói của người. Còn Jean Paul Sartre thì nói: Con người là địa ngục của những con người khác (L’homme est l’enfer des autres). Con người là nguồn khổ đau cho con người. Vì vậy điều trước tiên mình phải làm là đừng làm gì hết. Nghĩa là

hãy chấm dứt việc gây ra khổ đau cho người khác. Đó là sự thực tập của ta.

“Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau. Tôi tìm em.”

Chúng ta đi tìm nhau. Chúng ta đi tìm những người đồng tâm, đồng chí, đồng lý tưởng. Biết rằng lao tác mệt nhọc không phải là chuyện cần thiết nhất; biết rằng phải làm thế nào để sống được như một tăng thân, như một gia đình hài hòa, có thương yêu, có hiểu biết, đó mới thật sự gọi là tìm nhau. Chúng ta tìm tới nhau để cùng nhau xây dựng một tăng thân làm nơi nương tựa cho mọi người. *“Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau. Tôi tìm em.”* Tôi rất cần em. Một mình, tôi sẽ không làm được gì cả. Nếu có các em, các chị và các anh ở đó thì chúng ta có thể tạo dựng được một tăng thân và sẽ có nơi nương tựa. Còn nếu không, tôi sẽ cảm thấy bơ vơ, cô đơn và bất lực như trong một đêm Đông đông tố mịt mù, không thấy được gì cả. Ta là một thân cây, ta không biết xung quanh ta còn có cây nào khác hay không. Có thể ta là thân cây duy nhất sống trong bão tố, và cành lá của mình sờ soạng kiếm tìm. Ta muốn bên phải ta có một cây khác, bên trái ta cũng có một cây khác. Chúng ta cần ý thức được rằng trong cuộc đời này cũng có những người em, những người anh, những người chị cùng một nhận thức, một lý tưởng như chúng ta, khi đó chúng ta mới có năng lượng để bước tới.

*Như đêm đông tố loạn cuồng
rừng sâu đen tối
những cành cây sờ soạng
đợi ánh chớp lờng ngủi
thấy cần được hiện hữu bên nhau
tìm nhau.*

Tất cả những gì ta cần là một tia chớp ngấn ngủi để có thể nhận ra rằng ta không phải có mặt một mình. Ta còn có sư anh, còn có sư chị, còn có sư em, ta còn có nhau. Còn có nhau là còn tất cả. Mất nhau là mất hết. Dầu cho đất nước tan nát, dầu cho nhà cửa bị bom đạn làm cho điêu tàn, dầu cho núi rừng bị đốt cháy, dầu cho nước sông đã ô nhiễm; nhưng nếu còn nhau thì chúng ta vẫn có thể làm lại được tất cả. Phạm Duy có viết một bài hát tựa đề: *Chúng ta mất hết, chỉ còn nhau*. Còn nhau thì đâu phải là mất hết. Còn nhau là còn đủ hết. Chỉ khi nào chúng ta mất sư anh, mất sư chị, mất sư em, mất tăng thân thì chúng ta mới mất hết. Còn nếu vẫn còn sư em, sư chị và sư anh thì chúng ta chưa mất gì cả.

*Em hãy là đóa hoa
đứng yên bên hàng giậu
hãy là nụ cười
là một phần của hiện hữu nhiệm màu.*

Quý vị có thấy bông hoa của Quách Thoại tái sinh ở đây không?

*Đứng yên ngoài hàng giậu
Em mỉm nụ nhiệm màu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời ca em thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu.*

Quách Thoại đã thấy được bông hoa. Tôi đã thấy được bông hoa, và tôi muốn cho những người anh, những người chị, những người em cùng những người con của tôi cũng thấy được bông hoa đó, để chính tự thân họ cũng trở thành một bông hoa. “*Em hãy là đóa hoa, đứng yên bên hàng giậu*”. Em hãy cứ đứng đó thôi, như một bông hoa tươi mát; đó là điều quan trọng nhất trong cuộc đời. Hãy mỉm nụ cười màu nhiệm. Hãy hòa bản thân mình vào khúc hát bất diệt của mùa Xuân, vào trường ca Avril.

*Hãy là đóa hoa đứng yên bên hàng giậu
hãy là nụ cười,
là một phần của hiện hữu nhiệm màu
Tôi đứng đây.*

Đây là một sự khẳng định. Tôi đứng đây, nghĩa là tôi đang có mặt đây. Tôi có mặt đây nghĩa là thân tâm của tôi đang hợp nhất trong hơi thở. Tôi không bị quá khứ lôi kéo, tôi không bị tương lai giam hãm, tôi không bị những dự án trần ngụy.

Tôi đứng đây, chúng ta không cần khởi hành.

Chúng ta không cần đi đâu cả, vì đây là quê hương của chính chúng ta. Quê hương của chúng ta là *bây giờ và ở đây*. Chúng ta không cần phải khởi hành.

*Quê hương chúng tôi đẹp như
quê hương của tuổi thơ,
xin đừng ai xâm phạm.*

“*Mười năm vườn xưa xanh tốt*” đó vẫn còn có mặt trong tự thân của mỗi chúng ta. Đó là một thiên đường, thiên đường của tuổi thơ, và mình mong muốn rằng thiên đường đó còn mãi, còn hoài. Đừng xâm phạm, đừng tiêu diệt nó bằng mưu đồ, tham lam và tính toán. Đừng đẩy các em bé ra khỏi thiên đường của chúng. Chúng ta hãy thực tập để mãi mãi còn là em bé trong thiên đường của ta. Vì nếu thiên đường đó đã từng có, đã từng là một sự thật thì thiên đường đó sẽ còn mãi; vì không có gì có thể bị tiêu diệt. (Rien ne se crée, rien ne se perd - Lavoisier -. Vũ Hoàng Chương cũng đã nói: “*Đâu lẽ có chiều qua mà không có sáng nay?*”

*Quê hương của chúng tôi đẹp
như quê hương của tuổi thơ,
xin đừng ai xâm phạm.*

Xâm phạm có nhiều cách: bằng tư tưởng, bằng súng đạn, chiến tranh, tiền tài và bạo động. *Tôi vẫn còn hát ca*. Hát ca là bổn phận của tôi. Và cũng là bổn phận của em nữa,

em phải hát ca. Vì cuộc sống rất màu nhiệm, chúng ta phải hòa mình vào bản hợp tấu vĩ đại của pháp thân nhiệm màu. Chúng ta hãy lắng nghe bông hoa để có thể trở thành như bông hoa, và hãy hòa lời ca tiếng hát của chúng ta vào trong bản hòa tấu vĩ đại của đất trời, của hiện hữu.

*Đầu còn gối trên Thánh kinh, sáng nay tôi nghe
xôn xao trong nắng mai
vũ trụ đang được những con ong vàng siêng năng
bắt đầu khởi công tạo dựng
công trình xây dựng ngàn đời
Nhưng công trình, em xem,
đã được ngàn đời hoàn tất.*

Khi ngồi đọc kinh, nếu buồn ngủ thì ta nằm xuống và gối đầu trên kinh mà ngủ. Thánh kinh nói là Thượng đế đã tạo dựng ra con người cùng vũ trụ. Người ta nghĩ rằng nếu không có Thượng đế thì không có sự tạo dựng và không có hiện hữu nhiệm màu. Con người rất siêng năng, rất muốn tạo dựng, rất muốn tiếp tục công trình của Thượng đế. Nhưng tuệ giác cho chúng ta thấy rằng sự tạo dựng đó chưa bao giờ chấm dứt hoặc chưa bao giờ khởi sự cả, vì đó là tuệ giác *không sinh cũng không diệt*. Chưa có gì đã từng được tạo dựng và cũng không có gì sẽ bị mất đi. Chúng ta đừng nghĩ rằng mình phải lao tác cho nhiều, phải thực hiện chương trình này, rồi chương trình khác. Bởi vì hiện hữu

màu nhiệm vô cùng. Trong hiện hữu màu nhiệm như thế mình thấy rằng không có gì cần được tạo dựng, không có gì cần được hoàn tất, vì tất cả đã hoàn tất rồi. Anh không cần phải bồn ba, không cần chạy đua, không cần phải thao thức để thực hiện điều gì cả, vì tất cả những gì anh muốn thực hiện điều đã được thực hiện rồi. Đó là tuệ giác mới. Đừng bị những cơn lốc của hành động lôi kéo và đánh mất đi những màu nhiệm, an lạc trong hiện tại. Con ong được cho là siêng năng bậc nhất; làm việc không ngừng nghỉ. Những con ong thợ làm việc cả ngày. Chúng thám hiểm những bông hoa và lấy nhị hoa về để làm mật. Con người chúng ta cũng muốn siêng năng như con ong. Có nhiều việc không cần phải làm và dù làm suốt đời cũng không hết nhưng ta lại muốn đi tìm sự trú ẩn trong những việc ấy. Điều này đã trở thành một tập khí. Không làm thì chịu không nổi, vì ta không thể ngồi yên mà không làm gì cả. Thức dậy, đầu còn gối trên Thánh kinh, ta thấy cuộc đời xôn xao lắm. Ai cũng muốn hành động, ai cũng muốn thực hiện một điều gì đó. Tất cả các máy vi tính đều được mở ra. Ai cũng chui đầu vào máy vi tính.

*Đầu còn gối trên Thánh kinh,
sáng nay tôi nghe xôn xao trong nắng mai
vũ trụ đang được những con ong vàng siêng năng
bắt đầu khởi công tạo dựng.*

Đó là ước muốn thay thế Thượng đế, tạo dựng cuộc đời.

*Công trình xây dựng ngàn đời, nhưng công trình
em xem đã được ngàn đời hoàn tất.*

Nếu nhìn kỹ, em sẽ thấy ta đâu cần phải làm gì. Giáo lý của đức Thế Tôn là giáo lý Vô tác. Mình là một bông hoa. Bông hoa đã màu nhiệm lắm rồi, bông hoa chỉ cần hát ca. Bông hoa đâu cần phải lao tác mệt nhọc? Bông hoa tự nó đã là một hiện hữu màu nhiệm. Mình cũng là một hiện hữu màu nhiệm. Mình phải thấy được mình là một bông hoa như những bông hoa khác. Cái quý giá nhất mình có thể cống hiến cho cuộc đời là nụ cười, là sự có mặt tươi mát và màu nhiệm của mình. Chúng ta chỉ cần hát ca. Rửa bát cũng là hát, quét nhà cũng là hát. Tự thân chúng ta phải là một bài ca trong suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ trong ngày. Trồng cây cũng là hát, dạy em cũng là hát. Tất cả đều là những bài hát màu nhiệm. Bài hát của thương yêu, ca ngợi những nhiệm màu của hiện hữu.

*Nhưng công trình, em xem,
đã được ngàn đời hoàn tất
bánh xe màu nhiệm chuyển hoài
đưa chúng ta đi tới
năm lấy tay tôi, em sẽ thấy chúng ta đã từng có mặt
từ ngàn xưa trong hiện hữu nhiệm màu.*

Ta không phải mới có mặt, không phải mới bắt đầu biểu hiện. Ta đã có mặt từ ngàn xưa và có mặt cùng một lúc; ta tương tức và tương nhập với tất cả mọi hiện tượng nhiệm màu khác. Trong giây phút hiện tại, ta tiếp xúc được với tất cả những nhiệm màu của sự sống, trong đó có những hình ảnh đẹp đẽ của tuổi thơ: *“Tóc mẹ tôi còn xanh và dài chấm gót.”* Mẹ kể lại hồi còn trẻ lúc mới đi lấy chồng, mỗi khi gội đầu xong, mẹ thường nâng tóc lên như nâng một chiếc vồng. Nếu thả ra, tóc sẽ dính xuống đất. Mẹ bước lên bộ ván rồi mới xoa tóc xuống vì tóc còn dài hơn cả người của mẹ. Ngày xưa không có shampoo. Ở miền quê có nhiều thứ lá rất thơm. Người ta lấy những thứ lá này đun lên làm nước gội đầu. Gội xong tóc mẹ rất thơm. Tóc mẹ dài như vậy thì tóc của con cũng dài như vậy. Không cần đến tiệm để cắt hay uốn gì cả. Ngày xưa không có chuyện đó. Chỉ cần một chiếc trâm thôi, các cô, các bà có thể tự tay vấn lên đầu những búi tóc rất đẹp. *“Tóc mẹ tôi còn xanh và dài chấm gót.”* Hình ảnh này không phải là hình ảnh của quá khứ mà là hình ảnh chính người làm thơ thấy được trong hiện tại. Những hình ảnh đó, những thực tại đó còn mãi, còn hoài. Nếu tiếp xúc trực tiếp được với bản môn thì ta sẽ thấy chưa có gì từng sinh và chưa gì từng diệt. Những cái kia còn đó, mình còn có thể tiếp xúc được.

Tóc mẹ tôi còn xanh và dài chấm gót.

Áo em tôi phơi còn phất phơ bay trước giậu.

Giậu là hàng rào. Phơi áo bên hàng rào, khi có gió thì áo bay rất đẹp, ta không cần bỏ vào trong máy sấy. Không gian thênh thang, cả một khoảng vườn phía sau ta phơi bao nhiêu dây áo cũng được. Vào những lúc có gió thổi nhẹ, những chiếc áo ta phơi bay phất phơ trong nắng.

Nắng sớm mùa Thu.

Tôi ở đây.

Đây là lần thứ hai có sự xác nhận: tôi đang có mặt. *Chính thực là vườn xưa.* Vườn xưa là khu vườn trong đó mình đã rong chơi, đã đuổi bắt những con bướm nhỏ, đã lăn vào nằm trong những bụi cỏ, đã để hết tuổi thơ của mình vào đó. *Mười năm vườn xưa xanh tốt.* Vườn xưa đó không phải là chuyện quá khứ; nó vẫn còn có mặt cho mình trong giờ phút hiện tại. Vườn xưa đó có thể là xóm Thượng, xóm Hạ hay xóm Mới bây giờ. Nếu mình muốn thì đâu cũng là vườn xưa của tuổi thơ.

Tôi ở đây, chính thực là vườn xưa.

Những cây ổi trái chín thơm.

Thỉnh thoảng có một trái ổi chín, làm thơm phức cả khu vườn. Mình lại thốt lên: Chà, mình phải leo lên để hái trái ổi đó mới được. Đôi khi trái ổi đã bị chim ăn hết nửa, nhưng chỉ cần “ngặm” phần còn lại là mình đủ hạnh phúc rồi, rất thơm và ngon. Bây giờ đâu có mua được cây kem đất

tiền đi nữa thì cũng không thể so sánh được với trái ổi một nửa bị chim khoét ấy. Bởi vì ngày xưa khi cắn vào trái ổi chín bị chim khoét hay trái ổi hươm hươm chưa chín, mình thấy ngon vô cùng. Trong tâm mình lúc đó không có sự rong ruổi, không có sự quyến luyến về quá khứ hay những nỗi bồn chồn, lo lắng cho tương lai. Em bé tám hay chín tuổi rất tự do, không bị ràng buộc bởi quá khứ, không lo lắng cho tương lai, em bé đang có mặt trong thiên đường.

Tôi ở đây, chính thực là vườn xưa

Chính mình phải trở thành em bé đó, mình phải phục hồi cho được khu vườn xưa, khu vườn của tuổi thơ.

Những cây ổi trái chín thơm.

*Những lá bàng khô, thẫm, đẹp, rụng còn chạy chơi
la cà trên sân gạch.*

Mỗi nhà đều có một chiếc sân gạch, thỉnh thoảng người ta dùng để phơi lúa, phơi bánh tráng, phơi khoai, phơi sắn, và người ta cũng có thể đem sách vở ra phơi. Có khi thấy phái quy y hay bằng tú tài của mình hơi ẩm mốc, mình cũng mang ra để phơi cho khô ráo trở lại.

*Những lá bàng khô, thẫm, đẹp, rụng còn chạy chơi
la cà trên sân gạch.*

Đây là một hình ảnh rất quen thuộc. Những lá bàng màu đỏ hoặc màu vàng rơi xuống và chạy đi chạy tới trên

sân gạch mỗi khi có gió thổi. Hình ảnh đó là hình ảnh muôn đời bất diệt mà người Việt Nam nào cũng đã từng thấy, em bé Việt Nam nào cũng đã từng thấy.

*Tiếng hát vẳng bên sông
những gánh rơm thơm vàng óng ả
trăng lên quây quần trước ngõ
vườn cải hoa vàng chính mắt tôi vừa thấy sáng qua*

Những hình ảnh rất điển hình: phía bên kia sông có người thanh niên cất tiếng hát và cô thiếu nữ đối đáp lại bằng những câu ca dao. Rồi có những người thanh niên gánh những gánh lúa vừa gặt đi ngang cầu khỉ để qua bên này sông. Cầu khỉ là chiếc cầu làm bằng một thân tre được gác trên những thân tre để xéo, và có một thanh tre khác để vịn. Tôi đã từng qua cầu khỉ, đã từng thử gánh một gánh rơm đi qua đó. Hồi đó tôi chưa tới mười lăm tuổi, thấy những chàng trai gánh những gánh lúa đi ngang qua rất nhẹ nhàng. Tôi tự hỏi: Tại sao họ làm được mà mình không làm được? Tôi tập, và cuối cùng cũng gánh được một gánh rơm đi qua cầu khỉ, tuy không nặng bằng gánh của các anh nông dân. “*Những gánh rơm thơm vàng óng ả.*” Lúa mới gặt rất thơm và màu vàng rất rực rỡ.

Trăng lên quây quần trước ngõ.

Trong nhà chỉ có một chiếc đèn dầu thôi, không được sáng lắm. Ra ngoài ngõ, không xa nơi bụi tre là mấy, trăng

lên sáng rực. Quây quần trước ngõ nô đùa, chúng ta hát và kể chuyện với nhau. Cảnh sinh hoạt ấy vui vô cùng. Đó là những cảnh mà đứa trẻ nào cũng đã từng trải qua. Ở Tây phương chắc chắn cũng có những cảnh tương tự như vậy, và nếu muốn mình vẫn có thể trở về an trú trong cảnh tượng đó. An trú chứ không phải là hoài niệm.

*Trăng lên quây quần trước ngõ,
vườn cải hoa vàng chính mắt tôi
vừa thấy sáng qua.*

Hình ảnh chính của bài thơ là *bướm bay vườn cải hoa vàng*. Hình ảnh đó không phải là đã chết. Nếu muốn, ta có thể thấy được hình ảnh đó ngay trên nước Pháp. Chỉ cần mình có tự do, mình tiếp xúc được với những màu nhiệm của hiện hữu và của pháp thân thì sẽ thấy rằng không có gì mất đi cả.

*Tôi không ngủ mơ đâu
ngày hôm nay đẹp lắm, thật mà*

Đây lại là một sự xác quyết mới. Chính ngày hôm nay đang có đầy đủ những màu nhiệm như trời xanh, mây trắng, nắng ấm, bướm vàng, cha, mẹ, anh, chị và em. Thực tại màu nhiệm vô cùng như vậy mà tại sao ta lại tự khóa chặt mình trong cái vỏ ốc để sầu đau? Những màu nhiệm của cuộc đời nhiều hơn, quan trọng hơn những ganh tỵ, buồn phiền và bực tức của mình. Tại sao mình lại tự giam

mình vào cái vỏ cứng của sự tức tối và hờn giận đó để rồi không tiếp xúc được với những nhiệm màu của cuộc đời đang có mặt ngay trong hôm nay?

Tôi không ngủ mơ đâu.

Em không về chơi trò bắt tìm nơi quá khứ

Tại sao phải trốn về quá khứ để chơi trò tìm bắt, trong khi hiện tại đã đầy đủ những nhiệm màu có khả năng nuôi dưỡng rồi?

Chúng mình còn đây, hôm nay và ngày mai nữa.

Hôm nay nếu chúng ta biết sống thì ngày mai sẽ là hoa trái của hôm nay.

Đến đây, khi khát ta cùng uống

ở một giếng nước thơm trong

Có một giếng nước rất thơm, rất trong, đó là giếng nước của chánh pháp. Chúng ta khát khao hiểu biết, thương yêu, chúng ta khát khao những nhiệm màu của pháp thân hiện hữu, thì giếng ngọt chánh pháp đang có mặt ở đó cho ta. Ta hãy cùng bước với nhau để tới cái giếng này. Quý vị có nhớ cái giếng nước mà Antoine de St Exupery đưa Hoàng tử bé tới không?

Ai nói cho em nghe rằng

Thượng đế đã bằng lòng cho con người khổ đau

đừng dây hợp tác cùng người?

Chúng ta đã từng nắm tay nhau từ muôn vạn kiếp

Trong thế giới tương nhập và tương tức, chúng ta đã chưa bao giờ rời nhau, chưa bao giờ xa cách nhau. Tôi luôn luôn có ở trong em và em luôn luôn có ở trong tôi. Đây là một sự giác ngộ.

Chúng ta đã từng nắm tay nhau từ muôn vạn kiếp.

Khổ đau vì không tự biết là lá là hoa.

Chiếc lá rất màu nhiệm, bông hoa rất màu nhiệm. Có thể chúng ta đã nghĩ rằng chúng ta nhỏ bé hơn hay vĩ đại hơn một chiếc lá, một bông hoa. Nhưng kỳ thực chúng ta cũng là một bông hoa, một chiếc lá. Chúng ta cũng màu nhiệm không khác gì tất cả những màu nhiệm khác của vũ trụ. *Khổ đau vì không tự biết là lá là hoa.* Bây giờ nếu biết được mình là bông hoa thì tự nhiên mình sẽ hết khổ đau. Đó là sự thực tập. Mình là một bông hoa như bất cứ bông hoa nào. Bông hoa nào cũng đang thực hiện vai trò của nó một cách hết mình. Chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng là một bông hoa đang cống hiến rất nhiều sự nhiệm màu và tươi mát cho cuộc sống. Mình có thể cười được, có thể múa được, có thể thương được, có thể hiểu được thì tại sao mình lại phàn nàn, trách móc và co rúm lại. Làm như vậy thì mình không còn là một bông hoa nữa. Bông hoa nào cũng đang cống hiến sự có mặt màu nhiệm nhất của mình

cho cuộc đời. Chúng ta cũng vậy, không phải chúng ta ít màu nhiệm hơn bông hoa; vì vậy chúng ta hãy cho phép mình nở ra như một bông hoa để cống hiến cho đời sự có mặt của chúng ta.

Khổ đau vì không tự biết là lá là hoa.

Em hát ca đi.

Hát ca bằng hai bàn tay, bằng hai bàn chân, bằng hai con mắt, bằng cái miệng, bằng lỗ tai của mình. Tất cả hiện hữu của ta phải là một bài hát. Bài hát của sự có mặt, của sự tươi mát, của sự thương yêu. Chúng ta phải hát. Vì chúng ta là một phần của bản hòa tấu vĩ đại.

Em hát ca đi, bông cúc cười theo em bên hàng giậu.

Bông cúc sẽ mỉm cười theo em.

Đừng bắt chúng tôi nhúng hai tay vào vôi cát.

Những ngôi sao trời không bao giờ xây ngục thất cho chính mình.

Có ngôi sao nào lại tự xây cho mình một cái nhà tù? Ngôi sao đã không xây nhà tù cho nó thì tại sao ta lại xây nhà tù cho chính mình? Tại sao ta phải xây dựng một ngôi chùa, một cái nhà, một sự nghiệp hay là một danh tiếng để giam hãm mình trong đó? Tại sao ta phải nuôi bò? Tại sao ta không thả bò? Tại sao ta không có tự do như bông hoa ca hát kia? Hãy nhìn những ngôi sao trên trời. Có ngôi sao

nào cần xi măng hay vôi cát đâu. Hạnh phúc của ngôi sao là không gian thênh thang. Mặt trăng cũng vậy. Và chúng ta cũng thế.

*Em hát ca đi, bông cúc cười theo em bên hàng giậu.
Đừng bắt chúng tôi nhúng hai tay vào vôi cát.
những ngôi sao trời không bao giờ xây ngực thất
cho chính mình.*

Xã hội ngày nay hay thiên đường tại thế bắt ta phải lao động thật nhiều. Lao động, lao động, rồi lao động. Mình phải nhúng tay vào xây dựng. Hy sinh hiện tại để lo cho tương lai. Hãy để cho chúng tôi hát ca như những con người tự do. Để cho chúng tôi là những đóa hoa. Cuộc sống màu nhiệm, mình phải là một đóa hoa, một chiếc lá và tham dự vào khúc ca màu nhiệm của hiện hữu. “*Để cho chúng tôi hát ca, để cho chúng tôi là những đóa hoa.*” Cái yêu sách này rất đơn giản. Mình có đòi hỏi gì nhiều đâu. Đòi hỏi để có tự do làm một bông hoa. Đòi hỏi được sống trong hiện tại và tiếp xúc được với những màu nhiệm của hiện tại. “*Chúng tôi đang ở trong cuộc đời*”. Chúng tôi không từ chối, không ghét bỏ, không chán ghét hiện hữu. Chúng tôi đang ở trong cõi đời này. Chúng tôi không đòi hỏi đi lên nước Chúa, Tịnh độ hay Cực lạc. Chúng tôi không đòi hỏi gì ở tương lai. Chúng tôi không đòi hỏi một hình bóng hạnh phúc trong tương lai hay ở một nơi nào khác. Chúng tôi muốn ở đây thôi. Cùng tăng thân xin nguyện ở lại.

*Chúng tôi đang ở trong cuộc đời, mắt chúng tôi
chứng minh cho điều ấy.*

Có một vùng đất hứa nào không? Có một thiên đường nào đâu đó không? Ta thì thấy rằng hiện hữu đã rất nhiệm màu rồi. Ta chỉ cần sống trong hiện tại thôi. *“Chúng tôi đang ở trong cuộc đời, mắt chúng tôi chứng minh cho điều ấy.”* Bông hoa không muốn trở thành một cái gì khác. Nó rất thoải mái trong vị trí của nó ở bên hàng giậu hay trên bãi cỏ. Đừng đẩy bông hoa đi một nơi nào khác; dù là quá khứ hay tương lai, trong thời gian cũng như trong không gian.

*Bàn tay cũng là hoa.
Đừng biến bàn tay em tôi thành dây chằng,
thành khớp răng cưa, thành móc sắt.*

Chúng tôi không muốn trở thành những cái máy hay một bộ phận nào đó của cái máy. Bàn tay em tôi là một đóa hoa, tại sao lại bắt nó trở thành những dây chằng, những khớp răng cưa, những cái móc sắt? Để làm gì?

*Hiện hữu không kêu gọi tình thương,
hiện hữu không cần ai phải thương ai
nhưng em phải là em
là đóa hoa, là bình minh hát ca
không đắn đo suy tính*

Ta không cần nói thương hay kêu gọi tình thương.
Hãy sống như bông hoa, hãy sống như một chiếc lá, hãy

sống như một đám mây. Đó là tình thương đích thực. Sự có mặt tươi mát của độ lượng, đẹp đẽ, quảng đại đã là tình thương đích thực rồi.

*Xin ghi vào đây một Tân Ước nữa
của tất cả chúng ta
Và xin vẫn nghe lời tôi như nghe suối reo,
như nhìn trăng sáng*

Trong Thánh kinh có Cựu Ước và Tân Ước. Tân Ước nói về những thực hiện và hứa hẹn của Chúa Ki-tô. Chúng ta cũng muốn ghi thêm vào lịch sử văn hóa con người một Tân Ước nữa. Tân Ước của tầng thân chúng ta là sự thực tập sống an lạc, thanh thoi trong giây phút hiện tại. Chúng ta không mong cầu một thiên đường, một tương lai nào khác. Vì tất cả những gì mà chúng ta xác nhận và cần đến là hiện tại, là bây giờ và ở đây. Đó là sự biểu hiện màu nhiệm của pháp thân mà ta có thể tiếp xúc được trong từng hạt sỏi, trong từng tiếng chim, trong từng bông hoa và trong từng dòng suối. Em về, em hãy về đi.

*Em về, đưa Mẹ về cho tôi thăm
Cho tôi hát em nghe,
để tóc em sẽ dài xanh như tóc Mẹ*

Em còn đó thì Mẹ còn đó. Nhìn em, tôi thấy Mẹ. Tất cả những gì màu nhiệm của ba thời (quá khứ, hiện tại, tương lai) tôi đều có thể tiếp xúc được qua những màu

nhệm của hiện tại. Không có gì mất đi, kể cả hình bóng người Mẹ với mái tóc dài chấm gót.

Nếu phân tích, chúng ta sẽ thấy cốt tủy bài thơ này là tinh thần Vô đắc. Để thực tập Vô đắc, chúng ta phải tập sống trong hiện pháp. Hiện pháp là tiếp xúc cho được với những mâu nhiệm của hiện hữu. Chúng ta không cần phải luyện tiếc tuổi thơ, vì tuổi thơ vẫn còn đó. Chúng ta không cần luyện tiếc những gì thuộc về quá khứ, vì những gì trong quá khứ cũng đang còn nguyên vẹn trong giây phút hiện tại. Bài thơ này giống như một Tân Ước vậy.

*Và xin vẫn nghe lời tôi như nghe suối reo,
như nhìn trăng sáng*

Lời tôi không phải là lời biện hộ, là lý thuyết, là chủ nghĩa, là lý luận. *Lời tôi* là khúc hát. Bởi vì tôi đang hát. Hát bằng đôi chân, hát bằng đôi mắt, hát bằng đôi tay. *Lời tôi* không được làm bằng ngôn từ và ý niệm. *Lời tôi* được làm bằng niềm tin, bằng sức sống, bằng nụ cười, bằng trái tim thương yêu. “*Hãy nghe lời tôi như nghe suối reo, như nhìn trăng sáng.*” Đừng chỉ nghe bằng hai tai mà hãy nghe bằng trái tim của mình. Ngày xưa tôi đã từng nói:

*Ngày mai, nếu có nghe,
Hãy nghe lời tôi như nghe suối reo
Hãy nghe lời tôi như nghe chim hót*

*Như xem liễu lục bông hồng
Như ngắm hoa vàng trúc biếc
Như nhìn bạch vân minh nguyệt.*

*(Trích Hãy nguyện cầu cho bóng tối thêm sâu,
hỡi ngàn sao lấp lánh - 1954)*

Hôm nay tôi cũng muốn lặp lại: “*Và xin vẫn nghe lời tôi như nghe suối reo.*” Chúng ta là một tăng thân. Chúng ta muốn sống trong tinh thần Vô đắc, trong tinh thần Hiện pháp lạc trú để có thể chấm dứt việc gây khổ đau cho nhau và giúp cho người khác chuyển hóa khổ đau, thực hiện an lạc. Hãy thôi là nguồn khổ đau cho nhau. Chúng ta tìm tới nhau, xây dựng một tăng thân để cho tiếng hát của hiện hữu nhiệm màu được tiếp nối và luôn luôn biểu hiện.



MỤC LỤC

<i>Lời nhà xuất bản</i>		5
<i>Lời ngỏ</i>		7
<i>Hoa với Rượu</i>	- Nguyễn Bình	9
<i>Trường ca Avril</i>	- Nhật Hạnh	47
<i>Giây phút chạnh lòng</i>	- Thê Lữ	83
<i>Thẻ non nước</i>	- Tân Đà	119
<i>Thơ tình ôm và mặt trời tình hạt</i>	- Nhật Hạnh	135
<i>Nguyễn cầu</i>	- Vũ Hoàng Chương	157
<i>Lẽ nào anh chết</i>	- Lưu Trọng Lư	183
<i>Lệnh truyền</i>	- Xuân Diệu	215
<i>Thoát hình</i>	- Vũ Hoàng Chương	215
<i>Hành phương Nam</i>	- Nguyễn Bình	241
<i>Tổng biệt hành</i>	- Thâm Tâm	241
<i>Lúa tức bi</i>	- Vũ Hoàng Chương	271
<i>Bướm bay vườn cải hoa vàng</i>	- Nhật Hạnh	297